

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA DU LỊCH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình : Quản trị dịch vụ Du lịch
và Lữ hành**

**Tên tiếng Anh : Tourism and Travel
Management**

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh

Mã số : 52340103

Loại hình đào tạo : Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1.1. Mục tiêu đào tạo.....	5
1.2. Chuẩn đầu ra	7
1.3. Thời gian đào tạo	11
1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	11
1.5. Đối tượng tuyển sinh.....	11
1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	11
1.7. Thang điểm	11
1.8. Nội dung chương trình.....	12
1.9. Kế hoạch giảng dạy.....	16
PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	21
2.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	21
2.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐƯỜNG LỐI CMĐCSVN	29
2.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC-LÊ NIN 1	37
2.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC LÊ NIN 2	43
2.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TOÁN CAO CẤP C1.....	51
2.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TOÁN CAO CẤP C2.....	59
2.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1.....	66
2.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2.....	71
2.9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3.....	76
2.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1	81
2.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2	89
2.12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3	99
2.13. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN A1	106
2.14. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN A2	112
2.15. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN B1	118
2.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN B2	124
2.17. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....	130
2.18. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM.....	140
2.19. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG GIAO TIẾP.....	146
2.20. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG.....	152
2.21. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI.....	156
2.22. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN MINH VÀ VĂN HÓA CÁC NƯỚC ĐNA	161

2.23. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	166
2.24. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUAN DU LỊCH.....	172
2.25. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MARKETING CĂN BẢN.....	179
2.26. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÂM LÝ KHÁCH DU LỊCH	189
2.27. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ HỌC	195
2.28. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH.....	207
2.29. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC	214
2.30. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN	221
2.31. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT DU LỊCH	227
2.32. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT THƯƠNG MẠI.....	233
2.33. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT KINH TẾ	239
2.34. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DIGITAL MARKETING	245
2.35. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG DU LỊCH	250
2.36. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DNDLLH.....	256
2.37. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM.....	263
2.38. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI.....	269
2.39. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH.....	275
2.40. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP CẢNH.....	283
2.41. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MARKETING DU LỊCH.....	288
2.42. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG DU LỊCH.....	294
2.43. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUAN HỆ CÔNG CHÚNG.....	300
2.44. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN TRONG DU LỊCH	307
2.45. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN HÓA ẨM THỰC	312
2.46. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG.....	318
2.47. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ LỄ TÂN.....	325
2.48. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LẬP KẾ HOẠCH KD DV DL VÀ LỮ HÀNH	331
2.49. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔ CHỨC LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN.....	337
2.50. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH.....	342
2.51. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN.....	349
2.52. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH	354
2.53. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH.....	361
2.54. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ VÀ TÍNH GIÁ TOUR.....	367
2.55. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ TÍNH GIÁ TOUR.....	373
2.56. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH.....	378
2.57. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH.....	384
2.58. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ ĐIỀU HÀNH TOUR.....	389

2.59. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐIỀU HÀNH TOUR	395
2.60. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC ĐỊA TOUR TRONG NƯỚC	402
2.61. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC ĐỊA TOUR NƯỚC NGOÀI	407
2.62. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH SINH THÁI	412
2.63. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HÀNH HƯƠNG	417
2.64. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH MICE	423
6.65. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH HOMESTAY	428
2.66. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIẾN TẬP	434
2.67. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP	439
2.68. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP QUẢN LÝ	444
2.69. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP.....	449
2.70. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	455
PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	460
3.1. Đối với các đơn vị đào tạo	460
3.2. Đối với giảng viên.....	460
3.3. Kiểm tra, đánh giá.....	460

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DCT, ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình	: Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
Tên ngành bằng tiếng Anh	: Tourism and Travel Management
Mã số	: 52340103
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành có:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, tinh thần trách nhiệm cao; hòa đồng với tập thể, yêu nước và tự hào dân tộc, có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên du lịch.
- Hiểu biết sâu sắc về các vấn đề văn hóa - kinh tế - xã hội và quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành, thành thạo những kỹ năng thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ trong khu vực và đáp ứng được nhu cầu của thời đại; nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, có tư duy phản biện, độc lập sáng tạo; có năng lực tự học và học tập ở bậc học cao hơn;
- Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh du lịch và các đơn vị dịch vụ khác; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.
- Có khả năng ứng xử và giải quyết các vấn đề liên quan đến chương trình tour trong nước và

nước ngoài thông qua hình thức làm việc theo nhóm; có năng lực nghiên cứu và tổ chức triển khai hiệu quả các kết quả nghiên cứu về du lịch và lữ hành vào thực tiễn.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành nhằm đáp ứng đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người học. Cụ thể chương trình đáp ứng các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Chương trình Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành cung cấp cho sinh viên khối kiến thức đại cương, kiến thức chung của ngành và kiến thức chuyên ngành.

+ Kiến thức đại cương: Gồm các kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn, ngoại ngữ, tin học, chính trị, và thể chất.

+ Kiến thức ngành: Cung cấp sinh viên các kiến thức về kinh tế học, quản lý doanh nghiệp lữ hành, marketing, quản lý các sự kiện, quản lý nhân sự, quản lý chất lượng dịch vụ, phân tích tài chính, đàm phán.

+ Kiến thức chuyên ngành: hướng dẫn, thiết kế và điều hành tour, quản lý điểm đến, lập kế hoạch kinh doanh cho công ty du lịch, tổ chức lễ hội và sự kiện.

- Về kỹ năng:

Chương trình học phát triển các kỹ năng cho sinh viên như:

+ Kỹ năng tìm tòi, phát hiện, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo cái mới như xây dựng sản phẩm mới trong lữ hành, xây dựng ý tưởng và thiết kế sự kiện.

+ Kỹ năng sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất.

+ Kỹ năng phân loại và tiếp cận người tiêu dùng du lịch, có khả năng thuyết phục và chia sẻ với khách hàng.

+ Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả.

+ Kỹ năng giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả.

+ Kỹ năng tự học, nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn.

+ Giao tiếp và vận dụng tốt ngoại ngữ vào công việc trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

+ Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn, quản lý, và tìm kiếm tài liệu.

+ Kỹ năng quản lý, tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong doanh nghiệp lữ hành

+ Lập kế hoạch cho hoạt động kinh doanh và tổ chức sự kiện trong doanh nghiệp du lịch.

- Về thái độ:

+ Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của tổ chức.

+ Có ý thức cộng đồng, tác phong làm việc công nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm bản thân.

+ Có tinh thần cầu tiến, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp; có trách nhiệm với công việc, khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường.

1.1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, sinh viên có thể đảm nhận các vị trí công tác sau:

- Đảm nhận công việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Du lịch và Lữ hành.
- Nhân viên bộ phận kinh doanh, bộ phận điều phối tour, chuyên viên tiếp thị và chăm sóc khách hàng, chuyên viên bộ phận tổ chức hội nghị, hội thảo, tiệc và sự kiện trong các công ty Du lịch và Lữ hành.
- Hướng dẫn viên nội địa, inbound và outbound.
- Khả năng tự nghiên cứu và tiếp tục học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực du lịch, lữ hành.
- Giảng dạy được ở các bậc thấp hơn như cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1 Chuẩn đầu ra chương trình

- a) Trình bày được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; sử dụng kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tế; áp dụng được Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế.
- b) Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc.
- c) Khái quát hóa kiến thức cơ bản khoa học xã hội – nhân văn, lịch sử, văn hóa, ẩm thực, địa lý, du lịch.
- d) Ứng dụng công cụ toán học, thống kê và kinh tế học vào phân tích thị trường du lịch, nghiên cứu marketing trong lĩnh vực du lịch.
- e) Ứng dụng tiếng Anh tốt trong giao tiếp công việc và đọc tài liệu chuyên ngành (trung đương TOEIC 450).
- f) Ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc thực tế như tìm kiếm tài liệu và soạn thảo các tài liệu, văn bản tốt và sử dụng các phần mềm ứng dụng trong du lịch.
- g) Áp dụng kỹ năng lãnh đạo, hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra hoạt động vào quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.
- h) Tổ chức thực hiện quy trình thu hút, đào tạo phát triển và duy trì nguồn nhân lực bên trong tổ chức; giải thích về hành vi cá nhân, vận dụng kiến thức quan hệ khách hàng, văn hóa tổ chức trong thực tiễn điều hành.
- i) Lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp lữ hành, phân tích chí phí đầu tư và lợi nhuận trong hoạt động quản lý và điều hành của doanh nghiệp du lịch.

j) vào vận hành doanh nghiệp; nghiên cứu mở rộng phạm vi hoạt động, phân tích người tiêu dùng; hoạch định sản phẩm dịch vụ; hoạch định giá; hoạch Ứng dụng kiến thức quản trị Marketing định xúc tiến; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá các hoạt động Marketing của doanh nghiệp.

k) Áp dụng kiến thức vào thực hiện nghiệp vụ du lịch và lữ hành như: hướng dẫn và điều hành tour; nghiệp vụ xuất nhập cảnh, nghiệp vụ nhà hàng.

l) Giao tiếp tốt với khách hàng, đàm phán thương lượng, xây dựng quan hệ với khách hàng.

1.2.2. Chuẩn đầu ra môn học

CHUẨN ĐẦU RA- MÔN HỌC BẮT BUỘC

STT	Môn học/Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình											
		a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X											
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	X											
3	Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 1	X											
4	Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 2	X											
5	Toán cao cấp C1				X								
6	Toán cao cấp C2				X								
7	Giáo dục thể chất 1		X										
8	Giáo dục thể chất 2		X										
9	Giáo dục thể chất 3		X										
10	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	X											
11	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	X											
12	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	X											
13	Anh văn A1					X							
14	Anh văn A2					X							
15	Anh văn B1					X							
16	Anh văn B2					X							
17	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin						X						
18	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch				X						X		

STT	Môn học/Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình											
		a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam			X									
20	Kỹ năng giao tiếp												X
21	Tổng quan du lịch			X								X	
22	Marketing căn bản							X		X	X		
23	Marketing du lịch			X						X	X		
24	Tâm lý khách du lịch			X									X
25	Quản trị học							X	X				
26	Thống kê ứng dụng trong du lịch				X					X			
27	Kinh tế học				X					X			
28	Nguyên lý kế toán							X		X			
29	Digital Marketing						X				X		
30	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch							X	X	X			
31	Phân tích tài chính trong doanh nghiệp du lịch							X		X			
32	Địa lý du lịch Việt Nam			X								X	
33	Địa lý du lịch Thế giới			X								X	
34	Anh văn chuyên ngành du lịch			X	X								
35	Quản trị xuất nhập cảnh							X				X	
36	Lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành							X		X			
37	Tổ chức lễ hội và sự kiện											X	
38	Quản trị kinh doanh lữ hành							X		X			
39	Quản trị điểm đến			X								X	
40	Tuyển điểm du lịch			X								X	
41	Thực hành tuyển điểm du lịch			X								X	
42	Thiết kế và tính giá tour									X		X	
43	Thực hành thiết kế và tính giá tour									X			
44	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch											X	X
45	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch											X	
46	Nghiệp vụ điều hành tour											X	

STT	Môn học/Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình											
		a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l
47	Thực hành nghiệp vụ điều hành tour											X	
48	Thực địa tour trong nước											X	
49	Thực địa tour nước ngoài											X	
50	Kiến tập		X					X					
51	Thực tập nghề nghiệp		X					X	X	X			X
52	Thực tập quản lý		X					X		X			
53	Khóa luận tốt nghiệp		X				X						
54	Đồ án tốt nghiệp		X				X			X			

CHUẨN ĐẦU RA- MÔN HỌC TỰ CHỌN

STT	Môn học/Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình											
		a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l
55	Nghiệp vụ hành chính văn phòng						X						
56	Lịch sử văn minh thế giới			X									
57	Văn minh và văn hóa các nước Đông Nam Á			X									
58	Pháp luật đại cương		X										
59	Luật du lịch		X										
60	Luật thương mại		X										
61	Luật kinh tế		X										
62	Quan hệ công chúng							X					X
63	Kỹ năng đàm phán trong du lịch									X			X
64	Văn hóa ẩm thực			X								X	
65	Nghiệp vụ nhà hàng											X	
66	Nghiệp vụ lễ tân											X	X
67	Du lịch sinh thái			X								X	
68	Du lịch hành hương			X								X	
69	Du lịch Mice			X								X	
70	Du lịch Homestay											X	

1.3. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 3.5 năm

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Khối lượng kiến thức toàn khóa bao gồm 120 tín chỉ (không kể phần kiến thức: giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh)
- Khối kiến thức cơ bản (đại cương): 36 tín chỉ – chiếm 30%
- Khối kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ – chiếm 16,67%
- Khối kiến thức ngành: 25 tín chỉ – chiếm 20,83%
- Khối kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ - chiếm 22.50 %
- Thực tập tốt nghiệp, thực tập quản lý: 4 tín chỉ - chiếm 3,3%
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án: 8 tín chỉ - chiếm 6,7 %

1.5. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Quy trình đào tạo

Căn cứ vào Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 46 ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh*) và Quyết định số 1081/QĐ-DCT ngày 7 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành quy trình cập nhật, đánh giá, soạn thảo bổ sung chương trình đào tạo trình độ đại học.

Quá trình đào tạo được chia làm 7 HK:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: HK 1,2, 3,4,5,6
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: HK1,2,3,4
- Khối kiến thức ngành: HK 3,4,5,6
- Khối kiến thức chuyên ngành: HK 4,5,6
- Học kỳ doanh nghiệp: HK7
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn: HK7.

1.6.2 Điều kiện tốt nghiệp

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: TOEIC 450
- Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Quyết định số 1093 ngày 22/7/2016 về quy định chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cho khối không chuyên ngành của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TPHCM)

1.7. Thang điểm

Theo Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 46 ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh*).

1.8. Nội dung chương trình

1.8.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
Môn bắt buộc: 34 tín chỉ						
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
2		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	0	
3		Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2	0	
4		Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3	0	
5		Toán cao cấp 1	3	3	0	
6		Toán cao cấp 2	2	2	0	
7		Giáo dục thể chất 1 (Không tích lũy)	2	0	2	
8		Giáo dục thể chất 2 (Không tích lũy)	1	0	1	
9		Giáo dục thể chất 3 (Không tích lũy)	2	0	2	
10		Giáo dục quốc phòng an ninh 1 (Không tích lũy)	3	3	0	
11		Giáo dục quốc phòng an ninh 2 (Không tích lũy)	3	3	0	
12		Giáo dục quốc phòng an ninh 3 (Không tích lũy)	2	2	0	
13		Anh văn A1	3	3	0	

14		Anh văn A2	3	3	0	
15		Anh văn B1	3	3	0	
16		Anh văn B2	3	3	0	
17		Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	1	2	
18		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
19		Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	
Môn tự chọn : 2 Tín chỉ						
20		Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	2	0	
21		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	
22		Văn minh và văn hóa các nước Đông Nam Á	2	2	0	
23		Pháp luật đại cương	2	2	0	

1.8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 tín chỉ

1.8.2.1. Khối kiến thức cơ sở của ngành: 20 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Môn bắt buộc: 18 tín chỉ						
24		Tổng quan du lịch	3	3	0	
25		Marketing căn bản	2	2	0	
26		Tâm lý khách du lịch	2	2	0	
27		Quản trị học	2	2	0	
28		Thông kê ứng dụng trong du lịch	3	3	0	
29		Kinh tế học	3	3	0	
30		Nguyên lý kế toán	3	3	0	
Môn tự chọn: 2 tín chỉ						
31		Luật du lịch	2	2	0	
32		Luật thương mại	2	2	0	
33		Luật kinh tế	2	2	0	

1.8.2.2. Kiến thức ngành: 25 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Môn bắt buộc: 21 tín chỉ						
34		Digital Marketing	3	3	0	
35		Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	3	3	0	
36		Phân tích tài chính trong doanh nghiệp du lịch	2	2	0	
37		Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0	
38		Địa lý du lịch Thế giới	2	2	0	
39		Anh văn chuyên ngành du lịch	2	2	0	
40		Quản trị xuất nhập cảnh	2	2	0	
41		Marketing du lịch	2	2	0	
42		Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	2	2	0	
Môn tự chọn: 4 tín chỉ						
43		Quan hệ công chúng	2	2	0	
44		Kỹ năng đàm phán trong du lịch	2	2	0	
45		Văn hóa ẩm thực	2	2	0	
46		Nghiệp vụ nhà hàng	2	2	0	
47		Nghiệp vụ lễ tân	2	2	0	

1.8.2.3. Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Môn bắt buộc: 25 tín chỉ						
48		Lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	2	2	0	
49		Tổ chức lễ hội và sự kiện	2	2	0	
50		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0	
51		Quản trị điểm đến	2	2	0	
52		Tuyển điểm du lịch	2	2	0	
53		Thực hành tuyển điểm du lịch	1	0	1	
54		Thiết kế và tính giá tour	2	2	0	
55		Thực hành thiết kế và tính giá tour	1	0	1	
56		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	0	
57		Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	1	0	1	
58		Nghiệp vụ điều hành tour	2	2	0	
59		Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	1	0	1	
60		Thực địa tour trong nước	2	0	2	
61		Thực địa tour nước ngoài	2	0	2	
Môn tự chọn: 2 tín chỉ						
62		Du lịch sinh thái	2	2	0	
63		Du lịch hành hương	2	2	0	
64		Du lịch Mice	2	2	0	
65		Du lịch Homestay	2	2	0	

1.8.2.4. Kiến thức thực tập: 4 tín chỉ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
66		Kiến tập	1	0	1	
67		Thực tập nghề nghiệp	2	0	2	
68		Thực tập quản lý	1	0	1	

1.8.2.5. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp hoặc Đồ án tốt nghiệp: 8 tín chỉ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp: 8 tín chỉ						
69		Khóa luận tốt nghiệp	8	0	8	
70		Đồ án tốt nghiệp	8	0	8	

1.9. Kế hoạch giảng dạy

1.9.1. HỌC KỲ 1 – 19 TÍN CHỈ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	19	17	2		
1	17200004	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	3	3	0		
2	21200004	Anh văn A1	3	3	0		
3	19200008	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2	0		
4	14200001	Tổng quan du lịch	3	3	0		
5	01200002	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	1	2		
6	13200001	Quản trị học	2	2	0		

7		Toán cao cấp C1	3	3	0		
---	--	-----------------	---	---	---	--	--

1.9.2. HỌC KỲ 2 – 23 TÍN CHỈ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	21	21	0		
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3	0		
2		Nguyên lý kế toán	3	3	0		
3		Tâm lý khách du lịch	2	2	0		
4		Anh văn A2	3	3	0		
5		Kinh tế học	3	3	0		
6		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
7		Kỹ năng giao tiếp	2	2	0		
8		Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0		
9		Toán cao cấp C2	2	2	0		

1.9.3. HỌC KỲ 3 – 21 TÍN CHỈ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	19	15	4		
1		Anh văn B1	3	3	0		
2	17200005	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	3	3	0		
3	17201001	Giáo dục thể chất 1	2	0	2		
4		Địa lý du lịch thế giới	2	2	0		
5		Thống kê ứng dụng trong du lịch	3	3	0		
6		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	0		
7		Marketing căn bản	2	2	0		

8		Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	1	0	1		
9		Kiến tập	1	0	1		
		Môn học tự chọn	2	2	0		
10		Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	2	0		
11		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		
12		Văn minh và văn hóa các nước Đông Nam Á	2	2	0		
13		Pháp luật đại cương	2	2	0		

1.9.4. HỌC KỲ 4 – 20 TÍN CHỈ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	14	4		
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
2		Giáo dục thể chất 2	1	0	1		
3		Anh văn B2	3	3	0		
4		Marketing du lịch	2	2	0		
5		Tuyên điểm du lịch	2	2	0		
6		Thực hành tuyên điểm du lịch	1	0	1		
7		Digital Marketing	3	3	0		
8		Thực địa tour trong nước	2	0	2		
		Môn học tự chọn	4	4	0		
9		Quan hệ công chúng	2	2	0		
10		Kỹ năng đàm phán trong du lịch	2	2	0		
11		Văn hóa ẩm thực	2	2	0		
12		Nghiệp vụ nhà hàng	2	2	0		
13		Nghiệp vụ lễ tân	2	2	0		

1.9.5. HỌC KỲ 5 – 21 TÍN CHỈ

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	19	15	4		
1	17201003	Giáo dục thể chất 3	2	0	2		
2	14200055	Lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	2	2	0		
3	13200109	Phân tích tài chính trong doanh nghiệp du lịch	2	2	0		
4		Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	3	3	0		
5	14200052	Thiết kế và tính giá tour	2	2	0		
6		Thực hành thiết kế và tính giá tour	1	0	1		
7		Nghiệp vụ điều hành tour	2	2	0		
8		Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	1	0	1		
9		Anh văn chuyên ngành du lịch	2	2	0		
10		Quản trị xuất nhập cảnh	2	2	0		
		Môn học tự chọn	2	2	0		
11		Luật du lịch	2	2	0		
12		Luật kinh tế	2	2	0		
13		Luật thương mại	2	2	0		

1.9.6. HỌC KỲ 6 – 18 TÍN CHỈ

ST T	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	14	2		
1		Giáo dục quốc phòng an ninh 3	2	2	0		

2		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	0		
3		Quản trị điểm đến	2	2	0		
4		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0		
5		Tổ chức lễ hội và sự kiện	2	2	0		
6		Thực địa tour nước ngoài	2	0	2		
7		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	2	2	0		
		Môn học tự chọn	2	2	0		
8		Du lịch hành hương	2	2	0		
9		Du lịch sinh thái	2	2	0		
10		Du lịch Mice	2	2	0		
11		Du lịch Homestay	2	2	0		

1.9.7. HỌC KỲ 7 – 11 TÍN CHỈ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	11	0	11		
1		Thực tập quản lý	1	0	1		
2		Thực tập nghề nghiệp	2	0	2		
3		Khóa luận tốt nghiệp	8	0	8		
4		Đồ án tốt nghiệp	8	0	8		

PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

2.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2. Mã học phần: 19200002

3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Xuân An	Thạc sỹ	Khoa LLCT
2	Nguyễn Thị Tường Duy	Thạc sỹ	Khoa LLCT
3	Mai Quốc Dũng	Thạc sỹ	Khoa LLCT
4	Huỳnh Tuấn Linh	Thạc sỹ	Khoa LLCT
5	Nguyễn Thị Tú Trinh	Thạc sỹ	Khoa LLCT
6	Phạm Kim Thành	Thạc sỹ	Khoa LLCT
7	Nguyễn Thị Tươi	Thạc sỹ	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giúp cho sinh viên:

- Đạt được một hệ thống kiến thức cơ bản về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong thực tiễn cuộc sống
- Định hướng cho SV ý thức học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức cơ bản về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm:

- + Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

ở Việt Nam.

- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

- Về kĩ năng:

- + Rèn luyện kỹ năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong thực tiễn cuộc sống.
- + Phân tích, kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại trong đời sống xã hội.
- + Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức để rèn luyện những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người công dân trong thời đại mới.

- Về thái độ:

- + Định hướng cho SV ý thức học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
- + Nâng cao niềm tin yêu của SV đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, niềm tự hào về những giá trị truyền thống của dân tộc và nhân loại.
- + Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này bao gồm những nội dung sau đây:

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.
- Về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; Về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Ít nhất 75% giờ học trên lớp)
- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

[2] Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TPHCM, Khoa Lý luận chính trị, *Bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2012.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo, *Kể chuyện Bác Hồ T1, T2, T3*, NXB.Giáo dục, Hà Nội 2003.

[2] Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn KH Mác – Lênin, TT. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 10%
 - + Điểm tiểu luận: 20%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1	0	0	0	2
2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	15	5	0	0	0	10
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	18	6	0	0	0	12
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	6	2	0	0	0	4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	6	2	0	0	0	4
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	12	4	0	0	0	8
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	6	2	0	0	0	4
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây	24	8	0	0	0	16

	dựng con người mới						
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

0.1. Đối tượng nghiên cứu

0.1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

0.1.2. Đối tượng của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

0.1.3. Mỗi quan hệ của môn học này với các môn lý luận chính trị khác

0.2. Phương pháp nghiên cứu

0.2.1. Cơ sở phương pháp luận

0.2.2. Các phương pháp cụ thể

0.3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

0.3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

0.3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Cơ sở khách quan

1.1.2. Nhân tố chủ quan

1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

1.2.2. Thời kỳ từ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

1.2.3. Thời kỳ từ 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

1.2.4. Thời kỳ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

1.2.5. Thời kỳ từ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc

- 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc
 - 2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa
 - 2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp
- 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc
 - 2.2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc
 - 2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
 - 2.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
 - 2.2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc
 - 2.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
 - 2.2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- 3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 3.2.1. Con đường
 - 3.2.2. Biện pháp

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

- 4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 4.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền
- 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh
 - 4.2.1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng
 - 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

5.1.1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

5.1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

5.1.3. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc

5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

5.2.1. Sự cần thiết xây dựng khối đoàn kết quốc tế

5.2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân

6.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

6.1.1. Quan niệm về dân chủ

6.1.2. Thực hành dân chủ

6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân

6.2.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

6.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

6.2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

6.2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đạo đức và xây dựng con người mới

7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

7.1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

7.2. Nội dung Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.1. Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

7.2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

7.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học khối ngành Kinh tế từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

Phan Xuân Cường

Nguyễn Thị Tường Duy

2.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐƯỜNG LỐI CMĐCSVN

1. Tên học phần: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2. Mã học phần: 19200003

3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phan Xuân Cường	Thạc sĩ	Khoa LLCT
2	Nguyễn Thị Tú Trinh	Thạc sĩ	Khoa LLCT
3	Nguyễn Phước Trọng	Thạc sĩ	Khoa LLCT
4	Nguyễn Thị Tươi	Thạc sĩ	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.
- Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu lý tưởng của Đảng.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu lý tưởng của Đảng.

– Về kỹ năng:

Vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.

– Về thái độ:

- + Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng.
- + Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa của Việt Nam

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Phân tích sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam
- Quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng
- Nghiên cứu một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Tham dự ít nhất 75% giờ học trên lớp)
- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

[2] Trường ĐH CNTP TP. Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị (lưu hành nội bộ), **Tài liệu học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**, TP. Hồ Chí Minh, 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, **Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, **Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, **Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tập I)**, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, **Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tập II)**, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

[5] Đinh Xuân Lý, Đoàn Minh Tuấn, Đại học Quốc gia Hà Nội, **Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.

[6] Đinh Xuân Lý, Phạm Công Nhất, Đại học Quốc gia Hà Nội, **Đảng lãnh đạo xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa ở Việt Nam**, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 10%
 - + Điểm tiểu luận: 20%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)
-----	------------	--------------	-----------------------------------

		hoặc giờ	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	1	0	0	0	2
2	Sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	15	5	0	0	0	10
3	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945)	18	6	0	0	0	12
4	Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975)	36	12	0	0	0	24
5	Đường lối công nghiệp hóa	9	3	0	0	0	6
6	Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	18	6	0	0	0	12
7	Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	9	3	0	0	0	6
8	Đường lối xây dựng và phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội	18	6	0	0	0	12
9	Đường lối đối ngoại	9	3	0	0	0	6
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

0.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

0.1.1. Đối tượng nghiên cứu

0.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

0.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học

0.2.1. Phương pháp nghiên cứu

0.2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1. Bối cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

1.1.1. Tình hình thế giới

1.1.2. Tình hình Việt Nam

1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng

1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945)

2.1. Chủ trương đấu tranh cách mạng trong giai đoạn 1930-1939

2.1.1. Chủ trương đấu tranh cách mạng giai đoạn 1930-1935

2.1.2. Chủ trương đấu tranh cách mạng giai đoạn 1936-1939

2.2. Chủ trương đấu tranh cách mạng 1939-1945

2.2.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

2.2.2. Chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước và quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền toàn quốc

Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975)

3.1. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

3.1.1. Chủ trương xây dựng chế độ mới và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)

3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954)

3.1.3 Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

3.2.1. Giai đoạn 1954 – 1964

3.2.2. Giai đoạn 1965 – 1975

3.3.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa

4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới

4.1.1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa

4.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới

4.2. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa

4.2.1. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

4.2.3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức

4.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 – 1986)

6.1.1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

6.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

6.2.1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

6.2.3 Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 7: Đường lối xây dựng và phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội

7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa

7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới

7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới

7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

7.2.1 Thời kỳ trước đổi mới

7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới

Chương 8: Đường lối đối ngoại

8.1. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975 – 1985)

8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

8.1.2. Chủ trương đối ngoại của Đảng

8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới

8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

– Giáo trình, tài liệu tham khảo

– Projecter, hệ thống âm thanh

18. Hướng dẫn thực hiện

- Học phần này áp dụng cho sinh viên hệ Đại học chính quy thực hiện vào học kỳ I năm thứ 2, sau khi học xong môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1&2 và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

Phan Xuân Cường

Nguyễn Phước Trọng

2.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC-LÊ NIN 1

1. Tên học phần: **NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN
CỦA CHỦ NGHĨA MÁC –LÊNIN 1**
2. Mã học phần: 19200008
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy năm 1
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phan Xuân Cường	Thạc sỹ	Khoa LLCT
2	Phạm Xuân An	Thạc sỹ	Khoa LLCT
3	Nguyễn Thị Tường Duy	Thạc sỹ	Khoa LLCT
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sỹ	Khoa LLCT
5	Huỳnh Tuấn Linh	Thạc sỹ	Khoa LLCT
6	Phan Thị Ngọc Uyên	Thạc sỹ	Khoa LLCT
7	Phạm Kim Thành	Thạc sỹ	Khoa LLCT
8	Phan Thị Thu Thúy	Thạc sỹ	Khoa LLCT
9	Mai Quốc Dũng	Thạc sỹ	Khoa LLCT
10	Phan Quốc Thái	Thạc sỹ	Khoa LLCT
11	Phan Thị Thành	Thạc sỹ	Khoa LLCT
12	Phan Thị Hiên	Tiến sĩ	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 nhằm giúp cho sinh viên:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất về các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2; môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức cơ bản về nội dung của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm:

+ Khái quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

+ Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

+ Phép biện chứng duy vật.

+ Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

– Về kĩ năng:

+ Rèn luyện kỹ năng vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cuộc sống.

+ Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

+ Hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

– Về thái độ:

+ Định hướng cho SV ý thức học tập, làm theo chủ nghĩa mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng.

+ Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và con đường đi lên

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- Vấn đề cơ bản của Triết học: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.
- Những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật: Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển.
- Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật: Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại; quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập; quy luật phủ định của phủ định.
- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Tham dự ít nhất 75% giờ học trên lớp)
- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00 %
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	6	2	0	0	0	4
2	Chủ nghĩa duy vật biện chứng	21	7	0	0	0	14
3	Phép biện chứng duy vật	27	9	0	0	0	18
4	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	36	12	0	0	0	24
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

1.1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Chương 3: Phép biện chứng duy vật

3.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

3.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

3.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

3.4.3. Quy luật phủ định của phủ định

3.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

3.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

3.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Chương 4: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

4.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

4.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

4.4. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

4.4.1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội

4.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

4.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

4.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo
- Projecter, hệ thống âm thanh

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học khối ngành kinh tế từ năm học 2017 – 2018.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần
 - + Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC LÊNIN 2

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA
CHỦ NGHĨA MÁC –LÊNIN 2

2. Mã học phần: 1920009

3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy năm 1

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phan Xuân Cường	Thạc sỹ	Khoa LLCT
2	Phạm Xuân An	Thạc sỹ	Khoa LLCT
3	Nguyễn Thị Tường Duy	Thạc sỹ	Khoa LLCT
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sỹ	Khoa LLCT
5	Huỳnh Tuấn Linh	Thạc sỹ	Khoa LLCT
6	Phan Thị Ngọc Uyên	Thạc sỹ	Khoa LLCT
7	Phạm Kim Thành	Thạc sỹ	Khoa LLCT
8	Phan Thị Thu Thúy	Thạc sỹ	Khoa LLCT
9	Mai Quốc Dũng	Thạc sỹ	Khoa LLCT
10	Phan Quốc Thái	Thạc sỹ	Khoa LLCT
11	Phan Thị Thành	Thạc sỹ	Khoa LLCT
12	Phan Thị Hiên	Tiến sỹ	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin 1
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên cần đạt được các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ.

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất về các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức cơ bản về nội dung của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm:

+ Phân tích được quá trình vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản và các quy luật cơ bản của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

+ Phân tích tính tất yếu của việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

– Về kỹ năng:

+ Rèn luyện kỹ năng vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cuộc sống

+ Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

– Về thái độ:

+ Định hướng cho SV ý thức học tập, làm theo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng, niềm tin vào tính tất thắng của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và khái quát về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Tham dự ít nhất 75% giờ học trên lớp)
- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 10 %
 - + Điểm tiểu luận: 20%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Học thuyết giá trị	36	12	0	0	0	24
2	Học thuyết giá trị thặng dư	36	12	0	0	0	24
3	Học thuyết về tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	18	6	0	0	0	12
4	Sứ mệnh của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	18	6	0	0	0	12
5	Những vấn đề chính trị- xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	18	6	0	0	0	12
6	Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	9	3	0	0	0	6
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 5. Học thuyết giá trị

5.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

5.1.1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

5.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

5.2. Hàng hóa

5.2.1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa

5.2.2. Tính chất hai mặt của sản xuất hàng hóa

5.2.3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

5.3. Tiền tệ

5.3.1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ

5.3.2. Chức năng của tiền tệ

5.4. Quy luật giá trị

5.4.1. Nội dung của quy luật giá trị

5.4.2. Tác động của quy luật giá trị

Chương 6. Học thuyết giá trị thặng dư

6.1. Sự chuyên hóa của tiền tệ thành tư bản

6.1.1. Công thức chung của tư bản

6.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

6.1.3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

6.2. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư

6.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

6.2.2. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

6.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

6.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

6.2.5. Sản xuất ra giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

6.3. Sự chuyên hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – tích lũy tư bản

6.3.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

6.3.2. Những nhân tố ảnh hưởng quy mô tích lũy tư bản

6.3.3. Quy luật chung của tích lũy tư bản

6.4. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

6.4.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản

6.4.2. Tư bản cố định và tư bản lưu động

6.5. Các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư

6.5.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

6.5.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

6.5.3. Sự chuyên hóa từ giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất

6.5.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các hình thái tư bản

Chương 7. Học thuyết về tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

7.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

7.1.1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

7.1.2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

7.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

7.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

7.2.1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

7.2.2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

7.3. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

7.3.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

7.3.2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

Chương 8. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa

8.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

8.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

8.1.2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

8.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

8.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

8.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

8.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

8.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

8.3. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

8.3.1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

8.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chương 9. Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa

9.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

9.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

9.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

9.2. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

9.2.1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

9.2.2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

9.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

9.3.1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc

9.3.2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết các vấn đề tôn giáo

Chương 10. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng

10.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

10.1.1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới

10.1.2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

10.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó

10.2.1. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết

10.2.2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết

10.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội

10.3.1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

10.3.2. Chủ nghĩa xã hội là tương lai của xã hội loài người

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo
- Projector, hệ thống âm thanh

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học khối ngành kinh tế từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

- + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

2.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TOÁN CAO CẤP C1

1. Tên học phần: **TOÁN CAO CẤP C1**
2. Mã học phần: 18200004
3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành kinh tế
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Kính	Phó giáo sư – Tiến sĩ	Khoa KHCB
2	Lê Thị Thanh An	Tiến sĩ	Khoa KHCB
3	Đình Vinh Hiền	Thạc sĩ	Khoa KHCB
4	Nguyễn Đình Inh	Thạc sĩ	Khoa KHCB
5	Bùi Đức Nam	Thạc sĩ	Khoa KHCB
6	Đoàn Thị Như Quỳnh	Thạc sĩ	Khoa KHCB
7	Nguyễn Trường Sinh	Thạc sĩ	Khoa KHCB
8	Lê Hữu Kỳ Sơn	Thạc sĩ	Khoa KHCB
9	Dương Thị Mộng Thường	Thạc sĩ	Khoa KHCB
10	Đào Thị Trang	Thạc sĩ	Khoa KHCB
11	Lê Thị Thùy Trang	Thạc sĩ	Khoa KHCB
12	Nguyễn Quốc Tiến	Thạc sĩ	Khoa KHCB
13	Nguyễn Văn Ý	Thạc sĩ	Khoa KHCB

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Toán cao cấp C2

9. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức về giới hạn và liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm, tích phân xác định và tích phân suy rộng của hàm số 1 biến số; giới hạn, sự liên tục, đạo hàm riêng, vi phân của hàm số 2, 3 biến số; lí thuyết về chuỗi số, chuỗi lũy thừa và phương trình vi phân. Làm cơ sở để học các học phần về Xác suất thống kê, Toán kinh tế; đồng thời làm cơ sở phân tích các quy luật kinh tế.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức về: giới hạn và liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm, tích phân xác định và tích phân suy rộng của hàm số 1 biến số; Giới hạn, sự liên tục, đạo hàm riêng, vi phân của hàm số 2, 3 biến số; lí thuyết về chuỗi số, chuỗi lũy thừa và phương trình vi phân.

– Về kỹ năng:

+ Tính giới hạn của hàm số một hoặc hai ba biến số; xét sự liên tục của hàm số một hoặc hai ba biến số;

+ Tính đạo hàm riêng, vi phân hàm số hai ba biến số; ứng dụng đạo hàm, đạo hàm riêng trong phân tích kinh tế;

+ Sử dụng vi phân để tính gần đúng;

+ Sử dụng tích phân để tính diện tích, thể tích;

+ Xét sự hội tụ của chuỗi số;

+ Tìm nghiệm phương trình vi phân cấp 1, 2 các dạng đặc biệt.

– Về thái độ:

+ Có tinh thần nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu toán học; yêu thích tìm tòi khoa học; có thái độ trân trọng những đóng góp của toán học cho sự phát triển kinh tế-xã hội và trân trọng công lao của các nhà toán học.

+ Có thái độ khách quan, trung thực; có tinh thần hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, nghiên cứu.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết toán học vào các khoa học khác và vào đời sống nhằm cải thiện điều kiện sống.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Giới hạn hàm số, liên tục, đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số.
- Tích phân bất định, xác định và tích phân suy rộng, ứng dụng tích phân để tính diện tích, thể tích.
- Giới hạn, đạo hàm riêng, vi phân của hàm số 2, 3 biến số; cực trị của hàm 2 biến số và ứng dụng.
- Chuỗi số, chuỗi lũy thừa.
- Phương trình vi phân cấp 1, 2 các dạng cơ bản.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự đầy đủ giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Văn Kính (chủ biên), *Toán cao cấp A1-C1*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh, 2013.

[2] Nguyễn Văn Kính (chủ biên), *Toán cao cấp A3-C3*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh, 2013.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Toán học cao cấp, Tập II, III*, NXB GDVN, 2010.

[2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Bài tập Toán học cao cấp, Tập II, III*, NXB GDVN, 2010.

[2] Nguyễn Đình Thuý (chủ biên), *Toán học cao cấp dành cho các nhà kinh tế*, NXB Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00 %

- + Điểm tiểu luận: 30%
- + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Giới hạn của hàm số một biến số	18	4	2	0	0	12
2	Phép tính vi phân hàm số một biến số	24	6	2	0	0	16
3	Phép tính tích phân hàm số một biến số	27	6	3	0	0	18
4	Chuỗi số	18	2	2	0	0	12
5	Phép tính vi phân hàm số nhiều biến số	36	8	4	0	0	24
6	Phương trình vi phân	18	4	2	0	0	12
Tổng		135	30	15	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1. Giới hạn của hàm số một biến số (4 LT + 2 BT)

1.1. Giới hạn của hàm số (4 tiết)

1.1.1. Các định nghĩa về hàm số

1.1.2. Các hàm số sơ cấp cơ bản

1.1.3. Giới hạn của hàm số

1.1.4. Vô cùng bé, vô cùng lớn

1.1.5. Khử dạng vô định

1.2. Hàm số liên tục (2 tiết)

1.2.1. Định nghĩa hàm số liên tục

1.2.2. Các phép toán và tính chất của hàm số liên tục

Chương 2. Phép tính vi phân hàm số một biến số (4 LT + 2 BT)

2.1. Đạo hàm của hàm số (4 tiết)

2.1.1. Định nghĩa và ý nghĩa hình học của đạo hàm

2.1.2. Bảng đạo hàm của các hàm số sơ cấp cơ bản

2.1.3. Các quy tắc tính đạo hàm

2.1.4. Đạo hàm cấp cao

2.1.5. Các định lý về giá trị trung bình

2.2. Vi phân của hàm số (2 tiết)

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Quy tắc tính vi phân

2.2.3. Ứng dụng của vi phân để tính gần đúng

2.2.4. Vi phân cấp cao

2.3. Một số ứng dụng của đạo hàm (2 tiết)

2.3.1. Quy tắc L'Hospital

2.3.2. Ứng dụng đạo hàm trong phân tích kinh tế

Chương 3. Phép tính tích phân hàm số một biến số (6 LT + 3 BT)

3.1. Nguyên hàm và tích phân bất định (3 tiết)

3.1.1. Các định nghĩa và tính chất

3.1.2. Bảng tích phân các hàm số sơ cấp

3.1.3. Phương pháp tính tích phân bất định

3.2. Tích phân xác định (3 tiết)

3.2.1. Các định nghĩa và tính chất

3.2.2. Một số tính chất của tích phân xác định

3.2.3. Công thức Newton – Leibniz

3.2.4. Các phương pháp tính tích phân xác định

3.2.5. Ứng dụng của tích phân xác định

3.3. Tích phân suy rộng (3 tiết)

3.3.1. Tích phân suy rộng loại 1

3.3.2. Tích phân suy rộng loại 2

Chương 4. Chuỗi số (2 LT +2 BT)

4.1. Chuỗi số (4 tiết)

4.1.1. Định nghĩa và các tính chất

4.1.2. Chuỗi số không âm

4.1.3. Các chuỗi số đặc biệt

Chương 5. Phép tính vi phân hàm số nhiều biến số (8 LT + 4 BT)

5.1. Các khái niệm cơ bản (1 tiết)

5.1.1. Khoảng cách trong mặt phẳng, trong không gian

5.1.2. Định nghĩa hàm số nhiều biến số (2, 3 biến số)

5.1.3. Biểu diễn hình học của hàm số hai biến số

5.1.4. Sự hội tụ của dãy điểm trong mặt phẳng, trong không gian

5.2. Giới hạn, sự liên tục của hàm số nhiều biến số (3 tiết)

5.2.1. Giới hạn của hàm số hai ba biến số

5.2.2. Sự liên tục của hàm hai ba biến số

5.3. Đạo hàm riêng và vi phân hàm số hai ba biến số

5.3.1. Đạo hàm riêng (3 tiết)

5.3.1.1. Đạo hàm riêng cấp một

5.3.1.2. Đạo hàm riêng cấp cao

5.3.1.3. Đạo hàm của hàm hợp

5.3.1.4. Đạo hàm riêng của hàm ẩn

5.3.2. Vi phân (2 tiết)

5.3.2.1. Vi phân cấp một

5.3.2.2. Ứng dụng vi phân toàn phần để tính gần đúng

5.3.2.3. Vi phân cấp cao

5.4. Ứng dụng (3 tiết)

5.4.1. Cực trị hàm 2 biến số (không điều kiện)

5.4.2. Cực trị có điều kiện của hàm số 2 biến số

5.4.3. Giá trị lớn, nhỏ nhất của hàm 2 biến số trên miền đóng và bị chặn

5.4.4. Một số bài toán cực trị trong kinh tế

Chương 6. Phương trình vi phân (4 LT + 2 BT)

6.1. Phương trình vi phân cấp 1 (2 tiết)

6.1.1. Các khái niệm cơ bản

6.1.2. Cách giải một số dạng phương trình cơ bản

6.1.2.1. Phương trình có biến số phân li

6.1.2.2. Phương trình đẳng cấp

6.1.2.3. Phương trình tuyến tính

6.1.2.4. Phương trình Bernoulli

6.2. Phương trình vi phân cấp 2 (2 tiết)

6.2.1. Các khái niệm cơ bản

6.2.2. Cách giải một số dạng phương trình giảm cấp được

6.2.2.1. Phương trình $y'' = f(x)$ (vắng y, y').

6.2.2.2. Phương trình $y'' = f(y, y')$ (vắng x).

6.2.2.3. Phương trình $y'' = f(x, y')$ (vắng y)

6.3. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 có hệ số hằng (2 tiết)

6.3.1. Các khái niệm cơ bản

6.3.2. Cách giải: phương trình thuần nhất, phương trình có vế phải dạng đặc biệt.

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học khối ngành kinh tế, từ khoá tuyển sinh năm 2017.
- Trong buổi lên lớp đầu tiên giảng viên cần giới thiệu đề cương học phần trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung vắn tắt và yêu cầu đối với sinh viên.
- Phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

+ Nộp tiểu luận: Vào tuần thứ 14.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Văn Kính

PGS.TS Nguyễn Văn Kính

PGS.TS Nguyễn Văn Kính

2.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TOÁN CAO CẤP C2

1. Tên học phần: **TOÁN CAO CẤP C2**
2. Mã học phần: 18200005
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành kinh tế
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Kính	Phó giáo sư – Tiến sĩ	Khoa KHCB
2	Lê Thị Thanh An	Tiến sĩ	Khoa KHCB
3	Đình Vinh Hiền	Thạc sĩ	Khoa KHCB
4	Nguyễn Đình Inh	Thạc sĩ	Khoa KHCB
5	Bùi Đức Nam	Thạc sĩ	Khoa KHCB
6	Đoàn Thị Như Quỳnh	Thạc sĩ	Khoa KHCB
7	Nguyễn Trường Sinh	Thạc sĩ	Khoa KHCB
8	Lê Hữu Kỳ Sơn	Thạc sĩ	Khoa KHCB
9	Dương Thị Mộng Thường	Thạc sĩ	Khoa KHCB
10	Đào Thị Trang	Thạc sĩ	Khoa KHCB
11	Lê Thị Thuỳ Trang	Thạc sĩ	Khoa KHCB
12	Nguyễn Quốc Tiến	Thạc sĩ	Khoa KHCB
13	Nguyễn Văn Ý	Thạc sĩ	Khoa KHCB

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Toán cao cấp C1, C3

9. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức toán học đại cương bao gồm những kiến thức cơ bản về ma trận định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính, không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính, dạng toàn phương..., và áp dụng chúng khi giải quyết vấn đề thực tiễn yêu cầu; làm cơ sở để học tiếp các học phần về Mô hình toán kinh tế, Quy hoạch tuyến tính,...

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức toán học đại cương bao gồm những kiến thức cơ bản về ma trận định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính, không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính, dạng toàn phương..., và áp dụng chúng khi giải quyết vấn đề thực tiễn yêu cầu.

– Về kĩ năng:

+ Thực hiện các phép tính về ma trận, định thức, giải hệ phương trình tuyến tính; kiểm nghiệm không gian vectơ, không gian con, hệ vectơ độc lập/phụ thuộc tuyến tính, hệ sinh, ánh xạ tuyến tính/phép biến đổi tuyến tính, đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc.

+ Trên nền tảng kiến thức đó, sinh viên có khả năng vận dụng giải quyết các bài toán cơ bản trong kinh tế, kỹ thuật.

+ Thông qua các hoạt động thảo luận và bài tập nhóm, sinh viên có được một số kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề; kỹ năng làm việc theo nhóm...; kỹ năng viết và trình bày báo cáo.

– Về thái độ:

+ Có tinh thần nghiên túc trong học tập, nghiên cứu toán học; yêu thích tìm tòi khoa học; có thái độ trân trọng những đóng góp của toán học cho sự phát triển kinh tế-xã hội và trân trọng công lao của các nhà toán học.

+ Có thái độ khách quan, trung thực; có tinh thần hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, nghiên cứu.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết toán học vào các khoa học khác và vào đời sống nhằm cải thiện điều kiện sống.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này có nội dung về đại số tuyến tính, bao gồm:

- Ma trận - Định thức
- Hệ phương trình tuyến tính.
- Không gian vector \mathbb{R}^n .
- Phép biến đổi tuyến tính.
- Dạng toàn phương.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự đầy đủ giờ học lý thuyết và bài tập trên lớp.
- Làm đầy đủ các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra học phần và thi cuối kỳ.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Văn Kính (chủ biên), *Toán cao cấp A2-C2*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh, 2014.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Toán học cao cấp - Tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

[2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Bài tập Toán học cao cấp - Tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

[3] Lê Đình Thuý (chủ biên), *Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00%
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Ma trận-Định thức	24	5	3	0	0	16
2	Hệ phương trình tuyến tính	18	4	2	0	0	12
3	Không gian vector	18	4	2	0	0	12
4	Ánh xạ tuyến tính	12	3	1	0	0	8
5	Dạng toàn phương	18	4	2	0	0	12
Tổng		90	23	7	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1. Ma trận – Định thức (6 LT + 2 BT)

1.1. Ma trận (3 tiết)

1.1.1. Các định nghĩa

1.1.2. Các phép toán trên ma trận

1.1.3. Một số tính chất của các phép toán trên ma trận

1.1.4. Phép biến đổi sơ cấp ma trận

1.1.5. Ma trận bậc thang

1.1.6. Hạng của ma trận

1.2. Định thức (2 tiết)

1.2.1. Các định nghĩa

1.2.2. Một số tính chất của định thức

1.3. Ma trận nghịch đảo (3 tiết)

1.3.1. Ma trận khả nghịch

1.3.2. Một số tính chất của ma trận khả nghịch

1.3.3. Tìm ma trận nghịch đảo bằng phép biến đổi sơ cấp

1.3.4. Tìm ma trận nghịch đảo bằng phương pháp định thức.

Chương 2. Hệ phương trình tuyến tính (4 LT + 2 BT)

2.1. Hệ phương trình tuyến tính (2 tiết)

2.1.1. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát

2.1.2. Nghiệm của hệ phương trình tuyến tính

2.2. Phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính (4 tiết)

2.2.1. Phương pháp Cramer giải hệ phương trình tuyến tính

2.2.2. Phương pháp Gauss để giải hệ phương trình tuyến tính

Chương 3. Không gian vectơ (4 LT + 2 BT)

3.1. Định nghĩa và các ví dụ (1 tiết)

3.1.1. Không gian vectơ R^n

3.1.2. Một số tính chất của không gian vectơ

3.2. Độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính (1 tiết)

3.2.1. Các định nghĩa

3.2.2. Tính chất của hệ vectơ độc lập và phụ thuộc tuyến tính

3.2.3. Hạng của một hệ hữu hạn vectơ

3.3. Không gian vectơ con (1 tiết)

3.3.1. Không gian vectơ con

3.3.2. Tập sinh, không gian vectơ sinh bởi một hệ vectơ

3.4. Cơ sở, số chiều, tọa độ (2 tiết)

3.4.1. Cơ sở, số chiều của không gian vectơ

3.4.2. Tọa độ của vectơ

3.4.3. Ma trận chuyển cơ sở

3.5. Không gian Euclide (1 tiết)

3.5.1. Tích vô hướng

3.5.2. Độ dài vectơ

3.5.3. Cơ sở trực giao, cơ sở trực chuẩn

3.5.4. Trực chuẩn hóa Gram – Schmidt

Chương 4. Ánh xạ tuyến tính (3 LT + 1 BT)

4.1. Ánh xạ tuyến tính (2 tiết)

- 4.1.1. Định nghĩa ánh xạ tuyến tính
- 4.1.2. Các tính chất cơ bản của ánh xạ tuyến tính
- 4.1.3. Ma trận của ánh xạ tuyến tính
- 4.2. Nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính (2 tiết)
 - 4.2.1. Nhân và ảnh
 - 4.2.2. Tìm cơ sở của $\text{Im}f$ và $\text{Ker}f$.

Chương 5. Dạng toán phương (4 LT + 2 BT)

- 5.1. Trị riêng, vectơ riêng (2 tiết)
 - 5.1.1. Đa thức đặc trưng
 - 5.1.2. Giá trị riêng, vectơ riêng
 - 5.1.3. Phương pháp tìm giá trị riêng, vectơ riêng
- 5.2. Chéo hóa ma trận (1 tiết)
 - 5.2.1. Ma trận vuông chéo hóa được
 - 5.2.2. Chéo hóa ma trận đối xứng bằng ma trận trực giao
- 5.3. Dạng toàn phương (2 tiết)
 - 5.3.1. Dạng toàn phương
 - 5.3.2. Dạng chính tắc của dạng toàn phương
 - 5.3.3. Phân loại dạng toàn phương
- 5.4. Đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc (1 tiết)
 - 5.4.1. Phương pháp biến đổi trực giao
 - 5.4.2. Phương pháp Lagrange
 - 5.4.3. Luật quán tính

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy khối ngành kinh tế, từ năm học 2017 – 2018.
- Trong buổi lên lớp đầu tiên giảng viên cần giới thiệu đề cương học phần trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung vắn tắt và yêu cầu đối với sinh viên.

- Phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15
 - + Nộp tiểu luận: Vào tuần thứ 14

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Văn Kính

PGS.TS Nguyễn Văn Kính

PGS.TS Nguyễn Văn Kính

2.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1. Tên học phần: **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1**
2. Mã học phần: 17201001
3. Số tín chỉ: 2 (0,2,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1.	Nguyễn Giáp Đam	CN. GDTC	TT GDQP – TC
2.	Lê Văn Thảo	ThS. GDTC	TT GDQP – TC
3.	Nguyễn Ngọc Kiệm	CN. GDTC	TT GDQP – TC

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 120 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 60 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm và kỹ thuật cơ bản của điền kinh và thể dục.
- Những điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**

Đạt được một hệ thống kiến thức giáo dục thể chất, cơ bản và phù hợp với thực tế, bao gồm:

- + Vai trò và ý nghĩa trong việc tập luyện thể dục thể thao.
- + Các khái niệm và kỹ thuật cơ bản của điền kinh và thể dục.
- + Những điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh.
- **Về kĩ năng:**
 - + Thực hiện đúng thao tác trong các môn điền kinh: chạy, nhảy, đi bộ....
 - + Các động tác của các bài tập thể dục thông thường và các bài tập thể lực.
 - + Tổ chức được một giải đấu phong trào về điền kinh cũng như tham gia trực tiếp là vận động viên.

– **Về thái độ:**

- + Có hứng thú học môn giáo dục thể chất, có thái độ khách quan, trung thực, có tác phong cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn giáo dục thể chất.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết về giáo dục thể chất vào trong đời sống nhằm nâng cao sức khỏe bản thân, có ý thức phổ biến và tuyên truyền về vai trò của việc rèn luyện sức khỏe, về các động tác kỹ thuật thể dục, điền kinh cho những người khác.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Điền kinh: chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa.
- Bài thể dục phát triển chung: 15 động tác.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự 80% trở lên giờ học thực hành ngoài sân.
- Tập luyện các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Giáp Đam – Lê Văn Thảo – Nguyễn Minh Trung – Trần Thế Anh, ***Giáo trình Giáo Dục Thể Chất 1***, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.HCM, 2013.

13.2. Tài liệu tham khảo

[1] Trần Đồng Lâm, Nguyễn Thế Xuân, ***Chạy cự ly ngắn***, NXB Giáo dục, 1999.

- [2] Nguyễn Trương Tuấn – Vũ Đức Thu, *Tài liệu Điền kinh và Thể dục*, NXB Hà nội, 1996.
- [3] Nguyễn Mậu Loan, *Giáo trình Lý luận và Phương pháp giảng dạy thể dục thể thao*, NXB Giáo dục, 1998.
- [4] Vũ Đức Thu – Nguyễn Trương Tuấn, *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, NXB Giáo dục, 1995.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên bài (chương)	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Điền Kinh	135	00	00	00	45	90
2	Thể Dục	45	00	00	00	15	30
Tổng		180	0	0	0	60	120

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Điền kinh

1.1. Hệ thống về môn điền kinh

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.2. Phân loại môn Điền kinh

1.1.3. Tác dụng của tập luyện Điền kinh đối với cơ thể.

1.2. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn

1.2.1. Kỹ thuật xuất phát, chạy lao, chạy giữa quãng, chạy về đích.

1.2.2. Kỹ thuật đánh tay

1.2.3. Cách thức sử dụng bàn đạp

1.2.4. Một số bài tập thể lực phát triển khả năng hoạt động yếm khí của cơ thể.

1.3. Kỹ thuật chạy cự ly trung bình

1.3.1. Kỹ thuật xuất phát, chạy tăng tốc sau xuất phát, chạy giữa quãng, chạy về đích và sau khi về đích.

1.3.2. Kỹ thuật đánh tay, chạy trên đường cong

1.3.3. Cách thức hô hấp

1.3.4. Một số bài tập thể lực phát triển khả năng hoạt động ưa khí của cơ thể

1.4. Kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân

1.4.1. Kỹ thuật chạy đà, đặt chân đệm nhảy, bay trên không, tiếp đất – hoãn xung

1.4.2. Các bài tập bổ trợ tăng cường sức mạnh, sức nhanh, khả năng thăng bằng của cơ thể

Chương 2: Thể dục

2.1. Giới thiệu môn thể dục

2.1.1. Khái niệm môn Thể dục

2.1.2. Nội dung của môn Thể dục

2.1.3. Vị trí bài tập trong môn Thể dục

2.1.4. Tác dụng cụ thể của bài tập liên kết.

2.1.5. Cấu trúc kỹ thuật của bài tập thể dục liên kết.

2.1.6. Các tư thế cơ bản trong thể dục.

2.2. Bài tập thể dục phát triển chung

2.2.1. Các tư thế cơ bản trong thể dục

2.2.2. Các động tác ép và kéo căng cơ

2.2.3. Các bài tập phát triển sức mạnh

2.2.4. Các bài tập động tác vươn thở – khởi động

2.2.5. Các bài tập động tác cho nhóm cơ cổ

2.2.6. Các bài tập động tác cho nhóm cơ tay

2.2.7. Các bài tập động tác cho nhóm cơ vai

- 2.2.8. Các bài tập động tác cho nhóm cơ ngực
- 2.2.9. Các bài tập động tác cho nhóm cơ liên sườn
- 2.2.10. Các bài tập động tác cho nhóm cơ bụng
- 2.2.11. Các bài tập động tác cho nhóm cơ lưng
- 2.2.12. Các bài tập động tác cho nhóm cơ đùi
- 2.2.13. Các bài tập động tác cho nhóm cơ cẳng chân
- 2.2.14. Các bài tập động tác sức mạnh tay
- 2.2.15. Các bài tập động tác sức mạnh chân
- 2.2.16. Các bài tập động tác phát triển sức bền tĩnh lực
- 2.2.17. Các bài tập động tác sức mạnh toàn thân
- 2.2.18. Các bài tập động tác phát triển khả năng thăng bằng
- 2.2.19. Các bài tập động tác mang tính nhịp điệu
- 2.2.20. Các bài tập động tác phát triển khả năng vận động linh hoạt, khéo léo
- 2.2.21. Các bài tập động tác phát triển năng lực phối hợp vận động toàn thân
- 2.2.22. Các bài tập động tác hồi phục trạng thái ban đầu.

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Sân bãi, hồ bơi, bóng, lưới, cột, thước dây, đồng hồ, cờ, còi....

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy các khối ngành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: Sau tuần thứ 8
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1. Tên học phần: **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2**
2. Mã học phần: 17201002
3. Số tín chỉ: 1 (0,1,2)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
4.	Nguyễn Ngọc Kiệm	CN. GDTC	TT GDQP – TC
5.	Nguyễn Giáp Đam	CN. GDTC	TT GDQP – TC
6.	Lê Văn Thảo	ThS. GDTC	TT GDQP – TC

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm về môn Bóng chuyền hoặc Bơi lội
- Những điều luật cơ bản trong thi đấu Bóng chuyền hoặc Bơi lội.
- Vai trò và ý nghĩa của việc luyện tập một trong hai môn thể thao trên.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**

Đạt được một hệ thống kiến thức về môn thể thao Bóng chuyền hoặc Bơi lội, cơ bản và phù hợp với thực tế, bao gồm:

+ Các khái niệm về môn Bóng chuyền hoặc Bơi lội, các kỹ thuật cơ bản, những điều luật cơ bản trong thi đấu Bóng chuyền hoặc Bơi lội.

+ Vai trò và ý nghĩa của việc luyện tập một trong hai môn thể thao trên.

– **Về kĩ năng:**

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền: chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng. Tổ chức được một trận đấu, một giải đấu phong trào môn Bóng chuyền cũng như tham gia trực tiếp là vận động viên.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội (kỹ thuật bơi trườn sấp). Tổ chức được một trận đấu, một giải đấu phong trào môn Bơi lội cũng như tham gia trực tiếp là vận động viên.

– **Về thái độ:**

+ Có hứng thú học môn thể thao Bóng chuyền hoặc Bơi lội, có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn Bóng chuyền hoặc Bơi lội.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết về môn thể thao Bóng chuyền hoặc Bơi lội vào trong đời sống nhằm nâng cao sức khỏe bản thân; có ý thức phổ biến và tuyên truyền về vai trò của việc tập luyện môn thể thao Bóng chuyền hoặc Bơi lội để rèn luyện sức khỏe; hướng dẫn được các kỹ thuật Bóng chuyền hoặc Bơi lội cho mọi người.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Ở học phần này sinh viên chọn lựa 1 trong 2 môn thể thao (Bóng chuyền, Bơi lội) để tham gia luyện tập (chú ý nên lựa chọn các môn thể thao phù hợp với điều kiện và ngành nghề mình đang theo học).

– Bóng chuyền: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng cơ bản; kỹ thuật phát bóng cao tay (nam), phát bóng thấp tay (nữ); một số điều luật trong thi đấu Bóng chuyền và phương pháp trọng tài.

– Bơi lội: Các khái niệm cơ bản, kỹ thuật làm nổi, tự cứu trong Bơi lội, kỹ thuật lướt nước, kỹ thuật bơi trườn sấp, một số điều luật cơ bản trong thi đấu Bơi lội và phương pháp trọng tài.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự 80% trở lên giờ học thực hành ngoài sân.
- Tập luyện các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Giáp Đam – Lê Văn Thảo – Nguyễn Minh Trung – Trần Thế Anh, ***Giáo trình Giáo Dục Thể Chất 2***, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.HCM, 2013.

13.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bùi Huy Châm, ***Kỹ thuật bóng chuyền***, NXB Thể dục Thể thao, 1988

[2] Nhậm Minh, ***Tôi yêu thể thao bơi lội***, NXB Mỹ thuật

[3] Đinh Lãm – Nguyễn Bình, ***Huấn luyện bóng chuyền***, NXB Thể dục Thể thao, 1988.

[4] ***Luật bóng chuyền***, NXB Thể dục Thể thao, 2007.

[5] Nguyễn Mậu Loan, ***Giáo trình Lý luận và Phương pháp giảng dạy thể dục thể thao***, NXB Giáo dục, 1998.

[6] Vũ Đức Thu – Nguyễn Trương Tuấn, ***Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất***, NXB Giáo dục, 1995.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên bài (chương)	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Bóng chuyên hoặc Bơi Lợi	90	00	00	00	30	60
Tổng		90	0	0	0	30	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Bóng chuyên

1.1. Giới thiệu bóng chuyên

1.1.1. Sơ lược về lịch sử phát triển môn bóng chuyên

1.1.2. Đặc điểm và tác dụng của tập luyện bóng chuyên

1.2. Kỹ thuật chuyên bóng cao tay

1.2.1. Đặc điểm

1.2.2. Phân loại

1.2.3. Cấu trúc kỹ thuật chuyên bóng

1.2.4. Các lỗi thường mắc

1.2.5. Các bài tập kỹ thuật chuyên bóng cơ bản

1.3. Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng)

1.3.1. Đặc điểm

1.3.2. Phân loại

1.3.3. Cấu trúc kỹ thuật đệm bóng

1.3.4. Các lỗi thường mắc

1.3.5. Các bài tập kỹ thuật đệm bóng

1.4. Kỹ thuật phát bóng

1.4.1. Đặc điểm

1.4.2. Phân loại

1.4.3. Cấu trúc kỹ thuật phát bóng thấp tay (nữ) và cao tay (nam)

1.4.4. Các lỗi thường mắc

1.4.5. Các bài tập kỹ thuật phát bóng

Chương 2: Bơi lội

2.1. Giới thiệu môn học

2.1.1. Lịch sử hình thành phát triển môn Bơi lội

2.1.2. Quy định tập luyện môn Bơi lội

2.2. Nhập môn Bơi lội

2.2.1. Làm quen với nước

2.2.2. Phương pháp hô hấp (thở nước)

2.2.3. Làm nổi, lướt nước

2.2.4. Kỹ thuật tự cứu trong Bơi lội

2.3. Kỹ thuật bơi trườn sấp

2.3.1. Kỹ thuật đạp chân

2.3.2. Kỹ thuật quạt tay

2.3.3. Cách hô hấp

2.3.4. Phối hợp động tác tay và chân

2.3.5. Phối hợp tay – chân – hít thở

2.3.6. Kỹ thuật quay vòng (quay đầu)

2.3.7. Kỹ thuật nhảy xuất phát

2.4. Luật thi đấu, phương pháp trọng tài và thi đấu Bơi lội

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Sân bãi, hồ bơi, bóng, lưới, cột, thước dây, đồng hồ, cờ, còi....

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy các khối ngành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: Sau tuần thứ 8
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

1. Tên học phần: **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3**
2. Mã học phần: 17201003
3. Số tín chỉ: 2 (0,2,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
7.	Nguyễn Xuân Phúc	ThS. GDTC	TT GDQP – TC
8.	Lê Văn Thảo	ThS. GDTC	TT GDQP – TC
9.	Nguyễn Giáp Đàm	CN. GDTC	TT GDQP – TC

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 120 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 60 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Giáo dục thể chất 2
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm về môn Cầu lông hoặc Bóng rổ.
- Các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông hoặc Bóng rổ.
- Vai trò và ý nghĩa trong việc tập luyện thể dục thể thao.
- Những điều luật cơ bản trong thi đấu Cầu lông hoặc Bóng rổ.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

Đạt được một hệ thống kiến thức của các môn thể thao Bóng rổ hoặc cầu lông, cơ bản và phù hợp với thực tế, bao gồm:

- + Các khái niệm về môn Cầu lông hoặc Bóng rổ.
- + Các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông hoặc Bóng rổ.
- + Vai trò và ý nghĩa trong việc tập luyện thể dục thể thao.
- + Những điều luật cơ bản trong thi đấu Cầu lông hoặc Bóng rổ.

– **Về kĩ năng:**

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông: cách cầm vợt, cầm cầu, cách đánh cầu... Bóng rổ: cách giữ bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, ném rổ...

+ Tổ chức được một trận đấu, một giải đấu phong trào môn Cầu lông hoặc Bóng rổ cũng như tham gia trực tiếp là vận động viên.

– **Về thái độ:**

+ Có hứng thú học môn Cầu lông hoặc Bóng rổ, có thái độ khách quan, trung thực, có tác phong cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn Cầu lông hoặc Bóng rổ.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết về môn Cầu lông hoặc Bóng rổ vào trong đời sống nhằm nâng cao sức khỏe bản thân, có ý thức phổ biến và tuyên truyền về vai trò của môn Cầu lông hoặc Bóng rổ trong việc rèn luyện sức khỏe cho mọi người.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Ở học phần này sinh viên lựa chọn 1 trong 2 môn thể thao (Cầu lông hoặc Bóng rổ) để tham gia luyện tập (chú ý nên lựa chọn các môn thể thao phù hợp với ngành nghề mình đang theo học).

Học phần này gồm các nội dung về môn Cầu lông và Bóng rổ như sau:

– Cầu lông: Các khái niệm cơ bản, cách cầm vợt, cầm cầu, kỹ thuật di chuyển trong cầu lông, các phương pháp giao cầu và đỡ giao cầu, các kỹ thuật đánh cầu thuận – trái tay, chiến thuật cơ bản trong cầu lông, một số điều luật cơ bản trong thi đấu cầu lông và phương pháp trọng tài.

– Bóng rổ: Giới thiệu về môn Bóng rổ, các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ: tư thế động tác giữ bóng, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền – bắt bóng, ném rổ tại chỗ – di động, tư thế –

phương pháp phòng thủ cá nhân, chiến thuật tấn công – phòng thủ, một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự 80% trở lên giờ học thực hành ngoài sân.
- Tập luyện các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Giáp Đam – Lê Văn Thảo – Nguyễn Minh Trung – Trần Thế Anh, *Giáo trình Giáo Dục Thể Chất 3*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.HCM, 2013.

13.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nhân Văn, *Luyện tập cầu lông*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.

[2] Hiệp hội huấn luyện viên bóng rổ thế giới – WABC, *Huấn luyện bóng rổ hiện đại*, NXB Thể dục thể thao, 2004.

[3] Đinh Can, *Hệ thống các bài tập kỹ thuật bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao, 2006.

[4] Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam, *Luật Bóng rổ*, NXB Thể Dục Thể Thao, 2012.

[5] Nguyễn Mậu Loan, *Giáo trình Lý luận và Phương pháp giảng dạy thể dục thể thao*, NXB Giáo dục, 1998.

[6] Vũ Đức Thu – Nguyễn Trương Tuấn, *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, NXB Giáo dục, 1995.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

TT	Tên bài (chương)	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Cầu lông hoặc Bóng rổ	180	00	00	00	60	120
Tổng		180	0	0	0	60	120

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Cầu lông

1.1. Giới thiệu môn học

1.1.1. Sơ lược về lịch sử môn Cầu lông

1.1.2. Tác dụng của tập luyện

1.1.3. Một số quy định đảm bảo

1.2. Nhập môn Cầu lông

1.2.1. Cách cầm vợt

1.2.2. Cách cầm cầu

1.2.3. Tư thế cơ bản trong Cầu lông

1.3. Kỹ thuật di chuyển trong Cầu lông

1.3.1. Di chuyển đơn bước

1.3.2. Di chuyển đa bước

1.4. Kỹ thuật giao cầu – đỡ giao cầu

1.4.1. Kỹ thuật giao thuận tay

1.4.2. Kỹ thuật giao trái tay

1.5. Các loại hình giao cầu và cách đỡ giao cầu

1.5.1. Kỹ thuật đánh cầu tấn công

1.5.2. Kỹ thuật đánh thuận tay (cao xa, đập vọt, treo, tạt, vỗ, cắt, hất, đẩy)

1.5.3. Kỹ thuật đánh trái tay (cao xa, đập vọt, treo, tạt, vỗ, cắt, hất, đẩy)

1.6. Chiến thuật tấn công – phòng thủ trong đánh đơn và đánh đôi

1.7. Luật thi đấu, phương pháp trọng tài và thi đấu Cầu lông

Chương 2: Bóng rổ

2.1. Giới thiệu về môn Bóng rổ

2.1.1. Sơ lược về lịch sử môn Bóng rổ

2.1.2. Tác dụng của tập luyện

2.1.3. Một số quy định đảm bảo

2.2. Kỹ thuật Bóng Rổ

2.2.1. Tư thế và động tác giữ bóng, khống chế – bảo vệ bóng

2.2.2. Các động tác làm quen với bóng

2.2.3. Cách di chuyển không bóng

2.2.4. Kỹ thuật di chuyển có bóng (dẫn bóng)

2.2.5. Kỹ thuật chuyền – bắt bóng

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ tại chỗ – ném rổ di động (2 bước lên rổ)

2.2.7. Tư thế và phương pháp phòng thủ cá nhân

2.2.8. Một số chiến thuật tấn công và phòng thủ

2.2.9. Luật thi đấu và phương pháp trọng tài

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Sân bãi, hồ bơi, bóng, lưới, cột, thước dây, đồng hồ, còi, còi....

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành các khối ngành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: Sau tuần thứ 8
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1

1. Tên học phần: **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1**
2. Mã học phần: 17200004
3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	LÊ VĂN THẢO	CN. GDTC	TT GDQP - TC
2	ĐẶNG BỀ	CN. Chính trị	TT GDQP – TC
3	HOÀNG MẠNH TIẾN	CN. Chính trị	TT GDQP – TC

7.

Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Đường lối Cách Mạng ĐCSVN
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng an ninh, quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lê nin
- Xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VN XHCN, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân VN;
- Các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

- Một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nhận thức được những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Trong đó nắm vững kiến thức cơ bản của CN Mác – Lênin, Tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt nam XHCN

- Về kĩ năng:

+ Giúp SV hiểu được nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta cũng như nghệ thuật quân sự VN từ khi có Đảng lãnh đạo, biết vận dụng vào chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tương lai.

- Về thái độ:

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; hình thành tác phong có tính kỷ luật cao trong công tác, sinh hoạt hàng ngày; có ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ đối với bảo vệ Tổ quốc.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng an ninh, quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc VN XHCN, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân VN; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.
- Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp: 80% trở lên
- Làm bài tập nhóm, tham gia thảo luận, tranh luận, bài thu hoạch... khi có yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh (Tập 1)* dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2010.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Hỏi đáp: môn học Giáo dục quốc phong- an ninh.
- Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
- Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin
- Tạp chí QP toàn dân, AN nhân dân...
- Các văn bản hiện hành về GDQP-AN cho HSSV

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

TT	Tên bài	Tổng số tiết	Phân bổ thời gian				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Đối tượng và pp nghiên cứu môn học	4	2				2
2	Quan điểm cơ bản của CN Mác - Lênin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	18	6	2	1	0	9
3	Xây dựng nền QP toàn dân, AN nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	12	4	1	1	0	6
4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	12	4	1	1	0	6
5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	12	4	1	1	0	6
6	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP-AN.	12	4	2	1	0	7
7	Nghệ thuật quân sự Việt Nam	18	6	2	1	0	9
Tổng		90	30	9	6	0	45

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học

Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội, bảo vệ tổ quốc XHCN.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc Xã Hội chủ nghĩa.

3.1. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ tổ quốc Xã hội chủ nghĩa.

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

1.1. Vị trí.

1.2. Đặc trưng.

2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa

2.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh.

2.4. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc.

3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3.1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh.

3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân.

3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN

1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.

1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc.

2. Quan điểm của đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.

2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.

2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh 2.3. Chuẩn bị mọi mặt

trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian rút ngắn thời gian của ch tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh.

2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn.

2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.

3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân.

3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.

3.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và BLLĐ từ bên trong.

Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

1. Đặc điểm và quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND.

1.1. Khái niệm.

1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

1.3. Quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới.

2. Phương hướng xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới.

2.1. Xây dựng quân đội nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hung hậu, huấn luyện và quản lý tốt đảm bảo khi cần sẽ huy động nhanh chóng theo kế hoạch.

2.3. XD LLDQTV vững mạnh rộng khắp coi trọng số và chất lượng, lấy chất lượng là chính.

3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

3.1. Chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân.

3.2. Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam.

3.3. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của ll vũ trang nhân dân.

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt.

3.5. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với LLVTND.

Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh

1.1. Cơ sở lý luận.

1.2. Cơ sở thực tiễn.

2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.

2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế – xã hội.

2.2. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ.

2.3. Kết hợp kinh tế quốc phòng – an ninh trong các ngành các lĩnh vực kinh tế chủ yếu.

2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại.

3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh.

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý Nhà nước trong việc thực hiện kết hợp kinh tế quốc phòng – an ninh.

3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh cho các đối tượng.

3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp kinh tế quốc phòng – an ninh trong thời kỳ mới.

3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện.

3.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng - an ninh các cấp.

Bài 7: Nghệ thuật quân sự Việt Nam

1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.

1.1. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc.

1.2 Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược.

1.3. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.

2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

2.1 Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam.

2.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trong thời kì mới và trách nhiệm của sinh viên.

3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công.

3.2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.

3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế.

3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch.

3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu.

3.6. Trách nhiệm của sinh viên.

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

– Phần, bảng, micro, projector, laptop.

– Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

– Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành các khối ngành

– Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần

– Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra giữa học phần: Sau tuần thứ 8

+ Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

– Giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh trước khi thực hiện kế hoạch giảng dạy phải được tập huấn về nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2

1. Tên học phần: **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2**
2. Mã học phần: 17200005
3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Ngọc Kiệm	CN. Quân sự	TT GDQP - TC
2	Đặng Bê	CN. Chính trị	TT GDQP – TC
3	Hoàng Mạnh Tiến	CN. Chính trị	TT GDQP – TC
4	Phạm Xuân Khánh	CN. Quân sự	TT GDQP – TC
5	Hoàng Văn Luân	CN. Quân sự	TT GDQP – TC
6	Bùi Minh Thuận	CN. Quân sự	TT GDQP – TC

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Giáo dục quốc phòng an ninh 1
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Công tác quốc phòng – an ninh của Đảng và nhà nước.
- Công tác phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao;

- Công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo VN

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

+ Nhận thức được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng và nhà nước. Trong đó nắm vững kiến thức cơ bản về phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao; kiến thức về xây dựng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo VN

– Về kĩ năng:

+ Giúp SV nhận biết được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống và hiệu quả chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng VN để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ VNXHCN.

– Về thái độ:

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; hình thành tác phong có tính kỷ luật cao trong công tác, sinh hoạt hàng ngày; có ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ đối với bảo vệ Tổ quốc.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao;
- Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng;

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam;
- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp: 80% trở lên
- Làm bài tập nhóm, tham gia thảo luận, tranh luận, bài thu hoạch... khi có yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh (Tập 1)* dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2010.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Hỏi đáp: môn học Giáo dục quốc phòng- an ninh.
- Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
- Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin
- Tạp chí QP toàn dân, AN nhân dân...
- Các văn bản hiện hành về GDQP-AN cho HSSV

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

TT	Tên bài	Tổng số tiết	Phân bố thời gian				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với c mạng VN	18	6	2	1		9
2	Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	12	4	1	1	0	6
3	Xây dựng lực lượng DQTV, lực lượng DBNV và động viên CN quốc phòng	12	4	1	1	0	6
4	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	12	4	1	1	0	6
5	Một số nd cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đ. tranh ph.chống địch lợi dụng vấn đề dtộc và tgiáo chống phá c mạng VN	12	4	1	1	0	6
6	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội	6	1	1	1	0	3
7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh TQ	6	1	1	1	0	3
8	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	12	4	1	1	0	6
Tổng		90	28	9	8	0	45

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Bài 8: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam

1. Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Chủ nghĩa xã hội.

1.1. Khái niệm “ diễn biến hòa bình”.

- 1.2. Sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình” .
2. Chiến lược “ diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.
 - 2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “ Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam.
 - 2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Cách mạng Việt Nam.
3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước ta phòng chống chiến lược “ diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ.
 - 3.1. Mục tiêu.
 - 3.2. Nhiệm vụ.
 - 3.3. Quan điểm chỉ đạo.
 - 3.4. Phương châm tiên hành.
4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.
 - 4.1. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế.
 - 4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ.
 - 4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.
 - 4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt.
 - 4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh.
 - 4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “DBHB”, BLLĐ của địch.
 - 4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động.

Bài 9: Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao

1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh
 - 1.1. Khái niệm.
 - 1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.
 - 1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.

2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao

2.1. Biện pháp thụ động.

2.2. Biện pháp chủ động.

Bài 10: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ.

1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

1.3. Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.1. Khái niệm, vị trí vai trò, những quan điểm nguyên tắc

2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên.

2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên.

2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên.

3. Động viên công nghiệp quốc phòng

3.1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng.

3.2. Một số nội dung công nghiệp quốc phòng.

3.3. Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng.

Bài 11: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

2.1. Biên giới quốc gia

2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

3. quan điểm của đảng, nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

3.1. Quan điểm

3.2. Trách nhiệm của công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

Bài 12: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

1.1. Một số vấn đề chung

1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta

2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2. Nguồn gốc, tính chất của tôn giáo

2.3. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

2.4. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

3.1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN của các thế lực thù địch.

3.2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN của các thế lực thù địch.

3.3. Giải pháp đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề DT, TG chống phá CMVN của các thế lực thù địch.

3.4. Tuyên truyền quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước

3.5. Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định CT-XH

3.6. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào dân tộc, các tôn giáo.

3.7. Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị

3.8. Chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng

Bài 13: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ ANQG và giữ gìn TTAT xã hội

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội
 - 2.1. Một số nét về tình hình an ninh quốc gia
 - 2.2. Tình hình về trật tự an toàn xã hội
3. Dự báo tình hình an ninh QG, trật tự an toàn XH trong thời gian tới
 - 3.1. Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp
 - 3.2. Tình hình Đông Nam Á còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định
 - 3.3. Những thuận lợi khó khăn của ta trong bảo vệ AN QG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
 - 4.1. Nhận thức về đối tác, đối tượng
 - 4.2. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia
 - 4.3. Đối tượng xâm phạm về trật tự an toàn xã hội
 - 4.4. Các tai nạn, tệ nạn xã hội
5. Quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
 - 5.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt.
 - 5.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc
 - 5.3. Bảo vệ an ninh quốc gia gắn chặt phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
6. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
 - 6.1. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
 - 6.2. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Bài 14: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

- 1.1. Quan điểm và vai trò quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- 1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh
 - 2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
 - 2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.
 - 3.1. Sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ ANTT
 - 3.2. SV tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo ANTT của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.
 - 3.3. Tích cực tham gia các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương
 - 3.4. Nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống TP ở địa phương

Bài 15: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và TNXH

1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
 - 1.1. Khái niệm phòng chống tội phạm.
 - 1.2. Nội dung, nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm.
 - 1.4. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm
 - 1.5. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm, đối tượng hoạt động TNXH
 - 2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống TNXH.
 - 2.3. Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống
 - 2.4. Trách nhiệm của nhà trường và sinh viên trong phòng chống tệ nạn xã hội

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành các khối ngành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: Sau tuần thứ 8
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15
- Giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh trước khi thực hiện kế hoạch giảng dạy phải được tập huấn về nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3

1. Tên học phần: **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3**
2. Mã học phần: 17200006
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Ngọc Kiệt	CN. Quân sự	TT GDQP - TC
7	Nguyễn Xuân Phúc	ThS. GDH	TT GDQP – TC
8	Lê Văn Thanh	CN. TC-GDQP	TT GDQP – TC
9	Phạm Văn Kiên	ThS. GDH	TT GDQP – TC

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Giáo dục quốc phòng an ninh 2
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Công tác quốc phòng – an ninh của Đảng và nhà nước.
- Công tác phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao;

- Công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo VN

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nắm được như điều lệnh đội ngũ, tính năng chiến đấu, cấu tạo tác dụng và sử dụng các loại súng bộ binh trong chiến đấu; nắm được cách băng bó một số vết thương do chiến tranh gây ra.

- Về kỹ năng:

+ Biết thực hành các động tác điều lệnh đội ngũ từng người, biết sử dụng một số loại vũ khí thông thường; và một số kỹ thuật băng bó vết thương hở phần mềm; có thể vận dụng kiến thức về chiến thuật bộ binh trong chiến đấu.

- Về thái độ:

+ Có phong kỷ luật cao trong công tác, sinh hoạt hàng ngày; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Đội ngũ từng người tay không, đội hình đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, hiểu biết một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu ban đầu các vết thương chiến tranh.
- Một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh nhờ các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, của cá nhân trong chiến đấu

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập theo yêu cầu của giảng viên
- Tham dự giờ học trên lớp: 80% trở lên
- Tích cực luyện tập, tham gia hội thao đạt kết quả tốt.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh (Tập 2)* dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2010.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Hồi đáp: môn học Giáo dục quốc phong- an ninh.
- Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
- Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin
- Tạp chí QP toàn dân, AN nhân dân...
- Các văn bản hiện hành về GDQP-AN cho HSSV

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

TT	Tên bài	Tổng số tiết	Phân bổ thời gian				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Đội ngũ từng người	10	0	0	0	5	5
2	Đội ngũ đơn vị	10	0	0	0	5	5
3	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	10	0	0	0	5	5
4	Bản đồ địa hình quân sự	10	0	0	0	5	5
5	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	20	0	0	0	10	10
6	Các tư thế vận động trên chiến trường	20	0	0	0	10	10

7	Các tư thế, động tác bắn tiêu liên AK	10	0	0	0	5	5
8	Ngắm bắn; ngắm chụm, trúng	10	0	0	0	5	5
9	Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK	20	0	0	0	10	10
Tổng		120	0	0	0	60	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Bài 1: Điều lệnh đội ngũ từng người tay không

1. Nghiêm nghị, quay tại chỗ, qua phải qua trái, tiến lùi
2. Đi đều, đứng lại, đổi chân trong khi đi

Bài 2: Điều lệnh đội ngũ đơn vị

1. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang
2. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang
3. Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc
4. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

Bài 3: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

1. Súng tiêu liên AK:
2. Súng trường CKC

Bài 4: Bản đồ địa hình quân sự

1. Đại cương về bản đồ
 - 1.1. Khái niệm, ý nghĩa:
 - 1.2. Phân loại, công dụng; đặc điểm bản đồ địa hình
2. Cách sử dụng bản đồ
 - 2.1. Đo cự ly, diện tích trên bản đồ
 - 2.1.1. Đo cự li
 - 2.1.2. Đo diện tích
 - 2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu
 - 2.2.1. Tọa độ sơ lược
 - 2.2.2. Tọa độ ô 4

2.2.3. Toạ độ ô 9

2.2.4. Toạ độ chính xác của một điểm

2.3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa

2.3.1. Định hướng bản đồ

2.3.2. Xác định điểm đứng trên bản đồ

2.4. Đối chiếu bản đồ với thực địa

2.4.3. Các phương pháp đối chiếu

Bài 5: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.

1. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh

1.1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh

1.2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí thông thường gây

2. Băng bó vết thương, chuyển thương

2.1. Thực hành băng một số vết thương

2.1.1 Băng bàn chân, bàn tay

2.1.2. Băng cẳng chân, cẳng tay

2.1.3. Băng khuỷu tay, đầu gối

2.1.4. Băng bụng

2.1.5. Băng một bên ngực (Băng xuyên ngực)

2.1.6. Băng vai, nách

2.1.7. Băng một mắt

2.1.8. Băng trán kiểu vành khăn

2.1.9. Băng đầu kiểu quai mũ

2.2. Chuyển thương

Bài 6: Các tư thế vận động trên chiến trường

1. Động tác đi khom cao, khom thấp, chạy khom

2. Động tác lê cao, lê thấp

3. Động tác bò cao, bò thấp

4. Động tác trườn

5. Động tác lăn ngấn, vọt tiến

Bài 7: Các tư thế, động tác bắn

1. Động tác nằm bắn
2. Động tác quỳ bắn
3. Động tác đứng bắn

Bài 8: Ngắm bắn, ngắm chụm, trúng

1. Ngắm bắn
 - 1.1. Khái niệm về ngắm bắn
 - 1.2. Thứ tự thực hành ngắm bắn
 - 1.3. Ảnh hưởng của ngắm đến kết quả bắn
 - 1.4. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm
2. Ngắm chụm, trúng
 - 2.1. Ngắm chụm
 - 2.1.1. Công tác chuẩn bị
 - 2.1.2. Cách tiến hành
 - 2.2. Ngắm trúng và chụm
 - 2.2.1. Công tác chuẩn bị
 - 2.2.2. Động tác ngắm trúng và chụm

Bài 9: Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng AK

1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu
2. Điều kiện bài bắn
3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm
4. Thực hành tập bắn

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành các khối ngành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: Sau tuần thứ 8

- + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15
- Giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh trước khi thực hiện kế hoạch giảng dạy phải được tập huấn về nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.13. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN A1

1. Tên học phần: ANH VĂN A1
2. Mã học phần: 21200004
3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Châu Anh	Tiến sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
2	Trần Tín Nghị	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
3	Lê Thanh Sang	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
4	Ronilo N. Albestor	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
5	Policarpio Alabe	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
6	Edna B. Layba	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
7	Florence O. Ekid	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Anh văn A0 (Đối với Sinh viên không đạt điểm kiểm tra trình độ thi đầu vào)
- Học phần trước: Anh văn A0 (Đối với Sinh viên không đạt điểm kiểm tra trình độ thi đầu vào)
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ A1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TT-BGDĐT trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- Học phần tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ theo 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên nước ngoài trong 1/3 Chương trình

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nắm được các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền sơ cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: các dạng câu hỏi WH, các loại động từ, đại từ, sở hữu cách, thì hiện tại, thì quá khứ, v.v;

+ Thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe

Nghe trọng âm, hậu tố, cách nối từ, các tình huống giao tiếp cơ bản...

Nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền từ để hoàn thành câu, đoạn văn; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng...

+ Kỹ năng nói

Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như giới thiệu bản thân, chào hỏi, trao đổi thông tin cá nhân.

Học các từ, cụm từ theo ngữ cảnh để có thể giao tiếp trong các tình huống đặc biệt.

Trình bày sở thích, hỏi xin phép, đưa ra các đề nghị.

Cách thể hiện sự hứng thú và mong muốn tiếp tục cuộc hội thoại...

+ Kỹ năng đọc

Nắm vững cách dùng từ trong các tình huống cụ thể.

Làm quen với những văn bản, bài báo, chương trình truyền hình được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.

Luyện tập các kỹ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết).

+ Kỹ năng viết

Thành lập câu bằng cách sắp xếp từ, nối cụm từ.

Chọn từ phù hợp để hoàn tất nội dung cho sẵn.

Viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn.

Đặt câu hỏi với từ cho sẵn.

Viết về những chủ đề đơn giản như gia đình, thói quen hằng ngày, sự kiện đặc biệt trong năm...

– **Về thái độ:**

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuần.

+ Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu.

+ Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

– Chương trình này bao gồm 06 bài học từ bài 1 đến bài 6. Mỗi bài học với chủ đề riêng bao gồm nội dung về từ vựng và ngữ pháp đáp ứng các yêu cầu trong cấp độ Tiếng Anh A1 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam.

– Chương trình này được xây dựng dựa trên phương pháp giao tiếp, tập trung vào những kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói trong các tình huống xã hội.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.

– Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.

– Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Chris, R., & Gillie, *Face2face*, Cambridge University Press, 2008.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] A. J. Thomson & A. V. Martinet, *A Practical English Grammar*, Oxford University Press, 1986.

[2] Mark H, *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press, 2003.

[3] Jack, C. R, *Tactics for Listening (Developing)*, Oxford University Press, 2003.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00 %
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Unit 1. Meeting people	24	8	0	0	0	16
2	Unit 2. People and possessions	21	7	0	0	0	14
3	Unit 3. Daily life	24	8	0	0	0	16
4	Unit 4. Time off	21	7	0	0	0	14
5	Unit 5. Homes and shops	21	7	0	0	0	14
6	Unit 6. Good times, bad times	24	8	0	0	0	16
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Unit1. Meeting people

1A. Where are you from?

1B. In the coffee break

1C. Personal details

1D. Lost property

Unit 2. People and possessions

2A. What's important to you?

2B. Meet the Robinsons

2C. Time and money

2D. Where's the baby?

Unit 3. Daily life

3A. A glamorous life?

3B. Evening and weekends

3C. Special days

3D. Early bird or night owl?

Unit 4. Time off

4A. Away from home

4B. First Date!

4C. Eating out

4D. Breaking time

Unit 5. Homes and shops

5A. My kind of place

5B. Renting a flat

5C. At the shops

5D. In fashion

Unit 6. Good times, bad times

6A. Three generations

6B. People who changed the world

6C. Four weekends

6D. The good and the bad

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, itools, minibboards, tranh ảnh ...

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh học từ năm học 2017 – 2018 trở đi.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần
 - + Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Giám đốc

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.14. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN A2

1. Tên học phần: ANH VĂN A2
2. Mã học phần: 21200005
3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Châu Anh	Tiến sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
2	Trần Tín Nghị	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
3	Lê Thanh Sang	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
4	Ronilo N. Albestor	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
5	Policarpio Alabe	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
6	Edna B. Layba	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
7	Florence O. Ekid	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Anh văn A1
- Học phần trước: Anh văn A1
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ A2 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TT-BGDĐT

trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Học phần tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ theo 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên nước ngoài trong 1/3 Chương trình.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

+ Nắm được các điểm ngữ pháp ở mức độ sơ cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ, hiện tại hoàn thành, tương lai gần; so sánh hơn, so sánh nhất, động từ khiếm khuyết, câu mệnh lệnh, v.v.;

+ Thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.

– Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe

Nghe điện thoại, bài hát, cuộc hội thoại, tin tức, câu chuyện cá nhân...

Nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền thông tin, đoạn văn; chọn từ đúng; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng...

Nghe và rèn cách phát âm của từ như các âm cuối, trọng âm; nối âm; các âm yếu; ngữ điệu của câu; câu nói nhanh.

+ Kỹ năng nói

Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản trong giao tiếp xã hội hàng ngày.

Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như mua bán, đặt chỗ, tán gẫu...

Hỏi và trả lời những câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như tin tức thời sự, sức khỏe.

Lên kế hoạch tương lai, nói chuyện qua điện thoại, hỏi và chỉ đường, giao tiếp tại sân bay...

+ Kỹ năng đọc

Hiểu những văn bản, bài báo, câu chuyện, quảng cáo, thư từ về những chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày;

Hiểu được sự khác nhau về văn hóa trong việc sử dụng ngôn ngữ

Luyện tập các kỹ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết).

+ Kỹ năng viết

Thành lập câu bằng cách sắp xếp từ.

Chọn từ đúng để viết, chọn từ phù hợp với văn viết.

Viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn.

Đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.

Viết về một số chủ đề như như kế hoạch, cho lời khuyên...

– **Về thái độ:**

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuần.

+ Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu;

+ Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

– Chương trình này bao gồm 06 bài học từ bài 7 đến bài 12. Mỗi bài học với chủ đề riêng bao gồm nội dung về từ vựng và ngữ pháp theo yêu cầu của trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

– Chương trình này được xây dựng dựa trên phương pháp giao tiếp, tập trung vào những kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói trong các tình huống xã hội.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.

– Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.

– Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Chris, R., & Gillie, *Face2face*, Cambridge University Press, 2008.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] A. J. Thomson & A. V. Martinet, *A Practical English Grammar*, Oxford University Press, 1986.

[2] Mark H, *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press, 2003.

[3] Jack, C. R, *Tactics for Listening (Developing)*, Oxford University Press, 2003.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00 %
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Unit 7. Films, music, news	24	8	0	0	0	16
2	Unit 8. Let's go away	21	7	0	0	0	14
3	Unit 9. All in a day's work	24	8	0	0	0	16
4	Unit 10. Mind and body	21	7	0	0	0	14
5	Unit 11. Future plans	21	7	0	0	0	14
6	Unit 12. Life experiences	24	8	0	0	0	16
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Unit 7. Films, music, news

7A. Licence to kill

7B. My music

7C. What's in the news?

7D. Do you know any jokes?

Unit 8. Let's go away

8A. Holiday USA

8B. A trip to Thailand

8C. Planning a day out

8D. Come to the wedding

Unit 9. All in a day's work

9A. The meeting

9B. Strike!

9C. On the phone

9D. The Adventure Centre

Unit 10. Mind and body

10A. A healthy heart

10B. What's he like?

10C. I feel terrible!

10D. Are you SAD in winter?

Unit 11. Future plans

11A. New Year's resolutions

11B. No more exams!

11C. Finding your way

11D. The grass is always greener

Unit 12. Life experiences

12A. World records

12B. Have you ever...?

12C. Have a good trip!

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, itools, minibboards, tranh ảnh...

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh học từ năm học 2017 – 2018 trở đi.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần
 - + Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Giám đốc

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.15. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN B1

1. Tên học phần: ANH VĂN B1
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Châu Anh	Tiến sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
2	Trần Tín Nghị	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
3	Lê Thanh Sang	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
4	Ronilo N. Albestor	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
5	Policarpio Alabe	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
6	Edna B. Layba	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
7	Florence O. Ekid	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Anh văn A2
- Học phần trước: Anh văn A2
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ B1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TT-BGDĐT

trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Học phần tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ theo 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên nước ngoài trong 1/3 Chương trình.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nắm được các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền trung cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: các thì của động từ; cấu trúc so sánh; các dạng câu hỏi; từ nối, giới từ; loại từ; cách thành lập từ; tiền tố, hậu tố; sự hòa hợp giữa danh từ và động từ...

+ Thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe

Nghe các cuộc hội thoại, chương trình truyền hình, cuộc phỏng vấn, bài nói chuyện, câu chuyện, bài phát biểu cá nhân, các mô tả...

Nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền từ để hoàn thành câu, đoạn văn; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng...

Nghe và rèn cách phát âm của từ như các nguyên âm, phụ âm, âm cuối, trọng âm; nối âm; ngữ điệu của câu.

+ Kỹ năng nói

Giao tiếp được trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về chủ đề giao tiếp xã hội hàng ngày;

Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, xin lỗi, cảm ơn, chúc tụng...

Hỏi và trả lời những câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như bản thân, thói quen hàng ngày, du lịch, mơ ước...;

Miêu tả cảm xúc, thái độ...

Kể chuyện, miêu tả một cách đơn giản các hoạt động, sự kiện; miêu tả một địa điểm, kinh nghiệm cá nhân...

+ Kỹ năng đọc

Hiểu những văn bản, bài báo ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày;

Nhàn nhuỷễn các kỹ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết).

+ Kỹ năng viết

Thành lập câu bằng cách sắp xếp từ.

Chọn từ đúng để viết, chọn từ phù hợp với văn viết.

Viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn.

Viết về những chủ đề đơn giản như bản thân, thời gian rỗi, nơi chốn, du lịch...

– **Về thái độ:**

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học;

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuấn;

+ Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu;

+ Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

– Chương trình này bao gồm 06 bài học từ bài 1 đến bài 6. Mỗi bài học với chủ đề riêng bao gồm nội dung về từ vựng và ngữ pháp theo yêu cầu của trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

– Chương trình này được xây dựng dựa trên phương pháp giao tiếp, tập trung vào những kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói trong các tình huống xã hội.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.

- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Chris, R., & Gillie, *Face2face*, Cambridge University Press, 2008.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] A. J. Thomson & A. V. Martinet, *A Practical English Grammar*, Oxford University Press, 1986.

[2] Mark H, *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press, 2003.

[3] Jack, C. R, *Tactics for Listening (Developing)*, Oxford University Press, 2003.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00%
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Unit 1. Work, rest and play	24	8	0	0	0	16
2	Unit 2. Beginnings	21	7	0	0	0	14
3	Unit 3. The world of work	24	8	0	0	0	16
4	Unit 4. That's entertainment	21	7	0	0	0	14

5	Unit 5. Into the future	21	7	0	0	0	14
6	Unit 6. Family and friends	24	8	0	0	0	16
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Unit 1. Work, rest and play

1A. Life stories

1B. Supper commuters

1C. Time to relax

1D. Speed dating

Unit 2. Beginnings

2A. Starting small

2B. First meetings

2C. The 1001 Nights

2D. Small talk

Unit 3. The world of work

3A. Getting qualified

3B. Job-hunting

3C. Strange jobs

3D. I'm really sorry!

Unit 4. That's entertainment

4A. The silver screen

4B. The rhythm of life

4C. TV or not TV?

4D. What do you think

Unit 5. Into the future

5A. Man or machine?

5B. Never too old

5C. Out of this world

5D. It's for charity

Unit 6. Family and friends

6A. Life with teenagers

6B. Roles people play

6C. Family Business

6D. Call me back

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, itools, minibboards, tranh ảnh...

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh học từ năm học 2017 – 2018 trở đi.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần
 - + Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Giám đốc

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN B2

1. Tên học phần: ANH VĂN B2
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Châu Anh	Tiến sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
2	Trần Tín Nghị	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
3	Lê Thanh Sang	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
4	Ronilo N. Albestor	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
5	Policarpio Alabe	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
6	Edna B. Layba	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
7	Florence O. Ekid	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Anh văn B1
- Học phần trước: Anh văn B1
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ B2 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TT-BGDĐT

trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Học phần tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ theo 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên nước ngoài trong 1/3 Chương trình.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nắm được các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền trung cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: các thì của động từ; cấu trúc so sánh; các dạng câu hỏi; từ nối, giới từ; loại từ; cách thành lập từ; tiền tố, hậu tố; sự hòa hợp giữa danh từ và động từ...

+ Thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe

Nghe các cuộc hội thoại, chương trình truyền hình, cuộc phỏng vấn, bài nói chuyện, câu chuyện, bài phát biểu cá nhân, các mô tả...

Nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền từ để hoàn thành câu, đoạn văn; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng...

Nghe và rèn cách phát âm của từ như các nguyên âm, phụ âm, âm cuối, trọng âm; nối âm; ngữ điệu của câu.

+ Kỹ năng nói

Giao tiếp được trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về chủ đề giao tiếp xã hội hàng ngày.

Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, xin lỗi, cảm ơn, chúc tụng...

Hỏi và trả lời những câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như bản thân, thói quen hàng ngày, du lịch, mơ ước...

Miêu tả cảm xúc, thái độ...

Kể chuyện, miêu tả một cách đơn giản các hoạt động, sự kiện; miêu tả một địa điểm, kinh nghiệm cá nhân...

+ Kỹ năng đọc

Hiểu những văn bản, bài báo ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày.

Nhuan nhuyễn các kỹ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết).

+ Kỹ năng viết

Thành lập câu bằng cách sắp xếp từ;

Chọn từ đúng để viết, chọn từ phù hợp với văn viết;

Viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn;

Viết về những chủ đề đơn giản như bản thân, thời gian rỗi, nơi chốn, du lịch...

– **Về thái độ:**

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuần.

+ Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu.

+ Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Chương trình này bao gồm 06 bài học từ bài 7 đến bài 12. Mỗi bài học với chủ đề riêng bao gồm nội dung về từ vựng và ngữ pháp theo yêu cầu của trình độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- Chương trình này được xây dựng dựa trên phương pháp giao tiếp, tập trung vào những kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói trong các tình huống xã hội.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.

- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Chris, R., & Gillie, *Face2face*, Cambridge University Press, 2008.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] A. J. Thomson & A. V. Martinet, *A Practical English Grammar*, Oxford University Press, 1986.

[2] Mark H, *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press, 2003.

[3] Jack, C. R, *Tactics for Listening (Developing)*, Oxford University Press, 2003.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00%
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Unit 7. You need a holiday	24	8	0	0	0	16
2	Unit 8. Different cultures	21	7	0	0	0	14
3	Unit 9. Life isn't perfect	24	8	0	0	0	16
4	Unit 10. Shop till you drop	21	7	0	0	0	14
5	Unit 11. Gossip and news	21	7	0	0	0	14

6	Unit 12. Family and friends	24	8	0	0	0	16
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Unit 7. You need a holiday

7A. 50 places to go

7B. What are you taking?

7C. Wish you were here

7D. I've got a problem

Unit 8. Different cultures

8A. Home sweet home

8B. Meet the parents

8C. Cultural differences

8D. What's Edinburge like?

Unit 9. Life isn't perfect

9A. Problems, problems

9B. Sleepless nights

9C. In the neighbourhood

9D. Invitations

Unit 10. Shop till you drop

10A. Going, going, gone!

10B. Changing trends

10C. Fashion victims

10D. Can I help you?

Unit 11. Gossip and news

11A. Guess what?

11B. Murder mystery

11C. Here is today's news

11D. Did you?

Unit 12. Achieving your goals

12A. A year off

12B. Taking chances

12C. Men of magic

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, itools, minibboards, tranh ảnh...

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh học từ năm học 2017 – 2018 trở đi.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Giám đốc

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.17. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Tên học phần: KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
2. Mã học phần: 0101007557
3. Số tín chỉ: 3 (1,2,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên hệ Đại học

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1.	Tất cả các giáo viên Khoa CNTT và giáo viên mời giảng của Khoa CNTT	Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân ngành CNTT	Khoa CNTT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 75 tiết
- Tự học: 150 tiết
- Lý thuyết: 15 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 60 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

- Học phần này giúp cho sinh viên có nền tảng, tạo tiền đề và công cụ cho tất cả các học phần có liên quan đến Công nghệ thông tin.
- Học phần này hỗ trợ sinh viên phân tích được tổng quan về Công nghệ thông tin
- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và hệ thống về Công nghệ thông tin hỗ trợ cho học tập, nghiên cứu và công việc.
- Học phần này giúp sinh viên hiểu biết về công nghệ thông tin, biết sử dụng máy tính, tạo kỹ năng về bàn phím, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, phân tích và thống kê dữ liệu.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm thông tin, dữ liệu, phần cứng, phần mềm.
 - + Mô tả được cấu trúc chung của máy tính và chức năng của các thành phần trong một máy tính.
 - + Nêu được khái niệm mạng máy tính, các mô hình mạng, các loại mạng, phân biệt được mạng cục bộ và mạng diện rộng.

- + Nêu được khái niệm Internet, phân biệt được các dịch vụ và phương thức kết nối Internet.
- + Nêu được khái niệm và chức năng của hệ điều hành, trình bày được đặc điểm của các hệ điều hành thông dụng như: Windows, Linux,...
- + Trình bày được ý nghĩa của các đối tượng File, Folder, Shortcut, Library và liệt kê được các thao tác cơ bản trên các đối tượng này.
- + Nêu được ý nghĩa và liệt kê được tên của các trình duyệt Web thông dụng.
- + Mô tả được chức năng của các dịch vụ cơ bản trên Internet (WWW, Email, Search Engine) và các ứng dụng của Google.
- + Trình bày được khái niệm soạn thảo văn bản và phần mềm soạn thảo văn bản, các chức năng chung của một phần mềm soạn thảo văn bản.
- + Nêu được ý nghĩa và trình tự các bước thực hiện các thao tác định dạng có trong chương trình.
- + Nêu được khái niệm bảng tính và phần mềm bảng tính.
- + Mô tả được chức năng của một phần mềm bảng tính, liệt kê được tên của một số phần mềm bảng tính thông dụng.
- + Trình bày được các thành phần giao diện trong Ms Excel, cách thức tạo và định dạng bảng tính, dàn trang, in ấn.
- + Trình bày được công dụng, cú pháp, trường hợp áp dụng của các hàm được học để xử lý dữ liệu.
- + Nêu được ý nghĩa và các bước thực hiện việc sắp xếp, trích lọc và biểu diễn dữ liệu.
- + Vận dụng các hàm được học để giải quyết các bài toán tính toán trong thực tiễn.
- + Nêu được khái niệm bài thuyết trình và phần mềm trình chiếu, chức năng chung của một phần mềm trình chiếu.
- + Trình bày được các thành phần và chức năng của chúng trên giao diện người dùng của Ms PowerPoint.
- + Giải thích được các bước xây dựng một bài thuyết trình chuyên nghiệp, từ bước chuẩn bị đến hoàn thiện bài thuyết trình.
- + Phân biệt được dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng.
- + Tạo được các biến, nhập dữ liệu, trình bày dữ liệu thống kê.
- + Thực hiện được kiểm định giữa 2 biến định tính, kiểm định trung bình tổng thể và kiểm định phương sai.
- + Diễn giải được hệ số tương quan và thiết lập được phương trình hồi quy tuyến tính đơn, hồi quy tuyến tính bội giữa các biến.

– Về kĩ năng:

+ Nhận biết được các thành phần trong hệ thống máy tính bằng hình ảnh; mô phỏng được quá trình lắp ráp máy tính cá nhân bằng phần mềm lắp ráp máy tính ảo.

+ Sử dụng thành thạo chương trình Computer để quản lý tập tin, thư mục; sử dụng thành thạo các phần mềm tiện ích: trình duyệt web, phần mềm hỗ trợ gõ tiếng Việt, nén/giải nén, Sticky Notes, Snipping Tool, Zoomit, Camtasia.

+ Thiết lập được cấu hình hệ thống trên Windows phù hợp với yêu cầu của người sử dụng

+ Sử dụng thành thạo các dịch vụ cơ bản trên Internet như: Web, Email, tìm kiếm thông tin; sử dụng được các dịch vụ của Google như: Google Docs, Google Drive, Google Sites, Google Calendar, Google Forms.

+ Sử dụng thành thạo Ms Word để soạn thảo được các văn bản theo yêu cầu, đặc biệt là các văn bản dài như: đề án môn học, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học...

+ Sử dụng thành thạo Ms Excel để tạo và định dạng được bảng tính theo yêu cầu; thiết lập dàn trang, in ấn, lưu trữ, bảo mật bảng tính; áp dụng các hàm được học để thực thi các tính toán; thực hiện được việc sắp xếp, trích lọc, biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ.

+ Thực hiện thành thạo các kỹ năng cơ bản và nâng cao trong Ms PowerPoint để tạo và hiệu chỉnh bài thuyết trình như: Tạo và quản lý slide, thao tác với các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, bảng biểu, biểu đồ, làm việc với các hiệu ứng động.

+ Thực hiện thành thạo kỹ năng phân tích và trình bày dữ liệu thống kê ở mức cơ bản trên phần mềm SPSS.

– Về thái độ:

+ Có thái độ khách quan, trung thực, có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong học tập nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết về công nghệ thông tin để ứng dụng trong học tập nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.

+ Có ý thức tôn trọng bản quyền và bảo mật thông tin.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

– **Hiểu biết về công nghệ thông tin:** Các khái niệm cơ bản, các thành phần của hệ thống máy tính, mạng máy tính và Internet, các ứng dụng của Công nghệ thông tin–Truyền thông, vấn đề bản quyền, bảo vệ dữ liệu.

– **Sử dụng máy tính:** Tổng quan về hệ điều hành, làm việc với hệ điều hành Windows, làm việc với một số phần mềm tiện ích thông dụng, sử dụng tiếng Việt.

– **Xử lý văn bản:** Giới thiệu chung về Ms Word, định dạng văn bản, làm việc với các đối tượng đồ họa, bảng biểu, định dạng tự động với Style, tạo mục lục, bảo mật tài liệu, in ấn.

– **Sử dụng bảng tính:** Làm quen với màn hình giao diện Ms Excel, Workbook, Worksheet, thực hiện lưu trữ, tạo và định dạng bảng tính, định dạng số liệu, tính toán trên dữ

liệu, sắp xếp, tìm kiếm, trích lọc, biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ, thiết lập trang in và chọn lựa các chức năng in phù hợp với mục đích người dùng.

– **Sử dụng trình chiếu:** Tổng quan về Ms PowerPoint, tạo bài thuyết trình cơ bản, làm việc với bảng biểu, biểu đồ, các đối tượng đồ họa và đa phương tiện, hoàn thiện và chia sẻ bài thuyết trình.

– **Sử dụng Internet:** Sử dụng trình duyệt Web, các dịch vụ cơ bản trên Internet (WWW, Email, Search Engine), các ứng dụng của Google.

– **Phân tích và thống kê dữ liệu:** Tạo biến, nhập liệu, lập các bảng thống kê, kiểm định dữ liệu, phân tích hồi quy

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% giờ học trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự kiểm tra cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Khoa Công nghệ Thông tin, *Kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Hoàng Kiếm, Nguyễn Đức Thắng, Đinh Nguyễn Anh Dũng, *Giáo trình Tin học Đại cương AI*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2007.
- [2] Nguyễn Thanh Phương, Đặng Bình Phương, *Tin học cơ sở*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2010.
- [3] Hoàng Nguyên, Minh Tuấn, *Hướng Dẫn Sử Dụng Microsoft Windows 7*, NXB Hồng Đức, 2012.
- [4] Nguyễn Trường Sinh, *Hướng dẫn sử dụng Internet*, NXB Lao động – Xã hội, 2008.
- [5] Phạm Quang Huy – Võ Duy Thanh Tâm, *Giáo trình Word 2010*, NXB Thông tin và truyền thông, 2010.
- [6] Nguyễn Đình Tê, *Tự Học Excel 2010 & PowerPoint 2010*, NXB Phương Đông, 2011.
- [7] Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, 2008.
- [8] Pradeep K. Sinha, Priti Sinha, *Computer Fundamentals (Sixth Edition)*, BPB Publications, 2007.
- [9] Joan Preppernau, Joyce Cox, *Windows 7 Step by Step*, Microsoft Press, 2010.
- [10] Joyce Cox, Joan Lambert, *Microsoft Word, Excel, PowerPoint 2010 Step by Step*, Microsoft Press, 2010.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình: 40%

– Kiểm tra cuối học phần: 60%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Hiểu biết về công nghệ thông tin	15	3	0	0	2	10
2	Sử dụng máy tính	42	2	0	0	12	28
3	Xử lý văn bản	45	2	0	0	13	30
4	Sử dụng bảng tính	45	2	0	0	13	30
5	Sử dụng trình chiếu	39	2	0	0	11	26
6	Sử dụng Internet	15	2	0	0	3	10
7	Phân tích và thống kê dữ liệu	24	2	0	0	6	16
Tổng		225	15	0	0	60	150

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin

1.1. Tổng quan về máy tính

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.2. Các loại máy tính

1.1.3. Sơ đồ cấu trúc chung của một máy tính

1.2. Phần cứng

1.2.1. Bộ xử lý trung tâm

1.2.2. Bộ nhớ

1.2.3. Thiết bị nhập/xuất

1.2.4. Thiết bị mạng

1.2.5. Cổng giao tiếp

1.3. Phần mềm

1.3.1. Khái niệm

1.3.2. Phân loại phần mềm

1.3.3. Các bước cơ bản tạo ra phần mềm

- 1.4. Mạng máy tính
 - 1.4.1. Khái niệm mạng máy tính
 - 1.4.2. Các mô hình mạng
 - 1.4.3. Phân loại mạng máy tính
- 1.5. Tổng quan về Internet
 - 1.5.1. Khái niệm Internet
 - 1.5.2. Giao tiếp giữa các máy tính trên Internet
 - 1.5.3. Các dịch vụ và phương thức kết nối Internet
- 1.6. Ứng dụng của Công nghệ thông tin – Truyền thông
 - 1.6.1. Ứng dụng trong kinh doanh
 - 1.6.2. Ứng dụng trong giáo dục
 - 1.6.3. Ứng dụng trong y tế
 - 1.6.4. Ứng dụng trong các dịch vụ công
- 1.7. Virus máy tính và cách phòng chống
 - 1.7.1. Khái niệm
 - 1.7.2. Tác hại của virus máy tính
 - 1.7.3. Các hình thức lây nhiễm
 - 1.7.4. Cách phòng chống và ngăn chặn tác hại của virus
 - 1.7.5. Phần mềm diệt virus
- 1.8. Tìm hiểu về bản quyền và bảo vệ dữ liệu
 - 1.8.1. Bản quyền
 - 1.8.2. Bảo vệ dữ liệu
- 1.9. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng Công nghệ thông tin – Truyền thông

Chương 2. Sử dụng máy tính

- 2.1. Tổng quan về hệ điều hành
 - 2.1.1. Khái niệm hệ điều hành
 - 2.1.2. Chức năng của hệ điều hành
 - 2.1.3. Một số hệ điều hành thông dụng
- 2.2. Làm việc với hệ điều hành
 - 2.2.1. Giới thiệu hệ điều hành Windows
 - 2.2.2. Đăng nhập và thoát khỏi Windows
 - 2.2.3. Làm quen với môi trường làm việc của Windows
- 2.3. Quản lý tập tin và thư mục
 - 2.3.1. Khái niệm tập tin, thư mục, shortcut
 - 2.3.2. Làm việc với tập tin, thư mục
 - 2.3.3. Làm việc với shortcut

- 2.4. Sử dụng Control Panel
 - 2.4.1. Tùy biến môi trường làm việc
 - 2.4.2. Quản lý tài khoản người dùng
 - 2.4.3. Cài đặt và gỡ bỏ phần mềm ứng dụng
 - 2.4.4. Cài đặt và sử dụng máy in
- 2.5. Cài đặt và sử dụng một số phần mềm ứng dụng phổ biến
 - 2.5.1. Phần mềm Snipping Tool
 - 2.5.2. Phần mềm Sticky Notes
 - 2.5.3. Phần mềm Caculator
 - 2.5.4. Phần mềm WinRar/WinZip
 - 2.5.5. Phần mềm Zoomit
 - 2.5.6. Phần mềm Camtasia
- 2.6. Sử dụng tiếng Việt
 - 2.6.1. Bảng mã và phong chữ tiếng Việt
 - 2.6.2. Kiểu gõ tiếng Việt
 - 2.6.3. Sử dụng phần mềm gõ tiếng Việt
- 2.7. Kỹ thuật sử dụng bàn phím
 - 2.7.1. Làm quen với bàn phím máy tính
 - 2.7.2. Tư thế ngồi và vị trí các ngón tay
 - 2.7.3. Tập đánh máy các hàng/nhóm phím
 - 2.7.4. Luyện đánh máy bằng phần mềm Typing Master

Chương 3. Xử lý văn bản

- 3.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản và MS Word
 - 3.1.1. Văn bản và soạn thảo văn bản trên máy tính
 - 3.1.2. Làm quen với Ms Word
 - 3.1.3. Một số thao tác cơ bản trong soạn thảo văn bản với Ms Word
- 3.2. Định dạng văn bản
 - 3.2.1. Định dạng ký tự
 - 3.2.2. Định dạng đoạn văn bản
- 3.3. Làm việc với bảng và các đối tượng đồ họa
 - 3.3.1. Tạo và làm việc với bảng
 - 3.3.2. Làm việc với đối tượng đồ họa
- 3.4. Định dạng tự động với Style
 - 3.4.1. Tạo style mới
 - 3.4.2. Áp dụng style cho văn bản
- 3.5. Tạo mục lục tự động
 - 3.5.1. Tạo mục lục nội dung (Table of Contents)

- 3.5.2. Tạo mục lục hình ảnh (Table of Figures)
- 3.6. Tạo chú giải ở cuối trang (Footnote) và cuối tài liệu (Endnote)
 - 3.6.1. Tạo và hiệu chỉnh Footnote
 - 3.6.2. Tạo và hiệu chỉnh Endnote
- 3.7. Chèn tiêu đề đầu trang (Header) và tiêu đề cuối trang (Footer)
 - 3.7.1. Chèn Header
 - 3.7.2. Chèn Footer
 - 3.7.3. Đánh số trang
 - 3.7.4. Hiệu chỉnh Header và Footer
- 3.8. Bảo mật tài liệu
 - 3.8.1. Bảo vệ tập tin văn bản
 - 3.8.2. Bảo vệ nội dung văn bản
- 3.9. Định dạng trang và in ấn
 - 3.9.1. Định dạng trang
 - 3.9.2. In văn bản

Chương 4. Sử dụng bảng tính

- 4.1. Làm quen với Ms Excel
 - 4.1.1. Bảng tính và phần mềm bảng tính
 - 4.1.2. Cửa sổ làm việc của Ms Excel
 - 4.1.3. Các thao tác cơ bản trên bảng tính
 - 4.1.4. Quản lý Workbook
- 4.2. Tạo và định dạng bảng tính
 - 4.2.1. Các loại dữ liệu
 - 4.2.2. Nhập và hiệu chỉnh dữ liệu
 - 4.2.3. Định dạng bảng tính
 - 4.2.4. Định dạng trang và in ấn
- 4.3. Thực hiện tính toán sử dụng công thức và hàm
 - 4.3.1. Sử dụng công thức
 - 4.3.2. Sử dụng một số hàm cơ bản
- 4.4. Sắp xếp, trích lọc, tổng hợp và biểu diễn dữ liệu
 - 4.4.1. Sắp xếp và trích lọc dữ liệu
 - 4.4.2. Tổng hợp dữ liệu
 - 4.4.3. Biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ

Chương 5. Sử dụng trình chiếu

- 5.1. Tổng quan về bài thuyết trình và Ms PowerPoint
 - 5.1.1. Bài thuyết trình và phần mềm trình chiếu
 - 5.1.2. Làm quen Ms PowerPoint

- 5.2. Tạo bài thuyết trình cơ bản
 - 5.2.1. Thao tác với slide
 - 5.2.2. Thao tác với văn bản trong slide
 - 5.2.3. Định dạng slide
 - 5.2.4. Tạo liên kết (Hyperlink)
 - 5.2.5. Tạo hiệu ứng cho bài thuyết trình
 - 5.2.6. Sử dụng Slide Master
- 5.3. Làm việc với bảng biểu và biểu đồ
 - 5.3.1. Làm việc với bảng
 - 5.3.2. Làm việc với biểu đồ
- 5.4. Làm việc với các đối tượng đồ họa
 - 5.4.1. Thêm các đối tượng đồ họa
 - 5.4.2. Định dạng các đối tượng đồ họa
- 5.5. Hoàn thiện và trình chiếu bài thuyết trình
 - 5.5.1. Hoàn thiện bài thuyết trình
 - 5.5.2. Trình chiếu bài thuyết trình

Chương 6. Sử dụng Internet

- 6.1. Sử dụng trình duyệt web
 - 6.1.1. Chức năng và hoạt động của các trình duyệt web
 - 6.1.2. Một số trình duyệt web thông dụng
 - 6.1.3. Thao tác với trình duyệt
- 6.2. Sử dụng một số dịch vụ cơ bản trên Internet
 - 6.2.1. World Wide Web
 - 6.2.2. Thư điện tử
 - 6.2.3. Tìm kiếm thông tin
- 6.3. Làm việc với các ứng dụng của Google
 - 6.3.1. Google Mail
 - 6.3.2. Google Drive
 - 6.3.3. Google Docs
 - 6.3.4. Google Sites
 - 6.3.5. Google Forms
- 6.4. Sử dụng website thương mại điện tử và ngân hàng điện tử
 - 6.4.1. Các chức năng của website thương mại điện tử và ngân hàng điện tử
 - 6.4.2. Sử dụng các chức năng cơ bản của website thương mại điện tử
 - 6.4.3. Sử dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử cơ bản

Chương 7. Phân tích và thống kê dữ liệu

- 7.1. Tạo biến và nhập liệu

- 7.1.1. Phân loại dữ liệu
- 7.1.2. Các loại thang đo
- 7.1.3. Tạo biến
- 7.1.4. Nhập dữ liệu
- 7.1.5. Làm sạch dữ liệu
- 7.2. Thống kê dữ liệu
 - 7.2.1. Bảng tần số
 - 7.2.2. Bảng thống kê mô tả
 - 7.2.3. Bảng tổng hợp nhiều biến
- 7.3. Kiểm định dữ liệu
 - 7.3.1. Kiểm định mối liên hệ giữa 2 biến định tính
 - 7.3.2. Kiểm định trung bình tổng thể
 - 7.3.3. Kiểm định phương sai
- 7.4. Tương quan và hồi quy tuyến tính
 - 7.4.1. Hệ số tương quan
 - 7.4.2. Hồi quy tuyến tính đơn
 - 7.4.3. Hồi quy tuyến tính bội

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Bảng, bút lông, projector hoặc phần mềm NetOp School/NetSupport School, máy tính cài hệ điều hành Windows, trình duyệt web.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo.

18. Hướng dẫn thực hiện

Học phần này tổ chức giảng dạy trong học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 năm thứ nhất của các hệ đào tạo

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017
Trưởng Khoa CNTT

Ngày tháng năm 2017
Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017
Người biên soạn

2.18. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Tên học phần: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Nhân Thành	TS. Ngôn Ngữ học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Công Danh	ThS. Việt Nam học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học xong học phần này sinh viên sẽ:

- Nhận biết về loại hình văn hoá cơ bản.
- Phân biệt được văn hoá Việt Nam theo không gian, thời gian, chủ thể.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức

- + Mô tả được văn hoá Việt Nam theo lý thuyết cấu trúc loại hình
- + Phân loại các bình diện văn hoá Việt Nam với những đặc điểm chính yếu theo hệ thống loại hình.

- Về kỹ năng

+ Có sự hiểu biết khái quát về những bình diện văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử.

+ Có khả năng vận dụng lý thuyết về các đặc trưng văn hoá Việt Nam vào thiết kế, tổ chức tour du lịch.

- Về thái độ

+ Có thái độ ham học hỏi cầu tiến, chuyên cần.

+ Có ý thức quảng bá hình ảnh đất nước và xây dựng nên văn hoá giàu tính nhân văn.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Các khái niệm về văn hóa trong phân biệt với văn minh, văn hiến.
- Các vấn đề lý luận về cấu trúc văn hóa, loại hình văn hóa cũng như ứng dụng chi tiết của nó trên bốn lĩnh vực: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử môi trường xã hội.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2005.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB KHXH Hà Nội, (2006 – tb 2015).

[2] Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục, TP.HCM, (2002 – tb 2014).

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %

– Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Văn hóa học và văn hóa Việt Nam	18	4	0	2	0	12
2	Chương 2: Văn hóa nhận thức	18	4	0	2	0	12
3	Chương 3: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể	9	3	0	0	0	6
4	Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân	9	3	0	0	0	6
5	Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên	18	4	0	2	0	12
6	Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	18	4	0	2	0	12
Tổng		90	22	0	8	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1: Văn hóa học và văn hóa Việt Nam

1.1. Văn hóa và văn hóa học

1.1.1. Văn hóa

1.1.2. Văn hóa học

1.2. Định vị văn hóa Việt Nam

1.2.1. Đặc điểm loại hình văn hóa gốc nông nghiệp

1.2.2. Hoàn cảnh địa lý, lịch sử, xã hội của văn hóa Việt Nam

1.2.3. Các vùng văn hóa

1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam

- 1.3.1. Thời kỳ văn hóa bản địa
- 1.3.2. Thời kỳ du nhập vào văn hóa khu vực
- 1.3.3. Thời kỳ hội nhập với văn hóa nhân loại

Chương 2: Văn hóa nhận thức

- 2.1. Nhận thức về bản chất của vũ trụ
 - 2.1.1. Tư duy lưỡng hợp
 - 2.1.2. Triết lý âm-dương
- 2.2. Nhận thức về cấu trúc không gian của vũ trụ
 - 2.2.1. Mô hình Tam Tài
 - 2.2.2. Mô hình Ngũ hành
- 2.3. Nhận thức về cấu trúc thời gian của vũ trụ
 - 2.3.1. Lịch Âm Dương
 - 2.3.2. Hệ Can Chi
- 2.4. Nhận thức về con người
 - 2.4.1. Con người tự nhiên
 - 2.4.2. Con người xã hội

Chương 3: Văn hóa tổ chức đời sống tập thể

- 3.1. Tổ chức nông thôn
 - 3.1.1. Các nguyên tắc tổ chức
 - 3.1.2. Đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam
- 3.2. Tổ chức đô thị
 - 3.2.1. Quan hệ với quốc gia
 - 3.2.2. Quan hệ với nông thôn
- 3.3. Tổ chức quốc gia
 - 3.3.1. Chức năng quản lý xã hội
 - 3.3.2. Đặc điểm

Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân

- 4.1. Tín ngưỡng
 - 4.1.1. Tín ngưỡng phồn thực
 - 4.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

4.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người

4.2. Phong tục

4.2.1. Hôn nhân

4.2.2. Tang lễ

4.2.3. Lễ Tết, Lễ Hội

4.3. Giao tiếp

4.3.1. Thái độ giao tiếp

4.3.2. Quan hệ giao tiếp

4.3.3. Nguyên tắc giao tiếp

4.3.4. Cách thức giao tiếp

4.3.5. Lời nói trong giao tiếp

4.4. Nghệ thuật thanh sắc – hình khối

4.4.1. Đặc điểm

4.4.2. Các loại hình nghệ thuật trình diễn

4.4.3. Các loại hình nghệ thuật tạo hình

Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên

5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: Ăn uống

5.1.1. Quan niệm về ăn uống, tập quán ăn uống

5.1.2. Tính cộng đồng và mực thước

5.1.3. Tính linh hoạt

5.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Ăn, mặc, ở, đi lại

5.2.1. Ăn

5.2.2. Mặc

5.2.3. Ở

5.2.4. Đi lại

Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

6.1. Giao lưu với Ấn Độ - Văn hóa Chăm

6.1.1. Tôn giáo

6.1.2. Kiến trúc – điêu khắc

6.2. Nho giáo với văn hóa Việt Nam

- 6.2.1. Nguồn gốc của Nho giáo
- 6.2.2. Học thuyết và tư tưởng Nho giáo
- 6.3. Phật giáo với văn hóa Việt Nam
 - 6.3.1. Nguồn gốc
 - 6.3.2. Tư tưởng và giáo lý của Phật giáo
- 6.4. Đạo giáo với văn hóa Việt Nam
 - 6.4.1. Nguồn gốc
 - 6.4.2. Học thuyết và tư tưởng
 - 6.4.3. Đạo giáo với văn hóa Việt Nam
- 6.5. Phương Tây với văn hóa Việt Nam
 - 6.5.1. Nguồn gốc
 - 6.5.2. Tư tưởng và giáo lý của Công giáo
 - 6.5.3. Công giáo với văn hóa Việt Nam

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Projector, máy vi tính
- Bảng, phấn, Laptop

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.19. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG GIAO TIẾP

1. Tên học phần: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP**
2. Mã học phần: 13200041
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Thị Duy Phương	ThS. Văn học Việt Nam	Khoa Du lịch
2	Phương Thị Ngọc Mai	ThS. Văn học Việt Nam	Khoa Du lịch
3	Phạm Ngọc Dũng	ThS. Lịch sử Việt Nam	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm và quy luật trong giao tiếp
- Các phương tiện giao tiếp: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
- Các kỹ năng giao tiếp cơ bản: nghe, nói, viết

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức kỹ năng giao tiếp, cơ bản và phù hợp với những quan điểm hiện đại, bao gồm:

- + Các khái niệm về giao tiếp, các cách phân loại giao tiếp, cấu trúc của giao tiếp.
- + Các quy luật ảnh hưởng, chi phối quá trình giao tiếp.
- + Những ứng dụng giao tiếp của người Việt Nam và nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa

– **Về kĩ năng:**

- + Nhận diện được sơ đồ, cấu trúc quá trình giao tiếp
- + Quan sát, tìm hiểu các bước, các tình huống giao tiếp cơ bản về nghe, nói, viết
- + Phân tích, tổng hợp và vận dụng được các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết, kỹ năng thuyết trình....
- + Biết cách sử dụng điện thoại, email lịch sự
- + Vận dụng những điều nên làm và nên tránh trong giao tiếp

– **Về thái độ:**

- + Có hứng thú học kỹ năng giao tiếp, yêu thích và tìm tòi nghệ thuật giao tiếp; thực hành trong công việc và cuộc sống hằng ngày.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập, cũng như trong việc áp dụng các hiểu biết đã đạt được
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết giao tiếp vào trong đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát chung về giao tiếp
- Các phương tiện giao tiếp
- Các kỹ năng giao tiếp cơ bản
- Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam & người nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa

13. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%

- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Huỳnh Thị Bích Ngọc (chủ biên), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, Trường Đại học công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2017.

[2] Leil Lowndes, *Nghệ thuật giao tiếp để thành công*, NXB Lao động xã hội, 2016.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Đinh Văn Đáng, *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Lao động xã hội, 2014.

[2] Dale Carnegie, *Đắc nhân tâm*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2015.

[3] Lại Thế Luyện, *Rèn luyện kỹ năng sống – Kỹ năng giao tiếp*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm thuyết trình: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi online kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát chung về giao tiếp	18	4	1	1	0	12
2	Chương 2: Các phương tiện giao	27	6	2	1	0	18

	tiếp						
3	Chương 3: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản	36	8	3	1	0	24
4	Chương 4: Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam & người nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa	9	2	1	0	0	6
Tổng		90	20	7	3	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Khái quát chung về giao tiếp

1.1. Khái niệm

1.2. Chức năng của giao tiếp

1.2.1. Nhóm chức năng tâm lý

1.2.2. Nhóm chức năng xã hội

1.3. Quá trình giao tiếp

1.3.1. Sơ đồ

1.3.2. Các yếu tố tác động đến quá trình giao tiếp

1.4. Phân loại giao tiếp

1.4.1. Phân loại giao tiếp theo tính chất tiếp xúc

1.4.2. Phân loại giao tiếp theo quy cách của giao tiếp

1.4.3. Phân loại giao tiếp theo số lượng người tham gia giao tiếp và tính chất của mối quan hệ giữa họ

1.5. Các quy luật trong giao tiếp

1.5.1. Quy luật “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”

1.5.2. Quy luật “Cảm xúc”

1.5.3. Quy luật “Tương thích”

1.5.4. Quy luật “7%-38%-55%”

1.6. Cửa sổ Johari

Chương 2. Các phương tiện giao tiếp

2.1. Giao tiếp phi ngôn ngữ

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

2.2. Giao tiếp ngôn ngữ

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phong cách ngôn ngữ

2.2.3. Một số nguyên tắc cơ bản

Chương 3. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản

3.1. Kỹ năng nghe, nói & đặt câu hỏi

3.1.1. Kỹ năng nghe

3.1.2. Kỹ năng nói & đặt câu hỏi

3.2. Kỹ năng khen - phê bình

3.2.1. Kỹ năng khen

3.2.2. Kỹ năng phê bình

3.3. Kỹ năng giao tiếp với khách hàng

3.3.1. Khái niệm khách hàng

3.3.2. Tầm quan trọng và nguyên tắc cơ bản của việc giao tiếp với khách

3.4. Kỹ năng giao tiếp điện thoại

3.4.1. Đặc điểm của giao tiếp điện thoại

3.4.2. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp qua điện thoại

3.5. Kỹ năng viết thư và email trong công việc

3.5.1. Kỹ năng viết thư thương mại

3.5.2. Kỹ năng viết thư xã giao

3.5.3. Kỹ năng viết email

Chương 4. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam & người nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa

4.1. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam

4.2. Văn hóa giao tiếp trên thế giới

4.3. Giao tiếp liên văn hóa

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.20. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG

1. Tên học phần: NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

4. Loại học phần: Tự chọn

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Nhân Thành	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	Khoa Du lịch
2	Phạm Thị Duy Phương	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 21 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 9 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết về nghiệp vụ văn phòng cho người học, như: các nghiệp vụ cơ bản văn phòng, soạn thảo văn bản và quản lý văn bản, lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ.

10. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức: Sử dụng được các kiến thức đã học về nghiệp vụ văn phòng vào thực tế tại văn phòng nơi làm việc.
- Về kỹ năng: Hoàn thành các công việc văn phòng nhanh chóng.
- Về thái độ: Sẵn sàng thực hiện các công việc văn phòng người học đã được học.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về văn phòng.
- Một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng.
- Soạn thảo và quản lý văn bản.
- Công tác lập hồ sơ và công tác lưu trữ

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: trên 80%.
- Bài tập: trên lớp và ở nhà
- Dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi theo yêu cầu.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính

Giáo trình Nghiệp vụ hành chính văn phòng , Trần Thị Thu Phương, NXB Tổng hợp TP HCM, 2008.

13.2. Tài liệu tham khảo

Bài giảng *Quản trị văn phòng*, Phạm Nhân Thành, Khoa QDKD&DL, Trường ĐHCNTP Tp.HCM

Giáo trình Quản trị văn phòng, GS.TS Nguyễn Thành Độ (Chủ biên), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

Điểm thuyết trình, thảo luận trên lớp: 30%

Thi cuối kỳ: 70%

16. Nội dung chi tiết học phần

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổng quan về văn phòng	18	6	0	12	

2	Một số nghiệp vụ cơ bản về văn phòng	27	6	3	18	
3	Soạn thảo và quản lý văn bản	27	6	3	18	
4	Công tác lập hồ sơ và công tác lưu trữ	18	3	3	12	
Tổng		90	30	0	60	

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1. Tổng quan về văn phòng

1.1. Chức năng, nhiệm vụ của văn phòng các cơ quan, tổ chức

1.2. Cơ cấu tổ chức của văn phòng các cơ quan, đơn vị

Chương 2. Một số nghiệp vụ cơ bản về văn phòng

2.1. Hoạch định tổ chức các cuộc hội họp

2.2. Lập chương trình, kế hoạch công tác

2.3. Tiếp khách

2.4. Tiếp chuyện qua điện thoại

Chương 3. Soạn thảo và quản lý văn bản

3.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của văn bản trong hoạt động của cơ quan, tổ chức

3.2. Phân loại văn bản

3.3. Kỹ thuật soạn thảo văn bản

3.4. Những yêu cầu cơ bản của việc soạn thảo văn bản

3.5. Quy trình soạn thảo văn bản hành chính

3.6. Công tác giải quyết và quản lý văn bản

Chương 4. Công tác lập hồ sơ và công tác lưu trữ

4.1. Công tác lập hồ sơ

4.2. Công tác lưu trữ

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Bài giảng, tài liệu tham khảo.
- Projecter, hệ thống âm thanh, bảng đen.
- Phòng học lý thuyết với sức chứa tối thiểu 50 sinh viên

18. Hướng dẫn thực hiện

Học phần này áp dụng cho sinh viên ngành Du lịch.

19. Phê duyệt

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Tp. HCM, ngày 10/04/2018

Người viết

2.21. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

1. Tên học phần: **LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**
2. Mã học phần: 14200030
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học Chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đinh Thiện Phương	Thạc sĩ Văn Hóa học	Khoa Du lịch
2	Phạm Thị Thúy Duyên	Thạc sĩ Lịch sử ĐCSVN	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu của học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Kiến thức căn bản về lược sử tiến trình văn minh nhân loại
- Một số thành tựu vĩ đại của văn minh loài người

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**
 - + Nhận biết được những kiến thức cơ bản về khái niệm văn minh, văn hóa.
 - + Mô tả lại được các thành tựu văn minh thế giới.

– **Về kỹ năng:**

+ Trình bày được các nội dung cơ bản tóm lược của một nền văn minh với những cột mốc lịch sử

+ Thuyết minh được kiến thức sơ đẳng về y học, phong tục, ẩm thực, tôn giáo, triết học, thơ văn, thành tựu khoa học... và so sánh với nền văn minh lúa nước của Việt Nam.

– **Về thái độ:**

+ Có khả năng làm việc nhóm như là một nhóm học tập đoàn kết;

+ Có tinh thần ham hiểu biết, cầu tiến, nghiên cứu sâu rộng, yêu thích môn lịch sử.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề lý thuyết về văn minh
- Lịch sử năm nền văn minh lớn: Ai Cập, Hy Lạp, Trung Quốc, Ấn Độ, Lưỡng Hà
- Lược sử triết học, tôn giáo, văn học toàn thế giới
- Các phát minh khoa học chính

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] Đinh Thiệu Phương, *Lịch sử văn minh Thế giới*, ĐHCNTTP TP.HCM (lưu hành nội bộ), 2014.

[2] Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Văn minh Thế giới*, NXB Văn hóa Thông Tin, HN, 2005.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang, *Lịch sử Thế giới*, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2012.

[2] Nguyễn Văn Huân, *Kỳ tích văn minh thế giới*, NXB Văn hoá Thông tin TP.HCM, 2013.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
- + Điểm thái độ học tập: 0 %

- + Điểm tiểu luận: 30 %
- + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Văn minh Bắc Phi và Tây Á	18	5	0	1	0	12
2	Chương 2: Văn minh Ấn Độ	12	3	0	1	0	8
3	Chương 3: Văn minh Trung Hoa	21	6	0	1	0	14
4	Chương 4: Văn minh Hy La	21	6	0	1	0	14
5	Chương 5: Văn minh Tây Âu	18	5	0	1	0	12
Tổng		90	25	0	5	0	60

16.2 Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1: Văn minh Bắc Phi và Tây Á

1.1. Văn minh Ai Cập cổ đại

1.1.1. Tổng quan Ai Cập cổ đại

1.1.2. Những thành tựu chủ yếu của Ai Cập cổ đại

1.2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại

1.2.1. Tổng quan Lưỡng Hà cổ đại

1.2.2. Những thành tựu chủ yếu của Lưỡng Hà cổ đại

1.3. Văn minh Ả Rập

1.3.1. Sơ lược lịch sử Ả Rập

1.3.2. Đạo Islam (Hồi giáo)

1.3.3. Văn học nghệ thuật – Khoa học - Giáo dục

Chương 2 : Văn minh Ấn Độ

- 2.1. Tổng quan Ấn Độ cổ trung đại
- 2.2. Thành tựu chính của văn minh Ấn Độ
- 2.3. Nghệ thuật
- 2.4. Khoa học tự nhiên
- 2.5. Tôn giáo

Chương 3: Văn minh Trung Hoa

- 3.1. Tổng quan văn minh Trung Hoa
- 3.2. Những thành tựu chính của văn minh Trung Hoa

Chương 4: Văn minh Hy Lạp – La Mã

- 4.1. Tổng quan về Hy Lạp La Mã cổ đại
- 4.2. Những thành tựu chủ yếu

Chương 5: Văn minh Tây Âu trung đại

- 5.1. Hoàn cảnh lịch sử
- 5.2. Văn hóa Tây Âu từ TkV - TkX
- 5.3. Văn hóa Tây Âu từ TkXI – Tk XIV
- 5.4. Văn hóa Tây Âu Phục Hưng
- 5.5. Sự tiến bộ về kỹ thuật
- 5.6. Đạo Tin Lành

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.22. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN MINH VÀ VĂN HÓA CÁC NƯỚC ĐNA

1. Tên học phần: VĂN MINH & VĂN HÓA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

2. Mã học phần: 14200044

3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

4. Loại học phần: Tự chọn

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Du Lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	ThS. Văn Hóa học	Khoa Du lịch
2	Đinh Thiện Phương	ThS. Văn Hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Điều kiện địa lý, địa văn hóa, địa chính trị và các tộc người Đông Nam Á
- Phong tục tập quán, tín ngưỡng – tôn giáo, ngôn ngữ - chữ viết, nghệ thuật, ẩm thực lễ hội Đông Nam Á
- Danh lam – thắng cảnh, tài nguyên du lịch từng quốc gia Đông Nam Á

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Mô tả được cơ bản về văn hóa Đông Nam Á.
- + Phân loại và xác định rõ được lịch sử hình thành nền văn minh Đông Nam Á.
- + Nhận biết được phong tục, tập quán đời sống của cư dân vùng văn minh lúa nước.
- **Về kĩ năng:**
 - + Thuyết trình có hệ thống và sâu sắc về các điểm du lịch Đông Nam Á nổi tiếng
 - + Trình bày sáng tạo các chương trình tham quan trong phạm vi Đông Nam Á
 - + Xử lý được những vấn đề thuộc về quy hoạch liên thông du lịch Đông Nam Á
- **Về thái độ:**
 - + Tích cực trong học tập, có tinh thần ham học, cầu tiến
 - + Có ước muốn quảng bá vẻ đẹp của nền văn minh Đông Nam Á ra thế giới

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người của vùng Đông Nam Á
- Tiến trình lịch sử Văn hóa vùng Đông Nam Á
- Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Mai Ngọc Chừ, *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB ĐH Quốc Gia, Hà Nội, 2010.
- [2] Huỳnh Thị Bích Ngọc, *Bài giảng Văn minh & văn hóa Đông Nam Á*, Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2016.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Nguyễn Tấn Đắc, *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB ĐH Quốc Gia, Hà Nội, 2005.
- [2] Hoàng Văn Việt, *Các quan hệ chính trị ở Đông Nam Á*, NXB ĐH Quốc Gia, TP.HCM, 2010.

[3] Nguyễn Duy Thiệu: *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, NXB Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội. Bản PDF xuất lên Internet trang www.tailieu.vn 10/2012 mã chủ quyền: 032LSVH-753315, 1997.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm thuyết trình: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người Đông Nam Á	15	4	1	0	0	10
2	Chương 2: Tiến trình lịch sử Văn hóa Đông Nam Á	36	8	2	2	0	24
3	Chương 3: Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á	39	8	2	3	0	26
Tổng		90	20	5	5	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người Đông Nam

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.2. Nguồn gốc các tộc người Đông Nam Á

Chương 2: Tiến trình lịch sử Văn hóa Đông Nam Á

2.1. Thời tiền sử và sơ sử

- 2.2. Buổi đầu lịch sử đến TK X
- 2.3. Từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX
- 2.4. Nửa sau thế kỷ XIX đến 1945
- 2.5. Từ sau chiến tranh Thế giới II – nay

Chương 3: Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á

- 3.1. Ngôn ngữ - chữ viết
- 3.2. Tín ngưỡng bản địa
 - 3.2.1 Sùng bái tự nhiên
 - 3.2.2 Sùng bái linh hồn, thờ cúng tổ tiên
 - 3.2.3 Tín ngưỡng phồn thực
- 3.3. Tôn giáo Đông Nam Á
 - 3.3.1 Phật giáo
 - 3.3.2 Công giáo
 - 3.3.3 Islam giáo
 - 3.3.4 Các tôn giáo khác (Nho giáo, Hindu, Shaman...)
- 3.4. Lễ Tết – lễ hội
- 3.5. Phong tục tập quán
 - 3.5.1 Trang phục
 - 3.5.2 Ăn thực
 - 3.5.3 Hôn nhân
 - 3.5.4 Tang lễ
 - 3.5.5 Xăm mình – nhai trầu
 - 3.5.6 Giải trí: chọi gà, đá dế, chọi cá, thả diều, đấu vật...
- 3.6. Kiến trúc
 - 3.6.1 Nhà sàn
 - 3.6.2 Nhà thuyền
 - 3.6.3 Nhà mồ
 - 3.6.4 Nhà gạch
- 3.7. Mỹ thuật
- 3.8. Nghệ thuật biểu diễn

3.8.1 Âm nhạc

3.8.2 Kịch – sân khấu

3.8.3 Múa

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.23. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**
2. Mã học phần: 19200004
3. Số tín chỉ: 2 (2, 0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	Khoa LLCT
2	Phan Ái Nhi	Thạc sĩ	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật nói chung, Nhà nước và Pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng.
- Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.
- Đồng thời những kiến thức lý luận đó cũng giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**

- + Sinh viên lý giải được nguồn gốc, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật.
- + Phân tích được các bộ phận cấu thành của Bộ máy nhà nước.
- + Nhận biết được các hành vi phạm pháp luật.
- + Phân tích được các chế định pháp luật cơ bản của luật Hiến pháp; luật Hôn nhân và gia đình, Luật dân sự...

– **Về kỹ năng:**

- + Vận dụng được một số chế định pháp luật cơ bản để áp dụng trong cuộc sống, trong lao động và học tập

– **Về thái độ:**

- + Sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời những kiến thức lý luận đó cũng giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Học phần này bao gồm: những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số chế định của ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp; Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự; Luật hôn nhân và gia đình; Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự; Luật phòng chống tham nhũng; Luật lao động...

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Tham dự ít nhất 75% giờ học trên lớp)
- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Giáo trình “*Pháp luật đại cương*” do Tổ Bộ môn pháp luật biên soạn năm 2017

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hiến Pháp 2013.

[2] Bộ luật dân sự; Luật tố tụng dân sự

[3] Luật hình sự; Luật tố tụng hình sự

[4] Luật Hôn nhân và gia đình;

[5] Luật doanh nghiệp; Luật Phá sản; Luật Thương mại

[6] Luật phòng chống tham nhũng

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 10%
 - + Điểm tiểu luận: 20%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	11	2	0	1	0	8
2	Hệ thống pháp luật và Quan hệ pháp luật	6	2	0	0	0	4
3	Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý	6	1	0	1	0	4
4	Luật Hiến Pháp	9	2	0	1	0	6
5	Luật Lao động	17	2	1	2	0	12
6	Luật Dân sự và Luật tố tụng dân sự	13	2	1	2	0	8
7	Luật Hôn nhân và Gia đình	9	2	0	1	0	6
8	Luật hình sự và Luật Tố tụng hình sự	13	2	1	2	0	8
8	Luật Phòng chống tham nhũng	6	2	0	0	0	4

Tổng	90	17	3	10	0	30
-------------	-----------	-----------	----------	-----------	----------	-----------

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

1.1. Một số vấn đề chung về nhà nước

1.1.1. Nguồn gốc của nhà nước

1.1.2. Bản chất của nhà nước

1.1.3. Chức năng của nhà nước

1.1.4. Kiểu nhà nước

1.1.5. Hình thức nhà nước

1.2. Một số vấn đề chung về pháp luật

1.2.1. Nguồn gốc của pháp luật

1.2.2. Bản chất của pháp luật

1.2.3. Những đặc trưng cơ bản của pháp luật

1.2.4. Vai trò của pháp luật

Chương 2. Hệ thống pháp luật – Quan hệ pháp luật

2.1. Hệ thống pháp luật

2.2. Quan hệ pháp luật

Chương 3 Vi phạm pháp luật – Trách nhiệm pháp lý

3.1. Vi phạm pháp luật

3.2. Trách nhiệm pháp lý

Chương 4. Luật Hiến pháp

4.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp

4.1.1. Khái niệm luật nhà nước

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh của luật Hiến pháp

4.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp

4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến Pháp

4.2.1. Chế độ chính trị

4.2.2. Chế độ kinh tế

4.2.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

4.2.4. Bộ máy nhà nước

Chương 5. Luật lao động

5.1. Khái niệm

5.2. Hợp đồng lao động

5.3. Kỷ luật lao động

5.4. Bảo hiểm xã hội

5.5. Vai trò và quyền hạn của tổ chức công đoàn trong quan hệ với người lao động và người sử dụng lao động

Chương 6. Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự

6.1. Khái niệm

6.2. Một số nội dung cơ bản của Luật dân sự

6.2.1. Quyền sở hữu

6.2.2. Quyền thừa kế

6.2.3. Hợp đồng dân sự, trách nhiệm dân sự

6.3 Luật Tố tụng dân sự. Các khâu tố tụng cơ bản

Chương 7. Luật Hôn nhân và Gia đình

7.1. Khái niệm hôn nhân và gia đình

7.2. Một số nội dung cơ bản của luật hôn nhân và gia đình

7.2.1. Kết hôn

7.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng

7.2.3. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con

7.2.4. Chế độ đỡ đầu

7.2.5. Chấm dứt hôn nhân

7.2.6. Nuôi con nuôi

Chương 8. Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự

8.1. Khái niệm và vai trò của Luật hình sự

8.2. Tội phạm và các dấu hiệu của tội phạm

8.3. Hình phạt và các loại hình phạt

8.4. Luật tố tụng hình sự. Các khâu tố tụng cơ bản

Chương 9. Luật Phòng chống tham nhũng

9.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Phòng chống tham nhũng

9.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng chống tham nhũng

9.2.1. Hành vi tham nhũng

9.2.2. Phòng ngừa tham nhũng

9.2.3. Phát hiện tham nhũng

9.2.4. Xử lý hành vi tham nhũng và những hành vi vi phạm pháp luật khác

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương Pháp luật đại cương được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy tất cả các khối ngành từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.24. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUAN DU LỊCH

1. Tên học phần: **TỔNG QUAN DU LỊCH**
2. Mã học phần: 14200001
3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trương Thanh Quỳnh Thư	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Hồ Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm cơ bản liên quan đến ngành du lịch
- Mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác
- Các hoạt động kinh doanh trong ngành du lịch và đặc điểm nguồn nhân lực trong du lịch.
- Các biện pháp quản lý du lịch hiệu quả giúp du lịch luôn phát triển bền vững

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

- + Mô tả được các khái niệm liên quan đến hoạt động du lịch.
- + Trình bày được các loại hình du lịch, đặc trưng của sản phẩm du lịch và mối quan hệ giữa ngành du lịch với các lĩnh vực khác.
- + Nêu được đặc trưng của từng nhóm lao động trong ngành du lịch và các tổ chức du lịch trên thế giới và ở Việt Nam.
- + Phân tích được các yếu tố giúp cho việc phát triển du lịch bền vững

– **Về kĩ năng:**

- + Kỹ năng về tìm kiếm, thu thập thông tin liên quan đến dịch vụ du lịch
- + Kỹ năng làm việc nhóm
- + Kỹ năng thuyết trình những kiến thức về du lịch

– **Về thái độ:**

- + Giúp cho sinh viên hiểu đúng về vai trò của ngành du lịch đối với nền kinh tế và ý nghĩa của hoạt động du lịch.
- + Tích cực, chủ động nghiên cứu những kiến thức và hoạt động liên quan đến du lịch, làm tăng tinh thần học hỏi, yêu ngành và yêu nghề hơn.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát về ngành Du lịch
- Các loại hình và sản phẩm du lịch
- Mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác
- Tổng quan về kinh tế du lịch
- Đào tạo nguồn nhân lực trong du lịch
- Tổ chức và bộ máy quản lý về du lịch
- Phát triển du lịch bền vững

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Công Danh (2015), *Bài giảng Tổng quan du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ).

[2] ThS. Ngô Thị Diệu An, ThS. Nguyễn Thị Oanh Kiều (2014), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Đà Nẵng.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Võ Văn Thành (2015), *Tổng quan du lịch*, NXB Văn hóa – Văn nghệ.

[2] Hoàng Văn Thành (2014), *Giáo trình Văn hóa Du lịch*, NXB Chính trị quốc gia.

[3] Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Vũ Đức Minh (1999), *Tổng quan du lịch*, NXB. Giáo dục Hà Nội, 1999.

[5] GS. TS. Nguyễn Văn Đính (2009), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân-Hà Nội.

[6] TS. Trần Văn Thông (2009), *Tổng quan du lịch*, NXB Giáo dục.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

1615. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát về ngành Du lịch	21	7	0	0	0	14

2	Chương 2: Các loại hình và sản phẩm du lịch	18	6	0	0	0	12
3	Chương 3: Mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác	21	7	0	0	0	14
4	Chương 4: Tổng quan về kinh tế du lịch	21	7	0	0	0	14
5	Chương 5: Đào tạo nguồn nhân lực trong du lịch	18	6	0	0	0	12
	Chương 6 : Tổ chức và bộ máy quản lý về du lịch	18	6	0	0	0	12
	Chương 7 : Phát triển du lịch bền vững	18	6	0	0	0	12
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Khái quát về ngành Du lịch

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ngành Du lịch

1.1.1. Lịch sử phát triển du lịch trên Thế giới

1.1.2. Lịch sử phát triển du lịch ở Việt Nam

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Du lịch

1.2.2. Du khách

1.2.3. Điểm du lịch

1.2.4. Tuyển du lịch

1.2.5. Xúc tiến du lịch

1.2.6. Tài nguyên du lịch

1.3. Những thuật ngữ chuyên ngành du lịch

Chương 2. Các loại hình và sản phẩm du lịch

2.1. Các loại hình du lịch

2.1.1. Căn cứ theo tài nguyên môi trường

2.1.2. Căn cứ theo phạm vi lãnh thổ

2.1.3. Căn cứ theo vị trí địa lý

2.1.4. Căn cứ theo hình thức tổ chức

2.1.5. Căn cứ theo phương thức hợp đồng

2.1.6. Căn cứ theo phương tiện vận chuyển

2.1.7. Căn cứ vào mục đích chuyến đi

2.2. Sản phẩm du lịch

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Đặc tính của sản phẩm du lịch

Chương 3. Mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác

3.1. Du lịch và xã hội

3.1.1. Những ảnh hưởng của hoạt động xã hội đến hoạt động du lịch

3.1.2. Những ảnh hưởng của du lịch đến xã hội

3.2. Du lịch và văn hóa

3.2.1. Những ảnh hưởng của văn hóa đến du lịch

3.2.2. Những ảnh hưởng của du lịch đến văn hóa

3.3. Du lịch và môi trường

3.3.1. Những ảnh hưởng của môi trường đến du lịch

3.3.2. Những ảnh hưởng của du lịch đến môi trường

3.4. Du lịch và kinh tế

3.4.1. Những ảnh hưởng của kinh tế đến du lịch

3.4.2. Những ảnh hưởng của du lịch đến nền kinh tế

3.5. Du lịch và chính trị

3.5.1. Những ảnh hưởng của chính trị đến hoạt động du lịch

3.5.2. Những ảnh hưởng của du lịch về mặt an ninh chính trị

Chương 4. Tổng quan về kinh tế du lịch

4.1. Khái niệm về kinh doanh du lịch

4.2. Các loại hình kinh doanh du lịch

4.2.1. Kinh doanh lữ hành

4.2.2. Kinh doanh lưu trú

4.2.3. Kinh doanh ăn uống

4.2.4. Kinh doanh vận chuyển

4.2.5. Kinh doanh dịch vụ bổ sung

Chương 5. Đào tạo nguồn nhân lực trong du lịch

5.1. Đặc điểm chung của nguồn nhân lực du lịch

5.2. Vai trò và đặc trưng của các nhóm lao động trong ngành du lịch

5.2.1. Vai trò và đặc trưng của nhóm lao động chức năng quản lý nhà nước về du lịch

5.2.2. Vai trò và đặc trưng của nhóm lao động chức năng sự nghiệp ngành du lịch

5.2.3. Vai trò và đặc trưng của nhóm lao động chức năng kinh doanh du lịch

Chương 6. Tổ chức và bộ máy quản lý nhà nước về du lịch

6.1. Tác động quản lý

6.1.1. Bảo đảm các nguyên tắc quản lý

6.1.2. Xây dựng phương hướng mục tiêu cụ thể

6.1.3. Kế hoạch hóa mục tiêu và xác định biện pháp thực hiện

6.1.4. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra, điều chỉnh tổng kết

6.1.5. Vận dụng các phương pháp quản lý du lịch

6.2. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về du lịch

6.2.1. Một số tổ chức du lịch Thế giới

6.2.2. Các tổ chức quản lý du lịch của Việt Nam

Chương 7. Phát triển du lịch bền vững

7.1. Khái niệm phát triển bền vững

7.2. Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

7.2.1. Sử dụng nguồn lực một cách bền vững

7.2.2. Giảm sự tiêu thụ quá mức và giảm chất thải

7.2.3. Duy trì tính đa dạng

7.2.4. Hợp nhất du lịch vào quá trình quy hoạch

7.2.5. Hỗ trợ kinh tế địa phương

7.2.6. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch

7.2.7. Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan

7.2.8. Đào tạo nhân viên

7.2.9. Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm

7.2.10. Tiến hành nghiên cứu

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.25. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MARKETING CĂN BẢN

1. Tên học phần: **MARKETING CĂN BẢN**
2. Mã học phần: 13200004
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Kinh tế
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh	Khoa QTKD
2	Phạm Hùng	Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh	Khoa QTKD

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu và biết vận dụng kiến thức về marketing một cách linh hoạt vào các hoạt động marketing thực tế của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Cụ thể là xác định và phân tích những câu hỏi cơ bản nhất của một doanh nghiệp: khách hàng, thị trường và sản phẩm của doanh nghiệp như thế nào so với đối thủ cạnh tranh; lên kế hoạch và tổ chức thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức tổng quan về marketing, bản chất và vai trò của hoạt động marketing; những kiến thức cơ bản về thị trường, khách hàng; liệt kê và phân tích được

một số chiến lược marketing làm thỏa mãn khách hàng và đạt được mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Nêu được tầm quan trọng của môi trường marketing tác động đến doanh nghiệp, trình bày được mô hình hành vi mua hàng của khách hàng và các bước cần thiết phải thực hiện như phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu để doanh nghiệp định vị thương hiệu của mình.

+ Liệt kê được các yếu tố cần thiết khi xây dựng chiến lược Marketing Mix và vận dụng được chiến lược Marketing Mix để giải quyết được các tình huống trong thực tế.

- Về kĩ năng:

+ Phân biệt được marketing với hoạt động bán hàng và quản trị marketing, chứng minh được tầm quan trọng của hoạt động marketing đối với công ty và dẫn được một số ví dụ thực tế cho thấy marketing đã góp phần tạo nên thành công cho doanh nghiệp trên thị trường.

+ Phân tích được tác động của môi trường marketing đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và xây dựng được một chiến lược thâm nhập thị trường thành công, thích nghi được với môi trường marketing.

+ Ứng dụng được quy trình mua hàng và các loại hành vi mua hàng trong thực tế; dựa vào các tiêu chí thực hiện phân khúc khách hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu, từng bước định vị thương hiệu.

+ Liệt kê được các yếu tố quan trọng trong hỗn hợp Marketing Mix và vận dụng, xây dựng được các chiến lược 4P để giải quyết các tình huống trong thực tế, chinh phục thị trường mục tiêu.

- Về thái độ:

+ Hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với marketing nói chung và các học phần có liên quan.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết cơ bản về marketing vào các tình huống trên thực tế, không chỉ trong lĩnh vực công việc kinh doanh mà cả trong đời sống hằng ngày.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Nhập môn marketing
- Môi trường marketing

- Hành vi khách hàng
- Nghiên cứu marketing
- Phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị trong thị trường
- Chiến lược sản phẩm
- Chiến lược định giá
- Chiến lược phân phối
- Chiến lược xúc tiến

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Đinh Tiến Minh, Quách Thị Bửu Châu, Nguyễn Văn Trung, Đào Hoài Nam, *Giáo trình Marketing căn bản*, Nhà xuất bản Lao Động, 2013.

[2] ThS Võ Thị Hương Giang, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM, Khoa QTKD & DL, *Slides Bài giảng Marketing căn bản*.

[3] Kotler Philip, Armstrong Gary, *Principles of Marketing (14ed)*, Nhà xuất bản Person Education, Inc, 2012.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Minh Đạo, *Giáo trình Marketing căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.

[2] Lưu Đan Thọ, *Marketing Hiện Đại*, Nhà xuất bản Tài Chính, 2015.

[3] Kotler Philip, Keller Kevin, *Quản trị Marketing*, Nhà xuất bản Lao Động Xã Hội, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0%
 - + Điểm tiểu luận: 30% (Hình thức tiểu luận, thuyết trình, bài tập, thảo luận...)
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Nhập môn marketing	9	3	0	0	0	6
2	Môi trường marketing	9	3	0	0	0	6
3	Hành vi khách hàng	9	3	0	0	0	6
4	Nghiên cứu marketing	9	3	0	0	0	6
5	Phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị trong thị trường	6	2	0	0	0	4
6	Chiến lược sản phẩm	12	4	0	0	0	8
7	Chiến lược định giá	12	4	0	0	0	8
8	Chiến lược phân phối	12	4	0	0	0	8
9	Chiến lược xúc tiến	12	4	0	0	0	8
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Nhập môn marketing

1.1 Sự ra đời và phát triển của marketing

1.1.1 Sự hình thành hoạt động marketing

1.1.2 Các giai đoạn phát triển của marketing

1.2. Khái niệm marketing

1.2.1 Một số thuật ngữ

1.2.2 Khái niệm và bản chất của marketing

- 1.3. Mục tiêu và chức năng của marketing
 - 1.3.1. Mục tiêu của marketing
 - 1.3.2. Chức năng của marketing
- 1.4. Marketing Mix
 - 1.4.1. Khái niệm
 - 1.4.2. Các thành phần của Marketing Mix
- 1.5. Phân loại marketing
 - 1.5.1. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động
 - 1.5.2. Căn cứ vào tầm vóc hoạt động
 - 1.5.3. Căn cứ vào phạm vi hoạt động
 - 1.5.4. Căn cứ vào khách hàng
 - 1.5.5. Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo sản phẩm

Chương 2. Môi trường marketing

- 2.1. Môi trường vĩ mô
 - 2.1.1. Dân số
 - 2.1.2. Kinh tế
 - 2.1.3. Tự nhiên
 - 2.1.4. Công nghệ
 - 2.1.5. Pháp luật
 - 2.1.6. Văn hóa
- 2.2. Môi trường vi mô
 - 2.2.1. Môi trường nội tại doanh nghiệp
 - 2.2.2. Nhà cung ứng
 - 2.2.3 Các trung gian marketing
 - 2.2.4. Khách hàng
 - 2.2.5. Đối thủ cạnh tranh
 - 2.2.6. Công chúng

Chương 3. Hành vi khách hàng

- 3.1. Hành vi mua hàng của người tiêu dùng
 - 3.1.1. Mô hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng

- 3.1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng cá nhân
- 3.1.3. Các dạng hành vi mua sắm
- 3.2. Hành vi mua hàng của tổ chức
 - 3.2.1. Các loại thị trường tổ chức
 - 3.2.2. Những đặc tính của các thị trường tổ chức
 - 3.2.3. Hành vi mua của khách hàng tổ chức

Chương 4. Nghiên cứu marketing

- 4.1. Khái niệm về nghiên cứu marketing
- 4.2. Các loại hình nghiên cứu marketing
 - 4.2.1. Dựa vào mục tiêu nghiên cứu
 - 4.2.2. Dựa vào cách thức nghiên cứu
 - 4.2.3. Dựa vào đặc điểm thông tin
 - 4.2.4. Dựa vào mức độ am hiểu thị trường
 - 4.2.5. Căn cứ vào tần suất nghiên cứu
- 4.3. Quy trình nghiên cứu marketing
 - 4.3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu
 - 4.3.2. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu
 - 4.3.3. Thực hiện nghiên cứu
 - 4.3.4. Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

Chương 5. Phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị trong thị trường

- 5.1. Khái quát về thị trường
 - 5.1.1. Khái niệm về thị trường
 - 5.1.2. Phân loại thị trường
- 5.2. Phân khúc thị trường
 - 5.2.1. Khái niệm về phân khúc thị trường
 - 5.2.2. Yêu cầu về phân khúc thị trường
 - 5.2.3. Các tiêu thức phân khúc thị trường
 - 5.2.4. Các bước phân khúc thị trường
- 5.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu

- 5.3.1. Đánh giá các khúc thị trường
- 5.3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu
- 5.3.3. Các căn cứ xác định cách lựa chọn thị trường
- 5.4. Định vị trong thị trường
 - 5.4.1. Khái niệm định vị trong thị trường
 - 5.4.2. Các mức độ định vị
 - 5.4.3. Chiến lược định vị sản phẩm
 - 5.4.4 Các bước của quá trình định vị

Chương 6. Chiến lược sản phẩm

- 6.1. Sản phẩm theo quan điểm marketing
 - 6.1.1. Sản phẩm
 - 6.1.2. Cấu tạo sản phẩm
 - 6.1.3. Nhãn hiệu – Thương hiệu
 - 6.1.4. Bao bì – Đóng gói
- 6.2. Chiến lược sản phẩm
 - 6.2.1. Khái niệm
 - 6.2.2. Các chiến lược sản phẩm
- 6.3. Chu kỳ sống sản phẩm
 - 6.3.1. Khái niệm
 - 6.3.2. Đặc điểm các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm
- 6.4. Chiến lược phát triển sản phẩm mới
 - 6.4.1. Khái niệm
 - 6.4.2. Các giai đoạn phát triển sản phẩm mới

Chương 7. Chiến lược định giá

- 7.1. Khái niệm về giá và tầm quan trọng của giá trong Marketing Mix
 - 7.1.1. Khái niệm
 - 7.1.2. Tầm quan trọng của giá
- 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá
 - 7.2.1. Những yếu tố bên trong
 - 7.2.2. Những yếu tố bên ngoài

7.3. Các phương pháp định giá

7.3.1. Định giá dựa vào chi phí

7.3.2. Định giá dựa vào người mua

7.3.3. Định giá dựa vào cạnh tranh

7.4. Mục tiêu chiến lược định giá và các chiến lược giá điển hình

7.4.1. Mục tiêu chiến lược định giá

7.4.2. Các chiến lược định giá điển hình

7.5. Tiến trình xác định giá bán cho một sản phẩm mới

7.5.1. Lựa chọn mục tiêu giá

7.5.2. Xác định chỉ số cầu

7.5.3. Dự tính chi phí

7.5.4. Phân tích đối thủ cạnh tranh

7.5.5. Lựa chọn phương pháp định giá

7.5.6. Lựa chọn mức giá cuối cùng

Chương 8. Chiến lược phân phối

8.1. Khái niệm và tầm quan trọng của phân phối trong marketing

8.1.1. Khái niệm

8.1.2. Tầm quan trọng

8.2. Kênh phân phối

8.2.1. Khái niệm kênh phân phối

8.2.2. Cấu trúc kênh phân phối

8.2.3. Các trung gian trong kênh phân phối

8.2.4. Các luồng lưu chuyển trong kênh phân phối

8.3. Lựa chọn kênh phân phối

8.3.1. Các căn cứ để lựa chọn

8.3.2. Các chiến lược phân phối

8.4. Những quyết định về quản trị kênh phân phối

8.4.1. Tuyển chọn các thành viên

8.4.2. Khuyến khích các thành viên hoạt động

8.4.3. Đánh giá các thành viên

8.5. Một số hoạt động phân phối sản phẩm vật chất

8.5.1. Xử lý đơn đặt hàng

8.5.2. Lưu kho

8.5.3. Xác định lượng hàng tồn kho

8.5.4. Chọn phương tiện vận chuyển

Chương 9. Chiến lược xúc tiến

9.1. Khái niệm và tầm quan trọng của xúc tiến trong marketing

9.1.1. Khái niệm

9.1.2. Mục đích của xúc tiến

9.1.3. Tầm quan trọng của xúc tiến

9.1.4. Đặc trưng của một số công cụ xúc tiến

9.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hỗn hợp xúc tiến

9.2.1. Loại sản phẩm, thị trường

9.2.2. Sự sẵn sàng mua

9.2.3. Giai đoạn hiện tại trong chu kỳ sống của sản phẩm

9.2.4. Sự lựa chọn chiến lược đẩy hay kéo

9.3. Kinh phí dành cho xúc tiến

9.3.1. Xác định theo phần trăm doanh thu

9.3.2. Xác định theo khả năng tài chính

9.3.3. Xác định theo cạnh tranh

9.3.4. Xác định theo mục tiêu và nhiệm vụ thực hiện

9.4. Các thành phần trong hỗn hợp xúc tiến

9.4.1. Quảng cáo

9.4.2. Quan hệ công chúng và tuyên truyền

9.4.3. Khuyến mãi

9.4.4. Bán hàng cá nhân

9.4.5. Marketing trực tiếp

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành Quản trị từ năm học 2017 – 2018.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần
 - + Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.26. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÂM LÝ KHÁCH DU LỊCH

1. Tên học phần: **TÂM LÝ KHÁCH DU LỊCH**
2. Mã học phần: 14200016
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch
2	Đặng Hữu Giang	Tiến sĩ Tâm lý học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 20 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 10 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Những vấn đề cơ bản, đặc điểm, chức năng vai trò nghiên cứu, các quy luật và tầm ảnh hưởng của các hiện tượng tâm lý trong du lịch.
- Những đặc điểm tâm lý chung như hành vi tiêu dùng, động cơ, sở thích và tâm trạng của khách khi đi du lịch.
- Đặc điểm xã hội - tâm lý của một số nhóm khách du lịch theo châu lục, nghề nghiệp và quốc gia dân tộc và về đặc điểm tâm lý của người lao động du lịch.
- Giao tiếp trong hoạt động du lịch

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

+ Trình bày được những vấn đề cơ bản, đặc điểm, chức năng vai trò nghiên cứu, các quy luật và tầm ảnh hưởng của các hiện tượng tâm lý trong du lịch.

+ Nêu được những đặc điểm tâm lý chung như hành vi tiêu dùng, động cơ, sở thích và tâm trạng của khách khi đi du lịch..

+ Trình bày được đặc điểm tâm lý của một số nhóm khách du lịch theo châu lục, nghề nghiệp và quốc gia dân tộc và về đặc điểm tâm lý của người lao động du lịch.

Về kĩ năng:

+ Rèn luyện khả năng tìm hiểu và khám phá những quy luật tâm lý chung của đối tượng du khách để giao tiếp tốt hơn khi dẫn đoàn.

+ Vận dụng việc hiểu đặc điểm tâm lý chung như hành vi tiêu dùng, động cơ, sở thích và tâm trạng của khách khi đi du lịch trong giao tiếp tạo sự hài lòng trong lòng du khách.

+ Vận dụng việc hiểu biết đặc điểm xã hội - tâm lý của một số nhóm khách du lịch theo châu lục, nghề nghiệp và quốc gia dân tộc và về đặc điểm tâm lý của người lao động du lịch để nâng cao hiểu biết, kỹ năng giao tiếp và thu phục nhân tâm tốt hơn trong cuộc sống.

– Về thái độ:

+ Có hứng thú học tập, yêu thích và am hiểu ngành nghề mình đang theo đuổi..

+ Có ý thức học tập, nâng cao hiểu biết, hướng đến hiểu tâm lý khách du lịch để giao tiếp tốt hơn.

+ Có ý thức giao tiếp tốt trong công việc, trong mọi mặt của đời sống hàng ngày, giao tiếp tốt với khách để ngày càng thành công trong nghề nghiệp của mình.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Một số vấn đề cơ bản về tâm lý và tâm lý du lịch
- Những đặc điểm tâm lý chung của khách du lịch
- Đặc điểm xã hội – tâm lý của một số nhóm khách du lịch
- Giao tiếp trong hoạt động du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Phan Thị Dung, *Tâm lý du khách*, NXB Đại học quốc gia, 2010.
- [2] Đỗ Thu Nga, *Bài giảng Tâm lý khách du lịch*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2016.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Trần Thúy Anh (Chủ biên), *Ứng xử văn hóa trong phát triển du lịch ở Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2016.
- [2] PTS. Nguyễn Văn Đính (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2012.
- [3] Nguyễn Hữu Thụ, *Tâm lý học du lịch*, NXB Hà Nội, 2009.
- [4] Dale Carnegie; Nguyễn Văn Phước (dịch), *Đắc nhân tâm*, NXB Tổng hợp TP.HCM, (Tái Bản 2016).
- [5] TS. David J. Lieberman; Quỳnh Lê (dịch), *Độc vị bất kỳ ai*, NXB Lao động xã hội, (Tái Bản 2012).

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)

		hoặc giờ	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về tâm lý và tâm lý du lịch	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2 : Những đặc điểm tâm lý của khách du lịch	12	3	0	1	0	8
3	Chương 3. Đặc điểm xã hội – tâm lý một số nhóm khách du lịch.	42	9	0	2	3	28
4	Chương 4: Giao tiếp trong hoạt động du lịch	24	4	0	3	1	16
Tổng		90	20	0	6	4	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về tâm lý và tâm lý du lịch

1.1. Những vấn đề cơ bản của tâm lý du lịch và tâm lý học xã hội

1.1.1. Các khái niệm

1.1.2. Đặc điểm chung của các hiện tượng tâm lý

1.1.3. Chức năng của hiện tượng tâm lý

1.1.4. Vai trò của việc nghiên cứu, vận dụng tâm trong du lịch

1.2. Các quy luật tâm lý trong hoạt động du lịch

1.2.1. Các quy luật của đời sống tình cảm

1.2.2. Các kiểu người theo khí chất

1.2.3. Các kiểu người dựa trên thể chất

1.2.4. Quy luật về phép dùng người

1.3. Ảnh hưởng của các hiện tượng tâm lý trong du lịch

1.3.1. Phong tục tập quán

1.3.2. Truyền thống

1.3.3. Bầu không khí tâm lý xã hội

1.3.4. Tôn giáo – tín ngưỡng

1.3.5. Dư luận xã hội

1.3.6. Thị hiếu

1.3.7. Tính các dân tộc

Chương 2: Những đặc điểm tâm lý của khách du lịch

2.1. Hành vi tiêu dùng du lịch

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng

2.2. Nhu cầu du lịch

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Sự phát triển của nhu cầu du lịch

2.2.3. Các loại nhu cầu du lịch

2.3. Động cơ và sở thích của khách du lịch

2.3.1. Động cơ đi du lịch của con người ngày nay

2.3.2. Sở thích

2.4. Tâm trạng và xúc cảm của khách du lịch

2.4.1. Tâm trạng và cảm xúc của khách du lịch

2.4.2. Các loại tâm trạng và cảm xúc thường gặp

2.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cảm xúc, tâm trạng của khách

Chương 3: Đặc điểm xã hội – tâm lý một số nhóm khách du lịch

3.1. Tâm lý khách du lịch theo châu lục

3.1.1. Khách là người châu Âu

3.1.2. Khách là người châu Á

3.1.3. Khách là người châu Mỹ La tinh

3.2. Đặc điểm của khách theo nghề nghiệp

3.2.1. Khách du lịch là quản lý, ông chủ

3.2.2. Khách du lịch thương gia

3.2.3. Khách du lịch là nhà báo

3.2.4. Khách du lịch là nhà khoa học

3.2.5. Khách du lịch là nghệ sĩ

3.2.6. Khách du lịch là công nhân

3.2.7. Khách du lịch là thủy thủ

3.2.8. Khách du lịch là nhà chính trị - ngoại giao

3.3. Đặc điểm về khách du lịch « Ba lô »

Chương 4: Giao tiếp trong hoạt động du lịch

4.1. Những vấn đề chung về giao tiếp du lịch

4.2. Phân loại giao tiếp trong hoạt động du lịch

4.3. Một số mô hình tâm lý giao tiếp du lịch

4.4. Một số cơ chế tâm lý trong giao tiếp du lịch

4.5. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.27. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ HỌC

1. Tên học phần: **QUẢN TRỊ HỌC**
2. Mã học phần: 13200001
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Quản trị
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Lê Kim Liên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD
2	Võ Thị Hương Giang	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần: Nhằm trang bị cho SV những kiến thức cơ bản sau đây:

- Hiểu được khái niệm, đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động của quản trị trong tổ chức.
- Hiểu được môi trường của tổ chức và ảnh hưởng các yếu tố của môi trường vĩ mô, vi mô đến các hoạt động của tổ chức và nhà quản trị. Hiểu và vận dụng được mô hình phân tích năm lực lượng cạnh tranh của M. Porter.
- Hiểu được cơ sở, tiến trình, các điều kiện, kỹ thuật ra quyết định; hiểu và vận dụng được các chức năng cơ bản của nhà quản trị trong tổ chức như chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- Phát triển cho người học các kỹ năng truyền thông, làm việc nhóm, điều hành và tự quản.

- Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, kiểm tra.
- Kỹ năng ra quyết định, phân tích, tổng hợp và đánh giá vấn đề.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

- Về kiến thức:

- + Sinh viên xác định những khái niệm chung về quản trị học.
- + Giải thích các chức năng về quản trị như: Hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị.
- + Mô tả được các hoạt động chức năng cơ bản của quản trị, có khả năng ứng dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Nhận biết được vai trò then chốt của quản trị học trong tổ chức; đặc biệt, trong môi trường biến động và cạnh tranh toàn cầu như hiện nay

- Về kĩ năng:

- + Phát triển khả năng tự học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, làm việc theo nhóm và khả năng trình bày trước đám đông.
- + Làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành.
- + Phân tích, tổng hợp và xử lý được các thông tin thu được để đưa ra kết luận kịp thời, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Về thái độ:

- + Hứng thú học tập, trân trọng với những đóng góp của môn học quản trị học cho sự tiến bộ của xã hội.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; áp dụng các hiểu biết từ môn học vào quá trình công tác.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết của môn học vào trong các môn khoa học khác, vào đời sống thực tiễn.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Chương 1 trình bày các khái niệm và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức, giúp sinh viên hiểu được 4 chức năng cơ bản của quản trị là: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra. Chương này cũng giới thiệu các kỹ năng mà một nhà quản trị cần có để thực hiện tốt 10 vai trò và các chức năng quản trị. Bên cạnh đó, chương này cũng thảo luận vấn đề quản trị là khoa học hay nghệ thuật và người học phải học thế nào để có thể thành một nhà quản trị giỏi.
- Chương 2 bàn về lịch sử phát triển của các lý thuyết quản trị, từ trường phái cổ điển đến trường phái hiện đại, thông qua việc tóm lược các quan điểm của mỗi trường phái cũng như phân tích những đóng góp và hạn chế của từng trường phái.
- Chương 3 đề cập đến vấn đề môi trường hoạt động của các tổ chức bao gồm yếu tố môi trường vĩ mô, môi trường vi mô, môi trường nội bộ và ảnh hưởng của nó đối với các tổ chức.
- Chương 4 giới thiệu chức năng hoạch định. Nội dung chương đề cập đến những vấn đề như lợi ích, cách phân loại của hoạch định và các bước của tiến trình hoạch định chiến lược, các công cụ phổ biến thường được sử dụng trong hoạch định chiến lược như: ma trận SWOT, ma trận BCG và các chiến lược cạnh tranh của Michael Porter.
- Chương 5 bàn về chức năng tổ chức. Chương này đề cập đến chức năng và mục tiêu của tổ chức, tầm hạn quản trị, cách phân chia các bộ phận trong các bộ phận trong tổ chức với các ưu, nhược điểm, phạm vi áp dụng của mỗi các phân chia các kiểu cơ cấu tổ chức phổ biến khác nhau trong thực tế. Ngoài ra, chương này cũng trình bày các vấn đề về quyền hành, tập quyền, phân quyền và ủy quyền trong quản trị.
- Chương 6 bao gồm vấn đề liên quan đến chức năng điều khiển. Chương này bàn về bản chất của lãnh đạo, các lý thuyết về bản chất con người, lý thuyết động cơ thúc đẩy cùng các phong cách lãnh đạo khác nhau. Mặt khác, để thành công nhà quản trị phải biết cách thức quản trị sự thay đổi và xung đột này nằm trong vòng kiểm soát.
- Chương 7 đề cập đến chức năng kiểm tra. Nội dung chương đề cập đến các vấn đề như: chức năng và tầm quan trọng của kiểm tra, tiến trình kiểm tra và các phương pháp kiểm tra, các hình thức kiểm tra: lường trước, đồng thời và phản hồi, các nguyên tắc nhằm xây dựng cơ chế kiểm tra hiệu quả.
- Chương 8 trình bày những vấn đề liên quan đến thông tin bao gồm những nội dung: thông tin là gì, vai trò của thông tin trong quản trị, các yếu tố cơ bản của sự truyền đạt, biết phân

loại thông tin và nguồn thông tin khai thác từ đâu, biết cách xây dựng nội dung và hình thức của thông tin, xây dựng chất lượng thông tin sao cho hiệu quả.

- Chương 9 đề cập đến việc ra quyết định, sinh viên sẽ biết cách phân loại và phân tích các yêu cầu của việc ra quyết định cũng như cơ sở khoa học của việc ra quyết định. Chương này cũng chỉ ra các phương pháp có thể sử dụng và các phẩm chất mà nhà quản trị cần có để ra quyết định đạt được hiệu quả cao nhất.

12. Nhiệm vụ của học viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] PGS. TS. Lưu Đan Thọ chủ biên, *Quản trị học trong xu thế hội nhập*, Nhà xuất bản Tài chính, 2014.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp chủ biên, *Quản trị học*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2015.

[2] TS. Trần Đăng Thịnh chủ biên (2016), *Quản trị học căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00%
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)
----	------------	--------------	-----------------------------------

		hoặc giờ	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Tổng quan về quản trị học	9	3	0	0	0	6
2	Lịch sử phát triển các lý thuyết quản trị	12	4	0	0	0	8
3	Văn hóa tổ chức và môi trường	12	4	0	0	0	8
4	Hoạch định	12	4	0	0	0	8
5	Tổ chức	12	4	0	0	0	8
6	Điều khiển	12	4	0	0	0	8
7	Kiểm tra	6	2	0	0	0	4
8	Thông tin trong quản trị	6	2	0	0	0	4
9	Quyết định quản trị	9	3	0	0	0	6
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Tổng quan về quản trị học

1.1. Quản trị là gì

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Đối tượng của quản trị

1.1.3. Sự cần thiết của quản trị

1.2. Các chức năng quản trị

1.2.1. Các chức hoạch định

1.2.2. Chức năng tổ chức

1.2.3. Chức năng điều khiển

1.2.4. Chức năng kiểm tra

1.3. Nhà quản trị

1.3.1. Quản trị viên cấp cao

- 1.3.2. Quản trị viên cấp giữa
- 1.3.3. Quản trị viên cấp cơ sở
- 1.4. Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị
- 1.5. Vai trò của nhà quản trị trong việc thực hiện mục tiêu của tổ chức
 - 1.5.1. Các vai trò quan hệ với con người
 - 1.5.2. Các vai trò thông tin
 - 1.5.3. Các vai trò làm quyết định
- 1.6. Tính khoa học và tính nghệ thuật của quản trị
 - 1.6.1. Tính khoa học
 - 1.6.2. Tính nghệ thuật

Chương 2. Lịch sử phát triển các lý thuyết quản trị

- 2.1. Bối cảnh lịch sử
 - 2.1.1. Sự quan trọng của lịch sử quản trị
 - 2.1.2. Những tác động ảnh hưởng lên tư tưởng quản trị
 - 2.1.3. Nguồn gốc của tư tưởng quản trị
- 2.2. Trường phái quản trị cổ điển
 - 2.2.1. Trường phái quản trị khoa học
 - 2.2.2. Trường phái quản trị hành chính
- 2.3. Trường phái tâm lý xã hội trong quản trị
 - 2.3.1. Các nhà tiên phong của trường phái
 - 2.3.2. Nhận xét về trường phái tác phong trong quản trị
- 2.4. Trường phái định lượng trong quản trị
 - 2.4.1. Phân tích định lượng
 - 2.4.2. Quy trình áp dụng phân tích định lượng
 - 2.4.3. Nhận xét về trường phái định lượng trong quản trị
- 2.5. Trường phái hội nhập trong quản trị
 - 2.5.1. Khảo hướng quá trình quản trị
 - 2.5.2. Khảo hướng ngẫu nhiên
 - 2.5.3. Khảo hướng hệ thống
- 2.6. Trường phái quản trị hiện đại

2.6.1. Lý thuyết Z

2.6.2. Tiếp cận theo 7 yếu tố

2.6.3. Trường phái quản trị Nhật Bản

Chương 3. Văn hóa của tổ chức và môi trường

3.1. Văn hoá của tổ chức

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Ảnh hưởng của văn hoá doanh nghiệp đến tiến trình quản lý doanh nghiệp

3.2. Môi trường kinh doanh

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Môi trường vĩ mô

3.2.3. Môi trường vi mô

3.2.4. Môi trường tác nghiệp hay môi trường nội bộ doanh nghiệp

Chương 4. Hoạch định

4.1. Những cơ sở hoạch định

4.1.1. Khái niệm hoạch định

4.1.2. Lý do và mục đích của hoạch định

4.1.4. Các loại hoạch định

4.1.5. Quy trình hoạch định

4.2. Mục tiêu – nền tảng của hoạch định

4.2.1. Khái niệm về sứ mệnh và mục tiêu

4.2.2. Phân loại mục tiêu

4.2.3. Vai trò của mục tiêu

4.2.4. Đặc điểm, yêu cầu về thiết lập mục tiêu

4.2.5. Quản trị bằng mục tiêu – Management by Objectives (MBO)

4.3. Hoạch định chiến lược

4.3.1. Khái niệm hoạch định chiến lược

4.3.2. Vai trò và tầm quan trọng của hoạch định chiến lược

4.3.3. Nhiệm vụ và nội dung của hoạch định chiến lược

4.3.4. Tiến trình hoạch định chiến lược

4.3.5. Các công cụ hoạch định chiến lược

4.4. Hoạch định tác nghiệp

4.4.1. Kế hoạch đơn dụng

4.4.2. Kế hoạch thường xuyên

Chương 5. Tổ chức

5.1. Khái niệm và mục tiêu của chức năng tổ chức

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Mục tiêu của công tác tổ chức

5.2. Tầm hạn quản trị

5.3. Cơ cấu tổ chức quản trị

5.3.1. Khái niệm và sự cần thiết của việc thiết kế cơ cấu tổ chức

5.3.2. Nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức

5.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức

5.3.4. Xây dựng nội dung khoa học cơ cấu tổ chức

5.3.5. Phân tích và đánh giá cơ cấu tổ chức

5.4. Một số hình thức phân chia bộ phận trong tổ chức

5.4.1. Phân chia theo thời gian

5.4.2. Phân chia theo chức năng chuyên môn

5.4.3. Phân chia theo lãnh thổ

5.4.4. Phân chia theo sản phẩm

5.4.5. Phân chia theo khách hàng

5.4.6. Phân chia theo quy trình hay thiết bị

5.5. Các kiểu cơ cấu tổ chức quản trị

5.5.1. Cơ cấu tổ chức quản trị trực tuyến

5.5.2. Cơ cấu tổ chức quản trị theo chức năng

5.5.3. Cơ cấu tổ chức quản trị trực tuyến – chức năng

5.5.4. Cơ cấu quản trị ma trận

5.5.5. Cơ cấu quản trị phân nhánh theo sản phẩm

5.5.6. Cơ cấu quản trị theo đơn vị kinh doanh chiến lược

5.5.7. Cơ cấu quản trị theo khu vực địa lý

5.5.8. Cơ cấu quản trị theo nhiều phân nhánh

- 5.5.9. Cơ cấu quản trị theo hàng ngang
- 5.6. Quyền hạn và ủy quyền trong quản trị
 - 5.6.1. Quyền hạn quản trị
 - 5.6.2. Tập quyền và phân quyền
 - 5.6.3. Ủy quyền trong quản trị

Chương 6. Điều khiển

- 6.1. Khái niệm và bản chất của lãnh đạo
 - 6.1.1. Khái niệm lãnh đạo
 - 6.1.2. Bản chất của lãnh đạo trong quản trị
 - 6.1.3. Hiệu quả lãnh đạo
 - 6.1.4. Các cách tiếp cận chủ yếu trong nghiên cứu về lãnh đạo
- 6.2. Những lý thuyết về bản chất của con người
 - 6.2.1. Quan niệm về con người của Edgar H.Schein
 - 6.2.2. Các giả thuyết về bản chất con người của Mc. Gregor
 - 6.2.3. Thuyết Z Nhật Bản của William Ouchi
- 6.3. Các lý thuyết về động cơ thúc đẩy
 - 6.3.1. Lý thuyết cổ điển
 - 6.3.2. Lý thuyết tâm lý xã hội hay quan hệ con người
 - 6.3.3. Lý thuyết hiện đại về động cơ thúc đẩy
- 6.4. Các phong cách lãnh đạo
 - 6.4.1. Các phong cách lãnh đạo dựa trên việc sử dụng quyền lực
 - 6.4.2. Cách tiếp cận của Likert về phong cách lãnh đạo
 - 6.4.3. Phong cách ô bàn cờ quản trị
- 6.5. Lựa chọn phương pháp lãnh đạo và sử dụng nhân viên thích hợp
- 6.6. Quản trị sự thay đổi và xung đột
 - 6.6.1. Yếu tố gây biến động
 - 6.6.2. Kỹ thuật quản trị sự thay đổi

Chương 7. Kiểm tra

- 7.1. Khái niệm và tầm quan trọng của kiểm tra
 - 7.1.1. Khái niệm kiểm tra

- 7.1.2. Tầm quan trọng của kiểm tra
- 7.2. Tiến trình của kiểm tra
 - 7.2.1. Xây dựng các tiêu chuẩn và lựa chọn phương pháp đo lường
 - 7.2.2. Chọn lựa phương pháp đo lường
 - 7.2.3. Đo lường việc thực hiện và so sánh với các tiêu chuẩn
 - 7.2.4. Điều chỉnh các sai lệch
- 7.3. Các hình thức kiểm tra
 - 7.3.1. Kiểm tra lường trước
 - 7.3.2. Kiểm tả đồng thời
 - 7.3.3. Kiểm tra phản hồi
- 7.4. Các nguyên tắc kiểm tra
- 7.5. Các hoạt động cần kiểm tra
- 7.6. Xây dựng khuôn mẫu toàn diện về hệ thống kiểm tra
 - 7.6.1. Môi trường kiểm soát
 - 7.6.2. Đánh giá rủi ro
 - 7.6.3. Hoạt động kiểm soát
 - 7.6.4. Thông tin và truyền thông
 - 7.6.4. Giám sát

Chương 8. Thông tin trong quản trị

- 8.1. Khái niệm và yêu cầu của thông tin
 - 8.1.1. Khái niệm thông tin
 - 8.1.2. Yêu cầu của thông tin
- 8.2. Vai trò và đối tượng của thông tin trong quản trị
 - 8.2.1. Vai trò của thông tin
 - 8.2.2. Đối tượng của thông tin
- 8.3. Nguồn thông tin và phân loại thông tin
 - 8.3.1. Nguồn thông tin
 - 8.3.2. Phân loại thông tin trong quản trị
- 8.4. Nội dung, hình thức, chất lượng và hiệu quả của thông tin
 - 8.4.1. Nội dung thông tin

- 8.4.2. Hình thức thông tin
- 8.4.3. Chất lượng thông tin
- 8.4.4. Hiệu quả của thông tin
- 8.5. Phương pháp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin
 - 8.5.1. Phương pháp thu thập
 - 8.5.2. Phương pháp xử lý
 - 8.5.3. Phương pháp phổ biến thông tin
- 8.6. Quá trình truyền đạt thông tin

Chương 9. Quyết định quản trị

- 9.1. Khái niệm, phân loại và yêu cầu của quyết định
 - 9.1.1. Khái niệm quyết định quản trị
 - 9.1.2. Phân loại quyết định quản trị
 - 9.1.3. Những yêu cầu của quyết định quản trị
- 9.2. Vai trò và chức năng của quyết định quản trị
 - 9.2.1. Vai trò của quyết định quản trị
 - 9.2.2. Chức năng của các quyết định quản trị
- 9.3. Mục tiêu và cơ sở khoa học của việc ra quyết định
 - 9.3.1. Mục tiêu của các quyết định
 - 9.3.2. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định
- 9.4. Nội dung và hình thức của các quyết định
 - 9.4.1. Nội dung của các quyết định
 - 9.4.2. Hình thức của các quyết định
- 9.5. Tiến trình ra quyết định và các nhân tố ảnh hưởng
 - 9.5.1. Nguyên tắc của việc ra quyết định
 - 9.5.2. Môi trường ra quyết định
 - 9.5.3. Lý thuyết ra quyết định
 - 9.5.4. Tiến trình ra quyết định của Stephen P. Robbin và Mary Coulter
 - 9.5.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định
- 9.6. Phương pháp và kỹ thuật ra quyết định
 - 9.6.1. Phương pháp ra quyết định

9.6.2. Kỹ thuật ra quyết định

9.6.3. Nghệ thuật ra quyết định

9.7. Phẩm chất cá nhân cần thiết cho việc ra quyết định

9.8. Tổ chức thực hiện và kiểm soát các quyết định

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành Quản trị từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt:

Ngày tháng năm 2017

P. Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.28. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH

1. Tên học phần: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành kinh tế, Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Ngô Đình Tâm	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch
2	Trần Thị Xuân Viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch
3	Nguyễn Văn Ít	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Toán C1, C2
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ đạt được:

- Các kiến thức cơ bản về thống kê trong lĩnh vực du lịch lữ hành.
- Biết vận dụng kiến thức môn học vào trong thực tế các doanh nghiệp.
- Sử dụng được phần mềm SPSS để phân tích dữ liệu thực tế.
- Mục tiêu cụ thể: Cung cấp khái niệm, kiến thức cơ bản về:

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nhận biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của thống kê trong hoạt động quản trị, kinh doanh du lịch, phân tích kinh tế.

+ Giải thích được các phương pháp thống kê và công thức thống kê.

+ Xác định đúng các kỹ thuật thống kê nhằm áp dụng giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến số liệu thống kê trong công việc một cách phù hợp

+ Áp dụng các công thức và phương pháp thống kê vào thực tế của ngành du lịch.

+ Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế.

- Về kĩ năng:

+ Lập bảng phân phối tần số, tần số lớp; Vẽ đồ thị tần số, tần suất, tổ chức, đa giác, tần số tương đối tích lũy; Xác định giá trị đo lường độ tập trung: Mode, Median, Mean; Tìm các giá trị đo lường độ phân tán: Variance, Standard deviation, Coefficient of variation; Ước lượng trên một mẫu: trung bình tổng thể, tỉ lệ tổng thể; Kiểm định trên một mẫu: trung bình tổng thể, tỉ lệ tổng thể

+ Tự thực hiện được hoặc cùng với một nhóm để thực hiện được một đề tài nghiên cứu về Thống kê trong lĩnh vực kinh tế.

+ **Có khả năng sử dụng một cách cơ bản các phần mềm xử lý số liệu thống kê phổ biến (SPSS, Excel) trong việc xử lý và trình bày số liệu thống kê.**

+ Đọc thông thạo một số kết quả thống kê cung cấp để phục vụ cho việc ra quyết định

- Về thái độ:

+ Hứng thú học tập, yêu thích môn học, nhiệt tình tham gia xây dựng bài.

+ Khách quan, trung thực; có tác phong nhanh nhẹn, nhạy bén, cẩn thận và có tinh thần hợp tác trong việc học tập, làm việc nhóm, cũng như trong việc áp dụng vào thực tế các hiểu biết đã đạt được.

+ Ý thức tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giáo viên yêu cầu.

+ Ý thức vận dụng những hiểu biết của môn học vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp cụ thể, hỗ trợ Doanh nghiệp đưa ra các chiến lược phát triển và kinh doanh hiệu quả.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê căn bản bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội bao gồm thống kê mô tả, thống kê suy diễn, chỉ số, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Từ đó làm cơ sở cho việc nhận ra và hiểu các biến thể có hệ thống khi đo lường các hiện tượng kinh tế xã hội, để tóm tắt dữ liệu, dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai và để đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu trong quản lý kinh tế. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm thống kê thông dụng hỗ trợ cho việc xử lý, phân tích thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; cho sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, NXB Lao động – xã hội, 2013.

[2] Hà Văn Sơn & ctg, *Bài tập Nguyên Lý Thống kê Kinh Tế*, NXB Kinh Tế Tp HCM, 2013

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hà văn Sơn, *Giáo trình Lý thuyết Thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế*, NXB Thống kê, 2010

[2] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Bài tập và bài giải Thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2009.

[3] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, 2008

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

+ Điểm tiểu luận: 30%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan về Thống kê ứng dụng	9	3		0		6
2	Chương 2: Thu thập dữ liệu, và trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị	24	5	3	0		16
3	Chương 3: Mô tả dữ liệu bằng các đại lượng số	21	4	3			14
4	Chương 4: Ước lượng các tham số tổng thể	21	5	2			14
5	Chương 5: Kiểm định giả thuyết về tham số tổng thể	24	5	3			16
6	Chương 6: Hồi quy tuyến tính đơn biến và phân tích tương quan	18	4	2			12
7	Chương 7: Phân tích thống kê thị trường du lịch và dự báo trong kinh doanh DL	18	4	2			12
Tổng		135	30	15			90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Tổng quan về Thống kê

1.1. Khái niệm thống kê

1.2. Các phương pháp nghiên cứu thống kê

1.3. Thống kê ứng dụng trong kinh tế và xã hội

1.4. Các khái niệm căn bản thường dùng trong thống kê

1.4.1. Dữ liệu, thông tin và trị thức

1.4.2. Tổng thể và đơn vị tổng thể

1.4.3. Mẫu và đơn vị mẫu

1.5. Các loại thang đo dữ liệu

Chương 2. Thu thập dữ liệu và trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị

2.1. Xác định dữ liệu cần thu thập

2.2. Dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp

2.2.1. Nguồn dữ liệu thứ cấp

2.2.2. Nguồn dữ liệu sơ cấp

2.3. Các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

2.3.1. Thu thập dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu thực nghiệm

2.3.2. Thu thập dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu quan sát

2.4. Các kỹ thuật lấy mẫu

2.2.1. Kỹ thuật lấy mẫu xác suất

2.2.2. Kỹ thuật lấy mẫu phi xác suất

2.5. Xây dựng kế hoạch điều tra thống kê

2.6. Sai số trong điều tra thống kê

2.7. Trình bày tóm tắt dữ liệu bằng biểu đồ thống kê

Chương 3. Mô tả dữ liệu bằng các đại lượng số

3.1. Các đại lượng đo lường khuynh hướng tập trung

3.1.1. Trung bình cộng

3.1.2. Trung vị (Median)

3.1.3. Số Một

3.1.3. Trung bình nhân

3.2. Các đại lượng đo lường khuynh hướng phân tán

3.2.1. Khoảng biến thiên

3.2.2. Độ trải giữa.

3.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn

3.2.4. Hệ số biến thiên

Chương 4. Ước lượng các tham số tổng thể

4.1. Ước lượng trung bình tổng thể

4.1.1. Ước lượng khoảng trung bình tổng thể (biết phương sai tổng thể)

4.1.2. Ước lượng khoảng trung bình tổng thể (không biết phương sai tổng thể)

4.2. Ước lượng tỉ lệ tổng thể

4.3. Xác định cỡ mẫu cho bài toán ước lượng

4.3.1. Xác định cỡ mẫu cho ước lượng trung bình tổng thể

4.3.2. Xác định cỡ mẫu cho ước lượng tỉ lệ tổng thể

4.4. Ước lượng trên hai mẫu

4.4.1. Ước lượng trung bình hai mẫu

4.4.2. Ước lượng tỉ lệ hai mẫu

Chương 5: Kiểm định giả thuyết về tham số tổng thể

5.1 Các vấn đề chung về kiểm định

5.2 Kiểm định giả thiết về trung bình tổng thể

5.3 Kiểm định giả thiết về tỉ lệ tổng thể

Chương 6: Hồi quy tuyến tính đơn biến và phân tích tương quan

6.1. Khái niệm hồi quy

6.2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn

6.2.1. Các giả định liên quan đến yếu tố nhiễu

6.2.2. Ý nghĩa của các hệ số hồi quy

6.2.3. Tính toán các kết quả hồi quy

6.2.4. Đo lường biến thiên bằng Hệ số xác định

6.2.5. Sai số chuẩn của ước lượng

6.2.6. Phân tích phân dư

6.2.7. Sử dụng phân tích hồi quy dự đoán giá trị trung bình và giá trị của biến phụ thuộc.

6.3. Tương quan tuyến tính

6.3.1. Hệ số tương quan tuyến tính tổng thể

6.3.2. Hệ số tương quan tuyến tính mẫu r

6.3.3. Kiểm định ý nghĩa thống kê của hệ số tương quan tuyến tính

Chương 7: Phân tích thống kê thị trường du lịch và dự báo trong kinh doanh du lịch

7.1 Phân tích thông kê thị trường du lịch

7.2 Ý nghĩa của dự báo trong nghiên cứu du lịch

7.3 Một số phương pháp dự báo trong du lịch

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành kinh tế từ năm học 2017.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

2.29. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC

1. Tên học phần: KINH TẾ HỌC

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành kinh tế, du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Ngô Đình Tâm	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Văn Ít	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 45 tiết
- Tự học : 90 tiết
- Lý thuyết : 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần sinh viên đạt được:

- Kiến thức cơ bản tổng quát về kinh tế học nhằm hỗ trợ cho các môn học khác.
- Biết tính toán được giá cả và sản lượng, tính được nhu cầu mua của người tiêu dùng cũng như chi phí của doanh nghiệp và các vấn đề liên quan cạnh tranh. Tính được GDP, biết cách sử dụng các chính sách vĩ mô vào nền kinh tế khác nhau cũng như tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp của nền kinh tế

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

- Về kiến thức:

- + Mô tả được lý thuyết cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường cân bằng.
- + Giải thích được lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp
- + Trình bày được các khái niệm, cách thức đo lường các chỉ tiêu sử dụng trong kinh tế vĩ mô.

- + Nhận ra cơ chế vận hành của toàn bộ nền kinh tế và các chính sách của chính phủ dùng để can thiệp vào nền kinh tế.

- + Phân tích được ảnh hưởng của lạm phát đến đời sống và việc làm của người dân.

- Về kĩ năng:

- + Vận dụng kiến thức vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và của quy luật kinh tế thị trường.

- + Quan sát được chỉ tiêu nào thường được dùng trong đo lường sản lượng của một quốc gia.

- + Quan sát được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.

- Về thái độ:

- + Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước trong việc phát triển kinh tế thị trường

- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập, cũng như trong việc áp dụng các hiểu biết đã đạt được.

- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết về Kinh tế học vào trong các khoa học khác, vào đời sống để có thể hiểu đúng và thực hiện đúng các chính sách của Chính phủ, nhằm góp phần làm phát triển nền kinh tế quốc gia.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học như: cung, cầu và thị trường sản phẩm; lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng, hoạt động của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo. đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế, mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.

- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Davi Begg, **Kinh tế học**, Nhà xuất bản Thống kê

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] PGS.TS. Vũ Kim Dũng, chủ biên, **Kinh tế học_Tập1**, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.

[2] PGS.TS. Vũ Kim Dũng, chủ biên, **Kinh tế học_Tập2**, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.

[3] PGS.TS. Lê Bảo Lâm, chủ biên, **Kinh tế vi mô**, Nhà xuất bản Kinh tế TPHCM, 2014.

[4] TS. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà, **Kinh tế vĩ mô**, Nhà xuất bản kinh tế, 2016.

[5] TS. Hay Sinh, **Giáo trình Kinh tế vi mô 1**, Nhà xuất bản Kinh tế TPHCM, 2013.

[6] PGS.TS. Cao Thúy Xiêm, chủ biên, **Kinh tế vi mô**, Nhà xuất bản Chính Trị - Hành Chính, 2012.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

+ Điểm tiểu luận: 30%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Khái quát về kinh tế học	15	5	0	0	0	10
2	Cung cầu và thị trường cân	27	6	3	0	0	18

	bảng						
3	Hành vi về sự lựa chọn của người tiêu dùng và doanh nghiệp	21	4	3	0	0	14
4	Thị trường cạnh tranh hoàn toàn	18	3	1	0	0	12
5	Đo lường sản lượng quốc gia	15	3	2	0	0	10
6	Chính sách tài khoá và tiền tệ	24	6	4	0	0	16
7	Lạm phát và thất nghiệp	15	3	2	0	0	10
Tổng		135	30	15	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Khái quát về kinh tế học

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm về kinh tế học

1.1.2. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

1.1.3. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô

1.1.4. Nội dung nghiên cứu của kinh tế vi mô

1.2. Những vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế

1.3. Mô hình kinh tế

Chương 2. Cung cầu và thị trường cân bằng

2.1. Thị trường

2.1.1. Khái niệm thị trường

2.1.2. Phân loại thị trường

2.1.3. Vai trò của thị trường

2.2. Cầu thị trường

2.2.1. Khái niệm

- 2.2.2. Quy luật cầu
 - 2.2.3. Các yếu tố làm dịch chuyển đường cầu
 - 2.3. Cung thị trường
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Quy luật cung
 - 2.3.3. Các yếu tố làm dịch chuyển đường cung
 - 2.4. Thị trường cân bằng
 - 2.5. Những ảnh hưởng do tác động của chính phủ vào thị trường
- Chương 3. Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng và doanh nghiệp
- 3.1. Phân tích bằng thuyết hữu dụng
 - 3.1.1. Một số vấn đề cơ bản
 - 3.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng
 - 3.1.3. Sự hình thành đường cầu
 - 3.2. Phân tích bằng hình học
 - 3.2.1. Một số khái niệm
 - 3.2.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng
 - 3.2.3. Sự hình thành đường cầu
 - 3.3. Lý thuyết sản xuất
 - 3.3.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 3.3.2. Nguyên tắc sản xuất
 - 3.4. Lý thuyết về chi phí sản xuất
 - 3.4.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 3.4.2. Phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn
 - 3.4.3. Phân tích chi phí sản xuất trong dài hạn
- Chương 4. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn
- 4.1. Một số vấn đề cơ bản
 - 4.1.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo
 - 4.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo
 - 4.2. Lựa chọn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo
 - 4.3. Tính ưu việt của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

Chương 5. Đo lường sản lượng quốc gia

5.1. Một số khái niệm

5.1.1. Khấu hao

5.1.2. Đầu tư tư nhân

5.1.3. Tiêu dùng và tiết kiệm

5.2. Khái quát về hai chỉ tiêu GDP và GNP

2.2.1. Phân biệt GDP và GNP

2.2.2. Giá cả dùng tính GDP và GNP

2.2.3. Các chỉ tiêu dùng để so sánh

5.3. Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường

2.3.1. Sơ đồ chu chuyển kinh tế

2.3.2. Phương pháp tính GDP

Chương 6. Chính sách tài khoá và tiền tệ

6.1. Các yếu tố tổng cầu.

6.2. Tác động của chính sách ngoại thương.

6.2.1. Chính sách gia tăng xuất khẩu

6.2.2. Chính sách hạn chế nhập khẩu

6.3. Chính sách tài khoá

6.3.1. Tác động của chính sách tài khoá

6.3.2. Định lượng cho chính sách tài khoá

6.4. Chính sách tiền tệ

6.4.1. Tác động của chính sách tiền tệ

6.4.2. Định lượng cho chính sách tiền tệ

Chương 7. Lạm phát và thất nghiệp

7.1. Lạm phát

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Phân loại

7.1.3. Cách tính tỉ lệ lạm phát

7.1.4. Nguyên nhân của lạm phát.

7.1.5. Tác động của lạm phát

7.1.6. Biện pháp chống lạm phát

7.2. Thất nghiệp

7.2.1. Đo lường thất nghiệp

7.2.2. Các dạng thất nghiệp

7.2.3. Biện pháp giảm thất nghiệp

7.3. Quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành kinh tế, du lịch từ năm học 2017 – 2018.

Thời gian kiểm tra và thi:

+ Tiêu luận 30%

+ Thi cuối học phần 70%

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.30. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
2. Mã học phần: 07200001
3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành kinh tế
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Xuân Hiệp	Tiến sĩ	Khoa TC - KT
2	Nguyễn Chí Công	Thạc sĩ	Khoa TC - KT
3	Bùi Hồng Điệp	Tiến sĩ	Khoa TC - KT
4	Nguyễn Thị Phước Như	Thạc sĩ	Khoa TC - KT
5	Đào Thúy Em	Thạc sĩ	Khoa TC - KT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về kế toán nhằm trang bị kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học chuyên ngành.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được nội dung cơ bản liên quan đến bảng cân đối kế toán - bảng báo cáo kết quả kinh doanh; Tài khoản, ghi sổ kép; định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cơ bản; tính giá thành sản phẩm giản đơn và các hình thức kế toán

– **Về kĩ năng:**

- + Phân biệt được các đối tượng kế toán.
- + Phân biệt, hiểu được cách lập và trình bày các báo cáo tài chính cơ bản
- + Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cơ bản
- + Tính được giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn
- + phân biệt được các hình thức ghi sổ kế toán

– **Về thái độ:**

- + Có hứng thú học kế toán, yêu thích môn học.
- + Có thái độ khách quan, trung thực, cẩn thận, chịu khó và có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn học, cũng như trong việc áp dụng các hiểu biết đã đạt được.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về kế toán.
- Bảng cân đối kế toán – Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tài khoản – Ghi sổ kép.
- Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Sổ kế toán – Các hình thức sổ kế toán.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: Trên 75%
- Bài tập: Trên lớp và ở nhà
- Khác: Theo yêu cầu của giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Khoa Tài Chính Kế toán, *Giáo trình nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội, 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hệ thống các chuẩn mực kế toán – Chuẩn mực 01 “chuẩn mực chung”, theo quyết định số 165/2002/QĐ – BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2002.

[2] Chế độ kế toán doanh nghiệp, theo Thông tư 200/2014/TT – BTC, do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014

[3] Chủ biên Võ Văn Nhi, *Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản lao động xã hội, 09/2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 10%
 - + Điểm tiểu luận: 20%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Những vấn đề chung về kế toán	15	5	0	0	0	10
2	Bảng cân đối kế toán – Báo cáo kết quả kinh doanh.	21	4	3	0	0	14
3	Tài khoản – Ghi sổ kép.	36	6	6	0	0	24
4	Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu của quá trình sản xuất kinh doanh	54	6	12	0	0	36
5	Sổ kế toán – các hình thức kế toán	9	3	0	0	0	6
Tổng		135	24	21	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Những vấn đề chung về kế toán

1.1. Khái niệm

- 1.2. Đối tượng của kế toán.
- 1.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán.
- 1.4. Phân loại kế toán.
- 1.5. Các phương pháp kế toán.
- 1.6. Yêu cầu của kế toán.
- 1.7. Nguyên tắc kế toán.
- 1.8. Phân loại tài sản

Chương 2. Bảng cân đối kế toán – Báo cáo kết quả kinh doanh

- 2.1. Bảng cân đối kế toán
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Nội dung kết cấu bảng cân đối kế toán
 - 2.1.3. Cơ sở và phương pháp lập bảng cân đối kế toán
 - 2.1.4. Sự thay đổi các khoản mục trên bảng cân đối kế toán
- 2.2. Báo cáo kết quả kinh doanh
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Nội dung kết cấu báo cáo kết quả kinh doanh
 - 2.2.3. Cơ sở và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh

Chương 3. Tài khoản – Ghi sổ kép

- 3.1. Tài khoản
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Nội dung kết cấu và phân loại tài khoản
 - 3.1.3. Nguyên tắc ghi chép vào tài khoản
 - 3.1.4. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp Việt Nam
- 3.2. Ghi sổ kép
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Định khoản
 - 3.2.3. Chuyển khoản
 - 3.2.4. Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết
 - 3.2.5. Mối quan hệ giữa tài khoản và bảng cân đối kế toán
 - 3.2.6. Đối chiếu, kiểm tra việc ghi chép trên tài khoản

Chương 4. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

4.1. Kế toán các yếu tố chi phí cơ bản

4.1.1. Kế toán nguyên vật liệu

4.1.2. Kế toán công cụ dụng cụ

4.1.3. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

4.1.4. Kế toán khấu hao TSCĐ.

4.1.5. Kế toán sửa chữa TSCĐ(Sửa chữa nhỏ)

4.2. Kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm

4.2.1. Khái niệm CPSX và giá thành sản phẩm

4.2.2. Kế toán chi phí NVL trực tiếp

4.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

4.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

4.2.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm(tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn cơ bản 1 sản phẩm)

4.3. Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

4.3.1. Kế toán thành phẩm.

4.3.2. Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh (Phương thức tiêu thụ trực tiếp; không hạch toán các khoản giảm trừ, bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại).

Chương 5. Sổ kế toán – các hình thức kế toán

5.1. Sổ kế toán

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán

5.2. Các hình thức kế toán (giới thiệu cơ bản)

5.2.1. Hình thức nhật ký chung

5.2.2. Hình thức chứng từ ghi sổ

5.2.3. Hình thức nhật ký chứng từ

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo

– Projecter, hệ thống âm thanh

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành kinh tế từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.31. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT DU LỊCH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT DU LỊCH

1. Tên học phần: **LUẬT DU LỊCH**

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

4. Loại học phần: **Lý thuyết**

5. Đối tượng học: **Sinh viên đại học chính quy**

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ Luật	Khoa Lý luận chính trị
2	Phan Ái Nhi	Thạc sĩ Luật	Khoa Lý luận chính trị
3	Nguyễn Phước	Thạc sĩ Luật	Khoa Lý luận chính trị
4	Nguyễn Thị Thu Thoa	Thạc sĩ Xã hội học	Khoa Lý luận chính trị

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 0 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương

- Học phần trước: Không có

- Học phần song hành: Không có

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Nhận biết địa vị pháp lý của cá nhân, tổ chức hoạt động kinh doanh hoạt động du lịch tại Việt Nam
- Vận dụng được các quy định của Luật Du lịch để xác định quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong hoạt động du lịch của mình

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

Về kiến thức:

+ Sinh viên hiểu được những kiến thức pháp luật về các loại hình doanh nghiệp, những vấn đề khách du lịch và kinh doanh du lịch những quy chế đối với hướng dẫn viên.

+ Sinh viên biết được một số mẫu đồng trong lĩnh vực du lịch, soạn thảo và ký soạn thảo các hợp đồng du lịch cho phù hợp với luật pháp Việt Nam.

Về kỹ năng:

Biết cách thức thành lập và quản lý một doanh nghiệp du lịch, phát hiện được những hành vi vi phạm pháp luật du lịch, thẩm quyền và hình thức xử lý. Từ đó, biết cách quản lý du lịch và hành xử trong du lịch đúng pháp luật.

Về thái độ:

Nhận thức đúng đắn về vai trò của nhà nước và pháp luật đối với hoạt động du lịch để luôn có ý thức tích cực trong việc chấp hành đúng yêu cầu của pháp luật, cũng như phát hiện được và khắc phục được những hành vi vi phạm pháp luật du lịch.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- + Những vấn đề chung về Luật du lịch
- + Quy chế pháp lý về khách du lịch và kinh doanh du lịch
- + Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên du lịch
- + Hợp đồng trong lĩnh vực du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bài giảng “Luật Du lịch” của Tổ bộ môn Pháp luật khoa Lý luận chính trị

13.2. Văn bản pháp luật có liên quan:

[1]. Luật Du lịch 2017 (Luật Du lịch số: 97/2017/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2017)

[2]. Nghị định 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2017 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch

[3]. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành ngày 15/12/2017 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch

[4]. Văn bản hợp nhất số 1433/VBHN-BVHTTDL do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành ngày 10/4/2017 về việc hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

[5]. Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 15/11/2017 về việc quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch.

[6]. Nghị định số 07/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25/01/2017 về việc quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

[7]. Luật thương mại 2005

[8]. Luật Đầu tư 2015

[9]. Bộ luật Dân sự 2015

[10]. Nghị định 16/2012/NĐ-CP, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

+ Điểm thái độ học tập: 10 %

+ Điểm tiểu luận: 20%

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: %

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)
-----------	-------------------	---------------------	--

		hoặc giờ	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Chương 1: Những vấn đề chung về Luật du lịch	12	2	1	1	0	8
2	Chương 2: Quy chế pháp lý về khách du lịch và kinh doanh du lịch	30	6	2	2	0	20
3	Chương 3: Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên du lịch	18	4	1	1	0	12
4	Chương 4: Hợp đồng trong lĩnh vực du lịch	30	6	2	2	0	20
Tổng		90	18	6	6	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Những vấn đề chung về Luật du lịch

- 1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Du lịch 2017
 - 1.1.1 Khái niệm Luật Du lịch
 - 1.1.2 Đối tượng điều chỉnh của Luật Du lịch
 - 1.1.3 Phương pháp điều chỉnh của Luật Du lịch
- 1.2. Hệ thống văn bản pháp luật về du lịch ở Việt Nam hiện nay
- 1.3. Vi phạm trong lĩnh vực du lịch
 - 1.3.1 Những hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch
 - 1.3.2 Xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch
- 1.4. Những vấn đề thuộc về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch :
 - 1.3.1 Quản lý nhà nước về du lịch
 - 1.3.2 Xúc tiến du lịch
 - 1.3.3 Hợp tác và hội nhập quốc tế về du lịch
 - 1.3.4 Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch

Chương 2: Quy chế pháp lý về khách du lịch và kinh doanh du lịch

2.1. Quy chế pháp lý về khách du lịch

2.1.1. Khái niệm về khách du lịch

2.1.2. Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch

2.1.3. Đảm bảo an toàn cho khách du lịch

2.2. Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch

2.2.1. Khái quát về các loại hình kinh doanh du lịch

2.2.2. Các chủ thể kinh doanh du lịch

2.2.3. Một số quy định về kinh doanh lữ hành

2.2.4. Một số quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch

2.2.5. Một số quy định về kinh doanh lưu trú du lịch

2.2.6. Một số quy định về kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch

2.2.7. Một số quy định về kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch

Chương 3: Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên Du lịch

3.1. Khái quát chung về hướng dẫn viên du lịch

3.2. Điều kiện để được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

3.3. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

3.4. Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên, những điều hướng dẫn viên không được làm

Chương 4: Hợp đồng trong lĩnh vực du lịch

4.1. Khái quát chung về hợp đồng

4.1 Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng

4.2 Phân loại hợp đồng

4.3 Hình thức và nội dung của hợp đồng

4.4 Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng

4.4 Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng

4.2. Hợp đồng trong lĩnh vực du lịch

4.2.1 Một số quy định về hợp đồng lữ hành

4.2.2 Một số quy định về hợp đồng đại lý lữ hành

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Bảng, phần

- Máy tính, máy chiếu, mạng wifi

18. Hướng dẫn thực hiện

– Đề cương này được áp dụng cho sinh viên bậc đại học khối ngành Quản trị từ năm học 2018-2019.

– Học phần này được thực hiện sau học phần pháp luật đại cương

– Học phần được tổ chức thành 15 buổi, mỗi buổi 2 tiết, với quy mô lớp trung bình từ 30 – 40 sinh viên.

– Giảng viên có thể thực hiện giảng dạy toàn bộ chương trình hoặc một chủ đề nào đó của chương trình.

– Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

+ Việc đánh giá cho điểm thái độ học tập bao gồm: Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp, thái độ học tập ở trên lớp, sự chuẩn bị cho buổi học, khả năng và tính tích cực trong hoạt động nhóm, năng lực giải quyết vấn đề...).

+ Để thực hiện có hiệu quả và chất lượng các buổi học trên lớp, các giảng viên cần thiết kế các hình ảnh hay video clip hỗ trợ trực quan trong quá trình giảng dạy, đồng thời yêu cầu sinh viên (nhóm sinh viên) chuẩn bị trước những yêu cầu của bài học.

+ Giảng viên giành thời gian khoảng 20 phút đầu để hướng dẫn về môn học và 30 phút cuối cùng của chương trình tổng kết và đánh giá khóa học.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2018

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2018

Trưởng Bộ môn

Ngày 07 tháng 5 năm 2018

Người biên soạn

Phan Ái Nhi

2.32. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT THƯƠNG MẠI

1. Tên học phần: LUẬT THƯƠNG MẠI
2. Mã học phần: 13200045
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ luật	Khoa LLCT
2	Phan Ái Nhi	Thạc sĩ luật	Khoa LLCT
3	Nguyễn Phước	Thạc sĩ luật	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Nhận biết địa vị pháp lý của thương nhân hoạt động thương mại tại Việt Nam.
- Vận dụng được các quy định của Luật thương mại để xác định quyền và nghĩa vụ của thương nhân trong hoạt động thương mại của mình.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

- Về kiến thức:

+ Sinh viên trình bày được các loại hình doanh nghiệp, các đặc điểm cơ bản của các loại hình doanh nghiệp.

+ Sinh viên trình bày được các bước đi của thủ tục thành lập một doanh nghiệp

+ Sinh viên trình bày các đặc điểm cơ bản và phân biệt các hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành

+ Sinh viên trình bày được các quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng (bao gồm: khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng, hình thức của hợp đồng, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng, ...).

– Về kĩ năng:

Sau khi học xong học phần Luật Thương mại, sinh viên có thể:

+ Áp dụng các quy định của pháp luật thương mại hiện hành vào các hoạt động thành lập doanh nghiệp, tiến hành các hoạt động thương mại

+ Giải quyết được các bài tập nhận định đúng sai, bài tập tình huống về hoạt động thương mại và áp dụng vào thực tiễn làm việc.

– Về thái độ:

+ Nhận thức đúng đắn về vai trò của nhà nước và pháp luật đối với hoạt động thương mại để luôn có ý thức tích cực trong việc chấp hành đúng yêu cầu của pháp luật, cũng như phát hiện được và khắc phục được những hành vi vi phạm pháp luật kinh doanh thương mại.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Luật Thương mại bao gồm các nội dung sau:

– Các quy định của pháp luật về doanh nghiệp: khái niệm, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ pháp lý, thủ tục thành lập doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp

– Các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa: hình thức, nội dung, thực hiện, biện pháp bảo đảm, chế tài khi vi phạm hợp đồng

– Pháp luật về nhượng quyền thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Tham dự ít nhất 75% giờ học trên lớp)

– Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

– Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bài giảng “*Luật thương mại*” của Tổ bộ môn Pháp luật khoa Lý luận chính trị, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] *Giáo trình pháp luật kinh tế*, Trường đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2009.

[2] *Luật thương mại năm 2005*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2005.

[3] *Bộ luật dân sự năm 2015*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2015.

[4] *Luật hợp tác xã năm 2013*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2013.

[5] *Luật doanh nghiệp năm 2014*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014.

[7] *Luật đầu tư năm 2014*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014.

[8] *Luật trọng tài thương mại năm 2010*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2010.

[9] *Luật phá sản năm 2014*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

+ Điểm thái độ học tập: 10%

+ Điểm tiểu luận: 20%

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Tổng quan về Luật Thương mại	6	2	0	0	0	4
2	Pháp luật về thương nhân	30	8	0	2	0	20
3	Pháp luật về mua bán hàng	18	4	2	0	0	12

	hóa và cung ứng dịch vụ						
4	Pháp luật về xúc tiến thương mại	12	2	2	0	0	8
5	Pháp luật về trung gian thương mại	6	1	0	1	0	4
6	Pháp luật về đấu giá và nhượng quyền thương mại	12	3	0	1	0	8
7	Pháp luật về giải quyết tranh chấp của thương nhân	6	1	2	0	0	8
Tổng		90	20	6	4	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Tổng quan về luật thương mại

- 1.1. Khái niệm, phạm vi điều chỉnh của Luật thương mại
- 1.2. Chủ thể của luật thương mại
- 1.3. Nguyên tắc cơ bản, vai trò của Luật thương mại

Chương 2. Địa vị pháp lý của thương nhân

- 2.1. Khái niệm thương nhân
- 2.2. Địa vị pháp lý của thương nhân
- 2.3. Pháp luật về chấm dứt hoạt động của thương nhân
 - 2.3.1. Pháp luật về giải thể
 - 2.3.2. Pháp luật về phá sản
- 2.4. Pháp luật về hợp đồng

Chương 3. Pháp luật về mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ

- 3.1. Pháp luật về mua bán hàng hóa
- 3.2. Pháp luật về cung ứng dịch vụ

Chương 4. Pháp luật về xúc tiến thương mại

- 4.1. Quảng cáo
- 4.2. Khuyến mại
- 4.3. Trưng bày, giới thiệu hàng hóa
- 4.4. Hội chợ triển lãm

Chương 5. Pháp luật về trung gian thương mại

5.1. Đại diện cho thương nhân

5.2. Môi giới thương mại

5.3. Ủy thác mua bán hàng hóa

5.4. Xúc tiến thương mại

Chương 6. Pháp luật về đấu giá hàng hóa và nhượng quyền thương mại

6.1. Pháp luật về đấu giá

6.2. Pháp luật về nhượng quyền thương mại

Chương 7. Pháp luật về giải quyết tranh chấp của thương nhân

7.1. Giải quyết tranh chấp theo thủ tục trọng tài thương mại

7.2. Giải quyết tranh chấp theo thủ tục tại tòa án

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Bảng, phấn

- Máy tính, máy chiếu, mạng wifi

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên năm thứ 2 hoặc học kỳ năm thứ nhất, bậc đại học khối ngành kinh tế từ năm học 2017-2018.

- Học phần này được thực hiện sau học phần pháp luật đại cương

Học phần được tổ chức thành 15 buổi, mỗi buổi 2 tiết, với quy mô lớp trung bình từ 30 – 40 sinh viên.

- Giảng viên có thể thực hiện giảng dạy toàn bộ chương trình hoặc một chủ đề nào đó của chương trình.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

+ Việc đánh giá cho điểm thái độ học tập bao gồm: Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp, thái độ học tập ở trên lớp, sự chuẩn bị cho buổi học, khả năng và tính tích cực trong hoạt động nhóm, năng lực giải quyết vấn đề...).

+ Để thực hiện có hiệu quả và chất lượng các buổi học trên lớp, các giảng viên cần thiết kế các hình ảnh hay video clip hỗ trợ trực quan trong quá trình giảng dạy, đồng thời yêu cầu sinh viên (nhóm sinh viên) chuẩn bị trước những yêu cầu của bài học.

+ Giảng viên giành thời gian khoảng 20 phút đầu để hướng dẫn về môn học và 30 phút cuối cùng của chương trình tổng kết và đánh giá khóa học.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.33. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT KINH TẾ

1. Tên học phần: **LUẬT KINH TẾ**
2. Mã học phần: 13200046
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ luật	Khoa LLCT
2	Phan Ái Nhi	Thạc sĩ luật	Khoa LLCT

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Luật thương mại

9. Mục tiêu học phần:

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về pháp luật Doanh nghiệp, về luật thương mại; pháp luật về phá sản Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **VỀ KIẾN THỨC:**
 - + Phân biệt được các loại hình doanh nghiệp.
 - + Phân tích được các nội dung trong hợp đồng.
 - + Xác định được các phương án giải quyết phá sản doanh nghiệp.

+ Xác định được thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh tế.

– **Về kỹ năng:**

+ Vận dụng được một số quy định pháp luật kinh tế: Luật Doanh nghiệp; luật Thương mại; Luật đầu tư để áp dụng trong cuộc sống, trong lao động và học tập

– **Về thái độ:**

+ Sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước ta. Đồng thời những kiến thức về luật kinh tế cũng giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần luật Kinh tế bao gồm những nội dung:

- Địa vị pháp lý của doanh nghiệp nhà nước ;
- Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp khác (theo quy định của luật doanh nghiệp);
- Quy định của pháp luật về hợp đồng; phá sản doanh nghiệp và thủ tục giải quyết tranh chấp kinh tế.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp (Tham dự ít nhất 75% giờ học trên lớp)
- Làm các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Tập bài giảng “*Luật Kinh tế*” do Tổ Bộ môn Pháp luật biên soạn, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

1] *Luật thương mại*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2005.

[2] *Bộ luật dân sự*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2015.

[3] *Luật hợp tác xã*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2013.

[4] *Luật doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014.

[5] *Luật đầu tư*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2015.

[6] *Luật trọng tài thương mại*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2015.

[7] *Luật phá sản*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

+ Điểm thái độ học tập: 10%

+ Điểm tiểu luận: 20%

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản của Luật Kinh tế	6	2	0	0	0	4
2	Doanh nghiệp nhà nước	6	2	0	0	0	4
3	Hợp tác xã	12	2	0	2	0	8
4	Luật Doanh nghiệp	18	4	0	2	0	12
5	Luật Đầu tư	6	2	0	0	0	4
6	Hợp đồng thương mại	18	4	0	2	0	12
7	Luật Phá sản	12	2	0	2	0	8
8	Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh tế	12	2	0	2	0	8
Tổng		90	20	0	10	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Một số vấn đề cơ bản của Luật kinh tế

1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật kinh tế

1.1.1. Khái niệm Luật kinh tế

1.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật kinh tế

- 1.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật kinh tế
- 1.2. Chủ thể của luật kinh tế
 - 1.2.1. Điều kiện để trở thành chủ thể của Luật kinh tế
 - 1.2.2. Phân loại chủ thể
- 1.3. Nguyên tắc cơ bản, vai trò của Luật kinh tế
 - 1.3.1. Nguyên tắc cơ bản của Luật kinh tế
 - 1.3.2. Vai trò của Luật kinh tế

Chương 2: Địa vị pháp lý của doanh nghiệp nhà nước

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại doanh nghiệp nhà nước
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước
 - 2.1.3. Phân loại doanh nghiệp nhà nước
- 2.2. Vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường
- 2.3. Thành lập, giải thể, tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước
- 2.4. Tổ chức, quản lý công ty nhà nước
- 2.5. Quyền và nghĩa vụ của công ty nhà nước
- 2.6. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty nhà nước

Chương 3. Địa vị pháp lý của Hợp tác xã

- 3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp tác xã
- 3.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã
- 3.3. Thành lập và đăng ký kinh doanh của hợp tác xã
- 3.4. Chế độ pháp lý về thành viên trong hợp tác xã
- 3.5. Tổ chức quản lý hợp tác xã
- 3.6. Quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã

Chương 4. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp

- 4.1. Những quy định chung về doanh nghiệp
 - 4.1.1 Khái niệm Doanh nghiệp; Luật Doanh nghiệp
 - 4.1.2 Thành lập và đăng ký kinh doanh doanh nghiệp
 - 4.1.3 Sáp nhập; chia; tách; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp
- 4.2. Các loại hình doanh nghiệp

- 4.2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn
 - 4.2.1.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
 - 4.2.1.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên
- 4.2.2. Công ty cổ phần
- 4.2.3. Công ty hợp danh
- 4.2.4. Doanh nghiệp tư nhân
- 4.3. Các loại hình Doanh nghiệp khác

Chương 5. Luật đầu tư

- 5.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Đầu tư
- 5.2. Những vấn đề cơ bản về Luật Đầu tư
 - 5.2.1. Các hình thức đầu tư và thời hạn đầu tư
 - 5.2.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
 - 5.2.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Chương 6. Hợp đồng thương mại

- 6.1. Khái niệm; đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Thương mại
- 6.2. Những vấn đề cơ bản của Luật Thương mại
 - 6.2.1. Nội dung của hợp đồng thương mại
 - 6.2.2. Thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng thương mại
- 6.3. Hợp đồng vô hiệu và cách xử lý
- 6.4. Chế tài trong thương mại

Chương 7: Luật phá sản

- 7.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Phá sản
- 7.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phá sản
 - 7.2.1. Đối tượng có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản
 - 7.2.2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản
 - 7.2.3. Thủ tục giải quyết phá sản
 - 7.2.4. Tổ chức quản lý tài sản
 - 7.2.5. Phân chia tài sản

Chương 8. Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh tế

- 8.1. Thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh tế tại Trọng tài

8.1.1. Cơ cấu tổ chức của Trọng tài thương mại

8.1.2. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại trọng tài

8.2. Thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh tế tại Tòa án

8.2.1. Cơ cấu tổ chức của Tòa án

8.2.2. Thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh tế tại Tòa án

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương Luật Kinh tế được áp dụng cho sinh viên Đại học khối ngành Quản trị Kinh Doanh từ năm học 2017-2018

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.34. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DIGITAL MARKETING

1. Tên học phần: DIGITAL MARKETING

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2(3,0,6)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Du lịch.

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trần Thị Xuân Viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch
2	Ngô Đình Tâm	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 0 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.
- Học phần trước: Marketing du lịch.
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu của học phần này bao gồm:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động Digital Marketing.
- Hướng dẫn phương pháp lập kế hoạch Digital Marketing trong ngành du lịch.
- Biết sử dụng các kênh Digital marketing và các nội dung cơ bản của digital Marketing.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Digital Marketing đối với doanh nghiệp du lịch.

- + Xây dựng được một kế hoạch Digital Marketing.
- + Vận dụng được các công cụ Digital Marketing.
- Về kỹ năng:
 - + Vận dụng được các công cụ Digital Marketing cho hoạt động kinh doanh du lịch.
 - + Lập một kế hoạch Digital Marketing tổng thể.
- Về thái độ:
 - + Có ý thức đúng đắn và đạo đức kinh doanh trong môi trường số.
 - + Ý thức về trách nhiệm của bản thân khi thực hiện công việc.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Tổng quan về ngành digital marketing
- Sáng tạo ý tưởng lớn
- Kế hoạch digital marketing
- Các kênh digital marketing phổ biến
- Nội dung trong digital marketing cơ bản

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Digital Marketing – Từ chiến lược đến thực thi, RIO BOOK, 2017.
- [2] Nguyễn Ngọc Bích Trâm chủ biên, *Internet Marketing*, Nhà xuất bản Đại học Tài chính – Marketing, 2016.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Abraham Trần, *Bí mật thực sự Internet Marketing*, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2016.
- [2] Zeke Camusio, *Cẩm nang Marketing trực tuyến*, Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

- + Điểm thái độ học tập: 0%
- + Điểm tiểu luận: 30%
- + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Tổng quan về Digital marketing	9	3	0	0	0	6
2	Sáng tạo ý tưởng	9	3	0	0	0	6
3	Kế hoạch Digital Marketing	18	6	0	0	0	12
4	Các kênh Digital Marketing	18	6	0	0	0	12
5	Nội dung Digital Marketing cơ bản	18	6	0	0	0	12
6	Ứng dụng Digital Marketing	18	0	6	0	0	12
Tổng		90	24	6	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Tổng quan về Digital Marketing

1.1. Khái niệm và chiến lược marketing cơ bản

1.2. Thế mạnh của Digital Marketing

1.3. Vai trò của Digital trong Marketing

1.4. Phân loại các kênh Digital Marketing

Chương 2. Sáng tạo ý tưởng

2.1. Ý tưởng lớn cho chiến dịch (Big Idea)

2.2. Từ ý tưởng lớn đến thực thi sáng tạo

2.3. Các phương pháp sáng tạo cơ bản

2.4. Năm phương pháp sáng tạo ý tưởng thực thi

Chương 3. Kế hoạch Digital Marketing

3.1. Digital Marketing và truyền thông số

3.2. Quy trình sáu bước từ chiến lược đến thực thi

3.3. Chuẩn bị để thực hiện chiến dịch Digital Marketing

Chương 4. Các kênh Digital Marketing

4.1. Google Adwords

4.1.1. Sức mạnh và cách tiếp cận Google Adwords

4.1.2. Cách tạo chiến dịch Google Adwords đầy đủ tính năng

4.1.3. Nghiên cứu từ khóa

4.1.4. Điểm chất lượng và Adrank

4.1.5. Tối ưu mẫu quảng cáo Google

4.1.6. Nguyên tắc và cách thức đấu giá

4.1.7. Các phương pháp giảm giá thầu

4.1.8. Tối ưu tăng chuyển đổi

4.1.9. Báo cáo và phân tích số liệu

4.2. SEO

4.2.1. Tư duy SEO bán hàng

4.2.2. SEO vua – Quy trình SEO căn bản

4.3. Facebook Marketing

4.3.1. EdgeRank - Thuật toán quyết định việc hiển thị thông tin (EdgeRank)

4.3.2. Nguyên tắc sử dụng các loại hình quảng cáo Facebook

4.3.3. Công thức nội dung trên Facebook

4.3.4. Phễu DATA trong Facebook Marketing

4.3.5. Nguyên tắc đo lường các chỉ số

4.3.6. Nguyên tắc sử dụng ngân sách và tối ưu hóa chi phí

4.4. Email, SMS, Automation Marketing

4.4.1. Email Marketing – Kênh bán hàng tiềm năng

4.4.2. SMS Marketing

4.4.3. Marketing Automation

Chương 5. Nội dung Digital Marketing cơ bản

5.1. Content Marketing cơ bản

5.2. Các bước thực hiện Content Marketing

5.3. Cách xây dựng Viral content

5.4. Content trong quảng cáo bán hàng

5.5. Bonus

5.5.1. Phương pháp tiếp cận khách hàng online

5.5.2. NATIVE ADS – Kỹ nguyên mới của Digital

5.5.3. Những xu hướng Digital nổi bật 2018 – 2020

In – APP Marketing – Phương thức Marketing mới siêu hiệu quả

Chương 6. Ứng dụng Digital Marketing

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành Du lịch từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.35. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG DU LỊCH

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG DU LỊCH

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Cho sinh viên hệ đại học chuyên ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Đức Thiên Thư	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết

- Tự học: 90 tiết

- Lý thuyết: 45 tiết

- Thí nghiệm/ Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần trước: Quản trị học

- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau đây:

- Các chức năng chính của quản trị nguồn nhân lực trong Doanh nghiệp Du lịch.

- Cách thức xây dựng bảng mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc.

- Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nguồn nhân lực trong Doanh nghiệp Du lịch.

- Xây dựng các chương trình tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch.

- Xây dựng các chính sách để duy trì nguồn nhân lực du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được các khái niệm liên quan đến lĩnh vực hoạt động quản trị nguồn nhân lực.

Có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn ngành du lịch.

- + Xác định được các hoạt động chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực du lịch.
- Nhận thức được các thách thức đối với quản trị nguồn nhân lực du lịch.
- + Nhận thức được vai trò then chốt của nguồn nhân lực và công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; đặc biệt, trong môi trường biến động và cạnh tranh toàn cầu như hiện nay.
 - + Xác định rõ vai trò của quản trị nguồn nhân lực; đặc biệt trong công tác tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và khen thưởng cho nhân viên...
 - + Xây dựng các chính sách quản trị hiệu quả nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch, các công tác đánh giá, kiểm tra chất lượng nguồn nhân lực.
- Về kỹ năng:
- + Phát triển khả năng tự học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, làm việc theo nhóm và khả năng trình bày trước đám đông.
 - + Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành.
 - + Phân tích, tổng hợp và xử lý được các thông tin thu được để đưa ra kết luận kịp thời, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
 - + Kỹ năng thích ứng môi trường công việc trong tổ chức, giải quyết các tình huống liên quan đến mối quan hệ tác nghiệp trong Doanh nghiệp du lịch.

- Về thái độ:

- + Hứng thú học tập, trân trọng với những đóng góp của môn học quản trị nguồn nhân lực cho sự tiến bộ của xã hội.
- + Thái độ khách quan, trung thực; áp dụng các hiểu biết từ môn học vào quá trình công tác.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch, chiến lược của tổ chức và công tác quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về quản lý nhân lực.
- Nhận thức được vai trò then chốt của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch; đặc biệt, trong môi trường biến động và cạnh tranh toàn cầu như hiện nay.

- Tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động.
- Rèn luyện về các kỹ năng quản lý nhân sự, kỹ năng giao tiếp, quan hệ với người lao động trong lĩnh vực du lịch.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Theo Qui chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).
- Dự lớp: 75% trở lên tính theo số tiết lên lớp.
- Bài tập: Trên lớp và ở nhà.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] Dennis Nickson, *Human Resource Management For The Hospitality And Tourism Industries*, Published by Elsevier Ltd. All rights reserved, 2007.

[2] TS. Lưu Trọng Tấn, *Quản trị nguồn nhân lực ngành Khách sạn*, NXB Lao động - Xã hội, 2014.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Văn Điền, *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Trường đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

[2] Nguyễn Hữu Thân, *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 2013.

[3] Peter Boxall & John Purcell, *Strategy and Human Resource Management*, NXB *Palgrave Macmillan*, 2010.

[4] TS. Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Thống kê, TP HCM, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30%

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 0%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực du lịch	18	6	0	0	0	12
2	Phân tích công việc và tuyển chọn trong các Doanh nghiệp du lịch	27	9	0	0	0	18
3	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Doanh nghiệp du lịch	27	9	0	0	0	18
4	Đánh giá hiệu quả công việc và chế độ đãi ngộ	27	9	0	0	0	18
5	Quan hệ lao động trong ngành du lịch	18	6	0	0	0	12
6	Vai trò nhân lực trong hoạch định chiến lược và thay đổi tổ chức	18	6	0	0	0	12
Tổng		135	45	0	0	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực du lịch

1.1 Nguồn nhân lực ngành du lịch trong bối cảnh du lịch Việt Nam

1.2 Quản trị nguồn nhân lực du lịch

1.3 Các phương pháp quản trị nguồn nhân lực du lịch

1.4 Những khó khăn và thuận lợi trong quản trị nguồn nhân lực ngành du lịch

Chương 2: Phân tích công việc và tuyển chọn trong các Doanh nghiệp du lịch

2.1 Phân tích công việc, mô tả công việc, tiêu chuẩn đối với ứng viên

2.2 Tuyển chọn

Chương 3: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Doanh nghiệp du lịch

3.1 Những quan điểm cơ bản về đào tạo và phát triển

3.2 Từ nguyên tắc học đến nguyên tắc đào tạo

3.3 Lên kế hoạch chương trình đào tạo

Chương 4: Đánh giá hiệu quả công việc và chế độ đãi ngộ

4.1 Đánh giá hiệu quả công việc

4.2 Đãi ngộ tài chính và phi tài chính

4.3 Lương và phúc lợi

Chương 5: Quan hệ lao động trong ngành du lịch

5.1 Quan hệ lao động trong ngành du lịch

5.2 Bộ lao động Việt Nam

5.3 Tranh chấp lao động

5.4 Đạo đức trong quản trị nhân sự

Chương 6: Vai trò nhân lực trong hoạch định chiến lược và thay đổi tổ chức

6.1 Nguồn nhân lực và hoạch định chiến lược

6.2 Nguồn nhân lực và thay đổi tổ chức

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành Du lịch từ năm học 2017 - 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017 *Ngày tháng năm 2017* *Ngày tháng năm 2017*

P. Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

2.36. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DNDLLH

- 1. Tên học phần:** PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH
DOANH NGHIỆP DU LỊCH LỮ HÀNH
- 2. Mã học phần:** 13200109
- 3. Số tín chỉ:** 2(2,0,6)
- 4. Loại học phần:** Bắt buộc
- 5. Đối tượng học:** Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
- 6. Giảng viên giảng dạy:**

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD
2	Trần Tuấn Anh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Nguyên lí kế toán
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

- Mục tiêu chung: Cung cấp kiến thức liên quan đến các quyết định tài chính trong doanh nghiệp bao gồm quyết định đầu tư, tài trợ và quản trị vốn lưu động, nhằm mục tiêu tối đa hóa giá trị trong doanh nghiệp. Trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về việc tìm kiếm, đánh giá và phân bổ dòng tài chính hiệu quả trong các doanh nghiệp đặc thù ngành du lịch.
- Mục tiêu cụ thể:
 - + Cung cấp khái niệm, kiến thức cơ bản về việc hình thành, đánh giá hiệu quả dòng tiền trong doanh nghiệp.

+ Nắm được các nội dung quản trị tài chính ngắn hạn (quản trị vốn lưu động) trong doanh nghiệp, cách xác định mức đặt hàng tối ưu, chi phí đặt hàng tối ưu, ra quyết định về chính sách tín dụng thương mại trong doanh nghiệp, mức dự trữ tiền mặt tối ưu...

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Phân loại các nhóm quyết định tài chính, quan hệ tài chính, thị trường tài chính,...
- + Giải thích được phương pháp chuyển đổi giá trị của tiền tệ theo thời gian, hoạch định vốn để thực hiện một kế hoạch trong tương lai hay xác định các phương án bán hàng trả góp,..
- + Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương thức tài trợ trong doanh nghiệp, cách xác định chi phí sử dụng vốn trong doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu vốn, đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp.
- + Phân tích tài chính trong doanh nghiệp thông qua các nhóm tỷ số tài chính, đẳng thức Dupont với mục tiêu khuếch trương suất sinh lợi vốn chủ sở hữu

- Về kỹ năng:

- + Kỹ năng tự nghiên cứu và đánh giá: Sinh viên có kỹ năng đọc và nghiên cứu các tài liệu học thuật liên quan về tài chính để thực hiện các bài tập theo yêu cầu của môn học.
- + Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo: Sinh viên có khả năng tư duy tích cực để giải quyết các tình huống, các lựa chọn trong các quyết định tài chính trong các bài tập tình huống về quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch lữ hành.
- + Sàng lọc, phân tích, tổng hợp các thông tin tài chính để nhận định, rút ra kết luận tình hình tài chính và lập kế hoạch tài chính phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp

- Về thái độ:

- + Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm bản thân trong việc đưa ra các phương án giải quyết các tình huống về tài chính.
- + Nghiêm túc, chăm chỉ, cẩn trọng, chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; Có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập, cũng như luôn chú trọng việc áp dụng các kiến thức đã được truyền đạt.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp
- Giá trị tiền tệ theo thời gian
- Phân tích báo cáo tài chính
- Nguồn vốn tài trợ và chi phí sử dụng vốn doanh nghiệp
- Quản trị vốn lưu động
- Đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Minh Kiều, *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, Nhà xuất bản Thống kê, 2011.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Quang Thu, *Quản trị tài chính*, Nhà xuất bản Thống kê, 2013

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 00%
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học

1	Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp	6	2	0	0	0	4
2	Giá trị tiền tệ theo thời gian.	18	4	2	0	0	12
3	Phân tích báo cáo tài chính	18	4	2	0	0	12
4	Nguồn vốn tài trợ và chi phí sử dụng vốn doanh nghiệp	18	4	2	0	0	12
5	Quản trị vốn lưu động	18	4	2	0	0	12
6	Đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính	12	2	2	0	0	8
Tổng		90	20	10	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp

1.1 Khái niệm

1.1.1 Tài chính, tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính

1.1.2 Môi quan hệ tài chính

1.1.3 Quyết định tài chính

1.2 Mục tiêu của quản trị tài chính

1.3 Vị trí, vai trò của nhà quản trị tài chính

1.3.1 Vị trí của nhà quản trị tài chính

1.3.2 Vai trò của nhà quản trị tài chính

1.4 Thị trường tài chính

1.4.1 Thị trường vốn

1.4.2 Thị trường tiền tệ

Chương 2. Giá trị tiền tệ theo thời gian

2.1 Các vấn đề về lãi và lãi suất

2.1.1 Tiền lãi, lãi đơn và lãi kép

- 2.1.2 Lãi suất, lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực
 - 2.1.3 Chuyển đổi lãi suất
 - 2.1.4 Mối quan hệ giữa lãi suất và tỷ lệ lạm phát
 - 2.2 Giá trị tương lai
 - 2.2.1 Giá trị tương lai của một khoản tiền
 - 2.2.2 Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tổng quát
 - 2.2.3 Giá trị tương lai của một chuỗi tiền đều
 - 2.2.4 Một số ứng dụng từ giá trị tương lai của tiền tệ
 - 2.3 Giá trị hiện tại
 - 2.3.1 Giá trị hiện tại của một khoản tiền
 - 2.3.2 Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tổng quát
 - 2.3.3 Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền đều
 - 2.3.4 Một số ứng dụng từ giá trị hiện tại của tiền tệ
- Chương 3. Phân tích báo cáo tài chính
- 3.1 Mục đích phân tích BCTC
 - 3.2 Hệ thống báo cáo tài chính
 - 3.2.1 Bảng cân đối kế toán
 - 3.2.2 Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
 - 3.2.3 Bảng lưu chuyển tiền tệ
 - 3.2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính
 - 3.3 Phương pháp phân tích
 - 3.3.1 Phân tích tỷ số
 - 3.3.2 Phân tích xu hướng
 - 3.3.3 Phân tích cơ cấu
 - 3.3.4 Phân tích Dupont
 - 3.4 Phân tích các chỉ số tài chính
 - 3.4.1 Cơ cấu vốn và tài sản
 - 3.4.2 Tỷ số về khả năng thanh toán
 - 3.4.3 Các tỷ số về hoạt động
 - 3.4.4 Các tỷ số về doanh lợi

Chương 4. Nguồn vốn tài trợ và chi phí sử dụng vốn doanh nghiệp

4.1 Nguồn vốn tài trợ

4.1.1 Nguồn tài trợ ngắn hạn

4.1.2 Nguồn tài trợ dài hạn

4.2 Chi phí sử dụng vốn doanh nghiệp

4.2.1 Khái niệm chi phí sử dụng vốn

4.2.2 Chi phí sử dụng vốn thành phần

4.2.3 Chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền

4.3 Điểm gãy đồ thị và hoạch định ngân quỹ vốn

4.3.1 Điểm gãy đồ thị

4.3.2 Đường cơ hội đầu tư

4.3.3 Hoạch định ngân quỹ vốn đầu tư

Chương 5. Quản trị vốn lưu động

5.1 Tổng quan về quản trị vốn lưu động

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Vai trò

5.1.3 Các chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong DN

5.2 Quản trị tiền mặt

5.2.1 Khái niệm

5.2.2 Vai trò

5.2.3 Nội dung

5.3 Quản trị tồn kho

5.3.1 Khái niệm

5.3.2 Vai trò

5.3.3 Nội dung

5.4 Quản trị khoản phải thu

5.4.1 Khái niệm

5.4.2 Vai trò

5.4.3 Nội dung

5.5 Quản trị khoản phải trả

5.5.1 Khái niệm

5.5.2 Vai trò

5.5.3 Nội dung

Chương 6. Đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính

6.1 Ý tưởng về đòn bẩy trong tài chính doanh nghiệp

6.2 Đòn bẩy hoạt động

6.2.1 Phân tích điểm hòa vốn

6.2.2 Đòn bẩy hoạt động trong doanh nghiệp

6.3 Đòn bẩy tài chính

6.3.1 Phân tích mối quan hệ EBIT và EPS

6.3.2 Đòn bẩy tài chính

6.4 Đòn bẩy tổng hợp

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành kinh tế từ năm học 2017.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra tính điểm 30%
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.37. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM

1. Tên học phần: **ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Đình Tình	Thạc sĩ Địa lý	Khoa Du lịch
2	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Tổng quan du lịch
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm liên quan đến môn địa lý du lịch Việt Nam
- Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu địa lý du lịch Việt Nam
- Đặc trưng các vùng du lịch Việt Nam như tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, các tuyến du lịch trong vùng....

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về du lịch như tài nguyên du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch.

+ Phân tích được các tiềm năng phát triển du lịch có giá trị ở mỗi vùng Việt Nam.

+ Xác định những tuyến, điểm du lịch thích hợp nhất để tổ chức các hoạt động du lịch cho phù hợp với khách du lịch nội địa cũng như khách quốc tế.

– **Về kĩ năng:**

+ Rèn luyện khả năng tìm hiểu và khám phá các vùng du lịch của Việt Nam

+ Nâng cao óc quan sát, có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề có liên quan khi xem xét một vùng du lịch nào đó.

+ Nâng cao kỹ năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm của học viên.

– **Về thái độ:**

+ Góp phần làm tăng thêm lòng tự hào về các tài nguyên du lịch của đất nước, tinh thần yêu thiên nhiên, dân tộc và con người Việt Nam.

+ Gợi mở tinh thần khám phá, đam mê học hỏi các vùng du lịch của Việt Nam và nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề du lịch.

11. Mô tả vấn đề nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Cơ sở lý luận về Địa lý du lịch
- Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc
- Vùng du lịch trung du miền núi phía Bắc
- Vùng du lịch Bắc Trung Bộ
- Vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ
- Vùng du lịch Tây Nguyên
- Vùng du lịch Đông Nam Bộ
- Vùng du lịch Tây Nam Bộ

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý Du lịch*, NXB Hà Nội, 2014.
[2] Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Địa lý du lịch*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Bửu Sơn, *Du lịch 3 miền – Tập 3 Bắc*, NXB Thanh niên, 2012.
[2] Bửu Sơn, *Du lịch 3 miền – Tập 2 Trung*, NXB Thanh niên, 2012.
[3] Bửu Sơn, *Du lịch 3 miền – Tập 1 Nam*, NXB Thanh niên, 2012.
[4] Vũ Thế Bình, *Non nước Việt Nam*, NXB Thanh Niên, 2017.
[5] Võ Văn Thành, *Du lịch Việt Nam qua 26 di sản thế giới*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 2017.
[6] Lloyd Hudman, Richard Jackson, *Geography of Travel & Tourism*, Delmar Publishers, 2010.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Cơ sở lý luận về Địa lý du lịch	12	4	0	0	0	8

2	Chương 2: Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc	12	4	0	0	0	8
3	Chương 3: Vùng du lịch trung du miền núi phía Bắc	12	4	0	0	0	8
4	Chương 4: Vùng du lịch Bắc Trung Bộ	112	4	0	0	0	8
5	Chương 5: Vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ	12	4	0	0	0	8
6	Chương 6: Vùng du lịch Tây Nguyên	12	4	0	0	0	8
7	Chương 7: Vùng du lịch Đông Nam Bộ	9	3	0	0	0	6
8	Chương 8: Vùng du lịch Tây Nam Bộ	9	3	0	0	0	6
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về Địa lý du lịch

- 1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu địa lý du lịch
- 1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch
- 1.3. Tổ chức lãnh thổ du lịch
 - 1.3.1. Quan niệm về tổ chức lãnh thổ du lịch
 - 1.3.2. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch
 - 1.3.3. Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch
 - 1.3.4. Sự phân hóa lãnh thổ du lịch

Chương 2: Vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc

- 2.1. Khái quát
- 2.2. Tiềm năng du lịch
- 2.3. Cơ sở hạ tầng
- 2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật

2.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng

2.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

Chương 3: Vùng du lịch trung du miền núi phía Bắc

3.1. Khái quát

3.2. Tiềm năng du lịch

3.3. Cơ sở hạ tầng

3.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật

3.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng

3.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

Chương 4: Vùng du lịch Bắc Trung Bộ

4.1. Khái quát

4.2. Tiềm năng du lịch

4.3. Cơ sở hạ tầng

4.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật

4.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng

4.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

Chương 5: Vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ

5.1. Khái quát

5.2. Tiềm năng du lịch

5.3. Cơ sở hạ tầng

5.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật

5.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng

5.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

Chương 6: Vùng du lịch Tây Nguyên

6.1. Khái quát

6.2. Tiềm năng du lịch

6.3. Cơ sở hạ tầng

6.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật

6.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng

6.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

Chương 7: Vùng du lịch Đông Nam Bộ

- 7.1. Khái quát
- 7.2. Tiềm năng du lịch
- 7.3. Cơ sở hạ tầng
- 7.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật
- 7.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng
- 7.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

Chương 8: Vùng du lịch Tây Nam Bộ

- 8.1. Khái quát
- 8.2. Tiềm năng du lịch
- 8.3. Cơ sở hạ tầng
- 8.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật
- 8.5. Các sản phẩm du lịch đặc trưng
- 8.6. Các trọng điểm du lịch của vùng

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.38. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI

1. Tên học phần: **ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Đình Tình	Thạc sĩ Đại lý	Khoa Du lịch
2	Đình Thiện Phương	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Địa lý du lịch Việt Nam
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Vùng lãnh thổ, vùng du lịch trên thế giới
- Các tài nguyên du lịch và các điểm đến tiêu biểu tiêu biểu ở các vùng du lịch và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới
- Xu hướng phát triển của thị trường du lịch thế giới

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản các quan niệm về địa lý du lịch thế giới, tổ chức lãnh thổ du lịch thế giới

+ Dự đoán được xu hướng phát triển của thị trường du lịch thế giới

+ Đánh giá được tài nguyên du lịch và các điểm đến tiêu biểu tiêu biểu ở các vùng du lịch và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới

– **Về kĩ năng:**

+ Rèn luyện khả năng tìm hiểu và khám phá các vùng du lịch của thế giới

+ Định vị các châu lục, khu vực, các quốc gia và vùng lãnh thổ trên bản đồ thế giới.

+ Nâng cao kỹ năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm của học viên.

– **Về thái độ:**

+ Gợi mở tinh thần khám phá, đam mê học hỏi các vùng du lịch trên thế giới

+ Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề du lịch.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

– Tổng quan về địa lý du lịch thế giới

– Vùng du lịch Châu Á- Thái Bình Dương

– Vùng du lịch Nam Á

– Vùng du lịch Trung Đông

– Vùng du lịch Châu Phi

– Vùng du lịch Châu Âu

– Vùng du lịch Châu Mỹ

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%

– Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên

– Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Phi Hạnh , Ông Thị Đan Thanh, Nguyễn Đình Giang, *Giáo trình địa lý các châu lục – tập 1 và tập 2*, NXB Đại học Sư Phạm, 2015.

[2] Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Địa lý du lịch thế giới*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lưu Văn Hy, *Cẩm nang địa lý du lịch thế giới*, NXB Từ điển Bách Khoa, 2004.

[2]. Trần Đình Ba, *Cẩm nang du lịch – Du lịch Thế giới*, NXB Văn hóa Thông tin, 2012.

[3] World Tourism Organization, *Tourism Highlights*, UNWTO, 2016.

[4] Lloyd Hudman, Richard Jackson, *Geography of Travel & Tourism*, Delmar Publishers, 2010.

[5] Kim Quang, *Tổng quan về địa hình, kinh tế, phong tục của các châu lục địa trên thế giới – Châu Á, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Âu, Châu Úc – Châu Đại Dương*, NXB Thanh Niên, 2013.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan về địa lý du lịch thế giới	12	6	0	0	0	12
2	Chương 2: Vùng du lịch Châu Á- Thái Bình Dương	12	4	0	0	0	8
3	Chương 3: Vùng du lịch Nam Á	12	4	0	0	0	8

4	Chương 4: Vùng du lịch Trung Đông	112	4	0	0	0	8
5	Chương 5: Vùng du lịch Châu Phi	12	4	0	0	0	8
6	Chương 6: Vùng du lịch Châu Âu	12	4	0	0	0	8
7	Chương 7: Vùng du lịch Châu Mỹ	9	4	0	0	0	8
	Tổng	90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Tổng quan về địa lý du lịch thế giới

1.1. Đối tượng nghiên cứu của địa lý du lịch thế giới

1.2. Tổ chức lãnh thổ du lịch thế giới

1.2.1. Khái quát địa lý thế giới

1.2.2. Phân vùng du lịch thế giới

1.3. Xu hướng phát triển du lịch trên thế giới

Chương 2: Vùng du lịch Châu Á- Thái Bình Dương

2.1. Tổng quan về Châu Á- Thái Bình Dương

2.2. Tài nguyên du lịch

2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

2.3. Cơ sở hạ tầng

2.4. Trọng điểm du lịch của vùng

Chương 3: Vùng du lịch Nam Á

3.1. Khái quát về Nam Á

3.2. Tài nguyên du lịch

3.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

3.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

3.3. Cơ sở hạ tầng

3.4. Trọng điểm du lịch của vùng

Chương 4: Vùng du lịch Trung Đông

4.1. Khái quát về Trung Đông

4.2. Tài nguyên du lịch

4.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

4.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

4.3. Cơ sở hạ tầng

4.4. Trọng điểm du lịch của vùng

Chương 5: Vùng du lịch Châu Phi

5.1. Khái quát về Châu Phi

5.2. Tài nguyên du lịch

5.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

5.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

5.3. Cơ sở hạ tầng

5.4. Trọng điểm du lịch của vùng

Chương 6: Vùng du lịch Châu Âu

6.1. Khái quát về Châu Âu

6.2. Tài nguyên du lịch

6.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

6.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

6.3. Cơ sở hạ tầng

6.4. Trọng điểm du lịch của vùng

Chương 7: Vùng du lịch Châu Mỹ

7.1. Khái quát về châu Mỹ

7.2. Tài nguyên du lịch

7.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

7.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

7.3. Cơ sở hạ tầng

7.4. Trọng điểm du lịch của vùng

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.39. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH

1. Tên học phần: ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trần Tín Nghị	ThS Anh văn	Trung tâm Ngoại ngữ
2	Lê Thanh Sang	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ
3	Ronilo N. Albector	Thạc sĩ	Trung tâm Ngoại ngữ

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Anh văn A1, A2, B1, B2
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Từ và cấu trúc từ tiếng Anh chuyên ngành du lịch
- Đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh về du lịch của 3 miền: Bắc – Trung – Nam
- Biết cách giới thiệu về đặc điểm, đặc trưng của du lịch ba miền: Bắc, Trung, Nam đất nước Việt Nam cho khách nước ngoài.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

+ Nắm được các điểm ngữ pháp, từ ngữ chuyên ngành du lịch
+ Thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.

– **Về kĩ năng:**

+ Đọc: Có thể đọc hiểu được các văn bản, tài liệu về du lịch của ba miền: Bắc, Trung, Nam - Việt Nam, hiểu được nội dung của bài đọc và trả lời được các câu hỏi về nội dung của bài đọc với số lượng từ vựng từ 200 từ trở lên.

+ Viết: Có thể viết được các bài tóm tắt hoặc báo cáo ngắn về du lịch của ba miền: Bắc, Trung, Nam Việt Nam, phong tục tập quán, nét đẹp, đặc trưng riêng về du lịch ba miền với lượng từ trên 100 từ.

+ Nghe, nói: Có thể nghe và thảo luận các vấn đề chuyên ngành trong giao tiếp cụ thể: Biết cách giới thiệu về đặc điểm, đặc trưng của du lịch ba miền: Bắc, Trung, Nam đất nước Việt Nam cho khách nước ngoài.

+ Dịch thuật: Có thể dịch được các tài liệu chuyên ngành ở cấp độ căn bản. Hiểu và biết cách sử dụng các cấu trúc ứng dụng trong quá trình dịch.

– **Về thái độ:**

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
+ Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu.

+ Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm 6 bài (Unit1-6). Mỗi bài được dạy trong khoảng 5 tiết. Trong mỗi bài bao gồm các phần sau:

+ Từ và cấu trúc từ (Words and phrases)

+ Đọc hiểu (Reading)

+ Nghe và nói (Listening and speaking)

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%

- Làm các bài tập tiêu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Phan Thị Loan, *English for tour guides*. Trường Đại Học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2008

13.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đặng Ngọc Dũng Tiến, *The world cultural heritage sites in Vietnam*, Nhà xuất bản trẻ, 2002.

[2] Elka Ray, *Vietnam – Explore the legend*, Dolphin Media C, Ltd., 2003

[3] Michael Duckworth, *English for the Travel and Tourist Industry* –Oxford University Press, 2001.

[4] Longman, *Advanced Oxford dictionary* – 10 Bank Street, White Plains, N.Y.10606 - 1983.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiêu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi trắc nghiệm khách quan

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên bài	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)			Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học	

1	Unit 1: Vietnam - an ideal destination	15	5		10	
2	Unit 2: Vietnam – people and culture	15	5		10	
3	Unit 3: Hanoi- the capital of the socialist republic of Vietnam	15	5		10	
4	Unit 4: Hue – A charming destination for tourists	15	5		10	
5	Unit 5: Hochiminh city	15	5		10	
6	Unit 6: How to be a good guide	15	5		10	
Tổng		90	30		60	

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Unit 1: Vietnam - an ideal destination

1.1. Reading

1.1.1. Pre-reading

1.1.2. While-reading

1.1.2.1. Task 1: Match the names to the pictures.

1.1.2.2. Task 2. Match the definitions.

1.1.2.3. Task 3. Choose the correct word or phrase.

1.1.2.4. Task 4. Answer the following questions.

1.1.2.5. Task 5. (New context).

1.1.3. Post-reading

1.2. Listening and speaking

1.2.1. Before you listen

1.2.2. While you listen

1.2.2.1. Task 1. Try to put the words in the correct order.

- 1.2.2.2. Task 2. Listen to the dialogues
- 1.2.2.3. Task 3: Complete the dialogues.
- 1.2.3. After you listen

Unit 2: Vietnam – people and culture

2.1. Reading

2.1.1. Pre-reading

2.1.2. While-reading

2.1.2.1. Task 1: Find the closest word in meaning to the following words.

2.1.2.2. Task 2. True – False.

2.1.2.3. Task 3. Choose the correct word or phrase.

2.1.2.4. Task 4. Answer the questions.

2.1.2.5. Task 5. (New context).

2.1.3. Post-reading

2.2. Listening and speaking

2.2.1. Before you listen

2.2.2. While you listen

2.2.2.1. Task 1. Listen to these conversations

2.2.2.2. Task 2. Choose the correct words.

2.2.3. After you listen

Unit 3: Hanoi- the capital of the socialist republic of Vietnam

3.1. Reading

3.1.1. Pre-reading

3.1.2. While-reading

3.1.2.1. Task 1: Look at the photos and match.

3.1.2.2. Task 2. Find the word in the passage.

3.1.2.3. Task 3. Fill in the blank.

3.1.2.4. Task 4. Answer the following questions.

3.1.2.5. Task 5. (New context).

3.1.3. Post-reading

3.2. Listening and speaking

3.2.1. Before you listen

3.2.2. While you listen

3.2.2.1. Task 1. Listen to the guide.

3.2.2.2. Task 2. Listen to the passage again

3.2.2.3. Task 3: Look at the itinerary

3.2.3. After you listen

Unit 4: Hue – A charming destination for tourists

4.1. Reading

4.1.1. Pre-reading

4.1.2. While-reading

4.1.2.1. Task 1: Match the names to the pictures.

4.1.2.2. Task 2. Match the definitions.

4.1.2.3. Task 3. True - false.

4.1.2.4. Task 4. Answer the following questions.

4.1.2.5. Task 5. (New context).

4.1.3. Post-reading

4.2. Listening and speaking

4.2.1. Before you listen

4.2.2. While you listen

4.2.2.1. Task 1. Listen and check.

4.2.2.2. Task 2. Listen and fill.

4.2.2.3. Task 3: Put the word in the right order.

4.2.3. After you listen

Unit 5: Hochiminh city

5.1. Reading

5.1.1. Pre-reading

5.1.2. While-reading

5.1.2.1. Task 1: Match the definitions.

5.1.2.2. Task 2. Answer the following questions.

5.1.2.3. Task 3. (New context).

5.1.3. Post-reading

5.2. Listening and speaking

5.2.1. Before you listen

5.2.2. While you listen

5.2.2.1. Task 1. True - false

5.2.2.2. Task 2. Listen and fill

5.2.2.3. Task 3: Match the problem.

5.2.3. After you listen

Unit 6: How to be a good guide

6.1. Reading

6.1.1. Pre-reading

6.1.2. While-reading

6.1.2.1. Task 1: Match the definitions

6.1.2.2. Task 2. Complete the sentences

6.1.2.3. Task 3. Answer the following questions

6.1.2.4. Task 4. (New context).

6.1.3. Post-reading

6.2. Listening and speaking

6.2.1. Before you listen

6.2.2. While you listen

6.2.2.1. Task 1: Put the following sentences in the correct order

6.2.2.2. Task 2: Listen and check

6.2.2.3. Task 3: Listen and repeat

6.2.2.4. Task 4: Put the verbs into the Simple Past or the Present Perfect tense.

6.2.3. After you listen

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.40. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP CẢNH

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP CẢNH
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Công Danh	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Hồ Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm xuất nhập cảnh
- Quy trình làm thủ tục xuất nhập cảnh Việt Nam và một số nước trên thế giới
- Cách xử lý tình huống trong thủ tục khi làm xuất nhập cảnh cho du khách

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày và giải thích được quy trình xuất nhập cảnh.

- + Liệt kê được các bước về thủ tục xuất nhập cảnh.
- **Về kĩ năng:**
 - + Hướng dẫn và nhận định các giấy tờ liên quan đến lĩnh vực xuất nhập cảnh.
 - + Hướng dẫn và làm thủ tục xuất nhập cảnh cho du khách khi cần thiết.
- **Về thái độ:**
 - + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
 - + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
 - + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu chung về xuất nhập cảnh Việt Nam
- Các chứng từ liên quan đến xuất nhập cảnh
- Thủ tục xuất nhập cảnh cho người nước ngoài đến Việt Nam
- Thủ tục xuất nhập cảnh cho người Việt Nam ra nước ngoài
- Các vấn đề liên quan đến hàng hóa khi xuất nhập cảnh

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Quản trị xuất nhập cảnh*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2017.

[2] Nhóm tác giả, *Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, NXB Lao Động Xã hội, 2014

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Mai Khoa, *Những quy định về xuất cảnh, nhập cảnh*, NXB Lao động Xã hội, 2006.

[2] Nhóm tác giả, *Tìm hiểu luật cư trú, luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, luật quốc tịch Việt Nam, NXB Lao động Xã hội, 2014.*

[3] Các văn bản liên quan đến thủ tục hướng dẫn Xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Việt Nam.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Giới thiệu chung về xuất nhập cảnh Việt Nam	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Các chứng từ liên quan đến xuất nhập cảnh	18	6	2	0	0	12
3	Chương 3: Thủ tục xuất nhập cảnh cho người nước ngoài đến Việt Nam	24	8	0	0	0	16
4	Chương 4: Thủ tục xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam ra nước ngoài	24	8	0	0	0	16
5	Chương 5: Các vấn đề liên quan đến hàng hóa khi xuất nhập cảnh	12	4	0	0	0	8

Tổng	90	30	0	0	0	60
-------------	-----------	-----------	----------	----------	----------	-----------

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Giới thiệu về xuất nhập cảnh Việt Nam

1.1. Khái quát chung

1.2. Tầm quan trọng

1.3. Tình hình hoạt động xuất nhập cảnh của Việt Nam hiện nay

Chương 2: Các chứng từ liên quan đến xuất nhập cảnh

2.1. Hộ chiếu – thủ tục xin cấp hộ chiếu

2.2. Visa và thủ tục xin thị thực

2.3. Một số biểu mẫu liên quan đến xuất nhập cảnh

2.4. Các lệ phí liên quan đến xuất nhập cảnh

Chương 3: Thủ tục xuất nhập cảnh cho du khách nước ngoài đến Việt Nam

3.1. Các trường hợp làm thủ tục xuất nhập cảnh cho người nước ngoài đến Việt Nam

3.1.1. Trường hợp Việt Nam miễn thị thực cho công dân các nước

3.1.2. Trường hợp Việt Nam miễn thị thực đơn phương cho công dân các nước

3.1.3. Trường hợp Việt Nam không miễn thị thực cho công dân các nước

3.2. Những lưu ý khi làm thủ tục xuất nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài

3.3. Các quy định xử lý vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh

3.4. Một số Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam

Chương 4: Thủ tục xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam ra nước ngoài

4.1. Quy định chung

4.2. Quy trình làm thủ tục xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam ra nước ngoài

4.3. Thủ tục xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam tại một số nước trên thế giới

4.3.1. Thị thực vào Trung Quốc

4.3.2. Thị thực vào Nhật Bản

4.3.3. Thị thực vào Hà Lan

4.3.4. Thị thực vào Pháp

4.3.5. Thị thực vào Úc

4.4. Một số Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại nước ngoài

Chương 5: Hàng hoá và các vấn đề liên quan đến xuất nhập cảnh du lịch

- 5.1. Các loại hàng hoá cần khai báo
- 5.2. Các loại hàng hoá được mang theo và không được mang theo
- 5.3. Quy định của nhà nước về người xuất cảnh mang theo ngoại tệ, nữ trang, đá quý
- 5.4. Quy định về trọng lượng hành lý khi xuất nhập cảnh đường hàng không
- 5.5. Các loại hàng hóa được miễn thuế khi nhập cảnh
- 5.6. Các loại hàng hóa được hoàn thuế

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.41. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MARKETING DU LỊCH

1. Tên học phần: **MARKETING DU LỊCH**
2. Mã học phần: 14200004
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: **Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch**
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trương Thanh Quỳnh Thu	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Phạm Thị Thúy Vinh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên đạt được các mức độ sau:

- Phân biệt được các chiến lược Marketing cho sản phẩm du lịch.
- Áp dụng được kiến thức marketing vào bán sản phẩm du lịch tại chỗ, qua điện thoại.
- Phân tích được các chiến lược Marketing của điểm đến du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và thực tiễn ứng dụng hoạt động marketing trong kinh doanh du lịch.

- + Mô tả được tầm quan trọng của marketing đối với tổ chức du lịch.
- + Ứng dụng các chiến lược marketing vào lĩnh vực du lịch.
- + Phân tích được kiến thức về chiến lược marketing sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến trong hoạt động kinh doanh du lịch.

– **Về kĩ năng:**

- + Lập được kế hoạch thực hiện marketing cho một điểm đến.
- + Chào bán sản phẩm du lịch với khách theo đúng tiến trình bán hàng.
- + Tổ chức thực hiện thu thập những thông tin thị trường để phân tích chiến lược marketing du lịch.

– **Về thái độ:**

- + Sinh viên hiểu đúng về hoạt động của marketing du lịch cũng như những hoạt động của marketing du lịch trong doanh nghiệp.

- + Tích cực, chủ động nghiên cứu thị trường và hoạt động du lịch, làm tăng tinh thần học hỏi, yêu ngành nghề hơn.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát chung về Marketing và Marketing du lịch
- Nghiên cứu thị trường Du lịch
- Các chiến lược Marketing chủ yếu
- Tiến trình bán hàng
- Marketing của điểm đến du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] PGS.TS Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Văn Dung, *Chiến lược & chiến thuật quảng bá Marketing du lịch*, NXB Giao thông vận tải, 2009.

[2] PGS.TS Trần Minh Đạo, *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Giáo dục, 2015

[3] Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang, *Marketing du lịch*, NXB Tp. HCM, 2014

[4] PGS.TS. Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009

[5] Alastair M Morrison, *Marketing and managing tourism destinations*, Routledge, 2013

[6] Philip T. Kotler, *Marketing for Hospitality and Tourism*, Pearson, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15.Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát chung về Marketing và Marketing du lịch	18	6	0	0	0	12
2	Chương 2: Nghiên cứu thị trường du lịch	18	6	0	0	0	12
3	Chương 3: Các chiến lược marketing chủ yếu	18	6	0	0	0	12
4	Chương 4: Tiến trình bán hàng	18	6	0	0	0	12
5	Chương 5: Marketing của điểm	18	6	0	0	0	12

	đến du lịch						
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Khái quát chung về marketing và marketing du lịch

1.1. Khái quát chung về marketing

1.1.1. Các khái niệm cơ bản về định nghĩa marketing

1.1.2. Định nghĩa marketing

1.1.3. Marketing mix và vai trò của marketing mix

1.2. Marketing du lịch

1.2.1. Định nghĩa marketing du lịch

1.2.2. Đặc tính của dịch vụ du lịch

1.2.3. Một số mô hình sản phẩm du lịch trên thế giới được khách du lịch yêu thích

1.2.4. Marketing mix trong du lịch

1.3. Môi trường marketing của doanh nghiệp du lịch

1.3.1. Khái niệm môi trường marketing

1.3.2. Phân tích môi trường vi mô

1.3.3. Phân tích môi trường vĩ mô

Chương 2. Nghiên cứu thị trường du lịch

2.1. Thị trường du lịch

2.2. Cung – cầu du lịch

2.2.1. Cầu du lịch

2.2.2. Cung du lịch

2.3. Phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường

2.3.1. Phân khúc thị trường

2.3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu

2.3.3. Định vị thị trường

Chương 3. Các chiến lược marketing chủ yếu

3.1. Chiến lược sản phẩm du lịch

3.1.1. Khái niệm sản phẩm du lịch

3.1.2. Mô hình cấu trúc sản phẩm

- 3.1.3. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm
- 3.1.4. Chu kì sống của sản phẩm du lịch
- 3.2. Chiến lược giá của tổ chức du lịch
 - 3.2.1. Bản chất của giá
 - 3.2.2. Các phương pháp xác định giá cơ bản
 - 3.2.3. Các chiến lược về giá
- 3.3. Chiến lược phân phối của tổ chức du lịch
 - 3.3.1. Định nghĩa
 - 3.3.2. Chức năng của kênh phân phối
 - 3.3.3. Tổ chức kênh phân phối trong du lịch
 - 3.3.4. Tổ chức và hoạt động của hệ thống phân phối du lịch
 - 3.3.5. Quản lý kênh phân phối
- 3.4. Chiến lược xúc tiến hỗn hợp của tổ chức du lịch
 - 3.4.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp trong du lịch
 - 3.4.2. Các công cụ cơ bản trong xúc tiến hỗn hợp

Chương 4. Tiến trình bán hàng

- 4.1. Tiến trình bán hàng tại chỗ
 - 4.1.1. Tiếp xúc với khách hàng
 - 4.1.2. Xác định nhu cầu
 - 4.1.3. Chào hàng
 - 4.1.4. Nói giá
 - 4.1.5. Thương lượng và xử lý các phản đối
 - 4.1.6. Kết thúc bán hàng
 - 4.1.7. Thu tiền và tiễn khách
- 4.2. Tiến trình bán hàng qua điện thoại
 - 4.2.1. Nhận diện và xác định phẩm chất của khách hàng tương lai
 - 4.2.2. Lên kế hoạch thực hiện
 - 4.2.3. Tiếp cận khách hàng
 - 4.2.4. Thực hiện chính thức – Trình bày sản phẩm
 - 4.2.5. Xử lý các phản đối

4.2.6. Kế thúc bán hàng

Chương 5. Marketing của điểm đến du lịch

5.1. Khái quát về điểm đến và thương hiệu điểm đến

5.1.1. Khái niệm về điểm đến du lịch

5.1.2. Phân loại điểm đến du lịch

5.1.3. Khái niệm thương hiệu điểm đến

5.2. Thiết lập quy trình xây dựng thương hiệu điểm đến

5.2.1. Phân tích SWOT cho du lịch

5.2.2. Quy trình xây dựng thương hiệu điểm đến

5.3. Quản lý điểm đến

5.3.1. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

5.3.2. Những giải pháp nhằm xây dựng và giữ gìn tính hấp dẫn của điểm đến.

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.42. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG DU LỊCH

1. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG DU LỊCH

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Ngô Đình Tâm	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch
2	Trần Thị Xuân Viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu môn học:

- Phân biệt tốt các phương pháp lấy mẫu.

Vận dụng được quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực du lịch.

- Ứng dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu khoa học trong du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

- Về kiến thức:

- + Học viên biết cách chọn một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.
- + Hiểu được quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.
- + Hiểu được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực du lịch.

- Về kĩ năng:

Thực hiện nghiên cứu khoa học một cách độc lập và chính xác.

- Về thái độ:

+ Ý thức trong đạo đức nghiên cứu.

+ Hình thành phẩm chất của một người nghiên cứu.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Cách xác định vấn đề nghiên cứu, cấu trúc của bài nghiên cứu khoa học.
- Kiến thức xây dựng mô hình và thang đo trong nghiên cứu du lịch.
- Các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.
- Thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.
- Cách chọn mẫu tin cậy cho một nghiên cứu.
- Cách thu thập dữ liệu và đo lường trong nghiên cứu định lượng.
- Cách phân tích định tính và định lượng trong du lịch.
- Cách viết bài báo cáo và đăng kết quả nghiên cứu.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] P Brunt, S Horner, N Semley , Research Methods in Tourism, Hospitality and Events Management, 2017 - books.google.com

[2] Nguyễn Đình Thọ, *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản tài chính, TP HCM, 2013.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Lê Quang Hùng, *Phân tích dữ liệu trong kinh doanh*, Nhà xuất bản kinh tế TP HCM, TP HCM, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

- + Điểm thái độ học tập: 00%
- + Điểm tiểu luận: 30%
- + Điểm kiểm tra giữa học phần: 00%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	What is research?	6	2	0	0	0	4
2	Research Methods	6	2	0	0	0	4
3	Planning a project	18	6	0	0	0	12
4	Selecting a sample	24	8	0	0	0	16
5	Quantitative data collection methods	12	4	0	0	0	8
6	Quatitative data collection methods	24	8	0	0	0	16
7	Analysing the data quantitative approach						
8	Analysing the data quantitative approach						
9	Writing up, presenting and Publishing the rerults						
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. What is research?

1.1. What is research?

- 1.2. Marketing research or market research
- 1.3. The importance of market research
- 1.4. Market research in tourism, hospitality and events management
- 1.5. Ethical considerations

Chương 2. Research Methods

- 2.1. Approaches to research
- 2.2. Methodologies for tourism, hospitality and events – based research
- 2.3. Triangulation

Chương 3. Planning a project

- 3.1. Why is it being done?
- 3.2. Overview of the planning stages
- 3.3. The stages explained
- 3.4. Writing tenders for consultancy projects
- 3.5. Considerations for market research

Chương 4. Selecting a sample

- 4.1. What is sampling?
- 4.2. Selecting a sample
- 4.3. Types of sampling
- 4.4. Sample size

Chương 5. Quantitative data collection methods

- 5.1. Introduction
- 5.2. Understanding the value of quantitative methods
- 5.3. Research design and the literature review
- 5.4. Designing workable questionnaires
- 5.5. Data collection methods
- 5.6. Conclusions

Chương 6. Qualitative data collection methods

- 6.1. Introduction
- 6.2. Understanding the value of qualitative methods
- 6.3. Qualitative methods and literature review

- 6.4. Data collection arrangements
- 6.5. Interviewing
- 6.6. Mixed – method approach
- 6.7. Ethical issues associated with qualitative reseach

Chương 7. Analysing the data quantitative approach

- 7.1. Overview
- 7.2 Inputing and coding quantitative data
- 7.3. Describing and illustrating data
- 7.4. Describing and quantitative data
- 7.5. Analysing quantitative data

Chương 8. Analysing the data quantitative approach

- 8.1 Overview
- 8.2. Recognising and reading qualitative data
- 8.3. Analysing qualitative data

Chương 9. Writing up, presenting and Publishing the rerults

- 9.1. Introduction
- 9.2. Writing up a student research project
- 9.3. Giving presentations
- 9.4. Publishing your research

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phần, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn, phần mềm SPSS.

18. Hướng dẫn thực hiện:

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành Du lịch từ năm học 2017 – 2018.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần 30%: Trong quá trình 15 tuần
 - + Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

- Cách thức đánh giá:

+ Đánh giá 30%: Kiểm tra các bài tập thực tế dữ liệu tại lớp.

+ Đánh giá cuối kỳ 70%: Bài tiểu luận lớn báo cáo tại lớp.

19. Phê duyệt:

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.43. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

1. Tên học phần: **QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Hùng	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD
2	Võ Thanh Hiền	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- + Các khái niệm cơ bản có liên quan đến lĩnh vực Quan hệ công chúng;
- + Vai trò của Quan hệ công chúng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Vận dụng được quy trình và lý thuyết nền tảng của truyền thông PR vào xây dựng một chương trình PR từ phân tích, lập kế hoạch, triển khai cho đến đánh giá;
- + Quy trình thiết kế chương trình PR cho một doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh; Lựa chọn, phối hợp được các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả cho doanh nghiệp;
- + Các hoạt động PR trong thực tế của doanh nghiệp.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển Quan hệ công chúng; đặc điểm, nguyên tắc hoạt động Quan hệ công chúng;

+ Phân tích được vai trò của Quan hệ công chúng trong xã hội; Phân biệt PR với các lĩnh vực truyền thông khác;

+ Nhận biết được thực trạng và các hình thức Quan hệ công chúng tại Việt Nam; Nội dung và phương thức công tác PR hiệu quả. Xây dựng kế hoạch PR trên cơ sở đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, xác định nhóm công chúng, lựa chọn phương tiện truyền thông, hoạch định ngân sách; đánh giá kết quả;

+ Thiết lập các mối quan hệ hợp tác và quản trị khủng hoảng trong Quan hệ công chúng.

- Về kỹ năng:

+ Có kỹ năng xác định mục tiêu, đánh giá cho các hoạt động Quan hệ công chúng; Có kỹ năng tư duy trong việc giải quyết các tình huống quan hệ công chúng cụ thể.

+ Ứng dụng được các vấn đề cơ bản của Quan hệ công chúng vào việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ cụ thể trong một tổ chức;

+ Thiết lập được các chiến lược Quan hệ công chúng cho doanh nghiệp trong sự phối hợp với các môn học và kiến thức khác;

+ Thực hiện được đề án nghiên cứu, thu thập thông tin, trình bày kết quả đạt được nhằm hoàn thiện các hoạt động PR trong doanh nghiệp.

+ Nâng cao kỹ năng thuyết trình trước công chúng, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Về thái độ:

+ Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; Yêu thích và quan tâm đến các hoạt động PR;

+ Tự tin trong thảo luận và trình bày các kết quả nghiên cứu;

+ Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng bài của người khác.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

– Cung cấp kiến thức cơ bản về Quan hệ công chúng

- Quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực Quan hệ công chúng
- Quan hệ công chúng và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp
- Quy trình hoạch định chương trình Quan hệ công chúng; Các công cụ thực thi chính của PR
- Đánh giá hiệu quả chương trình PR

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Đặng Hữu Giang, *Bài giảng Quan hệ công chúng*, ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM, 2017.
- [2]. Wilcox Dennis & Cameron Gle, *Public Relations: Strategies and Tactics*, 9th edition, Pearson Education, Boston, 2008.
- [3]. Lưu Văn Nghiêm, *Quản trị quan hệ quan hệ công chúng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2011.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Business Edg, *Quan hệ công chúng - Biến công chúng thành “Fan” của doanh nghiệp*, NXB Trẻ TPHCM, 2006.
- [5]. Đinh Thúy Hằng, *PR - Kiến thức cơ bản và đạo đức nghề nghiệp*, NXB Lao động - Xã hội, 2007
- [6]. Anne Gregory, *Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả*, NXB Tổng hợp TPHCM, 2009.
- [7]. Philip Henslowe, *Những bí quyết căn bản để thành công trong PR*, NXB Trẻ, TPHCM, 2009.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %

+ Điểm tiểu luận: 30 %

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %

– Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan về hoạt động quan hệ công chúng	18	6	0	0	0	12
2	Chương 2: Tiến trình quan hệ công chúng trong hoạt động kinh doanh	18	6	0	0	0	12
3	Chương 3: Các kênh thông tin chuyển tải thông điệp quan hệ công chúng	9	3	0	0	0	6
4	Chương 4: Áp dụng hoạt động PR vào doanh nghiệp.	18	6	0	0	0	12
5	Chương 5: Hoạt động PR trong doanh nghiệp.	18	6	0	0	0	12
6	Chương 6: Đạo đức trong quan hệ công chúng.	9	3	0	0	0	6
Tổng		90	30	0	0	0	60

15.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Tổng quan về quan hệ công chúng

1.1. Khái quát chung về công chúng

1.1.1. Khái niệm về công chúng

1.1.2. Phân loại công chúng

- 1.1.3. Cân bằng mối quan tâm giữa các loại công chúng
- 1.1.4. Phân đoạn công chúng và xác định công chúng mục tiêu
- 1.2. Quá trình hình thành và phát triển quan hệ công chúng
 - 1.2.1. Nguồn gốc hình thành hoạt động PR
 - 1.2.2. Quá trình phát triển hoạt động PR
- 1.3. Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của quan hệ công chúng
 - 1.3.1. Vị trí của PR
 - 1.3.2. Vai trò của PR
 - 1.3.3. Lợi ích của quan hệ công chúng
 - 1.3.4. Các nhiệm vụ của quan hệ công chúng
- 1.4. Những hoạt động chủ yếu của quan hệ công chúng
- 1.5. Phân biệt PR với Marketing, quảng cáo
 - 1.5.1. PR với Marketing
 - 1.5.2. PR với quảng cáo
 - 1.5.3. PR với truyền thông

Chương 2: Tiến trình quan hệ công chúng

- 2.1. Đặt mục tiêu
- 2.2. Xác định đối tượng
- 2.3. Xây dựng thông điệp
- 2.4. Lựa chọn thông tin
- 2.5. Thực hiện
- 2.6. Đánh giá

Chương 3: Các kênh thông tin chuyển tải thông điệp quan hệ công chúng

- 3.1. Phương tiện truyền thông đại chúng
 - 3.1.1. Khái niệm Media Relations - Quan hệ báo chí
 - 3.1.2. Quan hệ với giới truyền thông
 - 3.1.3. Vai trò của PR với giới truyền thông
 - 3.1.4. Một số hoạt động PR qua phương tiện truyền thông đại chúng
 - 3.1.5. Các nguyên tắc khi làm việc với báo chí
- 3.2. Tổ chức sự kiện

- 3.2.1. Khái niệm
- 3.2.2. Các nguyên tắc cơ bản khi tổ chức sự kiện
- 3.2.3. Tiến trình tổ chức sự kiện
- 3.2.4. Rủi ro trong tổ chức sự kiện
- 3.2.5. Phân biệt tổ chức sự kiện và PR
- 3.2.6. Vai trò của PR trong tổ chức sự kiện
- 3.2.7. Hiệu quả của PR qua tổ chức sự kiện
- 3.3. Tài liệu quan hệ công chúng
 - 3.3.1. Bản tin công ty
 - 3.3.2. Tờ rơi (Brochure)
 - 3.3.3. Phim tự giới thiệu
- 3.4. Giao tiếp cá nhân
 - 3.4.1. Trả lời phỏng vấn của giới báo chí
 - 3.4.2. Phát biểu trước công chúng

Chương 4: Áp dụng hoạt động PR vào doanh nghiệp

- 4.1. Xử lý khủng hoảng
 - 4.1.1. Những khủng hoảng có thể xảy ra
 - 4.1.2. Tầm quan trọng của hoạt động xử lý khủng hoảng
 - 4.1.3. Dự đoán và giải quyết khủng hoảng
- 4.2. Tài trợ
 - 4.2.1. Khái niệm và mục đích
 - 4.2.2. Ưu điểm và hạn chế của tài trợ
 - 4.2.3. Một số vấn đề lưu ý khi tài trợ
 - 4.2.4. Tiến trình tài trợ
- 4.3. Chăm sóc, thu hút và duy trì mối quan hệ với khách hàng
- 4.4. Cải thiện quan hệ với nhân viên
- 4.5. Xây dựng quan hệ tốt đẹp với cộng đồng
- 4.6. Xây dựng thương hiệu

Chương 5: Hoạt động PR trong doanh nghiệp

- 5.1. Nhu cầu thiết lập bộ phận PR trong tổ chức

5.2. Môi quan hệ giữa bộ phận PR và các phòng ban khác trong tổ chức

5.3. Các hoạt động chính của bộ phận PR trong tổ chức

Chương 6: Đạo đức trong quan hệ công chúng

6.1. Khái quát đạo đức

6.2. Đạo đức trong hoạt động PR

6.3. Xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp PR

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.44. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN TRONG DU LỊCH

1. Tên học phần: KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN TRONG DU LỊCH

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đặng Hữu Giang	Tiến sĩ Tâm lý	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Đức Thiên Thư	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 0 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Không
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ:

Biết tổng quan về đàm phán, biết các mô hình trong đàm phán, biết quá trình đàm phán và biết các kỹ thuật trong đàm phán, các tình huống đàm phán trong du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức đàm phán, cơ bản và phù hợp với những quan điểm hiện đại, bao gồm:

- + Các khái niệm về đàm phán những nguyên tắc cơ bản về đàm phán.
 - + Chiến thuật đàm phán thống nhất.
 - + Đàm phán song phương và đa phương.
 - + Cách sử dụng ngôn ngữ.
- Về kĩ năng:
- + Biết lựa chọn chiến lược để từ đó xây dựng chiến thuật và kế hoạch thực hiện một cuộc đàm phán nhằm đạt kết quả cao nhất.
 - + Biết cách tập hợp và xử lý các thông tin; qua đó phân tích, chọn lọc và đánh giá các thông tin để chuẩn bị cho quá trình đàm phán.
 - + Có được các kỹ năng để thực hiện cuộc đàm phán đạt hiệu quả.
- Về thái độ:
- + Có hứng thú học tập và tham gia thảo luận các tình huống do giảng viên cung cấp.
 - + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập, cũng như trong việc áp dụng các hiểu biết đã đạt được.
 - + Có ý thức vận dụng những hiểu biết đàm phán vào trong thực tế.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát về đàm phán
- Chiến lược và chiến thuật đàm phán
- Cách truyền đạt trong quá trình đàm phán
- Phát hiện và sử dụng ưu thế trong đàm phán

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự thi cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Jutta Portner, *Chiến lược trong đàm phán*, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2016.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Donald J. Trump, *Nghệ thuật đàm phán*, NXB Trẻ, 2016.

[2] Brian Tracy, *Thuật đàm phán*, NXB Thế giới, 2014.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:

+ Điểm thái độ học tập: 0%

+ Điểm tiểu luận: 30%

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 0%

- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Giới thiệu chung về đàm phán	12	4	0	0	0	8
2	Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân đến đàm phán	24	8	0	0	0	16
3	Các mô hình đàm phán trong kinh doanh Du lịch	12	4	0	0	0	8
4	Quá trình đàm phán trong kinh doanh Du lịch	24	8	0	0	0	16
5	Các kỹ thuật đàm phán trong lĩnh vực Du lịch	18	6	0	0	0	12
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Giới thiệu chung về đàm phán

1.1. Khái niệm đàm phán

1.2. Những nguyên tắc cơ bản của đàm phán

1.3. Những điểm cần lưu ý và những sai lầm của đàm phán

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến đàm phán

Chương 2. Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân đến đàm phán

2.1. Văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân

2.2. Mối quan hệ giữa văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân

2.3. Ảnh hưởng của các yếu tố đến đàm phán

2.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các yếu tố trong đàm phán

Chương 3. Các mô hình đàm phán trong kinh doanh Du lịch

3.1. Giới thiệu tổng quát về mô hình đàm phán

3.2. Một số mô hình đàm phán điển hình

3.3. Các kiểu đàm phán

Chương 4. Quá trình đàm phán trong kinh doanh Du lịch

4.1. Giai đoạn chuẩn bị

4.2. Giai đoạn tiếp xúc

4.3. Giai đoạn đàm phán

4.4. Giai đoạn kết thúc, ký kết hợp đồng

4.5. Giai đoạn rút kinh nghiệm

Chương 5. Các kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh Du lịch

5.1. Kỹ thuật đàm phán bằng văn bản

5.2. Kỹ thuật đàm phán trực tiếp

5.3. Kỹ thuật đàm phán giá

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành Du lịch từ năm học 2017 – 2018.

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra tính điểm 30%: Trong khoảng thời gian 15 tuần

+ Thi cuối học phần 70%: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

2.45. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN HÓA ẨM THỰC

1. Tên học phần: **VĂN HÓA ẨM THỰC**
2. Mã học phần: 14200018
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Đinh Thiện Phương	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các kiến thức khái quát về văn hóa ẩm thực & văn hóa ẩm thực Việt Nam
- Những đặc trưng văn hóa ẩm thực theo vùng miền và các lễ hội ở Việt Nam và trên thế giới
- Văn hóa ẩm thực theo tôn giáo

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Các kiến thức khái quát về văn hoá ẩm thực
- + Những yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của các nền văn hóa phương Đông và Phương Tây
- + Những đặc trưng của văn hóa ẩm thực Việt Nam và một số nền văn hóa ẩm thực trên thế giới.
- + Hiểu nguồn gốc và đặc điểm ẩm thực của một số tôn giáo: Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn độ giáo

– Về kĩ năng:

- + Hiểu và phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống Việt Nam và một số quốc gia
- + Điều tra, sưu tầm, tra cứu được tài liệu từ các nguồn khác nhau để thu thập thông tin cần thiết cho việc học tập học phần văn hóa ẩm thực.
- + Vận dụng được các kiến thức để mô tả và giải thích các hiện tượng và tập quán ăn uống của người Việt Nam, một số quốc gia và tôn giáo
- + Sử dụng được các thuật ngữ ẩm thực, cách diễn đạt để trình bày rõ ràng, thuyết minh và phục vụ khách hàng về ẩm thực

– Về thái độ:

- + Có hứng thú học tập, yêu thích và tìm tòi kiến thức, thông tin liên quan; tôn trọng tập quán, thói quen ăn uống của các dân tộc.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn văn hóa ẩm thực, cũng như trong việc áp dụng các hiểu biết đã đạt được.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết về ẩm thực vào trong công việc, đời sống nhằm cải thiện điều kiện sống, học tập, cũng như phục vụ và chăm sóc khách hàng về sau.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát chung về văn hoá & văn hoá ẩm thực
- Văn hóa ẩm thực Việt Nam

- Văn hóa ẩm thực Thế giới
- Văn hóa ẩm thực của một số tôn giáo lớn trên Thế giới

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Huỳnh Thị Bích Ngọc, *Bài giảng văn hóa ẩm thực*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

[2] Xuân Huy, *Văn hóa ẩm thực & món ăn Việt Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, 2004.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Anthony Boudain, *Kitchen Confidential: Adventures in the Culinary Underbelly*, NXB New York Time, 2000.

[2] Ngô Đức Thịnh (2010), *Khám phá ẩm thực truyền thống Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP.Hồ Chí Minh, 2010.

[3] Lewis M Hofe, Mark R Woodward, *Các tôn giáo trên thế giới*, NXB Thời Đại, 2011.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát chung về văn hóa & Văn hóa ẩm thực	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Văn hóa ẩm thực Việt Nam	26	6	0	4	0	20
3	Chương 3: Văn hóa ẩm thực thế giới	26	6	0	4	0	20
4	Chương 4: Văn hóa ẩm thực của một số tôn giáo lớn trên thế giới	18	4	0	2	0	12
Tổng		90	20	0	10	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Khái quát chung về văn hóa & văn hóa ẩm thực

1.1. Khái quát chung về văn hóa

1.1.1. Khái niệm về văn hóa

1.1.2. Sơ lược 5 nền văn hóa lớn thời cổ đại

1.1.3. Loại hình văn hóa gốc Nông nghiệp & Loại hình văn hóa gốc Du mục

1.2. Khái quát chung về văn hóa ẩm thực

1.2.1. Khái niệm ẩm thực và văn hóa ẩm thực

1.2.2. Văn hóa ẩm thực trong cuộc sống

Chương 2. Văn hóa ẩm thực Việt Nam

2.1. Bản sắc Việt Nam trong ẩm thực

2.1.1. Dấu ấn nông nghiệp trong Ẩm thực Việt Nam

2.1.2. Nghệ thuật ăn & nấu bếp của người Việt

2.2. Những đặc trưng văn hóa của ẩm thực Việt

2.2.1. Tính tổng hợp và tính cộng đồng trong lối ăn của người Việt

2.2.2. Tính biện chứng và tính linh hoạt trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt

- 2.3. Tập quán & khẩu vị ẩm thực miền Bắc
- 2.4. Tập quán & khẩu vị ẩm thực miền Trung
- 2.5. Tập quán & khẩu vị ẩm thực miền Nam

Chương 3. Văn hóa ẩm thực thế giới

3.1. Văn hóa ẩm thực Châu Á

- 3.1.1. Môi trường tự nhiên & xã hội Châu Á
- 3.1.2. Văn hóa ẩm thực một số quốc gia Châu Á

3.2. Văn hóa ẩm thực Châu Âu

- 3.2.1. Môi trường tự nhiên & xã hội Châu Âu
- 3.2.2. Văn hóa ẩm thực một số quốc gia Châu Âu

3.3. Văn hóa ẩm thực Châu Mỹ

- 3.3.1. Môi trường tự nhiên & xã hội Châu Mỹ
- 3.3.2. Văn hóa ẩm thực một số quốc gia Châu Mỹ

3.4. Đôi nét về văn hóa ẩm thực Châu Phi & Châu Đại dương

- 3.4.1. Đôi nét về văn hóa ẩm thực Châu Phi
- 3.4.2. Đôi nét về văn hóa ẩm thực Châu Đại Dương

Chương 5. Văn hóa ẩm thực một số tôn giáo lớn trên thế giới

- 5.1.1. Phật giáo và văn hóa ẩm thực theo Phật giáo
- 5.1.2. Kito giáo và văn hóa ẩm thực theo Kito giáo
- 5.1.3. Hồi giáo và văn hóa ẩm thực theo Hồi giáo
- 5.1.4. Ấn Độ giáo và văn hóa ẩm thực theo Ấn giáo

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:

- + Kiểm tra giữa học phần: không
- + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.46. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG

1. Tên học phần: **NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG**
2. Mã học phần: 14200048
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trương Thanh Quỳnh Thư	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Công Danh	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Kiến thức tổng quát về các loại hình kinh doanh nhà hàng, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên trong nhà hàng.
- Kiến thức về phương pháp phục vụ các loại đồ ăn thức uống và cách sử dụng các dụng cụ phục vụ.
- Cách xử lý các tình huống thường gặp trong nhà hàng.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

- + Nêu được vai trò nhiệm vụ của nhân viên trong nhà hàng.
- + Trình bày được các loại hình phục vụ ăn uống cho khách.
- + Mô tả được các dạng thực đơn trong nhà hàng.
- + Kể tên được các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ ăn uống trong nhà hàng.
- + Phân tích được cách xử lý các tình huống thường gặp trong nhà hàng.

– **Về kĩ năng:**

- + Thiết kế được các dạng bày bàn trong hoạt động ẩm thực.
- + Thực hiện được việc đặt bàn qua điện thoại.
- + Có kĩ năng phục vụ các loại đồ ăn thức uống cho khách

– **Về thái độ:**

+ Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của nhân viên phục vụ bàn trong nhà hàng khách sạn.

+ Có thái độ học tập tích cực, yêu nghề, không ngừng học hỏi để trở thành người nhân viên phục vụ tốt.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Kiến thức tổng quát về nhà hàng
- Chức năng và nhiệm vụ của nhân viên trong nhà hàng
- Thực đơn và trang thiết bị, dụng cụ phục vụ trong nhà hàng
- Kỹ năng phục vụ
- Phục vụ thức uống
- Khắc phục các trở ngại trong phục vụ nhà hàng

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] PGS.TS Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thị Hồng Ngọc, *Giáo trình lý thuyết kỹ thuật phục vụ bàn*, NXB Hà Nội, 2008.

[2] Lê Thị Nga, *Giáo trình lý thuyết kỹ thuật phục vụ bar*, NXB Hà Nội, 2008.

[3] Nguyễn Văn Dung, *Quản trị đầu tư nhà hàng khách sạn*, NXB Giao thông vận tải, 2011.

[4] Nguyễn Xuân Ra, *Quản lý và nghiệp vụ nhà hàng bar*, NXB Phụ Nữ, 2010.

[5] Sondra J.Dahmer, *Restaurant service basic*, John Wiley & Sons, INC, 2009.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Kiến thức tổng quát về nhà hàng	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Chức năng và nhiệm vụ của nhân viên trong nhà hàng	9	3	0	0	0	6
3	Chương 3: Thực đơn, trang thiết bị và dụng cụ phục vụ trong nhà	9	3	0	0	0	6

	hàng						
4	Chương 4: Kỹ năng phục vụ	24	8	0	0	0	16
5	Chương 5: Phục vụ thức uống	24	8	0	0	0	16
	Chương 6: Khắc phục các trở ngại trong phục vụ nhà hàng	12	4	0	0	0	8
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Kiến thức tổng quát về nhà hàng

1.1. Khái niệm nhà hàng

1.2. Lịch sử hình thành nhà hàng

1.3. Các loại nhà hàng

Chương 2. Chức năng và nhiệm vụ của nhân viên trong nhà hàng

2.1. Sơ đồ tổ chức của bộ phận F&B

2.1.1. Chức năng và nhiệm vụ của quản lý nhà hàng

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của trưởng ca

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ nhân viên phục vụ, lễ tân

2.2. Tiêu chuẩn vệ sinh cá nhân của nhân viên

2.3. Những việc không nên làm của một phục vụ chuyên nghiệp

2.4. Những việc nên làm của một phục vụ chuyên nghiệp

2.5. Tiêu chuẩn phục vụ

Chương 3. Thực đơn, trang thiết bị và dụng cụ phục vụ trong nhà hàng

3.1. Thực đơn

3.1.1. Cơ cấu một thực đơn

3.1.2. À la carte Menu

3.1.3. Set Menu

3.1.4. Các loại thực đơn khác

3.2. Trang thiết bị và dụng cụ phục vụ trong nhà hàng

- 3.2.1. Đồ kim loại
- 3.2.2. Đồ sành sứ
- 3.2.3. Đồ thủy tinh
- 3.3. Bảo dưỡng dụng cụ ăn uống
 - 3.3.1. Công tác chuẩn bị
 - 3.3.2. Lau dụng cụ ăn bằng đồ sứ
 - 3.3.3. Lau ly thủy tinh

Chương 4. Kỹ năng phục vụ

- 4.1. Các loại hình phục vụ
 - 4.1.1. Plate service
 - 4.1.2. Silver service
 - 4.1.3. Phục vụ Gueridon đơn giản
 - 4.1.4. Family service
 - 4.1.5. Buffet
- 4.2. Quy trình phục vụ khách tại nhà hàng
 - 4.2.1. Đón khách
 - 4.2.2. Trình thực đơn cho khách
 - 4.2.3. Cách ghi trên phiếu
 - 4.2.4. Phục vụ
 - 4.2.5. Trình hóa đơn và thanh toán tiền
 - 4.2.6. Chào tiễn khách
 - 4.2.7. Thu dọn
- 4.3. Quy trình phục vụ thức ăn tại phòng
- 4.4. Nhận đặt bàn qua điện thoại

Chương 5. Phục vụ thức uống

- 5.1. Phục vụ thức uống không cồn
 - 5.1.1. Thức uống giải khát
 - 5.1.2. Thức uống bổ dưỡng
 - 5.1.3. Thức uống kích thích
- 5.2. Phục vụ thức uống có cồn

- 5.2.1. Những kiến thức cơ bản về rượu vang
- 5.2.2. Brandy
- 5.2.3. Whisky
- 5.2.4. Gin
- 5.2.5. Vodka
- 5.2.6. Rhum
- 5.2.7. Tequila
- 5.2.8. Bia

Chương 6. Khắc phục các trở ngại trong phục vụ nhà hàng

- 6.1. Các xử lý trong đăng ký món ăn và đưa món ăn
 - 6.1.1. Khách do dự đăng ký món ăn
 - 6.1.2. Khách chọn món ăn không có trong thực đơn
 - 6.1.3. Khách đề nghị bỏ món ăn
 - 6.1.4. Khách mời rượu nhân viên
- 6.2. Xử lý sự cố bất ngờ
 - 6.2.1. Mất điện
 - 6.2.2. Khách làm hư hỏng đồ đạc
 - 6.2.3. Khách rời phòng mà chưa thanh toán
 - 6.2.4. Khách bị ngã trong phòng ăn

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.47. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ LỄ TÂN

1. Tên học phần: NGHIỆP VỤ LỄ TÂN
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Thị Duy Phương	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Khoa Du lịch
2	Hồ Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các nghiệp vụ lễ tân cơ bản từ khâu đặt phòng cho đến khi thanh toán cho khách trả phòng khách sạn.
- Các phương pháp chào giá phòng khách sạn trong tình huống cụ thể
- Các bộ phận trong lễ tân khách sạn
- Kỹ năng xử lý các tình huống khi có sự cố xảy ra.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày và giải thích được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của từng chức danh thuộc bộ phận lễ tân trong khách sạn, cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa bộ phận lễ tân với các bộ phận khác trong khách sạn, yêu cầu đối với nhân viên lễ tân khách sạn, hoạt động của bộ phận lễ tân qua các giai đoạn phục vụ khách;

+ Trình bày được trình tự và nội dung của các nghiệp vụ cơ bản của bộ phận Lễ tân, đặc biệt từ khâu đặt phòng cho đến khi thanh toán cho khách trả phòng khách sạn.

+ Phân tích được các quy trình nghiệp vụ: đăng ký giữ chỗ, đón tiếp và đăng ký khách, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, trả buồng và thanh toán.

+ Vận dụng được kiến thức nghiệp vụ vào thực tế lễ tân.

– Về kĩ năng:

+ Thực hiện được tất cả các nghiệp vụ cơ bản của bộ phận Lễ tân.

+ Thực hiện được các phương pháp chào giá phòng khách sạn trong tình huống cụ thể.

+ Giải quyết các tình huống, các phàn nàn của khách trong khách sạn.

+ Thực hiện thành thạo quy trình nhận, bàn giao ca.

– Về thái độ:

+ Có khả năng làm việc nhóm như là một nhóm nhân viên trong khách sạn.

+ Rèn luyện khả năng ứng xử, sự nhanh nhạy, khéo léo của một nhân viên bộ phận lễ tân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Khái quát chung về bộ phận Lễ tân trong Khách sạn
- Tổ chức hoạt động trước khi khách tới Khách sạn
- Tổ chức hoạt động đón tiếp khách tại Khách sạn
- Tổ chức hoạt động phục vụ khách trong thời gian lưu trú tại Khách sạn
- Tổ chức hoạt động tiễn khách tại Khách sạn

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Quản trị Lễ tân*, Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh, 2017.

[2] Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương, *Giáo trình Quản trị Kinh doanh Khách sạn*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân, 2013.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trịnh Thanh Thủy, *Nghiệp vụ lễ tân văn phòng*, Khoa Du lịch, Viện Đại học Mở Hà Nội, 2015.

[2] Phạm Thị Thu Cúc, *Giáo trình Lễ tân trong công tác đối ngoại*, NXB Hà Nội, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát chung về bộ phận Lễ tân trong Khách sạn	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Tổ chức hoạt động trước khi khách tới Khách sạn	24	8	0	0	0	16
3	Chương 3: Tổ chức hoạt động đón tiếp khách tại Khách sạn	18	6	0	0	0	12
4	Chương 4: Tổ chức hoạt động	18	6	0	0	0	12

	phục vụ khách trong thời gian lưu trú tại Khách sạn						
5	Chương 5: Tổ chức hoạt động tiễn khách tại Khách sạn	18	6	0	0	0	12
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Khái quát chung về bộ phận Lễ tân khách sạn

- 1.1. Khái quát chung về nghề Lễ tân
- 1.2. Vai trò, nhiệm vụ và cơ cấu chức danh của bộ phận Lễ tân
- 1.3. Các yêu cầu đối với nhân viên bộ phận Lễ tân
- 1.4. Mối quan hệ giữa bộ phận Lễ tân với các bộ phận khác

Chương 2: Tổ chức hoạt động trước khi khách tới Khách sạn

- 2.1. Các nguồn khách đặt phòng
- 2.2. Các loại đặt phòng
- 2.3. Nhận đặt phòng
- 2.4. Xử lý tình huống đặt phòng
 - 2.4.1. Xử lý yêu cầu thay đổi đặt phòng
 - 2.4.2. Xử lý yêu cầu hủy đặt phòng
 - 2.4.3. Xử lý yêu cầu hủy đặt phòng không có đảm bảo vào ngày khách đến
 - 2.4.4. Xử lý tình huống khách đã đặt phòng bảo đảm nhưng không đến

Chương 3. Tổ chức hoạt động đón tiếp khách tại Khách sạn

- 3.1. Làm thủ tục nhận phòng khách sạn cho khách
 - 3.1.1. Các loại phòng trong khách sạn
 - 3.1.2. Các loại giá phòng trong khách sạn
 - 3.1.3. Quy trình làm thủ tục nhận phòng khách sạn cho khách
- 3.2. Thực hiện đảm bảo thanh toán
 - 3.2.1. Bảo đảm thanh toán bằng tiền mặt
 - 3.2.2. Bảo đảm thanh toán bằng thẻ tín dụng
 - 3.2.3. Bảo đảm thanh toán bằng phiếu thanh toán

3.2.4. Bảo đảm thanh toán bằng cách ghi sổ nợ công ty

3.3. Quy trình đón khách

3.3.1 Đón khách VIP

3.3.2. Đón khách đoàn

3.3.3. Đón khách vắng lai

Chương 4. Tổ chức hoạt động phục vụ khách trong thời gian lưu trú

4.1. Tiếp nhận yêu cầu về các dịch vụ trong Khách sạn

4.2. Xử lý các yêu cầu, phàn nàn của khách

4.2.1. Xử lý sai lệch thông tin về tình trạng phòng

4.2.2. Xử lý thay đổi phòng

4.2.3. Các cuộc gọi báo thức

4.2.4. Kiểm tra tài khoản có dư nợ cao

4.2.5. Xử lý trường hợp khách gia hạn lưu trú

4.2.6. Kết an toàn

4.2.7. Xử lý phàn nàn của khách

4.2.8. Đổi ngoại tệ

4.2.9. Xử lý thư của khách

4.2.10. Xử lý các bưu phẩm đặc biệt của khách

4.3. Kiểm toán đêm

Chương 5. Tổ chức hoạt động tiễn khách tại khách sạn

5.1. Quy trình làm thủ tục trả phòng

5.1.1. Cho khách lẻ

5.1.2. Cho khách đoàn

5.2. Các phương thức thanh toán

5.3. Xử lý tình huống trả phòng

5.3.1. Giải quyết các khoản chi phí có tranh chấp

5.3.2. Giải quyết các chi phí phát sinh

5.4. Kết thúc việc thu ngân

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

– Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.48. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LẬP KẾ HOẠCH KD DV DL VÀ LỮ HÀNH

1. Tên học phần: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH
DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phạm Minh Luân	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD
2	Phạm Đình Tuấn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa QTKD

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị học.
- Học phần trước: Phân tích tài chính doanh nghiệp du lịch
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần:

- Sinh viên sẽ nắm vững lý thuyết và các vấn đề liên quan đến việc khởi nghiệp kinh doanh các dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Biết xây dựng và triển khai các hoạt động lập kế hoạch kinh doanh, quản lý tốt các rủi ro có thể xảy ra khi lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

Đạt được một hệ thống kiến thức trong việc xây dựng và lập kế hoạch kinh doanh trong ngành dịch vụ du lịch và lữ hành

- Các phương pháp xây dựng kế hoạch kinh doanh...
- Phân tích được nhu cầu về nhân sự và các hoạt động phân tích tài chính, marketing trong dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Nhận ra được những thuận lợi và khó khăn cũng như cơ hội trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Nắm bắt được một cách cụ thể các bước điều hành một doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Về kĩ năng:

- Xây dựng được một chiến lược kinh doanh.
- Phân tích, tổng hợp và xử lý các vấn đề quản trị tài chính.
- Quản lý được các hoạt động trong vấn đề về nhân sự
- Xây dựng được các chương trình marketing.

- Về thái độ:

- Có hứng thú, say mê tìm hiểu, tích cực tìm kiếm thông tin về hoạt động kinh doanh trong ngành quản trị du lịch và dịch vụ
- Có thái độ khách quan, trung thực; tích cực tham gia làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm trong bài tập thuyết trình
- Sáng tạo trong việc xây dựng ý tưởng kinh doanh.
- Nhìn nhận một cách nghiêm túc khi soạn thảo hợp đồng cũng như trong công tác thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu (theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành).

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Trang bị kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp cho sinh viên đại học thuộc ngành Quản trị du lịch lữ hành.
- Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để sinh viên có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp.
- Xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và

các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra.

- Thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra cuối học phần.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Phạm Minh Luân, *Giáo án Lập kế hoạch kinh doanh Dịch vụ Du lịch và Lễ hành*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM, 2016.
- [2] Edward Blackwell (người dịch Thu Hương), *Lập kế hoạch kinh doanh*, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
- [3] Bùi Đức Tuấn, *Giáo trình kế hoạch kinh doanh*, Nhà xuất bản lao động và xã hội, 2005.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Jim horan (người dịch Trần Vũ Nhân), *Kế hoạch kinh doanh trên một trang giấy*, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
- [2] Mike Mackeever, *Lập Kế Hoạch Kinh Doanh Từ A Đến Z*, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2011.
- [3] Trần Ngọc Nam, *Marketing du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2006

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 20 %
 - + Điểm tiểu luận: 30%
 - Điểm thi kết thúc học phần: 50%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1. Tổng quan về lập kế hoạch kinh doanh	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2. Phân tích thị trường và đối thủ cạnh tranh	21	4	0	3	0	14
3	Chương 3. Kế hoạch quản lý và nhân sự	24	4	0	4	0	16
4	Chương 4. Kế hoạch tài chính	33	8	3	0	0	22
Tổng		90	20	3	7	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Tổng quan về lập kế hoạch kinh doanh

1.1. Các vấn đề chung

- 1.1.1. Khái niệm về lập kế hoạch kinh doanh
- 1.1.2. Mục đích của việc lập kế hoạch kinh doanh
- 1.1.3. Đối tượng sử dụng kế hoạch kinh doanh

1.2 Nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh

- 1.2.1. Quy trình lập kế hoạch kinh doanh
- 1.2.2. Cấu trúc của quá trình lập kế hoạch kinh doanh
- 1.2.3. Kế hoạch kinh doanh tích hợp

1.3. Các thông tin cần thiết cho quá trình lập kế hoạch kinh doanh

- 1.3.1. Các thông tin về doanh nghiệp
- 1.3.2. Các thông tin về sản phẩm dịch vụ
- 1.3.3. Các thông tin về thị trường
- 1.3.4. Phân tích mối quan hệ giữa thông tin và các mục tiêu cần đạt được

Chương 2. Phân tích thị trường và đối thủ cạnh tranh

2.1. Phân tích hành vi người tiêu dùng

- 2.1.1. Mô hình hành vi người tiêu dùng
- 2.1.2. Các nhân tố tác động đến hành vi mua hàng
- 2.1.3. Quá trình quyết định mua hàng

2.2 Phân tích đối thủ cạnh tranh

- 2.2.1. Xác định mục tiêu của đối thủ cạnh tranh
- 2.2.2. Xác định chiến lược của đối thủ cạnh tranh
- 2.2.3. Đánh giá điểm mạnh điểm yếu của đối thủ cạnh tranh
- 2.2.4. Cân đối quan điểm theo khách hàng hay theo đối thủ cạnh tranh

2.3. Xác định phân khúc thị trường mục tiêu

2.4. Xây dựng chiến lược định vị

- 2.4.1. Chiến lược định vị giá
- 2.4.2. Chiến lược định vị sản phẩm
- 2.4.3. Chiến lược phân phối
- 2.4.4. Chiến lược xúc tiến

Chương 3. Kế hoạch quản lý và nhân sự

3.1. Xác định nhu cầu về nhân sự

3.2. Các giải pháp khắc phục khi thừa hoặc thiếu nhân viên

3.3. Đào tạo và bố trí nhân sự.

3.4. Một số kỹ thuật động viên tinh thần làm việc của nhân viên

3.5 Một số hình thức trả lương cơ bản trong ngành và ưu nhược điểm các hình thức

3.6. Các phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên

Chương 4. Kế hoạch tài chính và rủi ro

4.1. Khái quát về hoạt động tài chính

- 4.1.1 Vai trò của quản trị tài chính trong doanh nghiệp
- 4.1.2 Kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp
- 4.1.2. Quy trình lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp

4.2. Phân tích tài chính trong doanh nghiệp

- 4.2.1 Vai trò của phân tích tài chính

4.2.2. Các báo cáo tài chính

4.2.3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

4.3 Rủi khi lập kế hoạch kinh doanh

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

- Phấn, bảng, micro, projector, laptop.
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học khối ngành ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống từ năm học 2017-2018.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
- + Đánh giá quá trình: Trong quá trình giảng dạy.
- + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.49. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔ CHỨC LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN

1. Tên học phần: **TỔ CHỨC LỄ HỘI VÀ SỰ KIỆN**

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Đinh Thiện Phương	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các lí thuyết về tổ chức lễ hội và sự kiện
- Các bước lập kế hoạch dự án và quản lí tổ chức lễ hội và sự kiện

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Trình bày khái quát được về tính chất đặc thù của Lễ hội và sự kiện
- + Trình bày được trình tự các bước và nội dung công việc trong từng nhiệm vụ của tổ chức lễ hội và sự kiện
- + Nhận diện các rủi ro khi tổ chức lễ hội, sự kiện và phương án phòng bị

- Về kỹ năng:

- + Sáng tạo được các hoạt động cho từng bộ phận của lễ hội và sự kiện ;
- + Lập được bảng dự báo ngân sách cho các sự kiện trong một lễ hội, tính được điểm hòa vốn chính xác;
- + Viết được kịch bản chương trình chi tiết (có dòng thời gian) cho lễ hội với các sự kiện hoàn chỉnh
- + Hoàn thành được bảng phác họa chương trình PR hoàn chỉnh cho lễ hội và sự kiện.

- Về thái độ:

- + Có khả năng làm việc nhóm như là một hệ thống hoàn bị, thống nhất;
- + Rèn luyện khả năng nhanh nhạy trong điều khiển và xử lý tình huống của một nhà tổ chức lễ hội và sự kiện.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung của Lễ Hội và Sự kiện
- Lập chiến lược cho Lễ Hội và Sự kiện
- Marketing cho Lễ Hội và Sự kiện
- Triển khai kế hoạch Quản lý Dự án Lễ Hội và Sự kiện

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp trên 80%
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Tham dự kỳ thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

Khoa Du Lịch, *Bài giảng Quản trị Lễ Hội và Sự Kiện*, ĐHCNTTP TP.HCM (lưu hành nội bộ), 2016

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Lưu Văn Nghiêm, *Tổ chức sự kiện*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013
- [2] Nguyễn Thị Mỹ Thanh – Sử Ngọc Diệp, *Giáo trình Quản trị Tổ chức Sự kiện và Lễ hội*, NXB Lao động – Xã hội, TP.HCM, 2015

14. Thang điểm đánh giá: 10/10**15. Đánh giá học phần:**

- Đánh giá quá trình
- + Điểm thái độ học tập: 0%
- + Điểm tiểu luận: 30%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:**16.1. Phân bố thời gian các chương (bài) trong học phần:**

TT	Tên bài (chương)	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Giới thiệu về môn học	15	3	0	2	0	10
2	Chương 2: Những vấn đề chung về lễ hội và sự kiện	15	5	0	0	0	10
3	Chương 3: Lập kế hoạch chiến lược cho lễ hội và sự kiện	15	5	0	0	0	10
4	Chương 4: Xây dựng chiến lược Marketing cho lễ hội và sự kiện	15	3	2	0	0	10
5	Chương 5: Quản trị dự án lễ hội và sự kiện	15	5	0	0	0	10
6	Chương 6: Triển khai thực hiện dự án lễ hội và sự kiện	15	3	2	0	0	10
Tổng		90	24	4	2	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần**Chương 1: Giới thiệu về môn học Tổ chức Lễ Hội và Sự Kiện****1.1. Bối cảnh ra đời môn học**

- 1.2. Thuật ngữ môn học
- 1.3. Mục đích môn học
- 1.4. Đối tượng nghiên cứu của môn học
- 1.5. Phương pháp nghiên cứu của môn học

Chương 2: Những vấn đề chung về Lễ hội và Sự Kiện

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Khái niệm Lễ Hội
 - 2.1.2. Khái niệm Sự Kiện
- 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Phân loại Lễ Hội
 - 2.2.2. Phân loại Sự Kiện
- 2.3. Nghề tổ chức sự kiện và lễ hội
- 2.4. Ngành công nghiệp tổ chức sự kiện và lễ hội

Chương 3: Lập kế hoạch chiến lược cho Lễ Hội và Sự Kiện

- 3.1. Khái niệm, phân loại và vai trò kế hoạch trong tổ chức Lễ Hội và Sự Kiện
- 3.2. Thiết kế ý tưởng
- 3.3. Tiến trình lập kế hoạch chiến lược

Chương 4: Xây dựng chiến lược Marketing cho Lễ Hội và Sự Kiện

- 4.1. Tổng quan về Marketing sự kiện, lễ hội
- 4.2. Tiến trình ra quyết định mua của khách hàng
- 4.3. Xây dựng chiến lược marketing
- 4.4. Marketing hỗn hợp cho sự kiện, lễ hội

Chương 5: Quản trị dự án Lễ Hội và Sự Kiện

- 5.1. Các kỹ thuật quản trị dự án
- 5.2. Kiểm soát ngân sách
- 5.3. Nhân lực
- 5.4. Quản trị rủi ro và những vấn đề pháp lý trong tổ chức sự kiện & lễ hội

Chương 6: Triển khai thực hiện dự án Lễ Hội và Sự Kiện

- 6.1. Thiết kế ý tưởng và triển khai Hậu cần
- 6.2. Triển khai Dàn dựng
- 6.3. Khai mạc và điều hành diễn biến
- 6.4. Kết thúc và đánh giá

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Projector, máy vi tính

Bảng, phấn, Laptop, loa

Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học chính quy từ năm học 2017-2018.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi: Thi cuối học phần: sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 20

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 20

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 20

Người biên soạn

2.50. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Công Danh	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Trương Thanh Quỳnh Thu	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 45 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Quản trị học
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Cơ cấu tổ chức và các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.
- Tổ chức hoạt động kinh doanh, thu hút nguồn khách và thực hiện chương trình DL
- Giữ chỗ, đặt dịch vụ và tạo mối quan hệ với các nhà cung ứng

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được các khái niệm tổng quát về kinh doanh lữ hành, về kinh doanh đại lý lữ hành, quản lý chất lượng chương trình du lịch.
- + Vận dụng một số nghiệp vụ tổ chức, xúc tiến và bán chương trình du lịch.

– Về kĩ năng:

- + Phân tích tình hình chung của một doanh nghiệp lữ hành để đưa ra những chiến lược phát triển hiệu quả.
- + Xây dựng, xúc tiến, bán chương trình du lịch.
- + Phát triển hệ thống chăm sóc khách hàng.

– Về thái độ:

- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Khái quát về doanh nghiệp lữ hành
- Cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành
- Quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành
- Xây dựng sản phẩm du lịch
- Tổ chức xúc tiến và thực hiện các chương trình du lịch
- Quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống các tiêu chí đánh giá trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.
- Môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Tổ du lịch, *Bài giảng Quản trị doanh nghiệp lữ hành*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.
- [2] Nguyễn Văn Mạnh chủ biên, *Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB. ĐH Kinh tế quốc dân, 2016.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Đồng Ngọc Minh, Vương Lôì Đình, *Kinh tế du lịch và du lịch học*, NXB. Thế Giới, 2000.
- [2] Trần Nhuận, *Du lịch và kinh doanh du lịch*, NXB. Văn hóa thông tin Hà Nội, 1996.
- [3] Vũ Đức Minh, *Tổng quan du lịch*, NXB. Giáo dục Hà Nội, 2010.
- [4] Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.
- [5] GS. TS. Nguyễn Văn Đĩnh, *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân- Hà Nội, 2009.
- [6] Phạm Trọn Lê Nghĩa, *Bài giảng Tổng quan du lịch*, Trường Cao đẳng nghề du lịch Vũng Tàu, 2009.
- [7] Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang, *Marketing du lịch*, NXB. Tp HCM, 2011.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học

1	Chương 1: Khái quát về doanh nghiệp lữ hành	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành	18	4	1	1	0	12
3	Chương 3: Quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành	21	5	1	1	0	14
4	Chương 4: Xây dựng sản phẩm du lịch	21	5	1	1	0	14
5	Chương 5: Tổ chức xúc tiến và thực hiện các chương trình du lịch	21	5	1	1	0	14
6	Chương 6: Quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống các tiêu chí đánh giá trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.	21	5	1	1	0	14
7	Chương 7: Môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.	21	5	1	1	0	14
Tổng		135	33	6	6	0	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Khái quát về doanh nghiệp lữ hành

1.1. Nguồn gốc kinh doanh lữ hành

1.1.1. Những hình thức sơ khai của hoạt động lữ hành

1.1.2. Sự nghiệp kinh doanh lữ hành của Thomas Cook

1.2. Xu hướng kinh doanh lữ hành trên thế giới nửa cuối thế kỷ 20

1.3. Vai trò của các tổ chức quốc tế về lữ hành

Chương 2: Cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành

2.1. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp lữ hành

- 2.1.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức doanh nghiệp lữ hành
- 2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lữ hành
- 2.1.3. Các mô hình cơ cấu tổ chức tiêu biểu áp dụng trong doanh nghiệp lữ hành
- 2.1.4. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lữ hành Việt Nam
- 2.2. Quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Vận dụng thuyết Z vào quản lý doanh nghiệp lữ hành
 - 2.2.3. Áp dụng phương pháp quản lý định hướng khách hàng
 - 2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành
 - 2.2.5. Bộ phận quản trị nguồn nhân lực
 - 2.2.6. Nội dung quản trị nguồn nhân lực

Chương 3: Quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành

- 3.1. Nhà cung cấp dịch vụ du lịch
 - 3.1.1. Định nghĩa
 - 3.1.2. Vai trò của nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành
 - 3.1.3. Phân loại và ý nghĩa của việc phân loại nhà cung cấp
 - 3.1.4. Quyền mặc cả của các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành
- 3.2. Kênh phân phối sản phẩm du lịch
- 3.3. Các hình thức liên kết của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp
 - 3.3.1. Theo hình thức ký gửi
 - 3.3.2. Theo hình thức bán buôn
 - 3.3.3. Các loại hợp đồng liên quan
 - 3.3.4. Chính sách giá của các nhà cung cấp

Chương 4: Xây dựng sản phẩm du lịch

- 4.1. Định nghĩa và phân loại sản phẩm du lịch
 - 4.1.1. Định nghĩa
 - 4.1.2. Đặc điểm của sản phẩm du lịch
 - 4.1.3. Phân loại sản phẩm du lịch
- 4.2. Quy trình xây dựng một sản phẩm du lịch
- 4.3. Một số chương trình du lịch điển hình

4.4. Cách xác định giá cho các sản phẩm du lịch

Chương 5: Tổ chức xúc tiến và thực hiện các chương trình du lịch

5.1. Tổ chức xúc tiến chương trình du lịch

5.1.1. Hoạt động quảng cáo

5.1.2. Hoạt động tuyên truyền và quan hệ công chúng

5.1.3. Hoạt động khuyến khích, thúc đẩy tiêu thụ, khuyến mãi

5.2. Tổ chức bán chương trình du lịch

5.2.1. Xác định nguồn khách

5.2.2. Quan hệ giữa các công ty lữ hành với nhau và với khách du lịch

5.3. Tổ chức thực hiện các chương trình du lịch

5.3.1. Quy trình thực hiện

5.3.2. Các hoạt động của hướng dẫn viên

5.4. Tổ chức các hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi

Chương 6: Quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống các tiêu chí đánh giá trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành

6.1. Tiếp cận chất lượng sản phẩm lữ hành

6.2. Đánh giá chất lượng sản phẩm lữ hành

6.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm lữ hành

6.4. Đảm bảo, duy trì, hoàn thiện và kiểm tra chất lượng sản phẩm của công ty lữ hành

6.5. Quản lý chất lượng phục vụ tại một doanh nghiệp lữ hành

6.6. Hệ thống các chỉ tiêu tuyệt đối để đánh giá các kết quả kinh doanh

6.7. Hệ thống các chỉ tiêu tương đối để đánh giá vị thế trên thị trường và tốc độ phát triển

6.8. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh du lịch

Chương 7: Môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành

7.1. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành

7.1.1. Môi trường vĩ mô

7.1.2. Môi trường cạnh tranh trực tiếp - cơ hội và thách thức

7.1.3. Môi trường bên trong - điểm mạnh, điểm yếu

7.2. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành

7.2.1. Xác định vị trí của doanh nghiệp trên thị trường

7.2.2. Một số hình thái chiến lược cơ bản của các doanh nghiệp lữ hành

7.3. Các chính sách kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp lữ hành

7.3.1. Chính sách sản phẩm

7.3.2. Chính sách giá cả

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.51. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trương Thanh Quỳnh Thu	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Những kiến thức lý thuyết liên quan đến quản lý điểm đến du lịch.
- Các quá trình quản lý phát triển du lịch.
- Mối quan hệ giữa quản lý điểm đến du lịch với kinh doanh và phát triển kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, văn hoá và lịch sử, và cộng đồng và xã hội.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Về kiến thức:

- + Phân tích được khái niệm quản trị điểm đến du lịch;

- + Nhận biết được các quá trình liên quan đến phát triển du lịch; các vấn đề quản lý và lập kế hoạch điểm đến và phương pháp tiếp cận chiến lược;
- + Lập kế hoạch và tiếp thị các ứng dụng cho quản lý điểm đến;
- + Làm rõ những thách thức và vấn đề địa điểm du lịch là một chiến lược kinh tế (kinh doanh) và phát triển cộng đồng (xã hội, văn hoá và môi trường).

- Về kĩ năng:

- + Có kỹ năng xác định mục tiêu, đánh giá cho các hoạt động Quản trị điểm đến trong du lịch.
- + Có kỹ năng tư duy giải quyết các tình huống trong quản trị điểm đến.
- + Áp dụng được các vấn đề cơ bản của Quản trị vào việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ trong sự phối hợp với các tổ chức kinh tế xã hội tại điểm đến du lịch.
- + Nâng cao kỹ năng thuyết trình trước công chúng, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Về thái độ:

- + Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm;
- + Xác định và đánh giá một cách nghiêm túc các thành phần chính của kế hoạch phát triển quản trị du lịch và lễ hành;
- + Đánh giá một cách nghiêm túc các nguyên tắc và thực tiễn tiếp thị phân phối và áp dụng vào quản lý chiến lược của một điểm đến;

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái niệm chung về điểm đến
- Các yếu tố cơ bản của một điểm đến
- Khái niệm chung về quản trị điểm đến
- Quy trình quản trị điểm đến và tổ chức quản trị điểm đến trong kinh doanh du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đặng Hữu Giang, *Bài giảng Quản trị điểm đến*, ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM, 2017.

[2]. Stange, J., Brown, D. & Solimar International, *Tourism destination management, Sustainable Tourism: International Cooperation for Development*, The George Washington University, 2201 G Street, NW Washington, DC 20052, 2011.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lee, J. & N. Kotler, *Strategic Tourism Marketing Workbook. Tourism Destination Management and Marketing Program*, Washington, DC: The George Washington University, 2011.

[2]. Buhalis D., *Tourism: Information Technology for Strategic Tourism Management*, Prentice Hall, 2003.

[3]. Commission of the European Communities (2001), *Working Together for the Future of European Tourism*, Commission Communication to the Council, The European Parliament, the Economic and Social Committee, and the Committee of the Regions, 2001. <http://eurlex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=COM:2001:0665:FIN:en:PDF>. Last accessed on 15 August 2011.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)
----	------------	--------------	-----------------------------------

		hoặc giờ	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/ TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát chung về điểm đến	15	5	0	0	0	10
2	Chương 2: Khái quát chung về quản lý điểm đến	30	10	0	0	0	20
3	Chương 3: Quy trình quản lý điểm đến	24	8	0	0	0	16
4	Chương 4: Tổ chức quản lý điểm đến du lịch	21	7	0	0	0	14
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Khái quát chung về điểm đến

- 1.1. Khái niệm điểm đến du lịch.
- 1.2. Đặc điểm của điểm đến du lịch
- 1.3. Các yếu tố cơ bản của một điểm đến du lịch

Chương 2: Khái quát chung về quản lý điểm đến

- 2.1. Khái niệm quản lý điểm đến
- 2.2. Tổ chức quản lý điểm đến
- 2.3. Lợi ích của quản lý điểm đến

Chương 3: Quy trình quản lý điểm đến

- 3.1. Đánh giá thực trạng hình thành mục tiêu điểm đến
 - 3.1.1. Sử dụng Ma trận SWOT
 - 3.1.2. Nhận thức đối thủ cạnh tranh và môi trường cạnh tranh
- 3.2. Xây dựng tầm nhìn mục tiêu
 - 3.2.1. Tầm nhìn
 - 3.2.2. Mục tiêu
- 3.3. Định vị và xây dựng thương hiệu điểm đến
 - 3.3.1. Tìm hiểu về thị trường mục tiêu của điểm đến

3.32. Xây dựng thương hiệu cho điểm đến

3.4. Marketing điểm đến

3.4.1. Xác định xu hướng thị trường

3.4.2. Lập chiến lược Marketing

Chương 4: Tổ chức quản lý điểm đến

4.1. Cung cấp chiến lược và kế hoạch quản lý điểm đến

4.2. Kế hoạch kinh doanh và ngân sách

4.3. Giám sát và đánh giá

4.4. Thông tin và quản lý thông tin

4.5. Hệ thống quản lý điểm đến

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.52. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH

1. Tên học phần: **TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch
2	Hồ Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Địa lý du lịch Việt Nam, Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Hệ thống tuyến điểm ở Việt Nam
- Các loại hình du lịch cho từng vùng du lịch Việt Nam
- Hệ thống các giá trị văn hóa, lịch sử trong hoạt động du lịch Việt Nam

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được các kiến thức về hệ thống tuyến, điểm du lịch của vùng Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long.
- + Mô tả được hệ thống tuyến, điểm du lịch Tây nguyên và duyên hải Nam Trung bộ.
- + Mô tả được các kiến thức về hệ thống tuyến, điểm du lịch của vùng Bắc Trung bộ, đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, vùng Trung du, miền núi phía Bắc vào hoạt động hướng dẫn.

– Về kĩ năng:

- + Xây dựng được những chương trình tham quan với lộ trình hợp lý.
- + Thuyết minh các điểm tham quan cho du khách theo cung đường cụ thể.
- + Tính được thời gian và khoảng cách cho từng điểm tham quan.

– Về thái độ:

- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Những kiến thức tổng quát về tuyến điểm du lịch của các vùng Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ, vùng Bắc Trung bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, duyên hải Đông Bắc, vùng Trung du, miền núi phía Bắc.
- Các tuyến điểm và loại hình du lịch tiêu biểu của từng vùng.
- Các giá trị lịch sử, văn hoá, du lịch của các tuyến điểm trong hoạt động du lịch Việt Nam.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Công Danh, *Bài giảng Tuyển điểm du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB. Giáo dục, 2010.

[2] Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, 2009.

[2] Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2013.

[3] Nguyễn Bích San, *Cẩm nang du lịch*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2005.

[4] Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang Nam bộ*, NXB. Trẻ, 2005.

[5] Thu Trang & Công Thị Nghĩa, *Du lịch văn hóa ở Việt Nam*, NXB. Trẻ, 2010.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc	15	4	1	0	0	10

3	Chương 3: Vùng du lịch Bắc Trung bộ	15	3	1	1	0	10
4	Chương 4: Vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ	15	3	1	1	0	10
5	Chương 5: Vùng du lịch Tây Nguyên	10	3	1	0	0	8
6	Chương 6: Vùng du lịch Đông Nam bộ	10	3	0	1	0	8
7	Chương 7: Vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long	9	3	0	0	0	6
Tổng		90	23	4	3	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc

1.1. Khái quát

1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

1.1.2. Lịch sử hình thành

1.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành

1.1.4. Đặc trưng của vùng

1.1.5. Đặc sản

1.2. Tuyển du lịch trong vùng

1.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

1.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

1.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng

1.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan

1.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến

1.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

Chương 2: Vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc

2.1. Khái quát

2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

2.1.2. Lịch sử hình thành

2.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành

- 2.1.4. Đặc trưng của vùng
- 2.1.5. Đặc sản
- 2.2. Tuyến du lịch trong vùng
 - 2.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng
 - 2.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến
- 2.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng
 - 2.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan
 - 2.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến
 - 2.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

Chương 3: Vùng du lịch Bắc Trung bộ

- 3.1. Khái quát
 - 3.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên
 - 3.1.2. Lịch sử hình thành
 - 3.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành
 - 3.1.4. Đặc trưng của vùng
 - 3.1.5. Đặc sản
- 3.2. Tuyến du lịch trong vùng
 - 3.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng
 - 3.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến
- 3.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng
 - 3.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan
 - 3.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến
 - 3.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

Chương 4: Vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ

- 4.1. Khái quát
 - 4.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên
 - 4.1.2. Lịch sử hình thành
 - 4.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành
 - 4.1.4. Đặc trưng của vùng
 - 4.1.5. Đặc sản
- 4.2. Tuyến du lịch trong vùng
 - 4.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

4.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

4.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng

4.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan

4.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến

4.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

Chương 5: Vùng du lịch Tây Nguyên

5.1. Khái quát

5.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

5.1.2. Lịch sử hình thành

5.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành

5.1.4. Đặc trưng của vùng

5.1.5. Đặc sản

5.2. Tuyến du lịch trong vùng

5.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

5.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

5.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng

5.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan

5.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến

5.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

Chương 6: Vùng du lịch Đông Nam bộ

6.1. Khái quát

6.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

6.1.2. Lịch sử hình thành

6.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành

6.1.4. Đặc trưng của vùng

6.1.5. Đặc sản

6.2. Tuyến du lịch trong vùng

6.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

6.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

6.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng

6.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan

6.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến

6.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

Chương 7: Vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long

7.1. Khái quát

7.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

7.1.2. Lịch sử hình thành

7.1.3. Dân tộc và các tỉnh thành

7.1.4. Đặc trưng của vùng

7.1.5. Đặc sản

7.2. Tuyến du lịch trong vùng

7.2.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

7.2.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

7.3. Điểm tham quan tiêu biểu trong vùng

7.3.1. Sơ lược về các điểm tham quan

7.3.2. Sự kết hợp các điểm tham quan theo tuyến

7.3.3. Những nhà hàng và khách sạn trong vùng

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.53. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH

1. Tên học phần: THỰC HÀNH TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 1(0,1,1)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Công Danh	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Đình Thiện Phương	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Địa lý du lịch Việt Nam, Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Học phần song hành: Tuyển điểm du lịch

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Hệ thống tuyến điểm ở Việt Nam
- Các loại hình du lịch cho từng vùng du lịch Việt Nam
- Hệ thống các giá trị văn hóa, lịch sử trong hoạt động du lịch Việt Nam

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Vận dụng được các kiến thức về hệ thống tuyến, điểm du lịch của vùng Bắc Trung bộ, đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc vào hoạt động hướng dẫn.

+ Vận dụng được kiến thức, hệ thống tuyến, điểm du lịch vùng Trung du, miền núi phía Bắc vào hoạt động hướng dẫn.

– **Về kĩ năng:**

+ Xây dựng được những chương trình tham quan với lộ trình hợp lý.

+ Thuyết minh các điểm tham quan cho du khách theo cung đường cụ thể.

+ Vẽ được sơ đồ tuyến, tính được thời gian và khoảng cách cho từng điểm tham quan.

– **Về thái độ:**

+ Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.

+ Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Những kiến thức tổng quát về tuyến điểm du lịch của các vùng Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ, vùng Bắc Trung bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, duyên hải Đông Bắc, vùng Trung du, miền núi phía Bắc.
- Xây dựng các tuyến điểm và khai thác những loại hình du lịch tiêu biểu của từng vùng.
- Phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá, du lịch của các tuyến điểm trong hoạt động du lịch Việt Nam.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Thực tế: 100%
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phần khảo sát.
- Viết bài báo cáo.
- Tổng hợp, rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh bài báo cáo.
- Khác: theo yêu cầu của giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Công Danh, *Bài giảng Tuyển điểm du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB. Giáo dục, 2007.

[2] Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, 2009.

[2] Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch*, NXB. Văn hóa Thông tin, 1997.

[3] Nguyễn Bích San, *Cẩm nang du lịch*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2005.

[4] Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang Nam bộ*, NXB. Trẻ, 2005.

[5] Thu Trang & Công Thị Nghĩa, *Du lịch văn hóa ở Việt Nam*, NXB. Trẻ, 2001.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 20 %
 - + Điểm bài tập, thuyết trình: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm viết bài báo cáo thực hành: 50 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Thực hành xây dựng bài thuyết minh và thuyết trình tuyển điểm vùng du lịch trung du và miền núi phía Bắc	18	0	0	0	6	12
2	Chương 2: Thực hành xây dựng bài thuyết minh và thuyết trình	18	0	0	0	6	12

	tuyến điểm vùng đồng bằng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, vùng Bắc Trung bộ						
3	Chương 3: Thực hành xây dựng bài thuyết minh và thuyết trình tuyến điểm vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long	18	0	0	0	6	12
4	Chương 4: Xây dựng tuyến tham quan từ 3 đến 4 ngày và tổ chức khảo sát thực tế	36	0	0	0	12	24
Tổng		90	0	0	0	30	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Thực hành xây dựng bài thuyết minh và thuyết trình tuyến điểm vùng du lịch trung du và miền núi phía Bắc

1.1. Tuyến du lịch trong vùng

1.1.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

1.1.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

1.2. Kết hợp điểm tham quan và dịch vụ

1.2.1. Tổng hợp thông tin các điểm tham quan

1.2.2. Kết hợp các điểm tham quan theo tuyến

1.2.3. Tổng hợp các dịch vụ liên quan trong vùng

Chương 2: Thực hành xây dựng bài thuyết minh và thuyết trình tuyến điểm vùng đồng bằng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, vùng Bắc Trung bộ

2.1. Tuyến du lịch trong vùng

2.1.1. Đặc điểm giao thông trong vùng

2.1.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến

2.2. Kết hợp điểm tham quan và dịch vụ

- 2.2.1. Tổng hợp thông tin các điểm tham quan
- 2.2.2. Kết hợp các điểm tham quan theo tuyến
- 2.2.3. Tổng hợp các dịch vụ liên quan trong vùng

Chương 3: Thực hành xây dựng bài thuyết minh và thuyết trình tuyến điểm vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long

- 3.1. Tuyến du lịch trong vùng
 - 3.1.1. Đặc điểm giao thông trong vùng
 - 3.1.2. Xây dựng tuyến tham quan trong vùng và liên tuyến
- 3.2. Kết hợp điểm tham quan và dịch vụ
 - 3.2.1. Tổng hợp thông tin các điểm tham quan
 - 3.2.2. Kết hợp các điểm tham quan theo tuyến
 - 3.2.3. Tổng hợp các dịch vụ liên quan trong vùng

Chương 4: Xây dựng tuyến tham quan trong 3 đến 4 ngày và tổ chức khảo sát thực tế

- 4.1. Xây dựng tuyến tham quan tiêu biểu từ 3 đến 4 ngày
 - 4.1.1. Lựa chọn điểm tham quan và dịch vụ
 - 4.1.2. Kết hợp điểm tham quan và dịch vụ theo lộ trình và thời gian phân bổ
- 4.2. Tổ chức khảo sát thực tế
 - 4.2.1. Lên kế hoạch đặt dịch vụ
 - 4.2.2. Khảo sát thực tế và đánh giá rút kinh nghiệm

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: không

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.54. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ VÀ TÍNH GIÁ TOUR

1. Tên học phần: **THIẾT KẾ VÀ TÍNH GIÁ TOUR**
2. Mã học phần: 14200052
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Hồ Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Tuyển điểm du lịch
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Phương pháp xây dựng kế hoạch thiết kế sản phẩm du lịch hoàn thiện với chương trình và bảng giá cụ thể, nắm bắt được quy trình điều hành một chương trình du lịch.
- Cách theo dõi các biểu mẫu đặt phòng và hồ sơ của một chương trình du lịch thông thường.
- Các kỹ năng đọc bản đồ liên quan đến du lịch, kỹ năng xây dựng, thực hiện và quản lý các chương trình du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

+ Mô tả được định nghĩa về chương trình du lịch, hiểu được sự đa dạng của các chương trình du lịch.

+ Mô tả được những thành phần cấu thành chương trình du lịch

+ Trình bày được những kiến thức tổng quan về các điểm du lịch, các đối tác và những sản phẩm cơ bản của công ty lữ hành.

+ Phân tích được các thông tin cần thiết phải đề cập khi thiết kế dịch vụ cho chương trình du lịch.

+ Áp dụng kiến thức xây dựng được giá tour.

– **Về kĩ năng:**

+ Phát triển, cập nhật và sử dụng kiến thức về các điểm du lịch, các đối tác và những sản phẩm cơ bản của công ty lữ hành.

+ Phân tích được các thành phần cấu tạo của một chương trình du lịch

+ Lên kế hoạch và thiết kế chương trình du lịch cơ bản

+ Biết các phương pháp tính giá và tính giá được một chương trình du lịch cơ bản.

– **Về thái độ:**

+ Hiểu được tầm quan trọng của công việc thiết kế chương trình du lịch.

+ Có ý thức cập nhật những kiến thức thực tế về công việc thiết kế chương trình du lịch.

+ Có nhận thức bước đầu về hoạt động tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

– Khái quát về chương trình du lịch

– Hoạt động thiết kế chương trình du lịch

– Hoạt động điều hành tour

– Phương pháp xác định giá thành, giá bán của chương trình du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

– Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp

– Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên

– Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương, *Giáo trình Quản trị Kinh doanh Lữ hành*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

[2] Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Thiết kế điều hành và quản lý Tour*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Dennis L. Foster, Dịch giả Trần Đình Hải, *Công nghệ du lịch*, Nxb Thống kê, 2015.

[2] *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề VTOS - Nghiệp vụ Điều hành Tour* (Trình độ cơ bản), Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam, 2009.

[3] *Bản đồ du lịch*, Trung tâm thông tin du lịch, Tổng cục du lịch Việt Nam, NXB Văn hóa – Thông tin, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Khái quát về chương trình du lịch	18	6	0	0	0	12
2	Chương 2: Hoạt động thiết kế chương trình du lịch	24	6	2	0	0	16

3	Chương 3: Hoạt động điều hành tour	18	4	2	0	0	12
4	Chương 4: Phương pháp xác định giá thành, giá bán của chương trình du lịch	30	8	2	0	0	20
Tổng		90	24	6	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Khái quát về chương trình du lịch

- 1.1. Định nghĩa chương trình du lịch
- 1.2. Đặc tính của chương trình du lịch
- 1.3. Phân loại các chương trình du lịch
 - 1.3.1. Ý nghĩa của việc phân loại
 - 1.3.2. Đặc điểm của các loại chương trình du lịch
- 1.4. Tầm quan trọng của chương trình du lịch

Chương 2 : Hoạt động thiết kế chương trình du lịch

- 2.1. Khái quát về hoạt động thiết kế chương trình du lịch
 - 2.1.1. Thiết kế chương trình du lịch là gì ?
 - 2.1.2. Vai trò của thiết kế chương trình du lịch trong hoạt động kinh doanh lữ hành
- 2.2. Cơ sở thiết kế chương trình du lịch
- 2.3. Thành phần cấu tạo của chương trình du lịch
- 2.4. Xây dựng lịch trình cho chương trình du lịch
- 2.5. Tổng hợp và xử lý thông tin để xây dựng chương trình du lịch
- 2.6. Quy trình thiết kế chương trình du lịch
 - 2.6.1. Xây dựng mục đích, ý tưởng của chương trình
 - 2.6.2. Giới hạn quỹ thời gian và mức giá tối đa
 - 2.6.3. Xây dựng tuyến hành trình căn bản
 - 2.6.4. Xây dựng phương án vận chuyển
 - 2.6.5. Xây dựng phương án lưu trú, ăn uống
 - 2.6.6. Điều chỉnh, bổ sung tuyến hành trình và chi tiết hóa chương trình du lịch

2.6.7. Xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch

2.6.8. Xây dựng những quy định của chương trình

2.7. Cách trình bày chương trình du lịch

2.8. Những chú ý khi thiết kế chương trình du lịch

Chương 3 : Hoạt động điều hành tour

3.1. Quy trình điều hành tour

3.1.1. Quy trình chung của điều hành tour

3.1.2. Một số điểm cần lưu ý khi điều hành tour

3.1.3. Các bước trong quy trình điều hành tour

3.2. Biện pháp nâng cao hiệu quả thiết kế và điều hành tour

Chương 4: Phương pháp xác định giá thành, giá bán của chương trình du lịch

4.1. Xác định giá thành của chương trình du lịch

4.1.1. Khái niệm giá thành của chương trình du lịch

4.1.2. Phương pháp tính giá thành

4.2. Phương pháp xác định giá bán của chương trình du lịch

4.2.1. Tính các khoản chi phí, lợi nhuận và thuế tính theo giá thành

4.2.2. Tính các khoản chi phí, lợi nhuận và thuế tính theo giá bán

4.2.3. Tính các khoản chi phí, lợi nhuận và thuế tính theo cả giá thành và giá bán

4.2.4. Tính giá bán có bao gồm thuế giá trị gia tăng

4.2.5. Trường hợp mua hộ vé vận chuyển cho khách

4.2.6. Trường hợp dịch vụ vận chuyển mua buôn hoặc thuê bao của chính doanh nghiệp

4.2.7. Giá bán theo lợi nhuận mục tiêu

4.2.8. Một số lưu ý khi tính giá thành và giá bán

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.55. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ TÍNH GIÁ TOUR

1. Tên học phần: THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ TÍNH GIÁ TOUR

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 1 (0,1,1)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Hồ Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Công Danh	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Địa lý du lịch Việt Nam, Tuyển điểm du lịch
- Học phần song hành: Thiết kế và tính giá tour

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Quy trình thiết kế tour để xây dựng kế hoạch thiết kế sản phẩm du lịch hoàn thiện với chương trình và bảng giá cụ thể
- Quy trình điều hành một chương trình du lịch thực tế
- Các phương pháp đọc bản đồ liên quan đến du lịch, kỹ năng xây dựng, thực hiện và quản lý các chương trình du lịch để thực hiện các hoạt động thiết kế và điều hành chương trình du lịch một cách thực tiễn

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

+ Mô tả được các thông tin cần thiết phải đề cập khi thiết kế dịch vụ cho chương trình du lịch.

+ Trình bày được quy trình thực hiện giữ chỗ và đặt chỗ cho chương trình du lịch.

+ Trình bày được quy trình quản lý khách và thu xếp các dịch vụ cho chương trình du lịch.

+ Giải thích được các tiêu chí đảm bảo chất lượng cho chương trình du lịch.

– **Về kĩ năng:**

+ Biết cách đưa kiến thức về các điểm du lịch, các sản phẩm và dịch vụ du lịch của đối tác và công ty lữ hành vào một chương trình du lịch cơ bản.

+ Thực hành lập một chương trình du lịch ngắn ngày.

+ Thiết kế và tính giá được một chương trình du lịch cơ bản.

+ Đặt chỗ và điều động các dịch vụ cơ bản trong chương trình du lịch.

+ Giải quyết một số vấn đề thường phát sinh khi thực hiện chương trình du lịch.

– **Về thái độ:**

+ Có ý thức cập nhật những kiến thức thực tế về công việc thiết kế chương trình du lịch.

+ Có nhận thức bước đầu về hoạt động tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch.

+ Có ý thức chăm sóc khách hàng, đảm bảo chất lượng chương trình du lịch.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Thiết kế và tính giá một chương trình du lịch cơ bản
- Giữ chỗ, đặt chỗ dịch vụ và tiến hành thực hiện một chương trình du lịch cơ bản
- Giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong chương trình du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Thực tế: 100%
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phần khảo sát.
- Viết bài báo cáo.
- Tổng hợp, rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh bài báo cáo.
- Khác: theo yêu cầu của giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương, *Giáo trình Quản trị Kinh doanh Lữ hành*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

[2] Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Thiết kế điều hành và quản lý Tour*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Dennis L. Foster, Dịch giả Trần Đình Hải, *Công nghệ du lịch*, Nxb Thống kê, 2015

[2] *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề VTOS - Nghiệp vụ Điều hành Tour* (Trình độ cơ bản), Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam, 2009.

[3] *Bản đồ du lịch*, Trung tâm thông tin du lịch, Tổng cục du lịch Việt Nam, NXB Văn hóa – Thông tin, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 20 %
 - + Điểm bài tập, thuyết trình: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm viết bài báo cáo thực hành: 50 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Bài 1: Thiết kế và tính giá một chương trình du lịch cơ bản	36	0	0	0	12	24
2	Bài 2: Giữ chỗ, đặt chỗ dịch vụ và tiến hành thực hiện một chương	36	0	0	0	12	24

	trình du lịch cơ bản						
3	Bài 3: Giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong chương trình du lịch	18	0	0	0	6	12
Tổng		90	0	0	0	30	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Bài 1: Thiết kế và tính giá một chương trình du lịch cơ bản

1.1. Thiết kế một chương trình du lịch cơ bản

1.1.1. Xây dựng mục đích, ý tưởng của chương trình du lịch

1.1.2. Xây dựng tuyến hành trình cơ bản

1.1.3. Xây dựng phương án vận chuyển

1.1.4. Xây dựng phương án lưu trú, ăn uống

1.1.5. Điều chỉnh, bổ sung tuyến hành trình và chi tiết hóa chương trình du lịch

1.1.6. Xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch

1.1.7. Xây dựng những quy định của chương trình du lịch

1.2. Tính giá một chương trình du lịch cơ bản

1.2.1. Xác định giá thành một chương trình du lịch cơ bản

1.2.2. Xác định giá bán một chương trình du lịch cơ bản

1.2.3. Xác định điểm hòa vốn của một chương trình du lịch cơ bản

Bài 2: Giữ chỗ, đặt chỗ dịch vụ và tiến hành thực hiện một chương trình du lịch cơ bản

2.1. Giữ chỗ, đặt chỗ dịch vụ cho chương trình du lịch

2.1.1. Xử lý các yêu cầu và chuẩn bị bản chào giá

2.1.2. Nhận yêu cầu giữ chỗ

2.1.3. Đặt chỗ các sản phẩm và dịch vụ cho chương trình du lịch

2.1.4. Giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp

2.1.5. Quản lý hồ sơ chương trình du lịch

2.2. Điều hành, quản lý khách và tiến hành thực hiện chương trình du lịch

2.2.1. Quản lý khách hàng đặt chỗ trước

2.2.2. Điều động các dịch vụ phục vụ chương trình du lịch

- 2.2.3. Điều động hướng dẫn viên và lái xe
- 2.2.4. Gửi danh sách khách đến khách sạn và đơn vị vận chuyển
- 2.2.5. Kiểm tra các yêu cầu đặt chỗ và các thu xếp cho chương trình du lịch
- 2.2.6. Đón khách, chở khách về và nhận phòng
- 2.2.7. Giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong chương trình du lịch
- 2.2.8. Tiền khách

Bài 3: Giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong chương trình du lịch

- 3.1. Giám sát và giải quyết các phàn nàn trực tiếp từ khách du lịch
- 3.2. Giải quyết các vấn đề khác
- 3.3. Giải quyết và phản hồi các phàn nàn bằng văn bản

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.56. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

1. Tên học phần: NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Đức Thiên Thư	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 30 tiết
- Lý thuyết: 60 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Những vấn đề cơ bản, đặc điểm, chức năng, nguyên tắc của nghề hướng dẫn du lịch và tổ chức cơ bản của người hướng dẫn viên.
- Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch
- Phương pháp hướng dẫn tham quan theo chương trình du lịch.
- Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được những vấn đề cơ bản, đặc điểm, chức năng, nguyên tắc của nghề hướng dẫn du lịch và tổ chức cơ bản của người hướng dẫn viên.

+ Nêu được quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch, tham quan và kỹ năng phục vụ hướng dẫn du lịch.

+ Các nguyên tắc xây dựng bài thuyết minh, áp dụng các phương pháp hướng dẫn tham quan đối với từng loại hình du lịch.

+ Kiểm định được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

Về kĩ năng:

+ Kỹ năng tổ chức thực hiện chương trình, giới thiệu các bước trong quy trình công tác hướng dẫn trong các chương trình du lịch

+ Kỹ năng xây dựng được bài thuyết minh, áp dụng các phương pháp hướng dẫn tham quan đối với từng loại hình du lịch.

+ Kỹ năng tạo dựng hình ảnh, vận dụng tốt các nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ, âm điệu tiết tấu trong ngôn ngữ, kỹ năng diễn giải và thuyết minh tốt trong hoạt động hướng dẫn.

+ Kỹ năng dự đoán những tình huống đặc biệt có thể xảy ra trong hoạt động hướng dẫn du khách và có biện pháp giải quyết các tình huống này trên những tuyến tham quan du lịch của du khách.

– Về thái độ:

+ Có hứng thú học tập, yêu thích và am hiểu ngành nghề mình đang theo đuổi..

+ Có thái độ khách quan, trung thực; tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập.

+ Có ý thức tuyên truyền, quảng bá đất nước Việt Nam tươi đẹp, con người Việt Nam hồn hậu hiếu khách tới bạn bè khắp năm châu.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Tổng quan nghề hướng dẫn du lịch
- Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch
- Phương pháp hướng dẫn tham quan
- Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Ths. Bùi Thanh Thủy (chủ biên), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.

[2] Đỗ Thu Nga, *Bài giảng Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Tổng cục du lịch Việt Nam, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam(VTOS) _ Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Xuất bản, 2015.

[2] PTS. Nguyễn Văn Đính (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, Nhà xuất bản kinh tế quốc dân, 2012.

[3] Quế Hương, *Văn hóa du lịch ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 2016.

[4] Bửu Ngôn, *Du lịch 3 miền – Hành trình phương Bắc*, NXB Thanh Niên, 2017.

[5] Bửu Ngôn, *Du lịch 3 miền – Về miền Trung*, NXB Thanh Niên, 2017.

[6] Bửu Ngôn, *Du lịch 3 miền – Đất phương Nam*, NXB Thanh Niên, 2017.

[7] Vũ Thế Bình, *Non nước Việt Nam*, NXB Thanh Niên, 2017.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan nghề hướng dẫn du lịch	12	4	0	0	0	8
2	Chương 2: Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch	21	5	1	1	0	14
3	Chương 3: Phương pháp hướng dẫn tham quan	18	5	0	1	0	12
4	Chương 4: Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch	21	5	1	1	0	14
Tổng		90	20	0	6	4	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Tổng quan nghề hướng dẫn du lịch

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của nghề hướng dẫn du lịch

1.1.1. Nguồn gốc hình thành nghề hướng dẫn du lịch

1.1.2. Vị trí của nghề hướng dẫn du lịch

1.1.3. Chức năng của nghề hướng dẫn du lịch

1.2. Những yếu tố cơ bản trong hoạt động du lịch

1.2.1. Du khách

1.2.2. Các công ty cung ứng dịch vụ và sản phẩm du lịch

1.2.3. Chính quyền và cư dân tại nơi du lịch

1.3. Hướng dẫn viên du lịch

1.3.1. Các khái niệm

1.3.2. Phân loại

1.4. Tổ chất cơ bản của người hướng dẫn

1.4.1. Nhận định chung

1.4.2. Tổ chất cơ bản của người hướng dẫn viên du lịch

1.5. Đặc điểm, nguyên tắc của nghề hướng dẫn du lịch

1.5.1. Đặc điểm

1.5.2. Nguyên tắc

Chương 2: Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch

2.1. Công tác tổ chức phục vụ và hướng dẫn

2.1.1. Cơ cấu đoàn khách

2.1.2. Các nguyên tắc chính để phối hợp làm việc

2.1.3. Phương pháp thể hiện phối hợp

2.2. Trình tự tổ chức thực hiện chương trình du lịch

2.2.1. Chuẩn bị trước chuyến đi

2.2.2. Đón khách

2.2.3. Giai đoạn phục vụ khách

2.2.4. Phương pháp hướng dẫn tham quan theo chương trình du lịch

2.2.5. Tổ chức tiễn khách

Chương 3: Phương pháp hướng dẫn tham quan

3.1. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

3.1.1. Nguyên tắc vận dụng ngôn ngữ trong hoạt động hướng dẫn du lịch

3.1.2. Những phương pháp và kỹ xảo trong việc diễn giải và thuyết minh

3.2. Phương pháp hướng dẫn tham quan

3.2.1. Phương pháp chung

3.2.2. Phương pháp hướng dẫn theo chuyên đề

Chương 4: Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch

4.1. Trả lời câu hỏi của khách

4.1.1. Nguyên tắc chung khi trả lời câu hỏi của khách

4.1.2. Phương pháp trả lời câu hỏi của khách

4.2. Ngăn ngừa và xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch

4.2.1. Nguyên tắc chung khi xử lý tình huống

4.2.2. Phân loại tình huống

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.57. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

1. Tên học phần: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 1 (0,1,1)

4. Loại học phần: Bắt buộc

5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch

6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Đức Thiên Thư	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch
- Phương pháp phục dẫn tham quan.
- Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được các bước trong quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch.

+ Mô tả được cung đường đi, các phương pháp hướng dẫn tham quan trên tuyến và tại điểm du lịch.

+ Trình bày được các nguyên tắc xử lý tình huống hiệu quả trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

Về kĩ năng:

+ Kỹ năng tổ chức thực hiện linh hoạt, thao tác thuần thục các bước trong quy trình công tác hướng dẫn trong các chương trình du lịch

+ Kỹ năng xây dựng được bài thuyết minh, áp dụng các phương pháp hướng dẫn tham quan đối với từng loại hình du lịch.

+ Kỹ năng tạo dựng hình ảnh, vận dụng tốt các nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ, âm điệu tiết tấu trong ngôn ngữ, kỹ năng diễn giải và thuyết minh tốt trong hoạt động hướng dẫn.

+ Kỹ năng dự đoán những tình huống đặc biệt có thể xảy ra trong hoạt động hướng dẫn du khách và có biện pháp giải quyết các tình huống này trên những tuyến tham quan du lịch của du khách.

– Về thái độ:

+ Có hứng thú học tập, yêu thích và am hiểu ngành nghề mình đang theo đuổi..

+ Có thái độ khách quan, trung thực; tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong việc học tập.

+ Có ý thức tuyên truyền, quảng bá đất nước Việt Nam tươi đẹp, con người Việt Nam hồn hậu hiếu khách tới bạn bè khắp năm châu.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Thực hành các phương pháp hướng dẫn tham quan, đưa tình huống và hướng dẫn cách giải quyết tốt các tình huống có thể xảy ra trên những tuyến tham quan du lịch.
- Thực hành xây dựng bài thuyết minh và các kỹ năng phục vụ hướng dẫn tham quan du lịch
- Thực hành hướng dẫn, thuyết minh tại các điểm đến trong chương trình du lịch dự kiến từ 1 hoặc 2 ngày.
- Thực hành trả lời câu hỏi của khách và xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia chương trình du lịch dự kiến: 100%
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phần thực hành
- Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng chuyến đi và sự an toàn của bản thân
- Chuẩn bị kỹ tác phong và phần nội dung thuyết minh khi thực hành.
- Viết bài nghiệm thu tổng hợp, rút kinh nghiệm sau chuyến đi thực hành.
- Khác: theo yêu cầu giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Ths. Bùi Thanh Thủy (chủ biên), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.
- [2] Đỗ Thu Nga, *Bài giảng Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Tổng cục du lịch Việt Nam, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam(VTOS) – Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Xuất bản, 2015.
- [2] PTS. Nguyễn Văn Đính (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, Nhà xuất bản kinh tế quốc dân, 2012.
- [3] Quế Hương, *Văn hóa du lịch ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 2016.
- [4] Bửu Ngôn, *Du lịch 3 miền – Hành trình phương Bắc*, NXB Thanh Niên, 2017.
- [5] Bửu Ngôn, *Du lịch 3 miền – Về miền Trung*, NXB Thanh Niên, 2017.
- [6] Bửu Ngôn, *Du lịch 3 miền – Đất phương Nam*, NXB Thanh Niên, 2017.
- [7] Vũ Thế Bình, *Non nước Việt Nam*, NXB Thanh Niên, 2017.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm bài tập, thuyết trình: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thu hoạch kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
2	Chương 1: Thực hành quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch	30	0	0	0	10	20
3	Chương 2: Phương pháp hướng dẫn tham quan trên tour	30	0	0	0	10	20
4	Chương 3: Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch	30	0	0	0	10	20
Tổng		90	0	0	0	30	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch

1.1. Chuẩn bị trước chuyến đi

- Bài giới thiệu về diện tích, vị trí địa lý, thổ nhưỡng khí hậu của từng vùng
- Bài giới thiệu về lịch sử văn hoá từng địa phương sẽ đi qua
- Vẽ sơ đồ tuyến đường tour theo chương trình tham quan

1.2. Phác thảo cung đường đi tour (Tour 1 ngày):

1.2.1. Khảo sát cung đường đi

1.2.2. Khảo sát và đặt dịch vụ

1.3. Phân chia đề tài thuyết minh

1.3.1. Đề tài thuyết minh trên tuyến

1.3.2. Đề tài thuyết minh tại điểm đến

Chương 2: Phương pháp hướng dẫn tham quan trên tour

2.1. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

2.1.1. Nguyên tắc vận dụng ngôn ngữ trong hoạt động hướng dẫn du lịch

2.1.2. Những phương pháp và kỹ xảo trong việc diễn giải và thuyết minh

2.2. Thực hành thuyết minh

2.2.1. Thực hành thuyết minh trên tuyến

2.2.2. Thực hành thuyết minh điểm đến

Chương 3: Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch

3.1. Thực hành đặt và trả lời câu hỏi

3.2. Thực hành xử lý các tình huống phát sinh trên tour

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Viết bài thu hoạch thực tế chuyến đi

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.58. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ ĐIỀU HÀNH TOUR

1. Tên học phần: NGHIỆP VỤ ĐIỀU HÀNH TOUR
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Đình Tình	Thạc sĩ Địa lý	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Tổng quan du lịch
- Học phần trước: Tuyển điểm du lịch, thiết kế và tính giá tour
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các kiến thức chung về du lịch và lữ hành
- Các kiến thức về sản phẩm du lịch, điểm du lịch, nhà cung ứng dịch vụ
- Các công đoạn trong việc giữ, đặt chỗ và thiết lập dịch vụ cho một tour du lịch

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Hiểu những công việc cơ bản của công tác điều hành du lịch.

- + Trình bày các giai đoạn trong công tác điều hành dịch vụ du lịch
- + Hiểu rõ các thông tin cần thiết khi đặt dịch vụ cho một tour du lịch, những tình huống phát sinh trong công tác điều hành du lịch.

– Về kĩ năng:

- + Tổ chức điều hành một tour du lịch
- + Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp
- + Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành du lịch

– Về thái độ:

- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Kiến thức chung về du lịch và lữ hành
- Các công việc chuẩn bị cho ngày làm việc tại văn phòng
- Quy trình làm việc của nhân viên điều hành tour
- Mối quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Tổng cục du lịch Việt Nam - Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch, *Nghiệp vụ điều hành tour*, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, 2017.

[2] Nguyễn Văn Mạnh, *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB. Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Tổng cục Du lịch Việt nam – *Những văn bản liên quan về quản lý và kinh doanh lữ hành tại Việt Nam*.

[2] M.Morison, *Marketing trong lĩnh vực lữ hành và khách sạn* – Sách dịch – Tổng cục du lịch, 1998.

[3] Sách dịch– *Một số vấn đề về nghiệp vụ lữ hành và du lịch* – Trường THNV Du lịch Hà Nội, 1999.

[4] Huỳnh Thanh Thi, *Nghiệp vụ điều hành du lịch*, Trường Đại học Hoa Sen TP. Hồ Chí Minh, 2009.

[5] Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh, *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê Hà Nội, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Kiến thức chung về du lịch và lữ hành	20	5	0	0	0	15
2	Chương 2: Chuẩn bị nơi làm việc	22	5	0	2	0	15

3	Chương 3: Quy trình làm việc của nhân viên điều hành tour	32	10	0	2	0	20
5	Chương 4: Môi quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm	16	5	0	1	0	10
Tổng		90	25	0	5	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Kiến thức chung về du lịch và lữ hành

1.1. Định nghĩa

1.1.1. Doanh nghiệp du lịch

1.1.2. Đại lý du lịch

1.1.3. Nhà bán sỉ sản phẩm tour (tour wholesaler)

1.1.4. Đại lý du lịch hiện đại

1.2. Trách nhiệm và chức năng

1.2.1. Phòng điều hành

1.2.2. Phòng nhân sự

1.2.3. Phòng kế toán

1.2.4. Phòng nghiên cứu và phát triển

1.2.5. Phòng sales và marketing

1.2.6. Phòng điều hành tour

1.3. Phạm vi hoạt động

1.4. Vai trò của kinh doanh lữ hành

Chương 2: Chuẩn bị nơi làm việc

2.1. Cá nhân

2.1.1. Ngoại hình

2.1.2. Trang phục

2.2. Nơi làm việc

2.2.1. Vệ sinh nơi làm việc

- 2.2.2. Sắp xếp, bố trí nơi làm việc
- 2.2.3. Chuẩn bị vật dụng, trang thiết bị
- 2.2.4. Kiểm tra công việc cần giải quyết trong ngày

2.3. Kiến thức

- 2.3.1. Về du lịch, lữ hành
- 2.3.2. Về sản phẩm và nhà cung ứng

Chương 3: Quy trình làm việc của nhân viên điều hành tour

- 3.1. Tiếp nhận và xử lý yêu cầu của khách
- 3.2. Liên hệ và đặt dịch vụ
- 3.3. Giữ chỗ và đặt dịch vụ
- 3.4. Xác nhận dịch vụ đã đặt và yêu cầu thanh toán
- 3.5. Xử lý các yêu cầu thay đổi, hủy hoặc hoãn
- 3.6. Lên chương trình chi tiết bàn giao cho hướng dẫn và tài xế
- 3.7. Kiểm tra các dịch vụ và xử lý các phát sinh trong quá trình thực hiện tour
- 3.8. Nhận trả tour
- 3.9. Lưu hồ sơ khách hàng

Chương 4: Mối quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm

- 4.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành
 - 4.1.1. Định nghĩa cung du lịch và nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành
 - 4.1.2. Vai trò của các nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành
 - 4.1.3. Phân loại các cung cấp của doanh nghiệp lữ hành, ý nghĩa của việc phân loại
 - 4.1.4. Quyền mặc cả của các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành
- 4.2. Doanh nghiệp lữ hành – kênh phân phối sản phẩm cho nhà cung cấp
 - 4.2.1. Vai trò
 - 4.2.2. Kênh phân phối
- 4.3. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp
 - 4.3.1. Mối quan hệ theo hình thức ký gửi
 - 4.3.2. Mối quan hệ theo hình thức bán buôn
- 4.4. Một số vấn đề trong quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và nhà cung cấp

4.4.1. Hợp đồng giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp

4.4.2. Vận dụng các chính sách giá của các nhà cung cấp sản phẩm đối với doanh nghiệp lữ hành

4.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm lữ hành

4.5.1. Nhóm các yếu tố bên trong

4.5.2. Nhóm các yếu tố bên ngoài

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.59. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐIỀU HÀNH TOUR

1. Tên học phần: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐIỀU HÀNH TOUR
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 1(0,1,2)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Đình Tình	Thạc sĩ Địa lý	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Tổng quan du lịch
- Học phần trước: Tuyển điểm du lịch, thiết kế và tính giá tour
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các kiến thức chung về du lịch và lữ hành
- Các kiến thức về sản phẩm du lịch, điểm du lịch, nhà cung ứng dịch vụ
- Các công đoạn trong việc giữ, đặt chỗ và thiết lập dịch vụ cho các tour du lịch

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Hiểu những công việc cơ bản của công tác điều hành du lịch.

- + Trình bày các giai đoạn trong công tác điều hành dịch vụ du lịch
- + Hiểu rõ các thông tin cần thiết khi đặt dịch vụ cho một tour du lịch, những tình huống phát sinh trong công tác điều hành du lịch.

– **Về kĩ năng:**

- + Tổ chức điều hành tour du lịch
- + Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp
- + Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành du lịch

– **Về thái độ:**

- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Các công việc chuẩn bị cho ngày làm việc tại văn phòng
- Quy trình làm việc của nhân viên điều hành tour
- Mối quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Thực tế: 100%
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phần thực hành.
- Viết bài báo cáo.
- Tổng hợp, rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh bài báo cáo.
- Khác: theo yêu cầu của giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Tổng cục du lịch Việt Nam - Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch, *Nghiệp vụ điều hành tour*, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, 2017.

[2] Nguyễn Văn Mạnh, *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB. Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Tổng cục Du lịch Việt nam – *Những văn bản liên quan về quản lý và kinh doanh lữ hành tại Việt Nam*.

[2] M.Morison, *Marketing trong lĩnh vực lữ hành và khách sạn* – Sách dịch – Tổng cục du lịch, 1998.

[3] Sách dịch– *Một số vấn đề về nghiệp vụ lữ hành và du lịch* – Trường THNV Du lịch Hà Nội, 1999.

[4] Huỳnh Thanh Thi, *Nghiệp vụ điều hành du lịch*, Trường Đại học Hoa Sen TP. Hồ Chí Minh, 2009.

[5] Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh, *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê Hà Nội, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 30 %
 - + Điểm tiểu luận: 0 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm viết báo cáo: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Công việc 1 đến 3	15	0	0	0	5	10
2	Chương 2: Công việc 4 đến 6	15	0	0	0	5	10
3	Chương 3: Công việc 7 đến 8	30	0	0	0	10	20

5	Chương 4: Công việc 9 đến 14	30	0	0	0	10	20
Tổng		90	0	0	0	30	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Công việc 1 đến 3

1.1. Công việc 1: Chuẩn bị làm việc

- 1.1.1. Trình diện tại nơi làm việc
- 1.1.2. Trang phục, đồng phục, ngoại hình và sức khỏe
- 1.1.3. Các tiêu chuẩn và mục tiêu cá nhân
- 1.1.4. Chuẩn bị nơi làm việc
- 1.1.5. Lập thời gian biểu

1.2. Công việc 2: An toàn và an ninh tại nơi làm việc và cho khách

- 1.2.1. Tuân thủ các quy định về an toàn tại nơi làm việc
- 1.2.2. Tuân thủ các quy định về an ninh tại nơi làm việc
- 1.2.3. Tuân thủ các quy trình xử lý khi xảy ra hỏa hoạn
- 1.2.4. Tuân thủ các quy trình xử lý tiền mặt và các tài liệu quan trọng

1.3. Công việc 3: Làm việc tại văn phòng

- 1.3.1. Làm việc theo nhóm
- 1.3.2. Các quy trình và hệ thống trong văn phòng
- 1.3.3. Sử dụng các thiết bị văn phòng
- 1.3.4. Vận hành máy tính
- 1.3.5. Giao dịch với các nhà cung cấp trong ngành du lịch và khách hàng

Chương 2: Công việc 4 đến 6

2.1. Công việc 4: Kiến thức về các điểm đến

- 2.1.1. Trau dồi kiến thức về điểm đến du lịch
- 2.1.2. Cập nhật kiến thức về điểm đến du lịch
- 2.1.3. Tư vấn về điểm đến cho các công ty lữ hành bán sỉ nước ngoài
- 2.1.4. Tư vấn về điểm đến cho thị trường nội địa

2.2. Công việc 5: Kiến thức về sản phẩm

- 2.2.1. Hiểu biết về các sản phẩm của công ty

- 2.2.2. Các sản phẩm du lịch
- 2.2.3. Các cấu phần của sản phẩm
- 2.2.4. Hiểu biết các mức giá, giá vốn và/hoặc giá có tính lãi

2.3. Công việc 6: Kiến thức về nhà cung cấp

- 2.3.1. Các hãng hàng không
- 2.3.2. Vận chuyển đường bộ (các công ty xe)
- 2.3.3. Các hình thức vận chuyển khác (đường sắt, biển và sông, xe máy...)
- 2.3.4. Các cơ sở lưu trú (khách sạn, khu nghỉ...)
- 2.3.5. Các đơn vị cung cấp dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán bar...)
- 2.3.6. Hướng dẫn viên du lịch và phiên dịch
- 2.3.7. Hoạt động mua sắm, văn hóa, giải trí và các dịch vụ khác
- 2.3.8. Các dịch vụ dành cho các yêu cầu đặc biệt

Chương 3: Công việc 7 đến 8

3.1. Công việc 7: Thực hiện giữ chỗ và đặt chỗ

- 3.1.1. Kiến thức về các quy trình của công ty
- 3.1.2. Xử lý các yêu cầu và chuẩn bị bản chào giá
- 3.1.3. Nhận yêu cầu giữ chỗ, lập hồ sơ khách hàng, xác định điều khoản thanh toán
- 3.1.4. Thực hiện đặt các sản phẩm và dịch vụ
- 3.1.5. Giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp
- 3.1.6. Quản lý hồ sơ khách hàng
- 3.1.7. Xử lý giấy tờ tài liệu
- 3.1.8. Thiết lập các bản ghi chép
- 3.1.9. Sử dụng CRS và/hoặc chương trình máy tính của công ty (nếu/khi có)

3.2. Công việc 8: Điều hành - Quản lý khách và các thu xếp cho tour du lịch

- 3.2.1. Kiến thức về quy trình của công ty
- 3.2.2. Giám sát lịch của khách hàng đã đặt chỗ trước
- 3.2.3. Điều động các dịch vụ vận chuyển, lưu trú và các dịch vụ khác cho từng đoàn hoặc từng khách
- 3.2.4. Điều động hướng dẫn viên và lái xe
- 3.2.5. Gửi danh sách đoàn đến khách sạn và đơn vị vận chuyển

- 3.2.6. Kiểm tra lại các yêu cầu đặt chỗ và các thu xếp cho tour
- 3.2.7. Chỉ dẫn tóm tắt cho hướng dẫn viên và lái xe
- 3.2.8. Đón khách, chở khách về và nhận phòng
- 3.2.9. Giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong tour
- 3.2.10. Tiễn khách
- 3.2.11. Đóng hồ sơ

Chương 4: Công việc 9 đến 14

4.1. Công việc 9: Hỗ trợ lập và tính giá các chương trình du lịch

- 4.1.1. Hỗ trợ nghiên cứu và phân đoạn thị trường
- 4.1.2. Hỗ trợ lập chương trình một lần
- 4.1.3. Hỗ trợ việc tính giá các chương trình một lần
- 4.1.4. Hỗ trợ chuẩn bị bản chào giá

4.2. Công việc 10: Hỗ trợ việc tiếp thị và bán hàng

- 4.2.1. Hiểu biết về sự hấp dẫn của các điểm đến du lịch của Việt Nam
- 4.2.2. Hiểu biết về các sản phẩm của công ty
- 4.2.3. Hỗ trợ việc theo dõi các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh
- 4.2.4. Hỗ trợ việc thiết kế và in ấn các brochure và tờ rơi
- 4.2.5. Hỗ trợ việc cập nhật thông tin lên trang Web của công ty
- 4.2.6. Hỗ trợ việc quảng cáo, khuyến mại, thương hiệu và quan hệ công chúng
- 4.2.7. Hỗ trợ đội ngũ bán hàng
- 4.2.8. Một số nguyên tắc vàng trong bán hàng

4.3. Công việc 11: Hỗ trợ thực hiện các giao dịch tài chính

- 4.3.1. Quy trình thực hiện giao dịch tài chính của công ty
- 4.3.2. Chuẩn bị hoá đơn bán hàng thông thường và hoá đơn tài chính
- 4.3.3. Các phương thức thanh toán
- 4.3.4. Nhận thanh toán của khách hàng và xuất phiếu thu
- 4.3.5. Đối chiếu nhật ký bán hàng vào cuối ngày
- 4.3.6. Lưu giữ hồ sơ về các giao dịch tài chính đã thực hiện

4.4. Công việc 12: Chăm sóc khách hàng

- 4.4.1. Nhận biết ai là khách hàng của công ty

4.4.2. Nhân viên các công ty lữ hành bán sỉ nước ngoài

4.4.3. Nhân viên các đại lý lữ hành bán lẻ

4.4.4. Khách hàng mua các sản phẩm du lịch của công ty

4.5. Công việc 13: Kết thúc ngày làm việc

4.5.1. Quy trình kết thúc ngày làm việc

4.5.2. Quy trình bổ sung khi rời nơi làm việc trước giờ nghỉ của văn phòng

4.5.3. Quy trình bổ sung khi rời nơi làm việc trước khi nghỉ phép

4.6. Công việc 14: Hồ sơ, số liệu thống kê, kiến nghị và đề xuất

4.6.1. Hiểu và áp dụng quy trình lưu giữ hồ sơ và số liệu thống kê của công ty

4.6.2. Lưu giữ các hồ sơ chính xác về khách hàng và nhà cung cấp

4.6.3. Chuẩn bị các số liệu thống kê theo hướng dẫn của người quản lý/chủ công ty

4.6.4. Đề xuất và kiến nghị với người quản lý/ chủ công ty

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, phòng làm việc, điện thoại bàn
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu, cơ sở thực hành

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Không

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm

2017

Người biên soạn

2.60. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC ĐỊA TOUR TRONG NƯỚC

1. Tên học phần: THỰC ĐỊA TOUR TRONG NƯỚC
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2(0,2,2)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trương Thanh Quỳnh Thư	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 60 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Quản trị kinh doanh lý hành
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Điều hành và tổ chức tour thực tế
- Quản lý và kiểm soát dịch vụ du lịch
- Làm thủ tục tham quan và lưu trú cho khách

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Vận dụng các kiến thức về quản lý và điều hành tour vào thực tế.
 - + củng cố và bổ xung kiến thức từ thực tế.

- + Tích lũy kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành tour, đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- + Học cách thỏa mãn nhu cầu du khách từ thực tế.
- + Thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

– Về kĩ năng:

- + Thiết kế chương trình tham quan du lịch phù hợp với nhu cầu khách hàng.
- + Điều hành tour và kiểm soát chất lượng dịch vụ.
- + Thu thập những thông tin về những nơi cung ứng dịch vụ và điểm tham quan.
- + Đánh giá mức độ hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch qua chuyến thực tập thực tế.

– Về thái độ:

- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Xây dựng một số chương trình tham quan tiêu biểu đến các vùng du lịch ở Việt Nam.
- Tổ chức cho sinh viên đi thực tế trong nước Việt Nam với thời gian không quá 10 ngày.
- Khảo sát các điểm tham quan và nơi cung ứng dịch vụ tại điểm đến.
- Hướng dẫn sinh viên tích lũy kinh nghiệm trong các công việc thiết kế, tính giá, điều hành, quản lý chất lượng và hậu mãi.
- Giải quyết các tình huống xảy ra trên tour.
- Tìm hiểu những nét độc đáo, hấp dẫn của những điểm tham quan, những nét đặc sắc về truyền thống, phong tục, lễ hội tại điểm đến, qua đó áp dụng vào phát triển sản phẩm du lịch.
- Rút kinh nghiệm từ thực tế.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Thực tế: 100%
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phần khảo sát.
- Viết bài báo cáo.
- Tổng hợp, rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh bài báo cáo.
- Khác: theo yêu cầu của giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Văn Mạnh chủ biên, *Quản trị kinh doanh lý hành*, NXB. ĐH Kinh tế quốc dân, 2015.
- [2] Nguyễn Công Danh, *Bài giảng Tuyển điểm du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.
- [3] Nguyễn Công Danh, *Bài giảng Tổng quan du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB. Giáo dục, 2012.
- [2] Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, 2015.
- [3] Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2013.
- [4] PTS. Nguyễn Văn Đính (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB. Thống kê, Hà Nội, 2009.
- [5] Đinh Trung Kiên (chủ biên), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2015.
- [6] Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ điều hành tour*, VTOS, Hà Nội, 2016.
- [7] Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ đại lý lý hành*, VTOS, Hà Nội, 2016.
- [8] Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ đặt giữ chỗ lý hành*, VTOS, Hà Nội, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 20 %

- + Điểm bài tập, thuyết trình: 30 %
- + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm viết bài báo cáo thực hành: 50 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Thực hành xây dựng chương trình du lịch liên tuyến Tây Nguyên - Miền Trung trong vòng 10 ngày	30	0	0	0	10	20
2	Chương 2: Tổ chức tham quan, khảo sát thực tế	30	0	0	0	10	20
3	Chương 3: Tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ và rút bài học kinh nghiệm	30	0	0	0	10	20
4	Chương 4: Báo cáo tổng kết	60	0	0	0	30	30
Tổng		150	0	0	0	60	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Thực hành xây dựng chương trình du lịch liên tuyến Tây Nguyên – Miền Trung trong vòng 10 ngày

- 1.1. Chọn điểm tham quan và thiết kế tour
- 1.2. Chọn dịch vụ
- 1.3. Lên kế hoạch dịch vụ và tính giá tour

Chương 2: Tổ chức tham quan, khảo sát thực tế

- 2.1. Công tác chuẩn bị
- 2.2. Tổ chức tham quan

2.3. Khảo sát dịch vụ

Chương 3: Tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ và rút bài học kinh nghiệm

3.1. Đánh giá chất lượng dịch vụ

3.2. Đánh giá công tác tổ chức

3.3. Nhận xét rút kinh nghiệm

Chương 4: Báo cáo tổng kết

4.1. Hướng dẫn viết báo cáo

4.2. Nộp báo cáo

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: không

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.61. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC ĐỊA TOUR NƯỚC NGOÀI

1. Tên học phần: THỰC ĐỊA TOUR NƯỚC NGOÀI
2. Mã học phần: 14201054
3. Số tín chỉ: 2(0,2,2)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trương Thanh Quỳnh Thư	Thạc sĩ Việt Nam học	Khoa Du lịch
2	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 60 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: Quản trị kinh doanh lý hành, Thiết kế và điều hành tour.
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Điều hành và tổ chức tour nước ngoài thực tế
- Quản lý và kiểm soát dịch vụ du lịch
- Làm thủ tục xuất nhập cảnh cho khách
- Xử lý các tình huống phát sinh

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Vận dụng các kiến thức về quản lý và điều hành tour vào thực tế.

- + Cung cố và bổ sung kiến thức từ thực tế.
- + Vận dụng kiến thức về quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú vào thực tế.
- + Tích lũy kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành tour, đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- + Học cách thỏa mãn nhu cầu du khách từ thực tế.
- + Thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

– Về kĩ năng:

- + Thiết kế chương trình tham quan du lịch phù hợp với nhu cầu khách hàng.
- + Điều hành tour và kiểm soát chất lượng dịch vụ.
- + Thu thập những thông tin về những nơi cung ứng dịch vụ và điểm tham quan.
- + Làm thủ tục xuất nhập cảnh cho du khách.
- + Đánh giá mức độ hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch qua chuyến thực tập thực tế.

– Về thái độ:

- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.
- + Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Xây dựng một số chương trình tham quan tiêu biểu đến các nước trong khu vực.
- Tổ chức cho sinh viên đi thực tế ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á với thời gian không quá 07 ngày.
- Khảo sát các điểm tham quan và nơi cung ứng dịch vụ tại điểm đến.
- Hướng dẫn sinh viên tích lũy kinh nghiệm trong các công việc thiết kế, tính giá, điều hành, quản lý chất lượng và hậu mãi.
- Giải quyết các tình huống xảy ra trên tour.

- Tìm hiểu những nét độc đáo, hấp dẫn của những điểm tham quan, những nét đặc sắc về truyền thống, phong tục, lễ hội tại điểm đến, qua đó áp dụng vào phát triển sản phẩm du lịch.
- Rút kinh nghiệm từ thực tế.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Thực tế: 100%
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phân khảo sát.
- Viết bài báo cáo.
- Tổng hợp, rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh bài báo cáo.
- Khác: theo yêu cầu của giảng viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Văn Mạnh chủ biên, *Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB. ĐH Kinh tế quốc dân, 2015.
- [2] Nguyễn Công Danh, *Bài giảng Tuyển điểm du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.
- [3] Nguyễn Công Danh, *Bài giảng Tổng quan du lịch*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm (Lưu hành nội bộ), 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB. Giáo dục, 2012.
- [2] Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, 2015.
- [3] Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2013.
- [4] PTS. Nguyễn Văn Đỉnh (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB. Thống kê, Hà Nội, 2009.
- [5] Đỉnh Trung Kiên (chủ biên), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2015.
- [6] Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ điều hành tour*, VTOS, Hà Nội, 2016.
- [7] Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ đại lý lễ hành*, VTOS, Hà Nội, 2016.
- [8] Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ đặt giữ chỗ lễ hành*, VTOS, Hà Nội, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 20 %
 - + Điểm bài tập, thuyết trình: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm viết bài báo cáo thực hành: 50 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Thực hành xây dựng chương trình du lịch đến các nước trong khu vực	30	0	0	0	10	20
2	Chương 2: Chọn chương trình du lịch trong vòng 7 ngày, tổ chức tham quan, khảo sát thực tế	30	0	0	0	10	20
3	Chương 3: Tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ và rút bài học kinh nghiệm	30	0	0	0	10	20
4	Chương 4: Báo cáo tổng kết	60	0	0	0	30	30
Tổng		150	0	0	0	60	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Thực hành xây dựng chương trình du lịch đến các nước trong khu vực

- 1.1. Chọn điểm tham quan và thiết kế tour
- 1.2. Chọn dịch vụ
- 1.3. Lên kế hoạch dịch vụ và tính giá tour

Chương 2: Chọn chương trình du lịch trong vòng 7 ngày, tổ chức tham quan, khảo sát thực tế

2.1. Công tác chuẩn bị

2.2. Tổ chức tham quan

2.3. Khảo sát dịch vụ

Chương 3: Tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ và rút bài học kinh nghiệm

3.1. Đánh giá chất lượng dịch vụ

3.2. Đánh giá công tác tổ chức

3.3. Nhận xét rút kinh nghiệm

Chương 4: Báo cáo tổng kết

4.1. Hướng dẫn viết báo cáo

4.2. Nộp báo cáo

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

– Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu

– Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục các chuyên đề và bài tập lớn.

18. Hướng dẫn thực hiện

– Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

– Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần

– Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra giữa học phần: không

+ Thi cuối học phần: không

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.62. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH SINH THÁI

1. Tên học phần: **DU LỊCH SINH THÁI**
2. Mã học phần: 14200056
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch
2	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 20 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 10 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Địa lý du lịch
- Học phần song hành: Không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm cơ bản về du lịch sinh thái, tác động của du lịch sinh thái đến môi trường.
- Các khái niệm về tài nguyên du lịch sinh thái, các loại tài nguyên DLST cơ bản, đặc thù, hoạt động về du lịch sinh thái và những vấn đề có liên quan.
- Khái niệm và những nguyên tắc trong quy hoạch du lịch sinh thái cũng như các chỉ tiêu trong việc quản lý du lịch sinh thái.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về du lịch sinh thái, tác động của du lịch sinh thái đến môi trường.

+ Trình bày khái niệm và những nguyên tắc trong quy hoạch du lịch sinh thái cũng như các chỉ tiêu trong việc quản lý du lịch sinh thái.

+ Mô tả được các hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan tác động lên môi trường, sự cố và hiểm họa của du lịch sinh thái.

+ Mô tả được các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam, tình hình, định hướng phát triển và một số giải pháp cơ bản cho việc phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

+ Vận dụng kiến thức du lịch sinh thái vào hoạt động hướng dẫn du lịch.

Về kĩ năng:

+ Kiểm định tình hình chung về phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam và thế giới.

+ Kỹ năng xây dựng các chính sách phát triển du lịch, và một số giải pháp cơ bản để quản lý và phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam.

+ Vận dụng xây dựng mô hình du lịch sinh thái dựa trên kiến thức đã học.

– Về thái độ:

+ Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong công nghiệp.

+ Có thái độ khách quan, trung thực; có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.

+ Có ý thức vận dụng những hiểu biết vào đời sống nhằm hoàn thiện tính cách, tác phong, đạo đức của bản thân.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Khái quát về du lịch sinh thái
- Tìm hiểu về đặc điểm và các loại tài nguyên du lịch sinh thái ở Việt Nam
- Hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan.
- Tìm hiểu các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam.
- Phân tích thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Lê Huy Bá, *Du lịch sinh thái*, NXB. NXB Đại Học Quốc Gia, 2016.
- [2] Đỗ Thu Nga, *Bài giảng Du lịch sinh thái*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ).

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Vũ Thế Bình, *Non nước Việt Nam*, NXB Thanh Niên, 2017.
- [2] PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý Du lịch*, NXB Hà Nội, 2015.
- [3] Lâm Minh Triết, Lê Huy Bá, *Sinh thái môi trường ứng dụng*, NXB Đại học quốc gia, 2015.
- [4] Phạm Trung Lương – *Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam* – NXB. Giáo dục, 2007.
- [5] Chế Đình Lý, *Giáo trình môn học Du lịch sinh thái. Viện Môi trường và Tài nguyên*, NXB: ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2006.
- [6] Huỳnh Phú, Trần Anh Thư, *Du lịch sinh thái và bảo tồn môi trường ĐBSCL*, NXB: An Giang, 2009.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Đại cương về Du lịch sinh thái	15	4	0	1	0	10
2	Chương 2: Tài nguyên Du lịch sinh thái	24	5	0	3	0	16
3	Chương 3: Hoạt động Du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan	21	5	0	2	0	14
4	Chương 4: Du lịch sinh thái ở Việt Nam	30	6	0	3	1	20
Tổng		90	20	0	9	1	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Đại cương về du lịch sinh thái

- 1.1. Du lịch sinh thái (DLST)
- 1.2. Các khái niệm
- 1.3. Các đặc trưng cơ bản của DLST
- 1.4. Các nguyên tắc cơ bản của DLST
- 1.5. Những yêu cầu cơ bản để phát triển DLST

Chương 2: Tài nguyên du lịch sinh thái

- 2.1. Các khái niệm
- 2.2. Tài nguyên du lịch sinh thái
- 2.3. Các loại tài nguyên DLST cơ bản
- 2.4. Các tài nguyên DLST đặc thù.
- 2.5. Tài nguyên Văn hoá bản địa.

Chương 3: Hoạt động DLST và những vấn đề liên quan

- 3.1. Những tác động lên môi trường của hoạt động DLST

3.2. Sự cố và hiểm họa DLST

3.3. Áp dụng ISO 14001 cho DLST

Chương 4: Du lịch sinh thái ở Việt Nam

4.1. Các loại hình DLST ở Việt Nam

4.2. Sơ lược về một số điểm DLST ở Việt Nam

4.3. Tình hình và định hướng phát triển DLST ở Việt Nam

4.4. Một số giải pháp cơ bản cho việc phát triển DLST ở Việt Nam

4.5. Một số kết quả nghiên cứu về DLST

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.63. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HÀNH HƯƠNG

1. Tên học phần: **DU LỊCH HÀNH HƯƠNG**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du Lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đình Thiện Phương	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Phạm Nhân Thành	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Lược sử và khái quát về các tôn giáo lớn
- Một số vị thần thánh trong các tín ngưỡng, tôn giáo lớn
- Các địa điểm du lịch hành hương nổi tiếng nhất Việt Nam và thế giới

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Mô tả được khái niệm du lịch hành hương.
- + Giải thích được một số kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo.
- + Mô tả được hệ thống các loại hình hành hương Gladstone.

- + Mô tả được một số địa điểm hành hương nổi tiếng ở Việt Nam và Thế giới.
- + Vận dụng kiến thức du lịch hành hương vào hoạt động hướng dẫn.

- Về kỹ năng:

- + Có khả năng thiết kế, tổ chức các chương trình du lịch hành hương trong nước
- + Thuyết minh có hệ thống và sâu sắc về các địa điểm hành hương
- + Xử lý được những vấn đề phát sinh bất ngờ trên tour hành hương

- Về thái độ:

- + Tích cực trong học tập, có tinh thần ham học, cầu tiến
- + Có sự tôn trọng các tôn giáo và ước muốn quảng bá vẻ đẹp của văn hóa tâm linh Việt nam đến thế giới.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Khái niệm du lịch hành hương – tâm linh và hệ thống phân loại Gladstone.
- Các kiến thức cơ bản về các tôn giáo lớn
- Các địa điểm hành hương nổi tiếng thế giới
- Các địa điểm hành hương nổi tiếng ở Việt Nam
- Định hướng phát triển du lịch hành hương ở Việt Nam.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] Đinh Thiện Phương, *Bài giảng Du lịch Hành hương*, ĐH CNTP TP.HCM, lưu hành nội bộ, 2015

[2] Wilson Collins, *Các Thánh địa lớn trên Thế giới*, NXB Văn hoá Thông tin, 2012

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bùi Đẹp, *Di sản văn hóa Thế giới*, NXB Văn hóa Thông tin, TP.HCM, 2012

[2] David Gladstone, *From Pilgrimage to Package*, Routledge Press, USA (bản PDF), edition 2012

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm bài tập, tiểu luận: 30 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương (bài) trong học phần:

TT	Tên bài (chương)	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Khái niệm du lịch hành hương – tâm linh và hệ thống phân loại Gladstone	21	5	0	2	0	14
2	Các kiến thức cơ bản về các tôn giáo lớn	21	5	0	2	0	14
3	Các địa điểm hành hương nổi tiếng thế giới	24	5	0	3	0	16
4	Các địa điểm hành hương nổi tiếng ở Việt Nam	24	5	0	3	0	16
Tổng		90	20	0	10	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1: Khái niệm du lịch hành hương – tâm linh và hệ thống phân loại Gladstone

1.1. Khái niệm du lịch hành hương

1.1.1. Du lịch

1.1.2. Tâm Linh

- 1.1.3. Hành Hương
- 1.2. Hệ thống phân loại Gladstone
 - 1.2.1. Viếng cảnh
 - 1.2.2. Hành lễ
 - 1.2.3. Xin – trả ơn huệ
 - 1.2.4. Đại hội tôn giáo
 - 1.2.5. Sưu tầm thánh tích

Chương 2: Các kiến thức cơ bản về các tôn giáo lớn

- 2.1. Bà La Môn giáo
- 2.2. Phật Giáo
- 2.3. Do Thái giáo
- 2.4. Công giáo – Chính Thống giáo – Tin Lành giáo – Anh giáo
- 2.5. Islam giáo
- 2.6. Bái Hỏa giáo – Brahia giáo
- 2.7. Các tôn giáo Việt Nam
 - 2.7.1 Cao Đài
 - 2.7.2 Hòa Hảo

Chương 3: Các địa điểm hành hương nổi tiếng thế giới

- 3.1. Bà La Môn – Phật giáo
 - 3.1.1. Sông Hằng
 - 3.1.2. Đền Brahmin Punjab
 - 3.1.3. Bồ Đề Đạo Trường, Bảo Tháp Xá Lợi
 - 3.1.4. Vườn Lâm Tì Ni, Lộc Uyển, Trúc Lâm Thôn
 - 3.1.5. Chùa vàng Nhật Bản, chùa cổ Kyoto
 - 3.1.6. Chùa Thiếu Lâm Phúc Kiến
- 3.2. Do Thái – Công giáo – Chính Thống giáo – Tin Lành
 - 3.2.1. Đền Jerusalem – núi Sinai – Biển Hồ Galile – mộ tiên tri Jonah
 - 3.2.2. Đường Thánh giá – Đồi Golgotha – nhà Tiệc ly
 - 3.2.3. Quần thể Vatican – Cung điện mùa hè của Giáo hoàng
 - 3.2.4. Lourde – Pháp

- 3.2.5. Fatima – Bồ Đào Nha
- 3.2.6. Khu phố thần thánh (thị trấn Assisi-Italia)
- 3.2.7. Vịnh Lapante
- 3.2.8. Đại giáo đường Chúa Cứu Thế - Nga
- 3.2.9. Quê nhà Luther
- 3.3. Islam giáo – Bái Hỏa giáo – Brahia giáo
- 3.3.1. Thánh địa Mecca
- 3.3.2. Mộ Zarathustra
- 3.3.3. Đại giáo đường Brahiama

Chương 4: Các địa điểm hành hương nổi tiếng ở Việt Nam

4.1. Miền Bắc

- 4.1.1. Chùa Trấn Quốc
- 4.1.2. Chùa Hương
- 4.1.3. Chùa Dâu
- 4.1.4. Trúc Lâm Yên Tử
- 4.1.5. Chùa Hương
- 4.1.6. Đền Bà Chúa Kho
- 4.1.7. Đền Trần Hưng Đạo
- 4.1.8. Nhà thờ đá Phát Diệm
- 4.1.9. Tiểu vương cung thánh đường Phú Nhai

4.2. Miền Trung – Cao nguyên

- 4.2.1. Chùa Thiên Mụ - Chùa Từ Đàm
- 4.2.2. Chùa Linh Sơn – chùa Thiên Vương cổ sát – thiền viện Trúc Lâm
- 4.2.3. Nhà thờ đá Nha Trang – nhà thờ gỗ Kontum
- 4.2.4. Nhà thờ Măng Lăng – lăng mộ Andre Phú Yên
- 4.2.5. Tháp bà Ponagar – Di tích Mỹ Sơn.
- 4.2.6. Linh địa La Vang

4.3. Miền Nam

- 4.3.1. Chùa Giác Lâm – chùa Vĩnh Tràng – chùa Tây An – chùa Hang
- 4.3.2. Miếu bà chúa Xứ

4.3.3. Chùa Dơi – Chùa Siêm Cán – Chùa Kleng – Chùa Đất Sét

4.3.4. Nhà thờ Tắc Sậy – vương cung thánh đường Đức Bà

4.3.5. Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh – di tích làng Hòa Hảo

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

– Projector, máy vi tính

– Bảng, phấn, Laptop

18. Hướng dẫn thực hiện

– Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

– Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần

– Thời gian kiểm tra và thi:

+ Kiểm tra giữa học phần: không

+ Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.64. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH MICE

1. Tên học phần: **DU LỊCH MICE**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đặng Hữu Giang	Tiến sĩ Tâm lý học	Khoa Du lịch
2	Phạm Nhân Thành	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Marketing du lịch
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- + Các khái niệm về du lịch MICE, các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch MICE
- + Tiềm năng, cơ hội, thách thức của loại hình du lịch MICE nói chung và du lịch MICE

của các tỉnh ở Việt Nam nói riêng

- + Các phương thức tiếp thị, bán sản phẩm và phát triển sản phẩm du lịch MICE.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**
 - + Hiểu được các khái niệm về du lịch MICE

- + Đánh giá được về môi trường kinh doanh du lịch MICE ở Việt Nam.
- + Nắm được điều kiện phát triển loại hình du lịch MICE
- **Về kĩ năng:**
 - + Đánh giá tiềm năng, cơ hội, thách thức của loại hình du lịch MICE nói chung và du lịch MICE của các tỉnh của Việt Nam nói riêng
 - + Vận dụng cách thức tiếp thị, bán sản và phát triển sản phẩm du lịch MICE
- **Về thái độ:**
 - + Hiểu được tầm quan trọng của loại hình du lịch MICE, từ đó giúp người học càng yêu công việc chuyên môn hơn
 - + Có ý thức cập nhật và vận dụng những kiến thức thực tế về công việc phát triển loại hình và sản phẩm du lịch MICE

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Tổng quan du lịch MICE
- Điều kiện phát triển loại hình du lịch MICE
- Hoạt động kinh doanh du lịch MICE ở Việt Nam và Thế giới
- Tiếp thị và bán sản phẩm du lịch MICE
- Phát triển du lịch MICE

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp trên 80%
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Chloe Lau, *Meetings, Incentives, Conventions and Exhibitions*, The Government of Hong Kong Special Administrative Region, 2016.
- [2]. Hồ Thị Diệu Hiền, *Bài giảng Quản trị Du lịch MICE*, ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình “Kinh tế du lịch”*, NXB Lao động - Xã hội, Tp.HCM, 2012.

[2]. Thông tư số 01/2014/TT-BVHTTDL, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2014.

[3]. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang, *Marketing du lịch*, NXB Tp. HCM, 2014.

[4]. Sơn Hồng Đức, *Đường vào kinh doanh du lịch MICE*, Nxb Lao động - Xã hội, Tp.HCM, 2011.

[5]. Thailand Convention & Exhibition Bureau, *MICE Industry*, 2016.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 30 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan du lịch MICE	18	6	0	0	0	12
2	Chương 2: Điều kiện phát triển loại hình du lịch MICE	18	6	0	0	0	12
3	Chương 3: Hoạt động kinh doanh du lịch MICE ở Việt Nam và Thế giới	18	6	0	0	0	12
4	Chương 4: Tiếp thị và bán sản	24	8	0	0	0	16

	phẩm du lịch MICE						
5	Chương 5: Giải pháp phát triển du lịch MICE	12	4	0	0	0	8
Tổng		90	30	0	0	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Tổng quan về du lịch MICE

- 1.1. Khái niệm về MICE và du lịch MICE
- 1.2. Các loại hình du lịch MICE
- 1.3. Đặc điểm của loại hình du lịch MICE
- 1.4. Vai trò của du lịch MICE
- 1.5. Nguyên tắc tổ chức chương trình du lịch MICE

Chương 2: Điều kiện phát triển loại hình du lịch MICE

- 2.1. Tình hình chính trị - kinh tế - xã hội
- 2.2. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật
- 3.3. Tài nguyên du lịch
- 2.4. Nguồn nhân lực
- 2.5. Hoạt động kinh doanh tiếp thị du lịch
- 2.6. Sự liên kết giữa các công ty du lịch, lữ hành

Chương 3: Hoạt động kinh doanh du lịch MICE ở Việt Nam và Thế giới

- 3.1. Hoạt động du lịch MICE trên Thế giới
- 3.2. Hoạt động du lịch MICE ở Việt Nam
- 3.3. Những thế mạnh phát triển du lịch MICE ở Việt Nam
- 3.4. Những hạn chế và thách thức của du lịch MICE ở Việt Nam

Chương 4: Tiếp thị và bán sản phẩm du lịch MICE

- 4.1. Nghiên cứu thị trường du lịch MICE
 - 4.1.1. Phân đoạn và đánh giá các phân đoạn thị trường
 - 4.1.2. Lựa chọn phân đoạn thị trường
 - 4.1.3. Đánh giá thị phần khách hàng MICE
- 4.2. Chiến lược marketing sản phẩm du lịch MICE

- 4.2.1. Chiến lược sản phẩm
- 4.2.2. Chiến lược giá
- 4.2.3. Chiến lược phân phối
- 4.2.4. Chiến lược xúc tiến hỗn hợp

Chương 5: Phát triển du lịch MICE

- 4.1. Phát triển kết cấu hạ tầng và chất lượng dịch vụ
- 4.2. Phát triển nguồn nhân lực
- 4.3. Đầu tư và thúc đẩy hoạt động xúc tiến
- 4.4. Phát triển liên kết đa ngành

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

6.65. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH HOMESTAY

1. Tên học phần: DU LỊCH HOMESTAY
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)
4. Loại học phần: Tự chọn
5. Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Văn hóa học	Khoa Du lịch
2	Đỗ Thu Nga	Thạc sĩ Du lịch học	Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các lý thuyết về loại hình du lịch lưu trú nhà dân - homestay
- Khái quát về đón tiếp và phục vụ du khách lưu trú tại nhà dân

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức

- + Định vị được loại hình homestay trong loại hệ thống du lịch Văn hóa
- + Vận dụng thành thạo quy trình tiếp đón và phục vụ khách trong loại hình du lịch homestay

- Về kỹ năng

- + Có sự hiểu biết khái quát về những bình diện cơ bản của văn hoá lưu trú cộng đồng
- + Có khả năng vận dụng lý thuyết về các đặc trưng văn hoá Việt Nam vào thiết kế, tổ chức tour du lịch homestay

- Về thái độ

- + Có thái độ ham học hỏi cầu tiến, chuyên cần

+ Có ý thức quảng bá hình ảnh đất nước và xây dựng nền văn hoá đậm nhân bản

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Các khái niệm về loại hình lưu trú nhà dân và quy trình đón tiếp khách.
- Các nguyên tắc bảo vệ môi trường, phát triển du lịch bền vững và các phương hướng tổ chức kinh doanh homestay trong tình hình Việt Nam hiện nay..

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp trên 80% số giờ quy định
- Làm các bài tập tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Tham dự kỳ thi cuối học phần

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

[1] Tổ chức Lao động Quốc tế, *Giáo trình Kinh doanh lưu trú tại nhà dân*, Quỹ Liên Minh Châu Âu, 2015

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Tổ chức Lao động Quốc tế, *Bộ Tài Liệu Du Lịch Có Trách Nhiệm*, Quỹ Liên Minh Châu Âu, 2015

[2] Velan Kunjuran – Rosarman Hussin, *Satisfaction of Domestic Tourists with the Homestay Programme in Mesilou Village*, Sabah, Universiti Malaysia, 2014

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình
- + Điểm thái độ học tập: 10%
- + Điểm tiểu luận: 20%
- Điểm thi kết thúc học phần: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương (bài) trong học phần:

TT	Tên bài (chương)	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1: Du lịch và dịch vụ lưu trú tại nhà dân	15	3	0	2	0	10

2	Chương 2: Vệ sinh và bảo vệ môi trường	15	5	0	0	0	10
3	Chương 3: An ninh và an toàn trong lưu trú tại nhà dân	15	3	0	2	0	10
4	Chương 4: Dịch vụ lau dọn nhà và nấu ăn	15	5	0	0	0	10
5	Chương 5: Phục vụ khách ăn uống và lưu trú	15	3	0	2	0	10
6	Chương 6: Quản lý tài chính	15	5	0	0	0	10
Tổng		90	24	0	6	0	60

16.2. Đề cương chi tiết của học phần

Chương 1: Du lịch và dịch vụ lưu trú tại nhà dân

1.1. Đối tượng nghiên cứu và các mô hình lưu trú tại nhà dân ở Việt Nam

1.1.1. Đối tượng cần nghiên cứu của loại hình lưu trú tại nhà dân: động cơ du lịch homestay của khách, cơ sở vật chất và nhân lực tổ chức

1.1.2. Mô hình lưu trú nhà sàn tại nhà dân miền Bắc

1.1.3. Mô hình lưu trú nhà rông tại nhà dân miền Trung

1.1.4. Mô hình lưu trú nhà vườn tại nhà dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long

1.2. Ảnh hưởng của loại hình du lịch lưu trú tại nhà dân

1.2.1. Ảnh hưởng tích cực

1.2.2. Ảnh hưởng tiêu cực

1.3. Phương pháp nghiên cứu phát triển loại hình du lịch lưu trú nhà dân

1.3.1. Đóng vai

1.3.2. Kích thích não nhanh

1.3.3. Tham khảo chuyên gia

1.3.4. Điền dã thực nghiệm

Chương 2: Vệ sinh và bảo vệ môi trường

2.1. Nhận thức về vệ sinh và bảo vệ môi trường

2.1.1. Tiêu chuẩn của Tổng cục Du lịch về vệ sinh môi trường

- 2.1.2. Tầm quan trọng của việc bảo vệ vệ sinh môi trường trong thực tiễn
- 2.2. Hoạt động bảo vệ môi trường
 - 2.2.1. Tuyên truyền nâng cao ý thức
 - 2.2.2. Quy hoạch hệ thống vệ sinh, xử lý rác
- 2.3. Cách xử lý một số loại rác thải gia đình cơ bản
 - 2.3.1. Nhận diện một số rác thải
 - 2.3.2. Quy trình xử lý rác thải

Chương 3: An ninh và an toàn trong lưu trú tại nhà dân

- 3.1. Các vấn đề an ninh thường gặp
 - 3.1.1. Trộm cướp
 - 3.1.2. Các cuộc tấn công
 - 3.1.3. Thiên tai
- 3.2. Các vấn đề an toàn thường gặp
 - 3.2.1. Trượt ngã, chấn thương
 - 3.2.2. Rắn cắn, động vật chích đốt
 - 3.2.3. Cháy nổ gây phỏng
 - 3.2.4. Điện giật
 - 3.2.5. Ngộ độc
 - 3.2.6. Bệnh đột phát
- 3.3. Phòng tránh tai nạn
 - 3.3.1. Kiểm tra các khả năng rủi ro
 - 3.3.2. Thông tin và khuyến cáo khách lưu ý trước

Chương 4: Dịch vụ lau dọn nhà và nấu ăn

- 4.1. Dịch vụ lau dọn
 - 4.1.1. Quy trình lau dọn vệ sinh nơi khách lưu trú
 - 4.1.2. Các công cụ phục vụ việc lau dọn
 - 4.1.3. Liên kết các doanh nghiệp vệ sinh chuyên nghiệp
 - 4.1.4. Quy trình chuẩn bị chỗ ngủ cho khách đúng tiêu chuẩn
- 4.2. Nấu ăn
 - 4.2.1. Kiến thức về ẩm thực
 - 4.2.2. Xây dựng thực đơn
 - 4.2.3. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Chương 5: Phục vụ khách ăn uống và lưu trú

5.1. Phục vụ khách ăn uống

5.1.1. Quan niệm về ăn uống, tập quán ăn uống

5.1.2. Tính cộng đồng và mực thước

5.1.3. Chuẩn bị khu vực ăn uống và

5.2. Phục vụ khách lưu trú

5.2.1. Chuẩn bị buồng phòng

5.2.2. Nhân sự phục vụ

5.2.3. Các hoạt động bản sắc đi kèm

5.2.4. Các hoạt động đêm

Chương 6: Quản lý tài chính

6.1. Nguyên tắc tính chi phí trong Homestay

6.1.1. Yếu tố cấu thành giá

6.1.2. Nguyên lý cơ bản của sổ kế toán gia đình

6.1.3. Nguyên tắc thiết định giá

6.2. Định giá sản phẩm cụ thể

6.2.1. Giá đồ ăn nhẹ và nước giải khát

6.2.2. Giá buổi biểu diễn trong xóm, làng

6.2.3. Giá đồ lưu niệm, thủ công

6.2.4. Giá thuê trang phục, xe đạp và các vật dụng địa phương

6.3. Các công việc hoạch toán cơ bản

6.3.1. Lập sổ lưu các khoản khách chi tiêu và cần thu

6.3.2. Các loại hóa đơn và chuẩn bị hóa đơn trong homestay

6.3.3. Nhận thanh toán – hoàn tiền thừa – lưu sổ cái

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Projector, máy vi tính
- Bảng, phấn, Laptop

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du Lịch từ năm học 2017-2018.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần.

- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 20	Ngày tháng năm 20	Ngày tháng năm 200
Trưởng Khoa/Giám đốc trung tâm	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn

2.66. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIẾN TẬP

1. Tên học phần: **KIẾN TẬP**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 1
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Giảng viên Khoa		Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Tìm hiểu thực tế tại điểm đến hay tại đơn vị kiến tập.
- Nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một số vị trí công việc trong tổ chức.
- Quan sát phương thức làm việc của nhân viên, quản lý tại điểm đến hay tại đơn vị kiến tập.
- Bổ sung và nâng cao kiến thức đã được học tại trường.
- Nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình và cần trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng gì để đáp ứng nhu cầu công việc.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

- + Mô tả được vai trò nhiệm vụ của các bộ phận trong công ty.
- + Trình bày được những công việc của nhân viên trong công ty.
- + Nêu được các sản phẩm, dịch vụ trong công ty.

– **Về kĩ năng:**

- + Kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thương lượng xin được kiến tập trong công ty.
- + Kỹ năng quan sát nhanh nhạy các công việc tại đơn vị kiến tập.
- + Kỹ năng thu thập thông tin, tài liệu vào bài thu hoạch, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm, so sánh với kiến thức lý thuyết.

– **Về thái độ:**

- + Nghiêm túc tuân thủ quy định của công ty, nội quy, giờ giấc, đồng phục và các quy định riêng của từng công ty.
- + Hành xử chuẩn mực, tác phong lịch sự văn minh, có ý thức học hỏi và cầu tiến cao.
- + Nộp bài thu hoạch đúng hạn theo quy định của giáo viên hướng dẫn và kế hoạch đào tạo của khoa.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Tìm hiểu về đơn vị kiến tập
- Nội dung vấn đề nắm bắt và tìm hiểu trong đợt kiến tập.
- Kết quả đạt được qua đợt kiến tập

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, phương tiện liên quan cho phần kiến tập.
- Tham gia chương trình kiến tập: 100%
- Viết bài thu hoạch nghiệm thu sau chuyến đi kiến tập

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Tổng cục du lịch Việt Nam, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam(VTOS) _ Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Phiên bản 2015.

[2] Đỗ Thu Nga, *Kế hoạch kiến tập và viết thu hoạch*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Ths. Bùi Thanh Thủy (chủ biên), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.

[2] PTS. Nguyễn Văn Đính (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2012.

[3] Quê Hương, *Văn hóa du lịch ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, 2016.

[4] PGS. TS. Nguyễn Văn Mạnh, TS. Nguyễn Đình Hòa, *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015.

[5] Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương, *Giáo trình Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

[6] PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý Du lịch*, NXB Hà Nội, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 30 %
 - + Điểm tiểu luận: 0 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm thu hoạch kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
2	Chương 1: Tìm hiểu về đơn vị kiến tập du lịch	50	0	0	0	20	30
3	Chương 2: Tìm hiểu nội dung	50	0	0	0	20	30

	công việc kiến tập						
4	Chương 3: Kết quả đạt được qua đợt kiến tập du lịch	50	0	0	0	20	30
Tổng		150	0	0	0	60	90

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Tìm hiểu về đơn vị kiến tập

- 1.1. Vị trí, điều kiện làm việc, môi trường làm việc
- 1.2. Mô tả các chức danh công việc nhân lực ngành du lịch tại đơn vị
- 1.3. Thời gian biểu công việc, cơ chế phối hợp giữa các bộ phận
- 1.4. Đặc điểm văn hóa doanh nghiệp của đơn vị kiến tập

Chương 2: Tìm hiểu nội dung công việc kiến tập

- 2.1. Xác định nội dung cụ thể tập trung tìm hiểu tại đơn vị
- 2.2. Khai thác thông tin, quan sát, thu thập dữ liệu, phân tích đánh giá
- 2.3. Trình bày quan điểm, nhận định về vấn đề

Chương 3: Kết quả đạt được qua đợt kiến tập

- 3.1. Những thu hoạch từ thực tế sau đợt kiến tập
- 3.2. Những cảm nhận về nghề nghiệp và năng lực bản thân sau đợt kiến tập

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Viết bài thu hoạch sau chương trình kiến tập

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.67. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

1. Tên học phần: **THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: **2**
4. Loại học phần: **Bắt buộc**
5. Đối tượng học: **Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch**
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Giảng viên khoa		Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 120 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 60 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Quản trị kinh doanh lữ hành, Tổng quan du lịch
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các kiến thức tổng hợp về kỹ năng giao tiếp, quản trị kinh doanh lữ hành, thiết kế và điều hành tour, nghiệp vụ hướng dẫn, tuyến điểm du lịch...
- Tác phong, ý thức chấp hành nội qui, kỷ luật, ý thức trách nhiệm công việc, lòng yêu nghề, tính tự giác, kỷ luật đạo đức nghề nghiệp.
- Cung cấp các kiến thức chào bán tour, hoạt động xúc tiến chương trình du lịch, phương pháp hướng dẫn tham quan, thuyết minh...
- Trình tự và kỹ năng chọn đề tài thực tập, viết báo cáo, tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

– **Về kiến thức:**

+ Kiểm định được các kiến thức về kỹ năng giao tiếp, quản trị kinh doanh lữ hành, thiết kế và điều hành tour, nghiệp vụ hướng dẫn, tuyến điểm du lịch...

+ Mô tả và thao tác được các công việc thực tiễn, thực tập tại doanh nghiệp.

+ Kỹ năng viết báo cáo, chọn đề tài thực tập, tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

– **Về kĩ năng:**

+ Kỹ năng xây dựng bài thuyết minh cho từng điểm tham quan cụ thể.

+ Kỹ năng thiết kế được các chương trình du lịch chi tiết, và xử lý tình huống trên tour.

+ Kỹ năng thuyết minh điểm đến, thu thập thông tin, tài liệu, website....tham khảo để viết báo cáo, chọn đề tài thực tập.

– **Về thái độ:**

+ Tuyệt đối tuân thủ quy định về nhân viên thực tập tại công ty, nội quy, giờ giấc, đồng phục và các quy định riêng của từng công ty.

+ Chấp hành sự quản lý của nhân viên Hướng dẫn thực tập tại công ty và hoàn thành tốt công việc được giao.

+ Có trách nhiệm gặp giáo viên hướng dẫn hàng tuần để báo cáo tiến độ viết báo cáo, công việc đã làm trong tuần và xin ý kiến các công việc tiếp theo.

+ Nộp báo cáo đúng hạn theo quy định của giáo viên hướng dẫn và kế hoạch đào tạo của khoa.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu về đơn vị thực tập với các nội dung như: khái quát về đơn vị thực tập, tình hình phát triển của đơn vị, sơ đồ tổ chức của đơn vị, hướng phát triển trong tương lai. Báo cáo kết quả tìm hiểu về các hoạt động chuyên ngành và môi trường làm việc của cơ quan nơi thực tập.
- Nội dung công việc được phân công, cách thức thực hiện và nhận định về điều đã đạt được và chưa đạt được sau khi thực hiện công việc.

- Kết quả đạt được qua đợt thực tập: Những nội dung kiến thức lý thuyết nào đã được củng cố; Những kỹ năng thực hành nào đã học hỏi được; Những kinh nghiệm thực tiễn nào đã tích lũy được. Đề ra phương hướng khắc phục những cái chưa giải quyết được...; Chi tiết các kết quả công việc mà mình đã đóng góp cho cơ quan nơi thực tập.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Gặp GVHD theo lịch đầy đủ và đúng giờ
- Tham gia chương trình thực tập: 100%
- Viết bài báo cáo nghiệm thu sau chuyến đi thực tập

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Đỗ Thu Nga, *Kế hoạch thực tập và viết báo cáo thực tập nghề nghiệp*, Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017.
- [2] Tổng cục du lịch Việt Nam, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam(VTOS) _ Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Xuất bản, 2015.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Ths. Bùi Thanh Thủy (chủ biên), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.
- [2] PTS. Nguyễn Văn Đính (chủ biên), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2012.
- [3] Quế Hương, *Văn hóa du lịch ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, 2016.
- [4] PGS. TS. Nguyễn Văn Mạnh, TS. Nguyễn Đình Hòa, *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015.
- [5] Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương, *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
- [6] PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý Du lịch*, NXB Hà Nội, 2015.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 30 %
 - + Điểm tiểu luận: 0 %

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %

– Điểm bài báo cáo kết thúc học phần: 70 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
2	Chương 1: Giới thiệu về đơn vị thực tập du lịch	150	0	0	0	60	90
3	Chương 2: Nội dung thực tập	150	0	0	0	60	90
4	Chương 3: Kết quả đạt được qua đợt thực tập du lịch	150	0	0	0	60	90
Tổng		550	0	0	0	180	270

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1: Giới thiệu về đơn vị thực tập chương trình

1.1. Khái quát về đơn vị thực tập

1.1.1. Lịch sử hình thành của đơn vị

1.1.2. Tình hình phát triển của đơn vị

1.1.3. Sơ đồ tổ chức của đơn vị

1.1.4. Mô tả các chức danh công việc tại đơn vị

1.1.5. Chế độ làm việc, hội họp, cơ chế phối hợp giữa các bộ phận

1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị (trong 3 – 5 năm gần nhất)

1.3. Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức của đơn vị

1.4. Hướng phát triển trong tương lai

Chương 2: Nội dung thực tập

2.1. Nội dung công việc được phân công

2.2. Thời gian, tiến độ và cách thức thực hiện

2.2. Điều đã đạt được sau khi thực hiện công việc

2.3. Điều chưa đạt được sau khi thực hiện công việc

Chương 3: Kết quả đạt được qua đợt thực tập

3.1. Những nội dung kiến thức nào đã được củng cố;

3.1.1. Những kiến thức đã học hỏi được về quản trị, về dịch vụ, lễ hành

3.1.2. Những kỹ năng kinh nghiệm thực tiễn đã tích lũy được về giao tiếp, làm việc nhóm, thương lượng, chăm sóc khách hàng, giải quyết rủi ro...

3.2. Đề xuất đóng góp cho đơn vị thực tập

3.3. Những kiến thức kỹ năng và hướng phát triển của bản thân sau đợt thực tập

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần.
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Thi cuối học phần: Kết quả bài báo cáo nghiệm thu sau chuyến đi thực tập

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.68. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP QUẢN LÝ

1. Tên học phần: THỰC TẬP QUẢN LÝ
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 1
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Giảng viên khoa		Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp, thực tế: 00 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 30 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết:

Sinh viên thực tập Quản lý ngành đã tích lũy các tín chỉ bao gồm các tín chỉ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

- Học phần trước: Quản trị học; Quản trị kinh doanh lữ hành
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Giúp sinh viên thực hành chuyên sâu nghề nghiệp tại các doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan tới lĩnh vực Du lịch

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Nêu được kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản lý du lịch và lữ hành
- + Phân tích sự gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài

- + Đánh giá được hiệu quả quản lý, xử lý tình huống thực tiễn tại các cơ sở kinh doanh du lịch; Một số tình huống quản lý dịch vụ du lịch và xử lý hành được thảo luận trong học phần
- + Mô tả tổng quan về các công việc của nhà quản trị ngành cần phải làm

- Về kỹ năng

+ Kỹ năng quan sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của quy trình quản trị dịch vụ du lịch và xử lý hành; Củng cố lý thuyết về Quản trị doanh nghiệp xử lý hành; Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch từ đó, hình thành kỹ năng phát triển nghề nghiệp

+ Rèn luyện kỹ năng thực hành thực tế cho sinh viên; Kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống; Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; Kỹ năng viết báo cáo, trình bày kết quả thực tập cho sinh viên

- Về thái độ

+ Sinh viên đánh giá đúng tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc và chăm chỉ, có ý thức và trách nhiệm để hoàn thành công việc được giao

+ Chấp hành tốt nội quy làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập; rèn luyện tính kỷ luật, chính xác trong công việc

+ Mạnh dạn áp dụng các kiến thức đã thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

+ Các kiến thức thực tế chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và xử lý hành qua việc tham quan, học hỏi và thực tập thực tế tại các cơ sở kinh doanh du lịch.

+ Vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành đã học để hoàn thành công việc mang tính định hướng nghề nghiệp. Đồng thời, sinh viên sẽ nhận thức đầy đủ và sâu sắc về ngành nghề, xác định được lĩnh vực yêu thích để nâng cao năng lực nghề nghiệp.

+ Sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của Thầy/Cô hoặc cán bộ tại doanh nghiệp lập báo cáo thực tập.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Thực hiện tốt các yêu cầu về kế hoạch, nội dung chương trình thực tập do Khoa Quản trị kinh doanh và du lịch hướng dẫn và phổ biến;
- Mỗi sinh viên thực tập phải có sổ nhật ký thực tập ghi chép tất cả các tài liệu và kiến thức thu thập được trong đợt thực tập.

- Chấp hành đúng các quy định về thời gian theo kế hoạch thực tập;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách và pháp luật của Nhà nước, nội quy, kỷ luật lao động và các quy định khác của Trường và cơ sở thực tập;
- Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Đề cương môn học Thực tập quản lý được ban hành theo Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Quy định về thực tập đối với sinh viên hệ chính quy (ban hành kèm theo quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Hệ thống giáo trình bài giảng phục vụ học tập và giảng dạy chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành lịch và các tài liệu tham khảo khác;
- [4] Hệ thống báo cáo thu hoạch thực tập của các khóa trước lưu trên thư viện và văn phòng Khoa Quản trị kinh doanh và du lịch; Hệ thống tài liệu; Các báo cáo của đơn vị thực tập.

13.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Đinh Trung Kiên, *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội, 2006.
- [2] PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh, *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012.
- [3] Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007.
- [4] PGS.TS Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015
- [4] Võ Văn Thành, *Tổng quan du lịch*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, 2015.
- [5] Hoàng Văn Thành, *Giáo trình Văn hóa Du lịch*, NXB Chính trị quốc gia, 2014.
- [6] Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [7] Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, NXB Trẻ, 2009.
- [8] GS. TS. Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân- Hà Nội, 2009.
- [9] TS. Trần Văn Thông, *Tổng quan du lịch*, NXB Giáo dục, 2009.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

+ Doanh nghiệp thực tập và Giảng viên hướng dẫn: 30%

+ Chăm báo cáo: 70%

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1. Tìm hiểu về đơn vị thực tập	9	0	0	0	3	6
2	Chương 2: Nghiên cứu tài liệu	9	0	0	0	3	6
3	Chương 3: Tiếp cận công việc quản lý doanh nghiệp	12	0	0	0	4	8
4	Chương 4: Thực tập nghiệp vụ Quản lý	15	0	0	0	5	10
Tổng		45	0	0	0	15	30

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Tìm hiểu về đơn vị thực tập

1.1. Tổ chức và các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của đơn vị du lịch

1.2. Tổ chức quản lý sử dụng các nguồn lực của đơn vị

1.3. Các nội dung có liên quan đến Quản lý du lịch như các loại quy chế, quy định

Chương 2. Nghiên cứu tài liệu

2.1. Nghiên cứu về lý thuyết đã học hoặc thu thập thông qua các văn bản pháp lý, sách giáo khoa, tạp chí, internet, ...

2.2. Tìm hiểu thực trạng về phương pháp thực hiện hay giải quyết vấn đề của đơn vị, thông qua tài liệu thu thập

Chương 3. Tiếp cận công việc quản lý doanh nghiệp

3.1. Quy trình, phương pháp thực hiện tại đơn vị thực tập thông qua việc nghiên cứu tài liệu, tiếp cận thực tế

3.2. Trực tiếp làm quen với quy trình và những nội dung công việc quản lý doanh nghiệp,

3.3. Làm quen với kỹ năng nghề nghiệp, làm sáng tỏ và có thể giải thích những vấn đề đặt ra trong quá trình quản lý doanh nghiệp

Chương 4: Thực tập nghiệp vụ Quản lý

4.1. Nhận biết và phân biệt được hệ thống văn bản, hồ sơ liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, hỗ trợ và thực hiện được các công việc hành chính như thư ký, Giám đốc

4.2. Lập kế hoạch, phối hợp và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh với các đối tượng có liên quan

4.3 Nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý (kỹ năng nghiên cứu thị trường; xây dựng bộ công cụ nghiên cứu; kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng xử lý số liệu và viết báo cáo

4.4. Xây dựng và củng cố những tình cảm nghề nghiệp đúng đắn, khẳng định lý tưởng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành một cách bền vững

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phấn, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được công nhận hoàn thành thực tập quản lý;
- Thời gian kiểm tra và thi: Sinh viên viết báo cáo thu hoạch.

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.69. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Tên học phần: **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 8
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Giảng viên khoa		Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp và nghiên cứu: 00 tiết
- Tự học: 480 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 240 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

Sinh viên phải học xong các học phần cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành, chuyên ngành theo chương trình đào tạo.

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- + Hình thành ý tưởng nghiên cứu, biết cách phân tích, tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề thực tiễn trong quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành.
- + Có mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, cụ thể phù hợp với chủ đề nghiên cứu; Nêu được cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề đã chọn nghiên cứu;
- + Phân tích thực trạng của vấn đề cần nghiên cứu tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Đưa ra được những kết luận cụ thể và rõ ràng về hiện trạng của vấn đề; Đề xuất một số giải pháp phù hợp, cụ thể để giải quyết những tồn tại của hiện trạng nói trên; Đánh giá tổng kết kết quả nghiên cứu.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được phương pháp nghiên cứu khoa học trong Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; quy trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong Quản trị dịch vụ du lịch.

+ Phân tích được những kiến thức khoa học về ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và những kiến thức bổ trợ. Tìm hiểu thực tiễn về nội dung đã học và những vấn đề có liên quan.

+ Trình bày được lý thuyết và thực tiễn. Giải thích sự khác biệt về thực tiễn và lý thuyết áp dụng tại các cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở lý luận và điều kiện thực tế của cơ quan, doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

+ Có kỹ năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu để thực hiện các nghiên cứu khoa học trong Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành kinh doanh;

+ Nâng cao kỹ năng viết báo cáo, trình bày, thuyết trình, tự học và bảo vệ kết quả nghiên cứu.

- Về thái độ:

+ Có thái độ tích cực trong việc học tập, thấy được tầm quan trọng của học phần và những giá trị đích thực cần đạt được;

+ Nghiêm túc trong học tập, nâng cao ý thức độ lập trong tự học, tự nghiên cứu.

+ Có tinh thần tích cực và chủ động gặp gỡ, trao đổi với giáo viên hướng dẫn trong quá trình thực tập, nghiên cứu và trình bày kết quả trong khóa luận tốt nghiệp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

+ Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học.

+ Các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật xác định vấn đề, mục tiêu và thiết lập mô hình nghiên cứu;

+ Xây dựng và lựa chọn cơ sở lý thuyết; phương pháp thu thập và công cụ thu thập dữ liệu; cũng như kỹ thuật thực hiện thu thập, phân tích, diễn giải dữ liệu.

+ Viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học.

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp du lịch, các yêu cầu, kỹ năng cơ bản của công tác điều hành, hướng dẫn du lịch và vận dụng những kiến thức ấy trong quá trình nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp;

- Nghiêm túc chấp hành nội quy của doanh nghiệp tiếp nhận nghiên cứu làm khóa luận, các quy định của Nhà trường và yêu cầu của người hướng dẫn;

- Tích cực nghiên cứu tài liệu, quan sát, học hỏi kiến thức thực tế tại đơn vị tiếp nhận nghiên cứu;

- Thường xuyên báo cáo về quá trình nghiên cứu, thu thập dữ liệu cho giảng viên hướng dẫn theo đúng tiến độ;

- Viết Khóa luận tốt nghiệp và nộp về cho giảng viên hướng dẫn theo quy định.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đề cương môn học Khóa luận tốt nghiệp, được ban hành theo QĐ số / ngày tháng năm, của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.

[2]. Quy định về thực tập đối với sinh viên hệ chính quy (ban hành kèm theo QĐ số /QĐ/ ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Hướng dẫn viết chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành do Khoa Quản trị kinh doanh và du lịch ban hành; Tài liệu môn học có liên quan; Tài liệu thu thập tại đơn vị thực tập theo hướng dẫn chuyên viên của đơn vị.

[2]. Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ, Ban hành theo Quyết định số: 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

[3]. Đinh Trung Kiên, *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội, 2006.

[4]. PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh, *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2009.

[5]. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007.

[6]. PGS.TS Nguyễn Văn Đính, *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015.

[7]. Võ Văn Thành, *Tổng quan du lịch*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, 2015.

[8]. Hoàng Văn Thành, *Giáo trình Văn hóa Du lịch*, NXB Chính trị quốc gia, 2014.

[9]. TS. Trần Văn Thông, *Tổng quan du lịch*, NXB Giáo dục, 2009.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 00 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp: 100 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Chương 1. Tập hợp tư liệu để viết khoá luận	30	0	0	0	10	20
2	Chương 2. Viết và nộp đề cương chi tiết	60	0	0	0	20	40
3	Chương 3. Viết Khóa luận tốt nghiệp (bản thảo)	90	0	0	0	30	60
4	Chương 4. Chỉnh sửa bản thảo và hoàn thành bản chính	90	0	0	0	30	60
5	Chương 5. Hoàn thành khóa luận tốt nghiệp	90	0	0	0	30	60
Tổng		360	0	0	0	120	240

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Phần mở đầu

- 1.1. Lý do chọn đề tài
- 1.2. Mục tiêu nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu
- 1.3. Phương pháp nghiên cứu
- 1.4. Phạm vi nghiên cứu
- 1.5. Nguồn số liệu, dữ liệu
- 1.6. Kết cấu chung

Chương 2. Phần lý luận tổng quan

- 2.1. Cơ sở lý luận
- 2.2. Cơ sở thực tiễn (hoặc tổng lược các nghiên cứu trước đây về đối tượng nghiên cứu)

Chương 3. Phần phân tích hoạt động thực tiễn

- 3.1. Giới thiệu tổng quan về vấn đề nghiên cứu hoặc tổng quan về việc quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của vấn đề nghiên cứu
- 3.2. Trình bày về đối tượng nghiên cứu (tổ chức bộ máy hoạt động, quy trình tác nghiệp chuyên môn, kết quả hoạt động)
- 3.3. Phân tích và đánh giá đối tượng nghiên cứu theo phạm vi nghiên cứu đã xác định, đặc biệt là phát hiện những vấn đề cần giải quyết có liên quan đối tượng nghiên cứu tại đơn vị, phân tích nguyên nhân

Chương 4. Phần đề xuất giải pháp: giải quyết các vấn đề đã phát hiện ở phần trên nhằm cải tiến quy trình hoạt động hoặc cải thiện hiệu quả quản lý, hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

Chương 5. Phần kết luận: kết luận lại vấn đề (tóm tắt lại những gì khóa luận đã làm được hoặc những nghiên cứu có thể tiếp tục phát triển vấn đề.

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được báo cáo Khóa luận tốt nghiệp
- Thời gian kiểm tra và thi: Theo Kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

2.70. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

1. Tên học phần: **ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ: 8
4. Loại học phần: Bắt buộc
5. Đối tượng học: Sinh viên Đại học chính quy khối ngành Du lịch
6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Giảng viên khoa		Khoa Du lịch

7. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 00 tiết
- Tự học: 480 tiết
- Lý thuyết: 00 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 240 tiết

8. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Tổng quan du lịch, Quản trị kinh doanh lữ hành
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

9. Mục tiêu học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Kiến thức về sơ đồ tuyến, điểm du lịch
- Thiết kế, điều hành và quản lý chương trình du lịch
- Các kiến thức về hoạt động marketing du lịch
- Quy trình và kỹ năng tổ chức, phục vụ hướng dẫn du lịch.

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- **Về kiến thức:**
 - + Vận dụng kiến thức tổng hợp đã học thực hiện tổ chức chương trình du lịch.
 - + Phân tích được ưu và nhược điểm trong việc tổ chức du lịch.

– **Về kĩ năng:**

- + Tổ chức thực hiện chương trình du lịch cho khách.
- + Xây dựng được bài thuyết minh, áp dụng các phương pháp hướng dẫn tham quan đối với từng loại hình du lịch.
- + Thiết kế và tính giá tour cho chương trình du lịch.
- + Đặt dịch vụ cho một chương trình du lịch.
- + Thuyết minh các điểm tham quan cho du khách theo cung đường cụ thể.
- + Vẽ được sơ đồ tuyến, tính thời gian và khoảng cách cho mỗi điểm tham quan.

– **Về thái độ:**

- + Có thái độ khách quan, trung thực, có tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác và có tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Nâng cao tính chuyên nghiệp, hình thành tính tự giác, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành tác phong chuyên nghiệp.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Ôn tập kiến thức và lựa chọn chương trình du lịch
- Thiết kế chương trình du lịch
- Hoạt động xúc tiến chương trình du lịch
- Tổ chức thực hiện chương trình du lịch

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự giờ học lý thuyết trong lớp
- Tự học theo yêu cầu của giảng viên
- Bảo vệ đồ án

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Đinh Trung Kiên (2006), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

[2] PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

[3] Bùi Thị Hải Yến (2007), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

[4] PGS.TS Nguyễn Văn Đính (2015), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

13.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Võ Văn Thành (2015), *Tổng quan du lịch*, NXB Văn hóa – Văn nghệ.

[2] Hoàng Văn Thành (2014), *Giáo trình Văn hóa Du lịch*, NXB Chính trị quốc gia.

[3] Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Ngô Đức Thịnh (2009), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, NXB Trẻ.

[5] GS. TS. Nguyễn Văn Đính (2009), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân-Hà Nội.

[6] TS. Trần Văn Thông (2009), *Tổng quan du lịch*, NXB Giáo dục.

14. Thang điểm đánh giá: 10/10

15. Đánh giá học phần:

- Đánh giá quá trình:
 - + Điểm thái độ học tập: 0 %
 - + Điểm tiểu luận: 00 %
 - + Điểm kiểm tra giữa học phần: 0 %
- Điểm bảo vệ đồ án: 100 %

16. Nội dung học phần:

16.1. Phân bố thời gian các chương trong học phần:

TT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	Ôn tập kiến thức và lựa chọn chương trình du lịch	90	0	0	0	30	60
2	Thiết kế chương trình du lịch	180	0	0	0	60	120
3	Hoạt động marketing chương trình du lịch	360	0	0	0	120	240
4	Tổ chức thực hiện chương trình	90	0	0	0	30	60

	du lịch						
Tổng		720	0	0	0	240	480

16.2. Đề cương chi tiết của học phần:

Chương 1. Ôn tập kiến thức và lựa chọn chương trình du lịch

1.1. Ôn tập kiến thức về chuyên ngành lữ hành

1.1.1. Kiến thức về tuyến, điểm du lịch

1.1.2. Kiến thức về thiết kế, điều hành và quản lý tour

1.1.3. Kiến thức về hoạt động marketing sản phẩm du lịch

1.1.4. Kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

1.2. Phân tích và lựa chọn chương trình tour

Chương 2. Thiết kế chương trình du lịch

2.1. Xây dựng mục đích, ý tưởng của chương trình

2.2. Giới hạn quỹ thời gian và mức giá tối đa

2.3. Xây dựng tuyến hành trình căn bản

2.4. Xây dựng phương án vận chuyển

2.5. Xây dựng phương án lưu trú, ăn uống

2.6. Điều chỉnh, bổ sung tuyến hành trình và chi tiết hóa chương trình du lịch

2.7. Xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch

2.8. Xây dựng những quy định của chương trình

Chương 3. Hoạt động marketing chương trình du lịch

3.1. Chiến lược giá

3.2. Chiến lược phân phối

3.3. Chiến lược sản phẩm

3.4. Chiến lược xúc tiến

Chương 4. Tổ chức thực hiện chương trình du lịch

4.1. Điều hành và quản lý tour

4.2. Hoạt động hướng dẫn tour

4.3. Hoạt động kết thúc tour

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

- Phần, bảng, micro, laptop, máy chiếu
- Giáo trình, tài liệu tham khảo, danh mục tài liệu

18. Hướng dẫn thực hiện

- Đề cương này được áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Trong phần đánh giá sinh viên, giảng viên cần nêu rõ quy định về đánh giá học phần, điều kiện để được dự thi kết thúc học phần
- Thời gian kiểm tra và thi:
 - + Kiểm tra giữa học phần: không
 - + Bảo vệ đồ án: Sau tuần thứ 15

19. Phê duyệt

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Khoa

Ngày tháng năm 2017

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2017

Người biên soạn

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

3.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Semina, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

3.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ.

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

3.4. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Semina.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHÂN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TP. HCM, ngày tháng năm 20

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

TRƯỞNG KHOA QTKD&DL

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG KH&ĐT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TP. HCM, ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG